

SỔ TAY CHỨNG KHOẢN



SỔ TAY CHỨNG KHOÁN

KIẾN THỨC CHỨNG KHOÁN CƠ BẢN.....	4
Tổng quan về Thị trường Chứng khoán.....	4
Giới thiệu về trái phiếu và cổ phiếu	6
Các đặc tính của trái phiếu chuyển đổi	12
Phát hành CK lần đầu ra công chúng (IPO).	15
Các hệ số hoạt động	18
Chuyển nhượng cổ phần và thị trường chứng khoán.....	19
Báo giá chứng khoán: Cách báo giá và hiệu lực của giá	22
Các chỉ số chứng khoán "nói" gì?	23
Bản cáo bạch	25
Quỹ đầu tư và Cty quản lý quỹ trong việc chuyển đổi các tổng Cty NN	30
Cần phân biệt rõ khái niệm cổ phiếu thường.....	38
Nghịệp vụ tách, gộp cổ phiếu	39
Cầm cổ chứng khoán	41
Một số điều cần biết về lưu ký chứng khoán	42
Các công cụ phái sinh.....	44
KIẾN THỨC CHỨNG KHOÁN NÂNG CAO	49
Tham gia vào hệ thống giao dịch chứng khoán.....	49
Định giá cổ phiếu	59
Phân tích - dự báo giá cổ phiếu	63
Phân tích thông tin tài chính	65
Các hệ số tài chính.....	70
Quản trị rủi ro trong đầu tư chứng khoán.....	72
Tìm hiểu chỉ số P/E.....	75
Đánh giá tỷ lệ ROE.....	76
Phân tích chỉ số Yield để đầu tư chứng khoán.....	77
Chỉ số NAV (Net Asset value) là gì?	78
Xác định giá trị cổ phiếu bằng chiết khấu dòng cổ tức	79
Khi nào nên bán ra cổ phiếu?.....	83
Phương pháp tính chỉ số giá cổ phiếu.....	86
Phương pháp bình quân nhân giản đơn	88
Giá tham chiếu của cổ phiếu trong những ngày đặc biệt.....	91
Lựa chọn cổ phiếu theo nguyên tắc CAN SLIM	97
Xây dựng hệ thống thông tin ở CTNY và CTCK.....	100
Tìm hiểu kinh nghiệm QT về phát hành tăng vốn và chi trả cổ tức bằng CP .	102
Sử dụng biểu đồ để dự báo giá cổ phiếu	112
Thông tin về ngành KD của Công ty.....	113
Phân tích kỹ thuật: Hỗ trợ và kháng cự, Đường xu thế	114
Tiếp cận thị trường OTC	119
Mua bán trên thị trường OTC	125
Phương thức tạo giá ở thị trường OTC - những yêu cầu đối với nhà tạo giá	127
Xây dựng danh mục đầu tư chứng khoán	128
Xác định giá trị cổ phiếu bằng chiết khấu dòng cổ tức	138
Tiêu chuẩn mitcel trong đánh giá và phân tích	142
KINH NGHIỆM CHƠI CHỨNG KHOÁN.....	145

Cầm nang cho nhà đầu tư mới vào nghề.....	145
Nên quan tâm đến gì trước khi đầu tư?	146
Những nhân vật không thể thiếu trên thị trường chứng khoán.....	151
Cần trọng khi giao dịch với các Công ty chứng khoán	153
Mua chứng khoán một cách khôn ngoan.....	156
Định hướng tài sản trong đầu tư chứng khoán	157
Đầu tư bất hợp pháp, biết để tránh!.....	158
Có nên chuyển đổi mục tiêu đầu tư để tìm kiếm lợi nhuận khác?.....	160
Giá cả biến động – nguyên nhân từ đâu ?.....	163
Luật chơi” của các nhà tạo giá trên thị trường chứng khoán	164
Thời điểm nên bán ra cổ phiếu đối với các nhà đầu tư?	166
Giảm thiểu thua lỗ trong đầu tư chứng khoán.....	167
Comex và bài học từ việc thông tin thiếu trung thực.....	169
Bí quyết lựa chọn chứng khoán cho danh mục đầu tư của bạn.....	171
Các phương pháp phân tích giúp bạn đầu tư có hiệu quả!.....	172
Ba lỗi thường gặp khi đầu tư	174
Kinh nghiệm đầu tư từ một cây đại thụ	175
Để không thua lỗ khi “đi chợ” chứng khoán.....	177
Đầu tư thế nào là hợp lý?	180
Nhà đầu tư nghiệp dư cần phải quan tâm điều gì?.....	184
Kinh doanh chứng khoán trên mạng - được và mất	193
Trái phiếu công ty, phức tạp nhưng hiệu quả!.....	197
Đừng quên tiếp cận thông tin trong đầu tư chứng khoán.....	200

KIẾN THỨC CHỨNG KHOÁN CƠ BẢN

Tổng quan về Thị trường Chứng khoán

Thị trường chứng khoán trong điều kiện của nền kinh tế hiện đại, được quan niệm là nơi diễn ra các hoạt động giao dịch mua bán chứng khoán trung và dài hạn. Việc mua bán này được tiến hành ở thị trường sơ cấp khi người mua mua được chứng khoán lần đầu từ những người phát hành, và ở những thị trường thứ cấp khi có sự mua đi bán lại các chứng khoán đã được phát hành ở thị trường sơ cấp.

Như vậy, xét về mặt hình thức, thị trường chứng khoán chỉ là nơi diễn ra các hoạt động trao đổi, mua bán, chuyển nhượng các loại chứng khoán, qua đó thay đổi chủ thể nắm giữ chứng khoán. Thị trường chứng khoán có những chức năng cơ bản sau:

1. Chức năng cơ bản của thị trường chứng khoán

- Huy động vốn đầu tư cho nền kinh tế
- Cung cấp môi trường đầu tư cho công chúng
- Tạo tính thanh khoản cho các chứng khoán
- Đánh giá hoạt động của doanh nghiệp
- Tạo môi trường giúp Chính phủ thực hiện các chính sách vĩ mô

2. Các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán

Các tổ chức và cá nhân tham gia thị trường chứng khoán có thể được chia thành các nhóm sau: nhà phát hành, nhà đầu tư và các tổ chức có liên quan đến chứng khoán.

a) Nhà phát hành

Nhà phát hành là các tổ chức thực hiện huy động vốn thông qua thị trường chứng khoán. Nhà phát hành là người cung cấp các chứng khoán - hàng hoá của thị trường chứng khoán.

- Chính phủ và chính quyền địa phương là nhà phát hành các trái phiếu Chính phủ và trái phiếu địa phương.
- Công ty là nhà phát hành các cổ phiếu và trái phiếu công ty.
- Các tổ chức tài chính là nhà phát hành các công cụ tài chính như các trái phiếu, chứng chỉ thụ hưởng... phục vụ cho hoạt động của họ.

b) Nhà đầu tư

Nhà đầu tư là những người thực sự mua và bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán. Nhà đầu tư có thể được chia thành 2 loại: nhà đầu tư cá nhân và nhà đầu tư có tổ chức.

- Các nhà đầu tư cá nhân
 - Các nhà đầu tư có tổ chức
- c) Các tổ chức kinh doanh trên thị trường chứng khoán
- Công ty chứng khoán
 - Quỹ đầu tư chứng khoán
 - Các trung gian tài chính
- d) Các tổ chức có liên quan đến thị trường chứng khoán
- Cơ quan quản lý Nhà nước
 - Sở giao dịch chứng khoán
 - Hiệp hội các nhà kinh doanh chứng khoán
 - Tổ chức lưu ký và thanh toán bù trừ chứng khoán
 - Công ty dịch vụ máy tính chứng khoán
 - Các tổ chức tài trợ chứng khoán
 - Công ty đánh giá hệ số tín nhiệm...

3. Các nguyên tắc hoạt động cơ bản của thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán hoạt động theo các nguyên tắc cơ bản sau:

- Nguyên tắc công khai
- Nguyên tắc trung gian
- Nguyên tắc đấu giá

4. Cấu trúc và phân loại cơ bản của thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán là nơi diễn ra các giao dịch, mua bán những sản phẩm tài chính (cổ phiếu, trái phiếu, các khoản vay ngân hàng... có kỳ hạn trên 1 năm). Sau đây là một số cách phân loại TTCK cơ bản:

a) Căn cứ vào sự luân chuyển các nguồn vốn

Thị trường chứng khoán được chia thành thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp.

· Thị trường sơ cấp: là thị trường mua bán các chứng khoán mới phát hành. Trên thị trường này, vốn từ nhà đầu tư sẽ được chuyển sang nhà phát hành thông qua việc nhà đầu tư mua các chứng khoán mới phát hành.

· Thị trường thứ cấp: là nơi giao dịch các chứng khoán đã được phát hành trên thị trường sơ cấp, đảm bảo tính thanh khoản cho các chứng khoán đã phát hành.

b) Căn cứ vào phương thức hoạt động của thị trường

Thị trường chứng khoán được phân thành thị trường tập trung (Sở giao dịch chứng khoán) và phi tập trung (thị trường OTC).

c) Căn cứ vào hàng hoá trên thị trường

Thị trường chứng khoán cũng có thể được phân thành các thị trường: thị trường cổ phiếu, thị trường trái phiếu, thị trường các công cụ chứng khoán phái sinh.

- Thị trường cổ phiếu: thị trường cổ phiếu là thị trường giao dịch và mua bán các loại cổ phiếu, bao gồm cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi.

- Thị trường trái phiếu: thị trường trái phiếu là thị trường giao dịch và mua bán các trái phiếu đã được phát hành, các trái phiếu này bao gồm các trái phiếu công ty, trái phiếu đô thị và trái phiếu chính phủ.

- Thị trường các công cụ chứng khoán phái sinh

Thị trường các chứng khoán phái sinh là thị trường phát hành và mua đi bán lại các chứng từ tài chính khác như: quyền mua cổ phiếu, chứng quyền, hợp đồng quyền chọn...

Giới thiệu về trái phiếu và cổ phiếu

A. Trái phiếu

1. Khái niệm:

Trái phiếu là một loại chứng khoán quy định nghĩa vụ của người phát hành (người vay tiền) phải trả cho người nắm giữ chứng khoán (người cho vay) một khoản tiền xác định, thường là trong những khoảng thời gian cụ thể, và phải hoàn trả khoản cho vay ban đầu khi nó đáo hạn.

2. Đặc điểm:

a. Một trái phiếu thông thường có ba đặc trưng chính:

- + Mệnh giá.
- + Lãi suất định kỳ (coupon)
- + Thời hạn.

b. Trái phiếu thể hiện quan hệ chủ nợ – con nợ giữa người phát hành và người đầu tư. Phát hành trái phiếu là đi vay vốn. Mua trái phiếu là cho người phát hành vay vốn và như vậy, trái chủ là chủ nợ của người phát hành. Là chủ nợ, người nắm giữ trái phiếu (trái chủ) có quyền đòi các khoản thanh toán theo cam kết về khối lượng và thời hạn, song không có quyền tham gia vào những vấn đề của bên phát hành.

c. Lãi suất của các trái phiếu rất khác nhau, được quy định bởi các yếu tố:

- + Cung cầu vốn trên thị trường tín dụng. Lượng cung cầu vốn đó lại tùy thuộc vào chu kỳ kinh tế, động thái chính sách của ngân hàng trung ương, mức độ thâm hụt ngân sách của chính phủ và phương thức tài trợ thâm hụt đó.
- + Mức rủi ro của mỗi nhà phát hành và của từng đợt phát hành. Cấu trúc rủi ro của lãi suất sẽ quy định lãi suất của mỗi trái phiếu. Rủi ro càng lớn, lãi suất càng cao.
- + Thời gian đáo hạn của trái phiếu. Nếu các trái phiếu có mức rủi ro như nhau, nhìn chung thời gian đáo hạn càng dài thì lãi suất càng cao.

3. Phân loại trái phiếu.

3.1. Căn cứ vào việc có ghi danh hay không:

- Trái phiếu vô danh: là trái phiếu không mang tên trái chủ, cả trên chứng chỉ cũng như trên sổ sách của người phát hành. Những phiếu trả lãi đính theo tờ chứng chỉ, và khi đến hạn trả lãi, người giữ trái phiếu chỉ việc xé ra và mang tới ngân hàng nhận lãi. Khi trái phiếu đáo hạn, người nắm giữ nó mang chứng chỉ tới ngân hàng để nhận lại khoản cho vay.
- Trái phiếu ghi danh: là loại trái phiếu có ghi tên và địa chỉ của trái chủ, trên chứng chỉ và trên sổ của người phát hành. Hình thức ghi danh có thể chỉ thực hiện cho phần vốn gốc, cũng có thể là ghi danh toàn bộ, cả gốc lẫn lãi. Dạng ghi danh toàn bộ mà đang ngày càng phổ biến là hình thức ghi sổ. Trái phiếu ghi sổ hoàn toàn không có dạng vật chất, quyền sở hữu được xác nhận bằng việc lưu giữ tên và địa chỉ của chủ sở hữu trên máy tính.

3.2. Căn cứ vào đối tượng phát hành trái phiếu:

- Trái phiếu chính phủ: là những trái phiếu do chính phủ phát hành nhằm mục đích bù đắp thâm hụt ngân sách, tài trợ cho các công trình công ích, hoặc làm công cụ điều tiết tiền tệ. Trái phiếu chính phủ là loại chứng khoán không có rủi ro thanh toán và cũng là loại trái phiếu có tính thanh khoản cao. Do đặc điểm đó, lãi suất của trái phiếu chính phủ được xem là lãi suất chuẩn để làm căn cứ ấn định lãi suất của các công cụ nợ khác có cùng kỳ hạn.
- Trái phiếu công trình: là loại trái phiếu được phát hành để huy động vốn cho những mục đích cụ thể, thường là để xây dựng những công trình cơ sở hạ tầng hay công trình phúc lợi công cộng. Trái phiếu này có thể do chính phủ trung ương hoặc chính quyền địa phương phát hành.
- Trái phiếu công ty: là các trái phiếu do các công ty phát hành để vay vốn dài hạn. Trái phiếu công ty có đặc điểm chung sau: Trái chủ được trả lãi định kỳ và trả gốc khi đáo hạn, song không được tham dự vào các quyết định của công ty. Nhưng cũng có loại trái phiếu không được trả lãi định kỳ, người mua được mua dưới mệnh giá và khi đáo hạn được nhận lại mệnh giá. Khi công ty giải thể hoặc thanh lý, trái phiếu được ưu tiên thanh toán trước các cổ phiếu. Có những điều kiện cụ thể kèm theo, hoặc nhiều hình thức đảm bảo cho khoản vay.

Trái phiếu công ty bao gồm những loại sau:

+ Trái phiếu có đảm bảo: là trái phiếu được đảm bảo bằng những tài sản thế chấp cụ thể, thường là bất động sản và các thiết bị. Người nắm giữ trái phiếu này được bảo vệ ở một mức độ cao trong trường hợp công ty phá sản, vì họ có quyền đòi nợ đối với một tài sản cụ thể.

+ Trái phiếu không bảo đảm: Trái phiếu tín chấp không được đảm bảo bằng tài sản mà được đảm bảo bằng tín chấp của công ty. Nếu công ty bị phá sản, những trái chủ của trái phiếu này được giải quyết quyền lợi sau các trái chủ có bảo đảm, nhưng trước cổ đông. Các trái phiếu tín chấp có thể chuyển đổi cho phép trái chủ được quyền chuyển trái phiếu thành cổ phiếu thường của công ty phát hành. Tùy theo quy định, việc chuyển đổi có thể được tiến hành vào bất cứ thời điểm nào, hoặc chỉ vào những thời điểm cụ thể xác định.

Ngoài những đặc điểm trên, mỗi đợt trái phiếu được phát hành có thể được gắn kèm theo những đặc tính riêng khác nữa nhằm đáp ứng nhu cầu cụ thể của một bên nào đó. Cụ thể là:

+ Trái phiếu có thể mua lại cho phép người phát hành mua lại chứng khoán trước khi đáo hạn khi thấy cần thiết. Đặc tính này có lợi cho người phát hành song lại bất lợi cho người đầu tư, nên loại trái phiếu này có thể có lãi suất cao hơn so với những trái phiếu khác có cùng thời hạn.

+ Trái phiếu có thể bán lại: cho phép người nắm giữ trái phiếu được quyền bán lại trái phiếu cho bên phát hành trước khi trái phiếu đáo hạn. Quyền chủ động trong trường hợp này thuộc về nhà đầu tư, do đó lãi suất của trái phiếu này có thể thấp hơn so với những trái phiếu khác có cùng thời hạn.

+ Trái phiếu có thể chuyển đổi cho phép người nắm giữ nó có thể chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu thường, tức là thay đổi tư cách từ người chủ nợ trở thành người chủ sở hữu của công ty.

B. Cổ phiếu

I. Khái niệm

Khi một công ty gọi vốn, số vốn cần gọi đó được chia thành nhiều phần nhỏ bằng nhau gọi là cổ phần. Người mua cổ phần gọi là cổ đông. Cổ đông được cấp một giấy chứng nhận sở hữu cổ phần gọi là cổ phiếu và chỉ có công ty cổ phần mới phát hành cổ phiếu. Như vậy, cổ phiếu chính là một chứng thư chứng minh quyền sở hữu của một cổ đông đối với một công ty cổ phần và cổ đông là người có cổ phần thể hiện bằng cổ phiếu.

Thông thường hiện nay các công ty cổ phần thường phát hành 02 dạng cổ phiếu: Cổ phiếu thường và cổ phiếu ưu đãi.

Các cổ đông sở hữu cổ phiếu thông thường có quyền hạn và trách nhiệm đối với công ty như: Được chia cổ tức theo kết quả kinh doanh; Được quyền bầu cử, ứng cử vào bộ máy

quản trị và kiểm soát công ty; Và phải chịu trách nhiệm về sự thua lỗ hoặc phá sản tương ứng với phần vốn góp của mình.

Các cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi cũng là hình thức đầu tư vốn cổ phần như cổ phiếu thông thường nhưng quyền hạn và trách nhiệm hạn chế như: lợi tức cố định; không có quyền bầu cử, ứng cử...v.v.

II. Tác dụng của việc phát hành Cổ phiếu:

Đối với Công ty phát hành:

Việc phát hành cổ phiếu sẽ giúp cho Công ty có thể huy động vốn khi thành lập hoặc để mở rộng kinh doanh. Nguồn vốn huy động này không cấu thành một khoản nợ mà công ty phải có trách nhiệm hoàn trả cũng như áp lực về khả năng cân đối thanh khoản của công ty sẽ giảm rất nhiều, trong khi sử dụng các phương thức khác như phát hành trái phiếu công ty, vay nợ từ các tổ chức tín dụng ...thì hoàn toàn ngược lại. Tuy nhiên, mỗi phương thức huy động đều có những ưu nhược điểm riêng và nhà quản lý công ty phải cân nhắc, lựa chọn tùy từng thời điểm và dựa trên những đặc thù cũng như chiến lược kinh doanh của công ty để quyết định phương thức áp dụng thích hợp.

Đối với nhà đầu tư cổ phiếu:

Các nhà đầu tư trên thị trường sẵn sàng mua Cổ phiếu được công ty phát hành. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần được phát hành dưới dạng chứng thư có giá và được xác định thông qua việc chuyển dịch, mua bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán giữa các chủ thể đầu tư và được pháp luật bảo vệ. Mặt khác, người mua cổ phiếu nghĩ rằng đồng vốn họ đầu tư được các nhà quản lý công ty sử dụng có hiệu quả, tạo ra nhiều lợi nhuận hoặc đánh giá hoạt động cũng như tiềm năng phát triển, sinh lợi của công ty dự định đầu tư là cao, và đương nhiên họ sẽ được hưởng một phần từ những thành quả đó thông qua việc thanh toán cổ tức cho các cổ đông, đồng thời giá trị cổ phần sở hữu cũng sẽ gia tăng trên cơ sở thực tại và triển vọng phát triển của công ty mình đã chọn. Thông thường, khả năng sinh lợi, thu hồi vốn đầu tư cổ phiếu tỷ lệ thuận với giá cả giao dịch cổ phiếu trên thị trường.

** Cổ phiếu phổ thông*

Khi nói đến hàng hóa trên thị trường chứng khoán, người ta thường nghĩ ngay đến cổ Phiếu phổ thông (common stock). Thực tế tại nhiều nước trên thế giới, thị trường chứng khoán (the securities market) đã rất quen thuộc đối với mọi người dân. Ví dụ, ở Mỹ, trung bình cứ 4 người trên 25 tuổi thì có một người sở hữu (own) cổ phiếu phổ thông, hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp thông qua các quỹ tương hỗ (mutual funds) .

Vậy bản chất của cổ phiếu phổ thông là gì?

Một cổ phiếu phổ thông đại diện cho quyền sở hữu một phần công ty (represent a proportional ownership interest in a corporation). Nếu một công ty có 100 cổ phiếu đang lưu hành (outstanding stock) và bạn sở hữu một trong số đó thì có nghĩa là bạn sở hữu 1/100 công ty. Nếu công ty có 1.000.000 cổ phiếu đang lưu hành và bạn nắm giữ 1.000 cổ phiếu thì bạn sở hữu 1.000/1.000.000 hay 1/1.000 công ty. Thông thường, một công ty có thể thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành bằng cách bán các cổ phiếu bổ sung (selling additional shares) hay mua lại và huỷ bỏ một phần các cổ phiếu đã phát hành trước đó (buying back and cancelling some of the shares previously issued). Trong cả hai trường hợp trên, tỷ lệ sở hữu của các cổ đông cũ trong công ty đều thay đổi.

Ví dụ, một công ty phát hành 100 cổ phiếu ra công chúng (issue 100 shares to the public) và bạn mua một trong số này. Như vậy, bạn sở hữu 1/100 công ty. Sau đó, công ty phát hành thêm 100 cổ phiếu nữa thì tỷ lệ sở hữu của bạn giảm xuống còn 1/200. Nói cách khác, tỷ lệ sở hữu của bạn trong công ty đã bị pha loãng (diluted) do việc phát hành cổ phiếu mới (the issuance of new shares).

Một ví dụ khác, giả sử một công ty có 1.000.000 cổ phiếu đang lưu hành và bạn mua một cổ phiếu của công ty. Sau đó, công ty mua lại và huỷ bỏ 250.000 cổ phiếu. Vậy, tỷ lệ sở hữu của bạn trong công ty từ 1/1.000.000 tăng lên 1/750.000.

Lưu ý là cần phân biệt rõ cổ phiếu đang lưu hành, cổ phiếu được phép phát hành (authorized stock) và cổ phiếu ngân quỹ (treasury stock).

Số lượng cổ phiếu được phép pháp hành, như tên của nó đã chỉ ra, là số lượng cổ phiếu tối đa mà công ty có thể phát hành. Quy định này đặt ra nhằm tránh tình trạng pha loãng quá mức (excessive dilution) tỷ lệ sở hữu trong công ty của các cổ đông hiện hữu (current shareholders) . Trong thực tiễn, có nhiều công ty không phát hành hết số lượng cổ phiếu mà nó được phép .

Cổ phiếu đang lưu hành là những cổ phiếu mà công ty đã bán cho các nhà đầu tư và chưa mua lại để huỷ bỏ hay cầm giữ. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành được sử dụng để tính toán tỷ lệ sở hữu, tỷ lệ nợ trên vốn (debt-to-equity ratio).

Vì nhiều lý do khác nhau, một công ty có thể mua lại cổ phiếu của chính mình và nắm giữ như các nhà đầu tư bình thường khác. Các cổ phiếu này được gọi là cổ phiếu ngân quỹ và không được tính vào cổ phiếu đang lưu hành.

Tại sao có nhiều người đầu tư vào cổ phiếu? Khi mua cổ phiếu, các nhà đầu tư cùng hướng tới những mục tiêu giống như những người bỏ tiền ra để mua hoặc khởi sự doanh nghiệp:

1. Họ tìm kiếm cổ tức (dividends), có nghĩa là họ hy vọng doanh nghiệp sẽ tạo ra lợi nhuận (generate profits) để có thể phân phối (distribute) cho các chủ sở hữu;
2. Họ tìm kiếm lãi vốn (capital gains), có nghĩa là họ hy vọng doanh nghiệp sẽ tăng trưởng về giá trị (grow in value) và do đó, họ có thể bán phần sở hữu của mình với mức giá cao hơn mức giá mà họ đã mua;

3. Họ tìm kiếm những lợi ích về thuế (tax benefits) mà luật thuế (tax code) dành cho các chủ sở hữu doanh nghiệp.

Đối với các nhà đầu tư khác nhau thì tầm quan trọng của mỗi yếu tố trên cũng khác nhau bởi vì họ không có cùng một mục đích đầu tư (investment objective). Ví dụ, những người về hưu vốn phải sống dựa chủ yếu vào thu nhập từ các khoản đầu tư sẽ đề cao vai trò của cổ tức trong khi một số người khác lại chú ý hơn đến khả năng thu lãi vốn.

** Cổ phiếu đại chúng*

Một trong những yếu tố rất quan trọng mà nhà đầu tư nên cân nhắc trước khi quyết định đầu tư là tính đại chúng của cổ phiếu (CP). Vậy CP đại chúng là gì và ảnh hưởng của CP đại chúng đối với việc đầu tư như thế nào?

CP đại chúng là gì?

Có thể hiểu CP đại chúng là CP có số lượng công chúng tham gia đầu tư đông đảo và chiếm một tỷ lệ nắm giữ cao trong tổng số CP phổ thông của tổ chức phát hành.

Tính đại chúng của CP một công ty càng cao khi vốn cổ phần càng lớn, tỷ lệ vốn cổ phần phát hành ra bên ngoài cao và có nhiều nhà đầu tư bên ngoài tham gia nắm giữ CP của công ty. Khi soạn thảo Nghị định 48/NĐ-CP/1998 về chứng khoán và thị trường chứng khoán (TTCK), các nhà làm luật đã rất chú ý tới khía cạnh này.

Hai trong bảy điều kiện để một công ty có thể phát hành chứng khoán ra công chúng là:

Mức vốn điều lệ tối thiểu là 10 tỷ đồng Việt Nam

Tối thiểu 20% vốn cổ phần của tổ chức phát hành phải được bán cho trên 100 người đầu tư ngoài tổ chức phát hành. Trường hợp vốn cổ phần của tổ chức phát hành từ 100 tỷ đồng trở lên thì tỷ lệ tối thiểu này là 15% vốn cổ phần của tổ chức phát hành.

Trên thực tế, tính đại chúng của CP còn phụ thuộc vào một số yếu tố sau:

Tỷ lệ cổ phần phổ thông có quyền chuyển nhượng tự do trên tổng số vốn cổ phần: Điều này làm cho CP có tính thanh khoản cao.

Mức độ hạn chế về thời gian chuyển nhượng của CP (đối với nhà đầu tư nước ngoài cũng như nhà đầu tư trong nước).

Tỷ lệ lưu ký CP: CP niêm yết muốn mua bán phải được lưu ký tại Trung tâm giao dịch.

Tỷ lệ lưu ký thấp tức là số lượng CP có thể tiến hành giao dịch được sẽ không cao.

Tỷ lệ nắm giữ tối đa của một tổ chức, cá nhân: Khi điều lệ công ty cho phép một tổ chức hay cá nhân nắm giữ một tỷ lệ cao trong tổng số CP thì chỉ cần vài cổ đông lớn tham gia là không còn CP để bán cho các cổ đông nhỏ khác. Thêm vào đó, CP này dễ bị thôn tính bởi một tổ chức hay cá nhân nhằm phục vụ cho lợi ích riêng của họ.

Lĩnh vực hoạt động: CP của công ty hoạt động trong các lĩnh vực đặc biệt mà nhà đầu tư ít có kiến thức hay hiểu biết về lĩnh vực này thì sẽ không thu hút được nhiều nhà đầu tư bằng CP của công ty hoạt động trong các lĩnh vực được nhiều người biết đến.

Tình hình hoạt động: Một công ty hoạt động tốt, bền vững sẽ có khả năng thu hút nhiều công chúng đầu tư vào công ty.

Mức độ công khai thông tin: Nhà đầu tư sẽ cảm thấy yên tâm hơn khi quyết định đầu tư vào một loại chứng khoán mà họ có khả năng tìm kiếm được thông tin cần thiết về chứng khoán này một cách dễ dàng và nhanh chóng.

Độ lớn của TTCK: Khi quy mô của thị trường còn nhỏ, có ít hàng hoá... sẽ khó thu hút được nhiều công chúng đầu tư vì nhà đầu tư khó mà mua được CP lúc cần mua và bán CP vào thời điểm thích hợp...

Cổ phiếu đại chúng có ưu điểm gì?

Giá CP dao động sát hơn với giá trị nội tại của chúng: Giá CP dao động tùy thuộc vào sự phán đoán của số đông mà tâm lý số đông thường chính xác hơn tâm lý thiểu số.

Hạn chế được hiện tượng đầu cơ, lũng đoạn thị trường: Do số lượng CP nhiều nên giá vốn hoá thị trường (giá trị thị trường của công ty) lớn, nhà đầu cơ khó mà có đủ tiền để làm khuynh đảo giá CP.

Hoạt động của công ty sẽ minh bạch hơn: Hoạt động của công ty, các động tĩnh của các nhà quản lý sẽ được một lượng hùng hậu các cổ đông để mắt tới nên có thể hạn chế được tiêu cực xảy ra.

Có tính thanh khoản cao: Do có số lượng CP nhiều và có nhiều nhà đầu tư tham gia nên tại một thời điểm nào đó sẽ có nhiều người bán và nhiều người mua...

Nói chung, tính đại chúng của CP được quyết định bởi rất nhiều yếu tố. Nâng cao tính đại chúng của CP là một trong những cách để doanh nghiệp quảng bá và bảo vệ CP của mình.

Các đặc tính của trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu có tính chuyển đổi (sau đây gọi tắt là trái phiếu chuyển đổi) là trái phiếu có thể chuyển thành cổ phiếu thường vào một thời điểm được xác định trước trong tương lai. Loại trái phiếu này có đặc điểm là được trả một mức lãi suất cố định nên có vẻ giống như trái phiếu nhưng mặt khác lại có thể chuyển đổi thành loại cổ phiếu thường của công ty và đây cũng chính là điểm hấp dẫn của trái phiếu có tính chuyển đổi.

Khi thị trường đang phát triển, nhà đầu tư thường quan tâm nhiều đến cổ phiếu (CP) nên thị trường trái phiếu (TP) bị sa sút. Để tăng tính hấp dẫn với người đầu tư, các công ty phát hành TP có thể thêm vào đặc tính chuyển đổi, và công ty sẽ trả lãi suất thấp hơn cho nhà đầu tư sở hữu loại TP chuyển đổi này.

Ngược lại, khi thị trường TP phát triển, TP có tính chuyển đổi sẽ phát huy tác dụng như một phương tiện tăng vốn cổ phần dựa trên cơ sở trì hoãn trả nợ vì khi TP chuyển đổi biến thành CP, vốn huy động của công ty sẽ thay đổi từ nợ sang vốn.

Đối với công ty phát hành, TP chuyển đổi có các yếu tố hấp dẫn sau:

1. TP chuyển đổi có mức lãi suất thấp hơn TP không có tính chuyển đổi.
2. Công ty có thể loại trừ chi phí trả lãi cố định khi thực hiện chuyển đổi, vì vậy sẽ giảm được nợ.
3. Phát hành TP chuyển đổi thì công ty sẽ tránh được tình trạng tăng số lượng CP một cách nhanh chóng trên thị trường (điều này dẫn tới việc làm cho giá CP thường bị sụt giảm).
4. Bằng việc phát hành TP chuyển đổi thay cho phát hành CP thường, công ty sẽ tránh khỏi tình trạng làm cho các khoản thu nhập trên mỗi cổ phần trước đây bị giám sát.

Bên cạnh những thuận lợi, TP chuyển đổi cũng gây ra một số bất lợi có thể có đối với công ty và các cổ đông của công ty:

1. Khi TP được chuyển đổi, vốn chủ sở hữu bị "pha loãng" do tăng số CP lưu hành nên mỗi cổ phần bây giờ đại diện cho một tỷ lệ thấp hơn của quyền sở hữu trong công ty.
2. Do các cổ đông thường tham gia vào việc quản lý công ty nên khi chuyển đổi có thể gây ra một sự thay đổi trong việc kiểm soát công ty.
3. Sự giảm nợ công ty thông qua chuyển đổi cũng có nghĩa là mất đi sự cân bằng của cán cân nợ vốn.
4. Kết quả chuyển đổi sẽ làm giảm chi phí trả lãi, tức là làm tăng thu nhập chịu thuế của công ty. Do đó công ty phải trả thuế nhiều hơn khi chuyển đổi.

Đối với nhà đầu tư khi nắm giữ TP chuyển đổi, nhà đầu tư sẽ có được lợi thế là sự đầu tư an toàn của thị trường, thu nhập cố định và sự tăng giá trị tiềm ẩn của thị trường vốn. Cụ thể, TP chuyển đổi hấp dẫn nhà đầu tư ở một số đặc điểm:

1. TP chuyển đổi cũng giống TP thường, tức là cũng được thanh toán tiền lãi với một lãi suất cố định và sẽ được mua lại với giá bằng mệnh giá vào lúc đáo hạn. Theo nguyên tắc thì thu nhập từ lãi suất TP thường cao hơn và chắc chắn hơn thu nhập từ cổ tức trên CP thường.
2. Người nắm giữ TP chuyển đổi có quyền ưu tiên hơn các cổ đông nắm giữ CP thường khi công ty phá sản và bị thanh lý.
3. Giá thị trường của TP chuyển đổi sẽ có chiều hướng ổn định hơn giá CP thường trong thời kỳ thị trường sa sút. Giá trị của TP chuyển đổi trên thị trường sẽ được hỗ trợ bởi các lãi suất hiện hành của những TP cạnh tranh khác.

4. Vì TP chuyển đổi có thể được chuyển thành CP thường nên giá trị thị trường của chúng sẽ có chiều hướng tăng nếu giá CP tăng.

5. Khi TP chuyển đổi được chuyển đổi sang CP thường thì không được coi là một sự mua bán nên sẽ không phải chịu thuế trong giao dịch chuyển đổi.

Những nhà phê bình thì cho rằng TP chuyển đổi không đưa ra được các mức lãi suất tương ứng với sự thiếu bảo toàn vốn (những TP không có tính chuyển đổi đưa ra các mức lãi suất cao hơn) và có xu hướng kéo giá CP thường xuống bởi vì ảnh hưởng của sự "pha loãng" có thể xảy ra.

Khi TP có tính chuyển đổi được phát hành mới thì bao giờ giá chuyển đổi cũng luôn cao hơn giá thị trường hiện hành của CP thường, điều này sẽ giúp hạn chế việc nhà đầu tư chuyển đổi TP ngay lập tức. Những yếu tố ảnh hưởng đến tỷ lệ chuyển đổi hoặc giá chuyển đổi ban đầu là:

1. Giá CP tại thời điểm TP được phát hành.
2. Thu nhập dự tính của tổ chức phát hành và ảnh hưởng của nó trên giá CP.
3. Xu hướng thị trường (TP chuyển đổi sẽ trở nên ưa chuộng đối với các nhà đầu tư trong một thị trường CP đang lên).
4. Thời gian chuyển đổi (thời gian càng dài, tỷ lệ chuyển đổi ban đầu càng ít thích hợp).
Vì TP chuyển đổi có thể làm "pha loãng" vốn nên các cổ đông sẽ có quyền ưu tiên mua TP chuyển đổi được phát hành mới với giá ưu tiên thấp hơn giá trị thị trường của TP đó. Khi TP chuyển đổi mới được phát hành, các cổ đông hiện hữu sẽ nhận được giấy chứng nhận quyền ưu tiên mua TP này. Người nắm giữ quyền có thể bán lại quyền này nếu họ không sử dụng chúng để mua TP chuyển đổi.

Tuy nhiên nhà đầu tư cần lưu ý một điều là, nếu công ty phải ngưng hoạt động bởi những tình huống như sát nhập, hợp nhất hay giải thể thì những người nắm giữ TP chuyển đổi sẽ bị mất đặc quyền chuyển đổi này.

Các TP đều có giá trị đầu tư dù cho chúng có tính chuyển đổi hay không. Giá trị đầu tư của TP không có tính chuyển đổi được căn cứ vào tỷ lệ % lãi suất của chúng khi so sánh với những mức lãi suất của các đầu tư khác có cùng mức rủi ro tương tự. Giá trị đầu tư ước tính của một TP có tính chuyển đổi chính là giá thị trường mà tại giá đó, TP sẽ được bán nếu TP không chuyển đổi thành CP thường.

Khi nhà đầu tư mua TP có tính chuyển đổi thì phải luôn xem xét hai giá trị đầu tư của TP này, đó là thu nhập của TP và việc chuyển đổi TP thành CP. Giá trị chuyển đổi của TP là tổng giá trị thị trường của CP thường mà TP có thể chuyển đổi được. Đôi khi các công ty đặt ra những điều kiện để khuyến khích sự chuyển đổi của TP, mặc dù điều này được biết đến như là sự chuyển đổi ép buộc nhưng thực tế các nhà đầu tư không thể bị ép buộc để chuyển đổi. Tuy nhiên, nhà phát hành luôn thay đổi các tình huống để khuyến khích sự chuyển đổi hơn. Một trong những phương cách đó là thực hiện mua lại TP.

Công ty có thể mua lại TP tại mức giá và ngày mua được xác định trước (giả định rằng TP chuyển đổi cũng có khả năng mua lại giống như có tính chuyển đổi) và khi các điều kiện thị trường khiến cho các trái chủ nhận thấy sự chuyển đổi TP có thể có lợi nhuận hơn là bán chúng lại cho công ty phát hành tại giá mua lại của công ty thì lúc đó họ sẽ thực hiện việc chuyển đổi thành CP thường.

Ví dụ, một TP chuyển đổi có mệnh giá 1.000 USD có thể được chuyển thành CP thường tại giá 25 USD (tỷ lệ chuyển đổi là 40 đổi 1) và TP này được mua lại ở mức giá 1.050 USD. CP thường trên thị trường hiện đang được giao dịch ở mức giá 30 USD, bằng việc chuyển đổi một TP mà nhà đầu tư có thể trở thành chủ sở hữu 40 CP thường với tổng giá trị là 1.200 USD. Như vậy, trái chủ chuyển đổi chúng thành 40 CP thường rồi bán chúng để có 1.200 USD hơn là bán lại TP chuyển đổi này ở mức giá 1.050 USD.

Về nguyên tắc, nhà phát hành không được ép buộc bất cứ trái chủ nào chuyển đổi mà họ chỉ được quyền tạo ra các điều kiện để sự chấp nhận chuyển đổi sẽ trở thành sự lựa chọn tối ưu cho trái chủ. Nếu công ty phát hành có quy định điều khoản mua lại toàn bộ TP chuyển đổi phát hành thì công ty sẽ ấn định trước giá và ngày mua lại. Khi ngày gọi mua lại đến gần, giá CP thường sẽ được giao dịch ngày càng gần hơn với giá mua lại của TP chuyển đổi để rồi cuối cùng giá của CP thường sẽ được giao dịch tại giá thị trường thấp hơn chút ít so với giá gọi mua lại nhằm tránh tình trạng trái chủ chuyển đổi thành CP thường.

Phát hành CK lần đầu ra công chúng (IPO).

Khái niệm phát hành lần đầu ra công chúng (IPO) chỉ được hiểu đối với việc phát hành cổ phiếu. Do vậy sau đây, chúng ta sẽ chủ yếu đề cập đến việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng.

1. Điều kiện phát hành chứng khoán lần đầu ra công chúng:

Mỗi nước có những qui định riêng cho việc phát hành chứng khoán lần đầu ra công chúng. Tuy nhiên, để phát hành chứng khoán ra công chúng thông thường tổ chức phát hành phải đảm bảo năm điều kiện cơ bản sau:

- Về qui mô vốn: tổ chức phát hành phải đáp ứng được yêu cầu về vốn điều lệ tối thiểu ban đầu, và sau khi phát hành phải đạt được một tỷ lệ phần trăm nhất định về vốn cổ phần do công chúng nắm giữ và số lượng công chúng tham gia.
- Về tính liên tục của hoạt động sản xuất kinh doanh: công ty được thành lập và hoạt động trong vòng một thời gian nhất định (thường khoảng từ 3 đến 5 năm).
- Về đội ngũ quản lý công ty: công ty phải có đội ngũ quản lý tốt, có đủ năng lực và trình độ quản lý các hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty.

- Về hiệu quả sản xuất kinh doanh: công ty phải làm ăn có lãi với mức lợi nhuận không thấp hơn mức qui định và trong một số năm liên tục nhất định (thường từ 2-3 năm).

- Về tính khả thi của dự án: công ty phải có dự án khả thi trong việc sử dụng nguồn vốn huy động được.

Tuy nhiên, các nước đang phát triển thường cho phép một số trường hợp ngoại lệ, tức là có những doanh nghiệp sẽ được miễn giảm một số điều kiện nêu trên, ví dụ: doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công ích, hạ tầng cơ sở có thể được miễn giảm điều kiện về hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Ở Việt Nam, theo qui định của Nghị định 48/1998/-NĐ-CP về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Thông tư 01/1998/TT-UBCK hướng dẫn Nghị định 48/1998/-NĐ-CP, tổ chức phát hành phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng phải đáp ứng được các điều kiện sau:

- Mức vốn điều lệ tối thiểu là 10 tỷ đồng Việt Nam;

- Hoạt động kinh doanh có lãi trong 2 năm liên tục gần nhất;

- Thành viên Hội đồng quản trị và Giám đốc (Tổng giám đốc) có kinh nghiệm quản lý kinh doanh.

- Có phương án khả thi về việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu.

- Tối thiểu 20% vốn cổ phần của tổ chức phát hành phải được bán cho trên 100 người đầu tư ngoài tổ chức phát hành; trường hợp vốn cổ phần của tổ chức phát hành từ 100 tỷ đồng trở lên thì tỷ lệ tối thiểu này là 15% vốn cổ phần của tổ chức phát hành.

- Cổ đông sáng lập phải nắm giữ ít nhất 20% vốn cổ phần của tổ chức phát hành và phải nắm giữ mức này tối thiểu 3 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

- Trường hợp cổ phiếu phát hành có tổng giá trị theo mệnh giá vượt 10 tỷ đồng thì phải có tổ chức bảo lãnh phát hành.

2. Những điểm thuận lợi và bất lợi khi phát hành chứng khoán ra công chúng.

a. Những điểm thuận lợi

- Phát hành chứng khoán ra công chúng sẽ tạo ra hình ảnh đẹp và sự nổi tiếng của công ty, nhờ vậy công ty sẽ dễ dàng hơn và tốn ít chi phí hơn trong việc huy động vốn qua phát hành trái phiếu, cổ phiếu ở những lần sau. Thêm vào đó, khách hàng và nhà cung ứng của công ty thường cũng sẽ trở thành cổ đông của công ty và do vậy công ty sẽ rất có lợi trong việc mua nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm.

- Phát hành chứng khoán ra công chúng sẽ làm tăng giá trị tài sản ròng, giúp công ty có được nguồn vốn lớn và có thể vay vốn của ngân hàng với lãi suất ưu đãi hơn cũng như

các điều khoản về tài sản cầm cố sẽ ít phiền hà hơn. Ví dụ như các cổ phiếu của các công ty đại chúng dễ dàng được chấp nhận là tài sản cầm cố cho các khoản vay ngân hàng. Ngoài ra, việc phát hành chứng khoán ra công chúng cũng giúp công ty trở thành một ứng cử viên hấp dẫn hơn đối với các công ty nước ngoài với tư cách làm đối tác liên doanh.

- Phát hành chứng khoán ra công chúng giúp công ty có thể thu hút và duy trì đội ngũ nhân viên giỏi bởi vì khi chào bán chứng khoán ra công chúng, công ty bao giờ cũng dành một tỷ lệ chứng khoán nhất định để bán cho nhân viên của mình. Với quyền mua cổ phiếu, nhân viên của công ty sẽ trở thành cổ đông, và được hưởng lãi trên vốn thay vì thu nhập thông thường. Điều này đã làm cho nhân viên của công ty làm việc có hiệu quả hơn và coi sự thành bại của công ty thực sự là thành bại của mình.

- Phát hành chứng khoán ra công chúng, công ty có cơ hội tốt để xây dựng một hệ thống quản lý chuyên nghiệp cũng như xây dựng được một chiến lược phát triển rõ ràng. Công ty cũng dễ dàng hơn trong việc tìm người thay thế, nhờ đó mà tạo ra được tính liên tục trong quản lý. Bên cạnh đó, sự hiện diện của các uỷ viên quản trị không trực tiếp tham gia điều hành công ty cũng giúp tăng cường kiểm tra và cân đối trong quản lý và điều hành công ty.

- Phát hành chứng khoán ra công chúng làm tăng chất lượng và độ chính xác của các báo cáo của công ty bởi vì các báo cáo của công ty phải được lập theo các tiêu chuẩn chung do cơ quan quản lý qui định. Chính điều này làm cho việc đánh giá và so sánh kết quả hoạt động của công ty được thực hiện dễ dàng và chính xác hơn.

b. Những điểm bất lợi

- Phát hành cổ phiếu ra công chúng làm phân tán quyền sở hữu và có thể làm mất quyền kiểm soát công ty của các cổ đông sáng lập do hoạt động thôn tính công ty. Bên cạnh đó, cơ cấu về quyền sở hữu của công ty luôn luôn bị biến động do chịu ảnh hưởng của các giao dịch cổ phiếu hàng ngày.

- Chi phí phát hành chứng khoán ra công chúng cao, thường chiếm từ 8-10% khoản vốn huy động, bao gồm các chi phí bảo lãnh phát hành, phí tư vấn pháp luật, chi phí in ấn, phí kiểm toán, chi phí niêm yết... Ngoài ra, hàng năm công ty cũng phải chịu thêm các khoản chi phí phụ như chi phí kiểm toán các báo cáo tài chính, chi phí cho việc chuẩn bị tài liệu nộp cho cơ quan quản lý nhà nước về chứng khoán và chi phí công bố thông tin định kỳ.

- Công ty phát hành chứng khoán ra công chúng phải tuân thủ một chế độ công bố thông tin rộng rãi, nghiêm ngặt và chịu sự giám sát chặt chẽ hơn so với các công ty khác. Hơn nữa, việc công bố các thông tin về doanh thu, lợi nhuận, vị trí cạnh tranh, phương thức hoạt động, các hợp đồng nguyên liệu, cũng như nguy cơ bị rò rỉ thông tin mật ra ngoài có thể đưa công ty vào vị trí cạnh tranh bất lợi.

- Đội ngũ cán bộ quản lý công ty phải chịu trách nhiệm lớn hơn trước công chúng. Ngoài ra, do qui định của pháp luật, việc chuyển nhượng vốn cổ phần của họ thường bị hạn chế. 20.700 đ.

Các hệ số hoạt động

Các hệ số hoạt động xác định tốc độ mà một công ty có thể tạo ra được tiền mặt nếu có nhu cầu phát sinh. Rõ ràng là một công ty có khả năng chuyển đổi hàng dự trữ và các khoản phải thu thành tiền mặt nhanh hơn sẽ có tốc độ huy động tiền mặt nhanh hơn. Các hệ số sau đây và việc tính toán được thiết lập dựa trên giả định rằng một năm có 360 ngày.

a. Hệ số thu hồi nợ trung bình:

Việc tìm ra kỳ thu hồi nợ bán hàng trung bình của một công ty sẽ cho bạn biết công ty đó phải mất bao lâu để chuyển các khoản phải thu thành tiền mặt. Lưu ý rằng doanh số bán thu tiền ngay được loại khỏi tổng doanh thu.

Kỳ thu hồi nợ trung bình = Các khoản phải thu / (Doanh số bán chịu hàng năm / 360 ngày).

Cũng như các hệ số khác, kỳ thu hồi nợ trung bình phải được xem xét trong mối liên hệ với các thông tin khác. Nếu chính sách của công ty là bán chịu cho khách hàng trong vòng 38 ngày thì thời hạn 45.8 ngày cho thấy là công ty gặp khó khăn trong việc thu hồi nợ đúng hạn và cần xem xét lại chính sách bán chịu của mình. Ngược lại, nếu chính sách thông thường của công ty là ấn định thời hạn thu hồi nợ là 55 ngày, thì thời hạn trung bình 45.8 ngày cho thấy chính sách thu hồi nợ của công ty là có hiệu quả.

Cần chú ý là hệ số thu hồi nợ trung bình chỉ là một số trung bình và có thể dẫn đến sự hiểu nhầm. Ví dụ, xem xét công ty A và B, có cùng giá trị các khoản phải thu nhưng có thời biểu thu hồi nợ khác nhau.

b. Hệ số thanh toán trung bình

Đối lập với các khoản phải thu là các khoản phải trả. Để tìm ra thời hạn thanh toán trung bình đối với các khoản phải thu, ta chia các khoản phải trả cho tiền mua hàng chịu mỗi năm

Thời hạn thanh toán trung bình = Các khoản phải trả / (Tiền mua chịu hàng năm / 360 ngày).

c. Hệ số hàng lưu kho

Hệ số hàng lưu kho biểu thị số lượng hàng đã bán trên số hàng còn lưu kho, hệ số này cho thấy khả năng dùng vốn vào các hàng hoá luân chuyển cao, tránh được lưu kho bởi các mặt hàng kém tính lưu hoạt.

Hệ số hàng lưu kho = Giá trị hàng đã bán tính theo giá mua / Giá trị hàng lưu kho trung bình.

d. Hệ số nợ

Phản ánh tình trạng nợ hiện thời của công ty, có tác động đến nguồn vốn hoạt động và luồng thu nhập thông qua chi trả vốn vay và lãi suất khi đáo hạn. Tình trạng nợ của công ty được thể hiện qua các hệ số: hệ số nợ; hệ số thu nhập trả lãi định kỳ; hệ số trang trải chung.

Hệ số nợ hay tỷ lệ nợ trên tài sản cho biết phần trăm tổng tài sản được tài trợ bằng nợ. Hệ số nợ càng thấp thì hiệu ứng đòn bẩy tài chính càng ít và ngược lại hệ số nợ càng cao thì hiệu ứng đòn bẩy tài chính càng cao.

$$\text{Hệ số nợ} = \text{Tổng số nợ} / \text{Tổng tài sản}$$

e. Hệ số nợ trên vốn cổ phần

Hệ số nợ được phản ánh thông qua hệ số nợ trên vốn cổ phần (D/E) và hệ số nợ dài hạn trên tổng tài sản (LD/TA). Hệ số nợ trên vốn cổ phần biểu thị tương quan giữa nợ dài hạn và vốn cổ phần. Mức cao thấp của hệ số này phụ thuộc vào từng lĩnh vực kinh tế khác nhau.

Hệ số nợ dài hạn trên tổng tài sản (LD/TA) so sánh tương quan nợ với tổng tài sản của một công ty, và có thể cho biết những thông tin hữu ích về mức độ tài trợ cho tài sản bằng nợ dài hạn của một công ty, hệ số này có thể dùng để đánh giá hiệu ứng đòn bẩy tài chính của một công ty.

$$\text{Hệ số nợ trên vốn cổ phần (D/E)} = (\text{Nợ dài hạn} + \text{Giá trị tài sản đi thuê}) / \text{Vốn cổ phần}.$$

f. Hệ số thu nhập trả lãi định kỳ.

Hệ số thu nhập trả lãi định kỳ. Việc tìm xem một công ty có thể thực hiện trả lãi đến mức độ nào cũng rất quan trọng, và người ta đã sử dụng hệ số thu nhập trả lãi định kỳ. Hệ số này đánh giá khả năng sử dụng thu nhập hoạt động (thu nhập trước thuế và lãi- EBIT) để trả lãi của một công ty, hệ số này cho biết công ty có khả năng đáp ứng được các nghĩa vụ trả nợ lãi đến mức nào, thông thường hệ số thu nhập trả lãi định kỳ càng cao thì khả năng thanh toán lãi của công ty cho các chủ nợ càng lớn.

$$\text{Hệ số thu nhập trả lãi định kỳ} = \text{EBIT} / \text{Chi phí trả lãi hàng năm}..$$

Chuyển nhượng cổ phần và thị trường chứng khoán

Thành lập công ty cổ phần, mua bán cổ phiếu là công cụ hữu hiệu để thực hiện xã hội hóa đầu tư. Nhà nước tạo cơ chế thuận lợi cho việc chuyển nhượng cổ phiếu; trong đó chú trọng bảo vệ lợi ích cho người mua.

Công ty cổ phần - xã hội hóa đầu tư

Xã hội hóa đầu tư là việc Nhà nước tạo ra thời cơ thuận lợi để mọi người, mọi tổ chức có thể thực hiện được ý tưởng đầu tư của mình, làm cho họ trở thành chủ nhân thật sự của nền kinh tế. Xã hội hóa đầu tư nhằm khai thác tiềm năng sáng tạo của toàn xã hội, tiềm năng chất xám của toàn xã hội được huy động trong nền kinh tế, làm cho kho tàng chất xám của xã hội ngày càng phong phú.

Xã hội hóa đầu tư tạo nên cơ hội huy động vốn phong phú, đa dạng, tạo ra cơ hội sử dụng nguồn lực xã hội một cách linh hoạt và hiệu quả. Xã hội hóa đầu tư thật sự là thực hiện dân chủ hóa nền kinh tế, người lao động có cơ hội trở thành người chủ thật sự, có cơ hội giám sát các hoạt động quản lý, cho phép tìm ra người quản lý tốt nhất, hiệu quả nhất, tạo ra động lực mới cho sự phát triển của toàn xã hội.

Công ty cổ phần là công cụ hữu hiệu thực hiện xã hội hóa đầu tư, mọi cá nhân, tổ chức, không trừ một ai đều có được cơ hội như nhau để thực hiện ý tưởng đầu tư với thủ tục hết sức đơn giản là mua cổ phần của công ty cổ phần, khi đó họ là cổ đông và có khả năng thể hiện ý chí của mình thông qua đại hội đồng cổ đông.

Chuyển nhượng cổ phần

Để việc mua cổ phần được dễ dàng, thuận lợi, luật pháp đã quy định các cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần cho người khác (trừ một số trường hợp và điều kiện pháp luật quy định nhằm bảo vệ lợi ích người mua). Quy định cổ đông tự do chuyển nhượng cổ phần đã tạo nên thị trường vốn, thị trường chứng khoán. Luồng vốn đầu tư xã hội sẽ được luân chuyển trên thị trường, điều đó tạo ra cơ hội cho các nhà đầu tư thay đổi, điều chỉnh mục tiêu đầu tư hết sức dễ dàng, tạo cho những ai có ý tưởng đầu tư vào một lĩnh vực nào đó, có điều kiện thực hiện ý tưởng đầu tư của mình thông qua việc mua cổ phần đến mức đủ lớn để có thể điều hành được công ty.

Nếu như giá trị doanh nghiệp được xác định chính xác, hợp lý, thì việc một số người nào đó có thể trả giá rất cao cổ phần của công ty nào đó để có quyền sở hữu và điều hành công ty cổ phần là việc hết sức bình thường. Việc thay đổi các cổ đông trong công ty cổ phần cũng là điều bình thường, đó là dấu hiệu phát triển công ty. Việc chuyển nhượng cổ phần một cách thuận lợi chính là tạo điều kiện cho công ty cổ phần thu hút được năng lực đầu tư của xã hội: tiền vốn và tri thức.

Từ thực tế nêu trên cho thấy, Nhà nước cần tạo cơ chế bán, mua cổ phần hết sức thuận lợi cho người dân thực hiện.

Việc chuyển nhượng cổ phần giữa các cổ đông có thể được tiến hành bằng hình thức trực tiếp và gián tiếp.

Chuyển nhượng trực tiếp

Các cổ đông có thể chuyển nhượng cổ phần cho nhau, cho người khác ngoài công ty thông qua việc trao đổi trực tiếp, ở đây người mua có điều kiện trực tiếp xác định, đánh giá chất lượng hàng hóa, và trực tiếp trả giá cho người bán. Hành vi chuyển nhượng này do hai bên mua bán tự thỏa thuận theo quy định giao dịch dân sự.

Để bảo vệ lợi ích cho người mua cổ phần là người không tham gia thành lập công ty cổ phần, không biết được thực trạng công ty khi mới thành lập, luật doanh nghiệp đã quy định điều kiện hạn chế đối với người bán là những cổ đông sáng lập công ty. Khoản 1 Điều 58 Luật doanh nghiệp quy định: Trong thời hạn ba năm đầu, kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán. Cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập có thể chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông nếu được sự chấp thuận của đại hội đồng cổ đông. Cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó. Sau thời hạn ba năm các quy định này hết hiệu lực.

Quy định các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần phổ thông có quyền chào bán là quy định bắt buộc có tính cứng nhắc để ràng buộc nghĩa vụ vật chất của các cổ đông sáng lập đối với người mua, tránh tình trạng tuyên truyền lừa đảo để thu hút người mua.

Quy định chuyển nhượng cổ phần cho người ngoài công ty là quy định mềm mang tính thỏa thuận giữa các cổ đông trong công ty. Việc thỏa thuận này có thể được quy định trong điều lệ công ty hoặc trong nghị quyết họp đại hội đồng cổ đông. Như vậy các cổ đông sáng lập có thể quy định một số người phải giữ đủ 20% số cổ phần hoặc quy định mỗi người phải giữ 20% cổ phần. Do vậy khi đánh giá sự vi phạm về việc chuyển nhượng cổ phần trong ba năm đầu của công ty cổ phần cần xem xét ba điều kiện sau:

Cổ đông sáng lập là ai? Tổng số cổ phần các cổ đông sáng lập sở hữu trong suốt thời gian ba năm đầu có dưới 20% hay không? Việc chuyển nhượng có đúng điều lệ không?

Nếu các công ty cổ phần được thành lập trước khi Luật doanh nghiệp có hiệu lực thì phải căn cứ vào điều lệ công ty và luật công ty, việc vận dụng Luật doanh nghiệp không được áp đặt để hồi tố mà chỉ là một sự giải thích.

Luật công ty không định nghĩa sáng lập viên thì không thể áp đặt khái niệm sáng lập viên trong Luật doanh nghiệp để suy luận xác định lỗi của công ty hay lỗi của các cổ đông. Khi đó chỉ căn cứ vào điều lệ để xác định việc chuyển nhượng cổ phần có phù hợp với điều lệ hay không.

Việc chuyển nhượng gián tiếp

Các công ty cổ phần được bán cổ phần trên thị trường chứng khoán phải tuân thủ các điều kiện nghiêm ngặt về tính minh bạch tài chính, về khả năng sinh lời, phải được ủy ban

chứng khoán thẩm định và phải tuân thủ các quy tắc kiểm toán theo pháp luật về chứng khoán.

Những quy định chặt chẽ này nhằm mục đích bảo vệ lợi ích cho người mua, vì khi các công ty niêm yết bán cổ phần trên thị trường thì người mua không có điều kiện trực tiếp kiểm tra, đánh giá chất lượng hàng hóa. Sự can thiệp của Nhà nước trong việc thẩm định các công ty cổ phần đăng ký bán cổ phần là một chứng thực tin cậy để người mua trả giá mua hàng. Người mua thực hiện việc mua cổ phần chỉ qua các thông tin đã được Nhà nước kiểm định, người mua không nhìn thấy hàng hóa cụ thể, nếu các thông tin này bị sai lệch thì có rất nhiều rủi ro đối với người mua. Điều này cho thấy pháp luật về chứng khoán cần phải hết sức cụ thể, phải được thực hiện đầy đủ để bảo vệ lợi ích cộng đồng người mua.

Báo giá chứng khoán: Cách báo giá và hiệu lực của giá

Một báo giá điển hình có thể diễn đạt theo các cách như: "thu vào 18.000 - bán ra 18.200", hoặc "mua 18.000 - bán ra 18.200", hoặc gọn hơn "18.000 - 18.200". Ở đây ta thấy khoản lệch giá là 200 - ta có thể gọi là lệch hai giá theo cách của Việt Nam. Giả định ta có bốn nhà tạo giá đang báo giá cho Công ty Thiên Nam, như minh họa dưới:

Nhà tạo giá	Thu vào	Bán ra	Quy mô mua bán
Cty CK BVSC	20.800	21.200	1.000 x 1.000
Cty CK BSC	20.700	21.100	2.000 x 2.000
Cty CK ACBS	20.700	21.300	2.000 x 3.000
Cty CK TDMS	20.600	21.400	200 x 4.000

Nếu có một lệnh mua 800 cổ phần của Thiên Nam, nhà kinh doanh CK sẽ mua của Công ty CK BSC, vì ở đó có giá bán ra thấp nhất, cụ thể là 21.100đ. Vì lượng mua ít (chỉ có 800 cổ phần) trong khi quy mô chào bán là 2.000 cổ phần, nên sau khi giao dịch BSC vẫn còn lại 1.200 cổ phần có thể sẽ được bán theo giá nêu như cũ là 21.100 đ.

Nếu giả định Công ty CK kia nhận được tổng lượng đặt mua theo lệnh không phải là 800 mà lên đến 4.000 cổ phần, ta xem nhà kinh doanh trên thị trường OTC này sẽ hành xử thế nào? Trước tiên họ sẽ liên hệ mua của BSC trước số lượng 2.000 với giá 21.100 đ. Sau khi ảm gọn lượng chào bán của BSC vì còn đến 2.000 cổ phiếu cần mua họ xoay sang Công ty CK BVSC để mua 1.000 cổ phần với giá 21.200 đ. Như vậy giá thị trường cổ phiếu của Thiên Nam đã tăng lên một giá, từ 21.100 lên 21.200. Nhưng vẫn chưa xong, nhà kinh doanh phải cậy đến Công ty CK ACBS để mua cho đủ thêm 1.000 cổ phần nữa, giá bây giờ đã là 21.300 đ, giao dịch cuối cùng này đã đẩy giá thị trường lên thêm một giá nữa, lên 21.300 đ. Ta thấy, kết thúc giao dịch này CK có thể nhanh chóng vọt lên hai giá.

Với yêu cầu mua 4.000 CP, mà công ty BSC có đủ (hoặc dư) để bán cho nhà kinh doanh cùng lúc với giá 21.100 đ, thì họ sẽ chẳng gõ cửa thêm hai nhà tạo giá khác, và giá thị trường sẽ chẳng tăng. Trường hợp ngược lại, giả định nếu có một lệnh bán 4.000 CK trong thị trường OTC, thì theo bối cảnh đang được minh họa, nhà kinh doanh sẽ thực hiện

bán theo thứ tự: trước tiên 1.000 cổ phần cho Công ty CK BVSC, vì tại đây có giá thu vào cao nhất: 20.800 đ. Kế đó họ sẽ bán ra cho các công ty ACBS và BSC 3.000 cổ phần còn lại với giá 20.700 đ. Kết quả mua bán như vậy đã đẩy giá thu vào (bid) của thị trường từ 20.800 đ xuống một giá.

Các chỉ số chứng khoán "nói" gì?

Đầu tư chứng khoán không chỉ cần có kiến thức về tài chính, mà điều quan trọng là cần nhạy bén và có khả năng phân tích tổng hợp. Đối với các chuyên gia “lão luyện” trên thị trường chứng khoán, rủi ro và thua lỗ trong đầu tư cổ phiếu là điều không thể chấp nhận được. Và để hạn chế rủi ro đến mức thấp nhất, một trong số các công thức thành công của những nhà đầu tư chuyên nghiệp mà bạn nên áp dụng là thường xuyên kiểm tra và phân tích chỉ số giá cổ phiếu trên thị trường.

Lúc sinh thời, nhà bác học nổi tiếng bậc nhất thế kỷ XX Albert Einstein, cha đẻ của thuyết tương đối, đã được nhận danh hiệu “Người có bộ óc độc đáo và thông minh nhất hành tinh”. Nhưng cho đến cuối đời, Albert Einstein vẫn không hết ngạc nhiên về sự kỳ diệu của các lãi suất và những tính toán “rắc rối” trên thị trường chứng khoán. Chỉ số giá cổ phiếu sẽ là một trong những sự phức tạp đến khó hiểu đối với những người muốn tìm hiểu về các thông tin đầu tư chứng khoán

Chỉ số giá cổ phiếu là thông tin rất quan trọng đối với hoạt động của thị trường, đối với nhà đầu tư và đánh giá kinh tế bởi nó thể hiện tình hình hoạt động của thị trường chứng khoán. Tất cả các thị trường chứng khoán đều xây dựng hệ thống chỉ số giá cổ phiếu cho riêng mình.

Chỉ số giá cổ phiếu là thông tin thể hiện giá chứng khoán bình quân hiện tại so với giá bình quân thời kỳ gốc đã chọn. Giá bình quân thời kỳ gốc thường được lấy là 100 hoặc 1.000. Ví dụ, khi thông báo về thị trường chứng khoán đề cập đến chỉ số giá chứng khoán Hàn Quốc KOSPI ngày 9/1/2003 là 440.78 điểm, tức là ngụ ý nói về chỉ số giá cổ phiếu của ngày này so với gốc đã chọn là ngày 4/1/1980 với giá gốc là 100. So sánh giá trị chỉ số giữa hai thời điểm khác nhau, ta được mức biến đổi giá giữa hai thời điểm đó. Nếu trị giá chỉ số KOSPI ngày 10/1/2003 là 445.28, có nghĩa là thị trường Hàn Quốc đã có dấu hiệu phục hồi với chỉ số KOSPI đã tăng 5.5 điểm trong ngày. Nếu đem con số này so sánh với giá đóng cửa hôm trước và nhân với 100, ta sẽ có sự biến đổi theo % ($5.5/440.78 \times 100 = 1.25\%$).

Chỉ số giá cổ phiếu được tính cho từng cổ phiếu và được niêm yết trên báo chí: có thể là chỉ số cho tất cả cổ phiếu trên thị trường của một quốc gia, như chỉ số giá Hangseng của Hồng Kông, chỉ số giá cổ phiếu tổng hợp của Hàn Quốc (KOSPI); có thể là chỉ số cho từng ngành, nhóm ngành, như chỉ số giá cổ phiếu ngành công nghiệp của Mỹ (DJIA) hoặc cho trường quốc tế như chỉ số Hangseng Châu á (HSAI), chỉ số Dow Jones quốc tế (DJWSI)...

Một số yếu tố sau cũng thường được thống kê, tổng hợp đối với chỉ số giá và thông báo rộng rãi: chỉ số giá ngày nào đó, ngày đó so với ngày trước đó, so với đầu năm; chỉ số giá cao nhất, thấp nhất trong năm, số cổ phiếu có chỉ số tăng trong kỳ và giảm trong kỳ và phân tích biến động theo ngành... Một số chỉ số giá chứng khoán thường được thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Các chỉ số của thị trường chứng khoán Nhật Bản

Chỉ số NIKKEI 225: là chỉ số tổng hợp cổ phiếu với quyền số giá cả của 225 cổ phiếu thuộc sở giao dịch chứng khoán Tokyo và 250 cổ phiếu thuộc sở giao dịch Osaka do Thời báo kinh tế Nhật tính toán và công bố. Chỉ số này còn được gọi là chỉ số NIKKEI Dow vì phương pháp tính của nó như phương pháp tính các chỉ số DowJones.

Chỉ số TOPIX: chỉ số này tính cho tất cả chứng khoán quan trọng niêm yết tại thị trường chứng khoán Tokyo. Thời điểm gốc là 4/1/1968 với giá trị gốc là 100.

Các chỉ số của thị trường chứng khoán Anh

Chỉ số FT-30: là chỉ số giá 30 cổ phiếu công nghiệp hàng đầu của thị trường chứng khoán London. Chỉ số này được công bố mỗi giờ kể từ 10 giờ sáng đến 3 giờ chiều và tại thời điểm đóng cửa sở giao dịch chứng khoán London. Thời gian gốc là năm 1935 với trị giá gốc là 100.

Chỉ số FT-100: là chỉ số giá của 100 cổ phiếu hàng đầu tại Sở giao dịch chứng khoán London. Ngày gốc là 3/1/1984 với trị giá gốc là 1.000.

Các chỉ số của thị trường chứng khoán Mỹ

Chỉ số Dow Jones nói chung được hiểu là chỉ số giá chứng khoán bình quân của thị trường chứng khoán New York, một thị trường lớn nhất thế giới hiện nay, là chỉ số giá chung của 65 chứng khoán đại diện, thuộc nhóm hàng đầu (Blue chip) trong các chứng khoán được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán New York. Chỉ số Dow Jones bao hàm 3 chỉ số thuộc 3 nhóm ngành: công nghiệp DJIA (Dow Jones Industrial Average), vận tải DJTA (Dow Jones Transportation Average) và dịch vụ DJUA (Dow Jones Utilities Average).

Chỉ số DJIA: là chỉ số lâu đời nhất ở Mỹ do ông Charles H.Dow, cùng với công ty mang tên ông, thu thập giá đóng cửa của chứng khoán để tính ra và công bố trên Wall Street Journal từ năm 1896. Ban đầu, công ty chỉ tính giá bình quân của 12 cổ phiếu. Ngày tính đầu tiên là ngày 26/5/1896 với mức giá bình quân ngày này là 40.94 USD. Năm 1916, ông mở rộng ra 20 cổ phiếu và năm 1928 tăng lên 30 cổ phiếu. Số lượng này được giữ vững cho đến ngày nay. Nhóm Top 30 này thường xuyên có sự thay đổi. Khi công ty nào sa sút đến độ không đủ tiêu chuẩn để có thể được xếp vào Top 30 của các cổ phiếu Blue Chip, công ty đó lập tức sẽ bị thay thế bằng một công ty khác đang trên đà tăng trưởng. Công ty duy nhất luôn có mặt trong Top 30 kể từ buổi sơ khai của thị trường chứng khoán là General Electric.

Chỉ số DJTA: được công bố lần đầu tiên vào ngày 26/10/1896. Cho đến 2/1/1970, chỉ số này vẫn mang tên chỉ số công nghiệp đường sắt, vì trong khoảng thời gian này, ngành đường sắt phát triển rất mạnh và đường sắt chính là phương tiện vận tải chủ yếu. Chỉ số DJTA bao gồm 20 cổ phiếu của 20 công ty vận tải, đại diện cho ngành đường sắt, đường thủy và hàng không, được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán New York. Từ năm 1970 đến nay, chỉ số này trở thành một bộ phận của chỉ số Dow Jones. Mặc dù đã sát nhập với Dow Jones và không có mặt trên thị trường chứng khoán, nhưng một số các công ty thuộc ngành đường sắt Mỹ vẫn tính toán định kỳ chỉ số DJTA cho riêng mình nhằm đánh giá thực trạng hoạt động trong nội bộ ngành.

Chỉ số DJUA: là chỉ số ngành dịch vụ công cộng, được công bố trên Wall Street Journal từ tháng 1 năm 1929. Chỉ số này được tính từ giá đóng cửa chứng khoán của 15 công ty lớn nhất trong ngành khí đốt và điện.

Tuy chỉ có 65 cổ phiếu nhưng khối lượng giao dịch của chúng chiếm đến hơn 3/4 khối lượng của thị trường chứng khoán New York, vì thế, chỉ số Dow Jones thường phản ánh đúng xu thế biến động giá của thị trường chứng khoán Mỹ.

Chỉ số giá chứng khoán nói chung, chỉ số Dow Jones nói riêng, được coi là nhiệt kế để đo tình trạng sức khỏe của nền kinh tế, xã hội. Thông thường, nền kinh tế tăng trưởng thì chỉ số này tăng và ngược lại. Tuy nhiên, giá chứng khoán nói riêng, hay giá của thị trường nói chung, đều là kết quả được tổng hợp từ hàng loạt yếu tố như: các yếu tố kinh tế vĩ mô, các yếu tố của môi trường đầu tư... nhất là yếu tố tâm lý của người đầu tư. Nhiều khi, các dấu hiệu tăng trưởng của nền kinh tế mới chỉ thấp thoáng ở xa, mức lạc quan của nhà đầu tư đã có thể rất cao và họ đua nhau đi mua chứng khoán, đẩy giá lên cao. Ngược lại, có thể tình hình chưa đến nỗi tồi tệ, nhưng mọi người đã hoảng hốt bán ra ồ ạt làm giá chứng khoán giảm mạnh. Ví dụ, cách đây chưa đầy 2 tháng, sau khi có tin cơn bão Katrina đe dọa hoạt động công nghiệp khai thác dầu tại Vịnh Mêhêco, chỉ số Dow Jones đã giảm gần 76 điểm. Nguyên nhân là các nhà đầu tư đã bán ra một số lượng cổ phiếu khá lớn vì lo ngại các cổ phiếu công nghiệp sẽ mất giá sau khi cơn bão đi qua. Nhưng trên thực tế, không có cổ phiếu công nghiệp nào sụt giảm cả, bởi vì các công ty đã chủ động đối phó kịp thời với cơn bão.

Quả thật, kinh doanh chứng khoán không phải là việc đơn giản và thị trường chứng khoán không phải là chỗ cho những “tay mơ”, bởi vì rủi ro có thể ập đến bất cứ lúc nào mà ngay cả những người dù có kinh nghiệm đến đâu cũng khó tránh khỏi. Để hạn chế rủi ro đến mức thấp nhất, một trong những lời khuyên của các nhà đầu tư lão luyện là bạn nên luôn theo dõi sát sao các chỉ số giá cổ phiếu trong ngày.

Bản cáo bạch

1. Bản cáo bạch là gì?

Khi phát hành chứng khoán ra công chúng, công ty phát hành phải công bố cho người mua chứng khoán những thông tin về bản thân công ty, nêu rõ những cam kết của công ty và những quyền lợi cơ bản của người mua chứng khoán...để trên cơ sở đó người đầu tư có thể ra quyết định đầu tư hay không. Tài liệu phục vụ cho mục đích đó gọi là Bản cáo bạch hay Bản công bố thông tin.

Bản cáo bạch chính là một lời mời hay chào bán để công chúng đầu tư đăng ký hoặc mua chứng khoán của công ty phát hành. Bản cáo bạch bao gồm mọi thông tin liên quan đến đợt phát hành. Do đó, thông tin đưa ra trong Bản cáo bạch sẽ gắn với các điều khoản thực hiện lời mời hay chào bán.

Thông thường, một công ty muốn phát hành chứng khoán phải lập Bản cáo bạch để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét, gọi là Bản cáo bạch sơ bộ. Bản cáo bạch sơ bộ khi đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận sẽ được coi là Bản cáo bạch chính thức. Khi thực hiện chào bán chứng khoán, ngoài Bản cáo bạch chính thức, công ty phát hành thường cung cấp Bản cáo bạch tóm tắt. Nội dung Bản cáo bạch tóm tắt là tóm gọn lại những nội dung chính của Bản cáo bạch chính thức nhưng vẫn phải đảm bảo tuân thủ theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Tại sao cần phải đọc Bản cáo bạch

Bản cáo bạch là một tài liệu rất quan trọng. Với tư cách là một nhà đầu tư, Bản cáo bạch là phương tiện giúp bạn đánh giá mức độ sinh lời và triển vọng của công ty trước khi bạn quyết định có đầu tư vào công ty hay không. Một quyết định thiếu thông tin có thể làm bạn phải trả giá đắt.

Bởi vậy, bạn nên đọc Bản cáo bạch một cách kỹ lưỡng và tìm hiểu rõ những may rủi thực sự của công ty trước khi ra quyết định đầu tư. Bạn nên đánh giá cẩn thận những yếu tố cơ bản của công ty đăng ký niêm yết thông qua nghiên cứu các thông tin trong Bản cáo bạch. Mặc dù những đợt chào bán lần đầu ra công chúng thường là cơ hội đầu tư tốt vì chúng thường mang lại lợi nhuận ban đầu cao, do cổ phiếu tăng giá, nhưng rủi ro vẫn tồn tại.

3. Bản cáo bạch thường gồm 8 mục chính sau:

Trang bìa;
Tóm tắt Bản cáo bạch;
Các nhân tố rủi ro;
Các khái niệm;
Chứng khoán phát hành;
Các đối tác liên quan tới đợt phát hành;
Tình hình và đặc điểm của tổ chức phát hành;
Phụ lục.

4. Cách sử dụng bản cáo bạch

Bạn nên bắt đầu phân tích một công ty phát hành bằng Bản cáo bạch của công ty. Trong quá trình thực hiện bạn nên tự đặt ra cho mình một số câu hỏi quan trọng. Ví dụ, việc kinh doanh của công ty đó có tiến triển hay không?, doanh số bán hàng tăng có nghĩa là lợi nhuận cũng tăng và dẫn tới giá cổ phiếu tăng. Nhưng các con số chưa phải nói lên tất cả. Do vậy, bạn nên nghiên cứu kỹ Bản cáo bạch để tìm ra những dấu hiệu tăng trưởng của công ty.

Bạn cũng nên tìm hiểu về Ban giám đốc của công ty phát hành, các sản phẩm của công ty và tự đặt ra câu hỏi liệu các sản phẩm này có tiếp tục bán được nữa không?

5. Những thông tin cần xem

Trang bìa (mặt trước và mặt sau);
Thời gian chào bán;
Các khái niệm;
Tình hình và đặc điểm của tổ chức phát hành;
Bảng mục lục;
Tóm tắt Bản cáo bạch;
Tóm tắt về vốn cổ phần, thống kê số liệu phát hành / chào bán, số nợ và phương án sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành;
Chứng khoán phát hành;
Thông tin về ngành kinh doanh;
Thông tin tài chính;
Thông tin về cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc;
Các đối tác liên quan tới đợt phát hành;
Các nhân tố rủi ro liên quan đến ngành kinh doanh và triển vọng của công ty;
Phụ lục;
Thủ tục nộp hồ sơ và chấp thuận.

6. Thông tin chính của trang bìa

Các chứng khoán sẽ được bán;
Số lượng chứng khoán sẽ được bán;
Giá bán các chứng khoán;
Tổ chức liên quan đến đợt phát hành.

7. Tóm tắt bản cáo bạch

Phần này giúp bạn tìm hiểu khái quát những thông tin tóm tắt về công ty.

Giới thiệu chung về công ty phát hành, các hoạt động kinh doanh, người hỗ trợ phát hành, các cổ đông lớn và Ban giám đốc của công ty;

Tóm tắt về thông tin tài chính của công ty phát hành, kể cả triển vọng của công ty;
Tóm tắt về các yếu tố rủi ro liên quan hoặc ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh và tài chính của công ty phát hành;

Tóm tắt về vốn cổ phần, thống kê phát hành hoặc chào bán, số nợ, số tiền thu được từ đợt phát hành và mục đích sử dụng số tiền này.

Ngoài ra bạn nên đối chiếu với các phần tương ứng khác trong Bản cáo bạch để có được các thông tin chi tiết mà bạn cần quan tâm.

Thông tin về ngành kinh doanh - công ty đang có những hoạt động kinh doanh gì?

Thông tin đưa ra thường bao gồm:

Tình hình (các) ngành kinh doanh chính mà công ty phát hành tham gia;

Triển vọng của (các) ngành liên quan có ảnh hưởng tới hoạt động ngành kinh doanh chính của công ty phát hành;

Loại sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính của công ty;

Khách hàng và nhà cung cấp của công ty phát hành;

Công nghệ, phương thức sản xuất và kênh phân phối sử dụng;

Các nhân tố thương mại như hệ thống bán lẻ, đại lý, hệ thống phân phối, nhãn hiệu sản phẩm, giấy phép kinh doanh, bằng sáng chế và khả năng nghiên cứu và phát triển.

Đối với các công ty đăng ký niêm yết được hưởng chính sách ưu đãi thì phần thông tin về ngành kinh doanh này trong Bản cáo bạch cũng cần phải công bố chi tiết các vấn đề về công nghệ của những công ty này.

8. Thông tin tài chính – công chúng đầu tư tham gia có làm lợi nhuận giảm?

Thông tin tài chính là một phần quan trọng trong Bản cáo bạch và thường được chia thành 2 phần:

Thông tin tài chính trong quá khứ;

Thông tin tài chính trong tương lai.

a) Phần thông tin tài chính trong quá khứ

Thường bao gồm tóm tắt các bản báo cáo tài chính đã được kiểm toán, và bảng cân đối kế toán (trên cơ sở tổng hợp) theo mẫu, được trích ra từ Báo cáo của kiểm toán trong phần phụ lục của Bản cáo bạch. Một số ngành kinh doanh còn yêu cầu cung cấp cả thông tin về luồng thu nhập. Việc công bố thông tin tài chính trong quá khứ thường được tính từ 2 năm tài chính trước. Thông tin phải đi kèm với phần giải thích và phân tích hoạt động tài chính trong quá khứ. Nếu có bất cứ một sai sót nào trong các thông tin tài chính được công bố mà Ủy ban Chứng khoán phát hiện được thì tổ chức kiểm toán cũng như tổ chức bảo lãnh phát hành phải chịu trách nhiệm liên đới trước pháp luật cùng với tổ chức phát hành.

b) Phần thông tin tài chính tương lai

Gồm các dự tính về:

Doanh thu;

Lợi nhuận trước thuế trước và sau khi tính lãi cho cổ đông thiểu số ngoài công ty;

Lợi nhuận sau thuế;

Tổng cổ tức và cổ tức ròng.

Từ dự tính về lợi nhuận và giá chào bán cổ phiếu của công ty phát hành, bạn có thể tính ra các mức giá thị trường của một cổ phiếu tính theo thu nhập trên mỗi cổ phiếu trong năm của công ty phát hành (được ký hiệu là P/E). Hệ số này cho thấy khi nào thì giá cổ phiếu phù hợp với thu nhập. Tức là các công ty có nhiều cơ hội tăng trưởng thường có P/E cao hơn các công ty có ít cơ hội tăng trưởng. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý trường hợp P/E cao có thể là do mức thu nhập (E) thấp. Căn cứ vào hệ số P/E, cùng với sự phân tích về mặt chất lượng của công ty phát hành, bạn có thể đánh giá đợt phát hành, chào bán cổ phiếu của công ty so với các mức cổ phiếu đã được niêm yết của các công ty trong cùng ngành.

9. Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc – những ai là người điều hành đợt phát hành

Bạn nên đọc danh sách các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc. Mặc dù các dữ liệu đưa ra không phải là con dấu đảm bảo về chất lượng kỹ năng quản lý của họ, nhưng bạn vẫn có thể biết được trình độ chuyên môn và kinh nghiệm quản lý của những con người này.

Bạn cần chú ý các quyền lợi của các cổ đông lớn, Hội đồng quản trị và đội ngũ lãnh đạo chủ chốt trong các ngành tương tự hoặc các ngành cạnh tranh nếu chúng được nêu trong Bản cáo bạch. Bạn cũng nên chú ý các giao dịch trong quá khứ hoặc trong tương lai với các công ty liên quan. Bản cáo bạch sẽ cung cấp đầy đủ các nhóm thành viên sau:

Cổ đông lớn và các nhà sáng lập của công ty phát hành, kể cả tên và cổ phần của các cá nhân đứng đằng sau công ty;

Hội đồng quản trị bao gồm cổ phần mà họ đại diện, chi tiết về trình độ, kinh nghiệm và phân trách nhiệm của mỗi giám đốc, và họ có phải là các giám đốc điều hành hay không;

Đội ngũ cán bộ quản lý dưới cấp uỷ viên Hội đồng quản trị, chi tiết về trình độ, kinh nghiệm và phân trách nhiệm của họ;

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, trái phiếu của từng thành viên nói trên.

10. Các yếu tố rủi ro

Các rủi ro chung bao gồm:

Việc tăng, giảm giá chứng khoán phụ thuộc vào các điều kiện của thị trường chứng khoán nói chung, của tình trạng kinh tế đất nước và thế giới;

Những thay đổi trong chính sách của Chính phủ;

Những rủi ro về ngoại hối;

Những thay đổi về tỷ lệ lãi suất;

Những rủi ro có thể xảy ra của công ty bao gồm:

Sự phụ thuộc vào những cán bộ chủ chốt;

Sự phụ thuộc vào một số ít các khách hàng, nhà cung cấp hoặc các dự án trong nội bộ công ty;

Những thay đổi về giá nguyên liệu thô;
Sự hợp nhất giữa các đối thủ cạnh tranh hoặc các công ty mới tham gia vào ngành;
Tranh chấp cụ thể đã bắt đầu phát sinh hoặc bị mang ra toà.
Trong phần này bạn cần tìm hiểu xem Hội đồng quản trị của công ty định giải quyết hoặc làm giảm ảnh hưởng của các nhân tố rủi ro đã xác định như thế nào.

Quỹ đầu tư và Cty quản lý quỹ trong việc chuyển đổi các tổng Cty NN

Để thực hiện việc đầu tư - kinh doanh chứng khoán trên thị trường tài chính, đòi hỏi công chúng và các nhà đầu tư không chỉ có kiến thức về chứng khoán và thị trường chứng khoán (TTCK) mà còn phải thường xuyên quan tâm, theo dõi, bám sát thực trạng, phân tích xu hướng phát triển của thị trường vốn. Để làm được điều này đòi hỏi các nhà đầu tư phải tiến hành khảo sát thực tiễn, thu thập thông tin, tài liệu để tiến hành phân tích từng chứng khoán cụ thể, lập và quản lý danh mục đầu tư... nhằm hạn chế rủi ro, nâng cao hiệu quả vốn đầu tư.

Với lĩnh vực nghiệp vụ, chuyên môn đặc biệt này, chỉ những chuyên gia và các nhà đầu tư chuyên nghiệp mới có thể thực hiện được. Vì vậy, mâu thuẫn giữa nhu cầu đầu tư với khả năng hạn chế về tri thức, thông tin và công nghệ đã được giải quyết bởi quá trình hợp tác và phân công lao động xã hội trong hoạt động đầu tư - kinh doanh chứng khoán. Từ nhu cầu thực tiễn đã dẫn đến sự hình thành từng bước những mối quan hệ kinh tế tất yếu trên cơ sở của sự phân công và phối hợp những quan hệ về sở hữu vốn, quản trị và điều hành việc sử dụng vốn đầu tư một cách có tổ chức... Cùng với nó, những người chủ sở hữu vốn đầu tư thành lập những tổ chức tài chính dưới mô hình như: “quỹ đầu tư”, “công ty đầu tư”, “công ty quản lý quỹ đầu tư”...

Quỹ đầu tư (QĐT) và công ty quản lý quỹ đầu tư (CtyQLQ) ra đời xuất phát từ nhu cầu nội tại của thị trường tài chính và khi TTCK đã phát triển ở mức độ nhất định. Thực tiễn đã chứng minh rằng, mặc dù TTCK đã xuất hiện từ giữa thế kỷ XV nhưng các QĐT, CtyQLQ mới chỉ bắt đầu xuất hiện vào cuối thế kỷ XIX và phát triển mạnh mẽ từ giữa thế kỷ XX đến nay.

QĐT và CtyQLQ thường được hình thành một cách tuần tự, từ đơn giản đến phức tạp, quy mô từ nhỏ đến lớn và mô hình tổ chức - quản lý ngày càng hoàn thiện, phạm vi hoạt động từ quốc gia đến quốc tế. Lịch sử phát triển của các QĐT, CtyQLQ cho thấy, mô hình khởi điểm là các QĐT tập thể, chưa phải là pháp nhân, sau đó là thời kỳ phát triển của các QĐT dưới dạng công ty theo mô hình “đóng” rồi mới xuất hiện và phát triển dưới mô hình “mở”.

Từ thực tiễn, sự phát triển không ngừng của các QĐT và CtyQLQ trên thị trường tài chính là một trong những kết quả trực tiếp của sự phát triển của phân công lao động xã hội trong lĩnh vực tài chính.

Các QĐT và CtyQLQ đầu tư có những nhiệm vụ chủ yếu như sau:

Huy động vốn đầu tư;

Quản lý và thực hiện quá trình đầu tư trên cơ sở các nguồn vốn đã huy động được;

Lưu ký, bảo quản tài sản và tổ chức giám sát các hoạt động đầu tư;

Để thực hiện những nhiệm vụ này, QĐT và CtyQLQ đầu tư phải giải quyết tốt những mối quan hệ trên TTCK, thị trường tiền tệ. Trong đó, có những mối quan hệ với các ngân hàng, công ty tài chính... với tư cách là tổ chức bảo lãnh phát hành, lưu ký, bảo quản tài sản, giám sát hoạt động của các CtyQLQ đầu tư hoặc thực hiện các hợp đồng ủy thác huy động vốn, quản lý danh mục đầu tư cho các QĐT.

Những nội dung cơ bản của hoạt động đầu tư:

Hoạt động đầu tư là nhiệm vụ quan trọng nhất, giữ vai trò quyết định đến sự thành công hay thất bại đối với mọi QĐT, CtyQLQ đầu tư. Vì vậy, để tiến hành đầu tư, các QĐT, CtyQLQ đầu tư phải tổ chức thực hiện nghiêm túc quy trình hoạt động đầu tư (theo Sơ đồ a)

Để nghiên cứu đầu tư, các QĐT và CtyQLQ đầu tư sử dụng công cụ phân tích cơ bản, nhằm tập trung giải quyết những vấn đề vĩ mô như: phân tích sự tác động của lãi suất, tỷ giá, chính sách kinh tế - xã hội, các quan hệ kinh tế quốc tế... tác động tới hoạt động đầu tư - kinh doanh chứng khoán; phát hiện, dự đoán khuynh hướng phát triển và những biến động có thể xảy ra đối với toàn bộ nền kinh tế - đặc biệt là đối với thị trường tài chính và triển vọng phát triển của từng ngành, từng lĩnh vực cụ thể. Đồng thời, để tính toán khả năng sinh lời, triển vọng tăng trưởng, phân tích rủi ro đối với từng loại chứng khoán cụ thể; QĐT, CtyQLQ đầu tư sử dụng công cụ phân tích kỹ thuật để thực hiện điều này.

Mục tiêu đầu tư được xác định và thiết lập trên cơ sở những kết quả nghiên cứu thị trường và phân tích lợi nhuận, rủi ro theo quy trình như sơ đồ 3. Đồng thời, phải xuất phát từ khả năng tài chính, khả năng tham gia của các nhà đầu tư, những đặc điểm và mục tiêu thành lập quỹ... Trên cơ sở đó, phải xác định mục tiêu đầu tư là thu nhập, lãi vốn hay kết hợp cả hai mục tiêu này để bảo tồn và phát triển quỹ một cách hiệu quả nhất.

Mục tiêu đầu tư được thực hiện thông qua các chiến lược đầu tư. Nghĩa là, chiến lược đầu tư phải được thành lập trên cơ sở mục tiêu đầu tư. Căn cứ vào mục tiêu đầu tư chủ động xây dựng chiến lược đầu tư để xác định cơ cấu tài sản (phân bố tài sản) và lựa chọn chứng khoán theo hướng năng động hoặc theo cơ cấu ổn định. Từ đó hình thành chiến lược đầu tư mang tính chủ động hay thụ động hoặc sử dụng chiến lược hỗn hợp cả hai thuộc tính này để hình thành danh mục đầu tư.

Chiến lược đầu tư mang tính chủ động: áp dụng chiến lược này, danh mục đầu tư thường tập trung vào các công cụ tài chính mang tính mạo hiểm, mức độ rủi ro cao như đối với việc đầu tư - kinh doanh cổ phiếu, các công cụ tài chính phái sinh và liên quan nhiều đến yếu tố tạo lập thị trường.

Với việc áp dụng chiến lược này, các nhà hoạch định kỳ vọng vào sự tăng trưởng về giá trị tương lai hoặc vào sự phát triển đột biến để lựa chọn ngành, lĩnh vực và các chứng

khoản cụ thể. Điều này đòi hỏi phải sử dụng thuần thục cả hai loại công cụ phân tích nêu trên để có thể phát huy tính chủ động, không ngừng chuyển hóa cơ cấu tài sản và đổi mới chứng khoán.

Ngược lại, chiến lược đầu tư mang tính thụ động thường dàn trải tài sản và đa dạng hóa chứng khoán trong danh mục đầu tư; nhằm bù đắp giữa lợi nhuận và rủi ro để có được thu nhập ổn định, hạn chế rủi ro đến mức có thể chấp nhận được đối với từng chứng khoán cụ thể. Với việc áp dụng chiến lược này, các nhà hoạch định thường phân bổ tài sản chủ yếu vào các công cụ tài chính có thu nhập tương đối ổn định như trái phiếu Chính phủ, hoặc thiết lập danh mục đầu tư theo kết cấu chỉ số. Về bản chất, đây chỉ là sự sao chép lại một cách thụ động mức lợi nhuận của toàn thị trường và không kỳ vọng vào loại hình chứng khoán và lĩnh vực kinh tế cụ thể nào, còn kết quả hoạt động đầu tư thì bị lệ thuộc vào diễn biến khách quan của thị trường.

Trong những điều kiện đặc biệt, chiến lược này phát huy được hiệu quả đầu tư rất cao. Ví dụ, trong thời kỳ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán (TTGDCK) mới triển khai hoạt động ở Việt Nam, mặc dù các nhà đầu tư đã thực hiện chiến lược đầu tư một cách thụ động theo chỉ số cổ phiếu với danh mục đầu tư rất đơn điệu và chỉ tập trung vào cổ phiếu. Nhưng, do giá cả cổ phiếu liên tục tăng lên trong khoảng thời gian khá dài nên việc áp dụng chiến lược đầu tư thụ động là hợp lý, đơn giản và hiệu quả nhất.

Các QĐT và CtyQLQ cũng có thể áp dụng chiến lược đầu tư mang tính hỗn hợp trên cơ sở phối hợp cả hai chiến lược nêu trên. Ví dụ, phát huy tính chủ động trong việc phân bổ tài sản, thường xuyên thay đổi cơ cấu chứng khoán trong danh mục đầu tư nhưng trong việc lựa chọn chứng khoán thì nắm giữ các danh mục đầu tư theo chỉ số đối với từng loại chứng khoán cụ thể. Tính chất hỗn hợp của chiến lược đầu tư cũng có thể được thực hiện theo hướng thụ động trọng tâm. Để thực hiện chiến lược này, trọng tâm của danh mục đầu tư là những chứng khoán được lựa chọn theo chỉ số. Bộ phận còn lại của danh mục đầu tư được thực hiện theo phương thức chủ động.

Để nâng cao hiệu quả vốn đầu tư; việc quản trị, điều hành QĐT, CtyQLQ đầu tư phải luôn luôn hướng vào các chỉ tiêu kinh tế cơ bản như: tổng thu nhập, tỷ lệ thu nhập, tổng chi phí, tỷ lệ chi phí và chất lượng hoạt động của bộ máy quản trị điều hành. Đồng thời, các QĐT, CtyQLQ đầu tư không chỉ khai thác và sử lý tốt các thông tin thị trường, mà còn phải cung cấp thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về tình hình tài chính và hoạt động QĐT, CtyQLQ đầu tư. Hội đồng quản trị phải cung cấp cho các NĐT các báo cáo về tình hình hoạt động đầu tư, tình hình tài chính. Nếu QĐT theo mô hình hợp đồng thì phải cung cấp cho nhà đầu tư các tài liệu báo cáo định kỳ của CtyQLQ đầu tư, báo cáo của người thụ ủy và các báo cáo tài chính (bao gồm: báo cáo về tài sản và công nợ, thu nhập và chi phí, sự thay đổi giá trị tài sản ròng...).

Danh mục đầu tư thể hiện một cách tổng thể mục tiêu, chiến lược đầu tư, việc phân bổ tài sản và lựa chọn chứng khoán không chỉ đối với các loại hình chứng khoán, ngành, lĩnh vực mà QĐT, CtyQLQ đầu tư quan tâm; mà còn thể hiện cả mục tiêu, phạm vi hoạt động của chúng trên thị trường tài chính thế giới. Danh mục đầu tư của các QĐT, CtyQLQ ở các nước trên thế giới trong những năm qua đã không chỉ tập trung việc phân bổ tài sản

và lựa chọn những chứng khoán ở các thị trường vốn phát triển mà còn tranh thủ những cơ hội đầu tư vào những TTCK đang phục hồi ở những quốc gia thực hiện việc chuyển đổi mô hình kinh tế (đặc biệt là đối với TTCK của một số nước Đông Âu, Nga và Trung Quốc).

Tại Việt Nam, các nhà đầu tư nước ngoài (ĐTNN) cũng đã bắt đầu quan tâm, tiến hành đầu tư, thành lập CtyQLQ ở Việt Nam để tận dụng những cơ hội đầu tư xuất hiện trên TTCK và trong quá trình cổ phần hóa (CPH) doanh nghiệp nhà nước (DNNN). Năm 2003, lần đầu tiên ở Việt Nam, CtyQLQ đầu tư đã được thành lập, đó là Công ty Liên doanh QLQ đầu tư chứng khoán Việt Nam- VietFund Management (VFM). Đây là một liên doanh giữa Công ty Dragon Capital Management và Ngân hàng Thương mại (NHTM) Cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

QĐT và CtyQLQ đầu tư đối với việc chuyển đổi các Tổng công ty (TCty) nhà nước sang mô hình tập đoàn kinh tế

Việc đổi mới các TCty nhà nước thành các tập đoàn kinh tế để thích ứng với những điều kiện của nền kinh tế thị trường trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt, trước ngưỡng cửa của việc Việt Nam ra nhập WTO và của quá trình hội nhập, toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới đã trở thành một trong những nhiệm vụ trọng tâm của cải cách khu vực kinh tế nhà nước ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Thực tiễn thế giới cho thấy, để tăng cường sự chủ động về vốn và phát triển lĩnh vực đầu tư tài chính, ngoài những “công ty con” là ngân hàng, công ty tài chính (CtyTC), các tập đoàn kinh tế phi ngân hàng còn có CtyQLQ đầu tư và hàng loạt các QĐT chứng khoán. CtyQLQ đầu tư (còn được gọi là CtyQLQ) và các QĐT đã và đang tạo tiền đề cho sự phát triển hùng mạnh của hầu hết các tập đoàn kinh tế (đặc biệt là đối với các công ty xuyên quốc gia - Transnational Corporations). Vì vậy, việc thành lập các QĐT và CtyQLQ đầu tư sẽ trở thành vấn đề tất yếu để thúc đẩy sự hình thành và phát triển các tập đoàn kinh tế ở Việt Nam - đặc biệt là đối với việc chuyển đổi và phát triển các TCty nhà nước theo mô hình tập đoàn kinh tế.

Cho đến nay tất cả các TCty nhà nước đều chưa thành lập QĐT và CtyQLQ. Mặc dù đã có một vài TCty nhà nước thành lập CtyTC, nhưng với mô hình và phương thức hoạt động như hiện nay, các CtyTC ở các TCty nhà nước không thể đẩy mạnh lĩnh vực hoạt động đầu tư - kinh doanh chứng khoán. Điều này đã và đang diễn ra đối với những CtyTC của các TCty nhà nước có quy mô lớn nhất.

Ví dụ: Theo mô hình tổ chức hiện nay, TCty Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) có 117 đơn vị thành viên, bao gồm: các đơn vị hạch toán phụ thuộc, các đơn vị hạch toán độc lập, các đơn vị sự nghiệp và các công ty có vốn góp chi phối của VNPT. Trong đó, 70 đơn vị thành viên của VNPT hoạt động theo chế độ hạch toán phụ thuộc gồm 61 Bưu điện tỉnh, thành phố và 9 Công ty chuyên ngành. Những doanh nghiệp này chiếm trên 90% tổng vốn đầu tư phát triển hàng năm của VNPT và tạo ra gần 85% doanh thu của VNPT.

Các đơn vị thành viên của VNPT có liên quan mật thiết với nhau về lợi ích kinh tế, tài chính, công nghệ, cung ứng, tiêu thụ, dịch vụ, thông tin, đào tạo, nghiên cứu, tiếp thị trong lĩnh vực bưu chính - viễn thông và các lĩnh vực liên quan đến việc phát triển ngành Bưu chính - Viễn thông. Năm 2003 tổng doanh thu của VNPT đạt 24.997 tỷ đồng. Trong đó, doanh thu từ dịch vụ bưu chính - viễn thông chiếm 91,3%, nộp ngân sách nhà nước 4.145 tỷ đồng; nguồn vốn chủ sở hữu của VNPT đã lên tới 29.608 tỷ đồng. Để có được những thành tựu này, ngay từ khi thực hiện “Quy hoạch phát triển bưu chính viễn thông giai đoạn 1996-2000” VNPT đã vận dụng sáng tạo và triệt để chủ trương đa dạng hóa các nguồn vốn: thu hút vốn đầu tư nước ngoài thông qua hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC); liên doanh góp vốn với các đối tác nước ngoài, khai thác nguồn vốn hỗ trợ phát triển (ODA) và các nguồn vốn tín dụng từ các NHTM.

Đồng thời, để khắc phục thói quen trông chờ vào các nguồn vốn từ TCty và để khai thác những nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của các đơn vị thành viên, khai thác các nguồn vốn trên thị trường tài chính, thực hiện việc đầu tư tài chính, năm 1998 VNPT đã thành lập CtyTC Bưu điện (PTF) để kinh doanh tài chính thông qua các hoạt động như: huy động và cho vay vốn; phát hành kỳ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và các loại giấy tờ có giá; kinh doanh dịch vụ ngân quỹ...

Mặc dù PTF đã tích cực hoạt động trong lĩnh vực tài chính nhưng cho đến nay hoạt động chủ yếu của PTF là thực hiện cho vay theo ủy thác, cho vay trực tiếp, cho vay đồng tài trợ còn đối với hoạt động đầu tư không đáng kể. Năm 2003, quy mô hoạt động đầu tư - kinh doanh chứng khoán và góp vốn liên doanh mua cổ phần mới chỉ đạt hơn 3 tỷ 107 triệu đồng. Thực trạng này cũng đang diễn ra tại các CtyTC hiện có ở các TCty nhà nước (CtyTC Dệt may, CtyTC Cao su, CtyTC Tàu thủy, CtyTC Dầu khí). Trong khi đó, tháng 8/2004 QĐT Chứng khoán Việt Nam (VF1) khi tổ chức khai trương đã huy động huy động đủ 300 tỷ đồng vốn điều lệ được phép phát hành. Như vậy có thể khẳng định rằng, một trong những nguyên nhân chủ yếu là ở chỗ: các CtyTC không phải là doanh nghiệp chuyên hoạt động kinh doanh các sản phẩm tài chính dưới hình thức chứng khoán. Vì vậy, để có thể bắt nhịp và hoà nhập vào thị trường tài chính, đồng thời, để thúc đẩy sự chuyển đổi từ mô hình TCty sang mô hình tập đoàn dưới dạng “công ty mẹ-công ty con” việc thành lập QĐT chứng khoán và CtyQLQ là phù hợp với xu hướng phát triển và những tiềm năng hiện có của các TCty nhà nước.

Kết luận

QĐT và CtyQLQ đầu tư là tất yếu khách quan và là sản phẩm trực tiếp của quá trình phát triển của phân công lao động xã hội đối với thị trường tài chính. Hoạt động của QĐT, CtyQLQ đầu tư không chỉ trong phạm vi quốc gia, mà còn phát triển trên phạm vi quốc tế - một trong những nhân tố của quá trình hội nhập và toàn cầu hóa thị trường tài chính hiện đại. Vì vậy, sự ra đời và phát triển của các QĐT, CtyQLQ ở Việt Nam là sản phẩm tất yếu của cải cách từ mô hình kế hoạch hóa tập trung sang mô hình nền kinh tế thị trường. Căn cứ vào phương thức hoạt động, các QĐT có thể được thành lập theo mô hình “đóng” hoặc “mở”, dưới dạng “hợp đồng” hay “công ty”. Tuy nhiên, do những đặc điểm và các nhân tố của việc thiết lập quỹ được hình thành từng bước, cho nên, ở giai đoạn đầu phải thành lập các QĐT dưới dạng “hợp đồng” và tổ chức - quản lý theo mô hình “đóng”.

Đồng thời, việc thành lập CtyQLQ có thể bắt đầu từ mô hình công ty tư vấn đầu tư chứng khoán.

Để thúc đẩy quá trình hình thành và phát triển của các TCty nhà nước theo mô hình tập đoàn kinh tế, có thể, mỗi TCty nhà nước sẽ thành lập thí điểm một vài QĐT và chuẩn bị điều kiện để tiến tới việc thành lập CtyQLQ; các TCty nhà nước thành các tập đoàn kinh tế, các TCty nhà nước cần đẩy nhanh tiến độ CPH theo hướng chuyển đổi sang mô hình tập đoàn kinh tế.

Để đảm bảo tính chuyên nghiệp trong việc quản trị các danh mục đầu tư và nâng cao hiệu quả phân vốn đầu tư của các TCty tại công ty cổ phần (CtyCP) - (các doanh nghiệp trong ngành), các TCty nhà nước có thể giao cho các QĐT hoặc CtyQLQ thực hiện việc quản trị kinh doanh và quản lý tập trung vốn cổ phần của TCty tại các CtyCP.

** Các loại hình quỹ đầu tư*

Quỹ đầu tư là một định chế tài chính trung gian phi ngân hàng thu hút tiền nhàn rỗi từ các nguồn khác nhau để đầu tư vào các cổ phiếu, trái phiếu, tiền tệ, hay các loại tài sản khác.

Tất cả các khoản đầu tư này đều được quản lý chuyên nghiệp, chặt chẽ bởi công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và cơ quan thẩm quyền khác.

Tại sao nhà đầu tư sử dụng quỹ đầu tư?

Nhà đầu tư cá nhân hay pháp nhân thường quyết định đầu tư thông qua quỹ bởi 05 yếu tố:

- o Giảm thiểu rủi ro nhờ đa dạng hóa danh mục đầu tư
- o Tiết kiệm chi phí nhưng vẫn đạt các yêu cầu về lợi nhuận
- o Được quản lý chuyên nghiệp
- o Giám sát chặt chẽ bởi các cơ quan thẩm quyền
- o Tính năng động của quỹ đầu tư.

Mỗi nhà đầu tư tham gia đầu tư vào quỹ sẽ sở hữu một phần trong tổng danh mục đầu tư của quỹ. Việc nắm giữ này được thể hiện thông qua việc sở hữu các chứng chỉ quỹ đầu tư.

Các loại hình quỹ đầu tư

Hiện nay, trên thế giới có rất nhiều loại hình quỹ đầu tư căn cứ theo các tiêu chí phân loại khác nhau.

1. Căn cứ vào nguồn vốn huy động:

+ Quỹ đầu tư tập thể (quỹ công chúng)

Là quỹ huy động vốn bằng cách phát hành rộng rãi ra công chúng. Nhà đầu tư có thể là cá nhân hay pháp nhân nhưng đa phần là các nhà đầu tư riêng lẻ. Quỹ công chúng cung cấp

cho các nhà đầu tư nhỏ phương tiện đầu tư đảm bảo đa dạng hóa đầu tư, giảm thiểu rủi ro và chi phí đầu tư thấp với hiệu quả cao do tính chuyên nghiệp của đầu tư mang lại.

+ Quỹ đầu tư cá nhân (Quỹ thành viên)

Quỹ này huy động vốn bằng phương thức phát hành riêng lẻ cho một nhóm nhỏ các nhà đầu tư, có thể được lựa chọn trước, là các cá nhân hay các định chế tài chính hoặc các tập đoàn kinh tế lớn, do vậy tính thanh khoản của quỹ này sẽ thấp hơn quỹ công chúng. Các nhà đầu tư vào các quỹ tư nhân thường với lượng vốn lớn, và đôi lại họ có thể tham gia vào trong việc kiểm soát đầu tư của quỹ.

2. Căn cứ vào cấu trúc vận động vốn:

+ Quỹ đóng

Đây là hình thức quỹ phát hành chứng chỉ quỹ một lần duy nhất khi tiến hành huy động vốn cho quỹ và quỹ không thực hiện việc mua lại cổ phiếu/chứng chỉ đầu tư khi nhà đầu tư có nhu cầu bán lại. Nhằm tạo tính thanh khoản cho loại quỹ này, sau khi kết thúc việc huy động vốn (hay đóng quỹ), các chứng chỉ quỹ sẽ được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Các nhà đầu tư có thể mua hoặc bán để thu hồi vốn cổ phiếu hoặc chứng chỉ đầu tư của mình thông qua thị trường thứ cấp. Tổng vốn huy động của quỹ cố định và không biến đổi trong suốt thời gian quỹ hoạt động. Hình thức quỹ đóng này mới được áp dụng tại Việt Nam, đó là Quỹ đầu tư VF1 do công ty VFM huy động vốn và quản lý.

+ Quỹ mở

Khác với quỹ đóng, tổng vốn của quỹ mở biến động theo từng ngày giao dịch do tính chất đặc thù của nó là nhà đầu tư được quyền bán lại chứng chỉ quỹ đầu tư cho quỹ, và quỹ phải mua lại các chứng chỉ theo giá trị thuần vào thời điểm giao dịch. Đối với hình thức quỹ này, các giao dịch mua bán chứng chỉ quỹ được thực hiện trực tiếp với công ty quản lý quỹ và các chứng chỉ quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Do việc đòi hỏi tính thanh khoản cao, hình thức quỹ mở này mới chỉ tồn tại ở các nước có nền kinh tế và thị trường chứng khoán phát triển như Châu Âu, Mỹ, Canada... và chưa có mặt tại Việt Nam.

3. Căn cứ vào cơ cấu tổ chức và hoạt động của quỹ:

+ Quỹ đầu tư dạng công ty

Trong mô hình này, quỹ đầu tư là một pháp nhân, tức là một công ty được hình thành theo quy định của pháp luật từng nước. Cơ quan điều hành cao nhất của quỹ là hội đồng quản trị do các cổ đông (nhà đầu tư) bầu ra, có nhiệm vụ chính là quản lý toàn bộ hoạt động của quỹ, lựa chọn công ty quản lý quỹ và giám sát hoạt động đầu tư của công ty quản lý quỹ và có quyền thay đổi công ty quản lý quỹ. Trong mô hình này, công ty quản lý quỹ hoạt động như một nhà tư vấn đầu tư, chịu trách nhiệm tiến hành phân tích đầu tư, quản lý danh mục đầu tư và thực hiện các công việc quản trị kinh doanh khác. Mô hình này chưa xuất hiện ở Việt Nam bởi theo quy định của UBCKNN, quỹ đầu tư không có tư cách pháp nhân.

+ Quỹ đầu tư dạng hợp đồng

Đây là mô hình quỹ tín thác đầu tư. Khác với mô hình quỹ đầu tư dạng công ty, mô hình này quỹ đầu tư không phải là pháp nhân. Công ty quản lý quỹ đứng ra thành lập quỹ, tiến hành việc huy động vốn, thực hiện việc đầu tư theo những mục tiêu đã đề ra trong điều lệ quỹ. Bên cạnh đó, ngân hàng giám sát có vai trò bảo quản vốn và các tài sản của quỹ, quan hệ giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát được thể hiện bằng hợp đồng giám sát trong đó quy định quyền lợi và nghĩa vụ của hai bên trong việc thực hiện và giám sát việc đầu tư để bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư. Nhà đầu tư là những người góp vốn vào quỹ (nhưng không phải là cổ đông như mô hình quỹ đầu tư dạng công ty) và ủy thác việc đầu tư cho công ty quản lý quỹ để bảo đảm khả năng sinh lợi cao nhất từ khoản vốn đóng góp của họ.

Chức năng hoạt động của Công ty quản lý quỹ

Theo khái niệm về công ty quản lý quỹ đầu tư (Fund Management) tại thị trường chứng khoán Mỹ, công ty quản lý quỹ là công ty chuyên trách thực hiện việc quản lý các quỹ đầu tư. Các quỹ đầu tư được tổ chức dưới dạng một công ty, phát hành cổ phần. Công ty đầu tư sử dụng nhà tư vấn đầu tư, hay người quản lý đầu tư để quyết định loại chứng khoán nào sẽ đưa vào danh mục đầu tư của quỹ. Người quản lý quỹ được toàn quyền quản lý danh mục đầu tư, mua bán chứng khoán phù hợp với các mục tiêu đầu tư của quỹ. Công ty quản lý quỹ được cấu trúc dưới hai dạng: quản lý quỹ đầu tư quỹ dạng đóng và quỹ dạng mở.

Ở Việt Nam, theo Nghị định 144/2003/NĐ-CP ban hành ngày 28/11/2003 về chứng khoán và thị trường chứng khoán, thì công ty quản lý quỹ thực hiện việc quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Quỹ đầu tư chứng khoán có thể ở dạng quỹ công chúng hoặc quỹ thành viên, và là dạng đóng.

Chức năng hoạt động và các sản phẩm của công ty quản lý quỹ

Thực chất về hoạt động của công ty quản lý quỹ là thực hiện chức năng về quản lý vốn tài sản thông qua việc đầu tư theo danh mục đầu tư hiệu quả nhất làm gia tăng giá trị của quỹ đầu tư.

a. Quản lý quỹ đầu tư (Asset management)

- Huy động và quản lý vốn và tài sản
- Tập trung đầu tư theo danh mục đầu tư
- Quản lý đầu tư chuyên nghiệp

Các quỹ đầu tư được quản lý bởi các chuyên gia có kỹ năng và giàu kinh nghiệm người mà được lựa chọn định kỳ căn cứ vào tổng lợi nhuận họ làm ra. Những chuyên gia không tạo ra lợi nhuận sẽ bị thay thế. Một trong những nhân tố quan trọng trong việc chọn lựa quỹ đầu tư tốt là quỹ đó phải được quản lý tốt nhất.

b. Tư vấn đầu tư và tư vấn tài chính

- Thực hiện việc tư vấn đầu tư và tư vấn về quản trị cho các khách hàng
- Hỗ trợ khách hàng tối ưu hóa các khoản đầu tư thông qua các công cụ tài chính
- Tối ưu hóa các nguồn vốn cho các nhà đầu tư

c. Nghiên cứu

Thông qua việc phân tích đánh giá về thị trường, phân tích giá trị tài chính và giá trị đầu tư và hỗ trợ cho các hoạt động quản lý đầu tư và các tư vấn như đã nêu trên.

Cơ chế giám sát của quỹ, công ty quản lý quỹ và các cơ quan chức năng

- Cơ quan quản lý chủ quan của công ty quản lý quỹ là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), Bộ Tài Chính và Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam giám sát toàn bộ các hoạt động của công ty quản lý quỹ, các quỹ đầu tư và các ngân hàng giám sát về mặt vĩ mô.
- Ngân hàng giám sát thực hiện việc bảo quản, lưu ký tài sản của quỹ đầu tư chứng khoán và giám sát công ty quản lý quỹ nhằm bảo vệ lợi ích của người đầu tư.
- Công ty quản lý quỹ thực hiện việc quản lý quỹ việc đầu tư theo danh mục đầu tư được nêu trong cáo bạch của quỹ.
- Công ty kiểm toán thực hiện việc kiểm tra, đánh giá khách quan và chính xác tình hình hoạt động của quỹ đầu tư, bảo đảm sự minh bạch

Cần phân biệt rõ khái niệm cổ phiếu thưởng

Thị trường chứng khoán Việt Nam đã dần đi vào ổn định. Các công ty niêm yết tăng cường mở rộng sản xuất kinh doanh, các nhà đầu tư cũng phải làm quen với nhiều khái niệm và kỹ thuật rất mới. Trong thời gian gần đây, chúng ta có nghe thấy nói nhiều đến chính sách thưởng cổ phiếu. Nhằm giúp nhà đầu tư hiểu thêm về khái niệm này, dưới đây chúng tôi xin đưa ra một số ý kiến về vấn đề này. Có hai trường hợp thưởng cổ phiếu cần phải xem xét:

Trường hợp thứ nhất: thưởng cho người có đóng góp lớn

Thông thường, khi nói đến khái niệm thưởng có nghĩa là việc ưu đãi thưởng là về vật chất cho một số lượng ít người. Trong các công ty cổ phần, có thể hiểu thưởng cổ phiếu là việc công ty dùng một số cổ phiếu (trước đây là của chung mọi cổ đông) để thưởng cho những người quản lý, cán bộ công nhân viên hay những người có đóng góp lớn đối với hoạt động của Công ty. Nguồn cổ phiếu dùng để thưởng thường là cổ phiếu ngân quỹ.

Trong trường hợp này, tổng giá trị sổ sách của công ty không thay đổi, cái lợi của người được thưởng là rõ ràng: tỷ lệ sở hữu công ty của họ sẽ tăng lên. Còn đối với những cổ đông không được thưởng, tỉ lệ sở hữu công ty của họ sẽ giảm đi. Tuy nhiên, đây là một cách để công ty khuyến khích tinh thần làm việc và sự đóng góp của những người được thưởng, đặc biệt đối với những người quản lý, do đó vẫn được Đại hội cổ đông thông qua.

Trường hợp thứ hai: thưởng cho tất cả các cổ đông

Đây là trường hợp nhiều công ty cổ phần trên thế giới áp dụng và ở Việt nam trong thời gian gần đây cũng hay được nhắc đến. Đó là việc tất cả các cổ đông của công ty được nhận thêm cổ phiếu mới theo một tỷ lệ nhất định (ví dụ 5:1, cổ đông nắm giữ 5 cổ phiếu cũ được sẽ được nhận thêm 1 cổ phiếu mới). Khi đó, nhà đầu tư cần nắm được một số nguyên tắc sau:

Thứ nhất, công ty không nhận được nguồn vốn góp mới từ phía cổ đông hay từ bất kỳ nguồn nào, do đó vốn chủ sở hữu của các cổ đông không thay đổi. Thực chất, đây là việc làm tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận để lại, hay nói cách khác, đây chỉ là việc chuyển đổi giữa các khoản mục trong nguồn vốn cổ đông: từ lợi nhuận để lại sang vốn điều lệ mà không làm thay đổi tổng nguồn vốn cổ đông.

Thứ hai, cổ phiếu được phát thêm cho cổ đông đã làm tăng số lượng cổ phiếu của công ty (1/5 hay 20%). Khi số lượng cổ phiếu tăng lên, nguồn vốn chủ sở hữu không đổi, giá trị sổ sách (=nguồn vốn chủ sở hữu / tổng số cổ phiếu) của cổ phiếu sẽ giảm theo tỷ lệ tương ứng. Tỷ lệ sở hữu công ty của mỗi cổ đông trước và sau khi phát hành thêm cổ phiếu là không đổi.

Thứ ba, đây thường là cách các công ty trên thế giới hiện nay trả cổ tức cho cổ đông bằng cổ phiếu (stock dividend) thay vì trả bằng tiền (cash dividend) bởi công ty muốn giữ lại tiền để mở rộng sản xuất kinh doanh hay đầu tư vào dự án mới. Việc có lợi hay không của chính sách này đối với cổ đông được quyết định bởi sự thành công của kế hoạch đầu tư mới. Nếu kế hoạch này đem lại lợi nhuận cao, lượng tiền đầu tư của cổ đông sẽ được sử dụng hiệu quả, tổng giá trị của công ty sẽ tăng lên. Còn trong trường hợp ngược lại, điều này sẽ có ảnh hưởng không chỉ tới phần cổ phiếu mới được nhận thêm mà cả phần cổ phiếu các cổ đông đã nắm giữ trước đây.

Khi mà mọi cổ đông đều được hưởng một chế độ đồng nhất, trích từ chính tài sản của họ và việc đó có lợi cho họ hay không là chưa rõ ràng thì việc sử dụng khái niệm "thưởng" trong trường hợp này xem chừng là chưa hợp lý.

Nghị quyết tách, gộp cổ phiếu

Hiện nay, nhiều nhà đầu tư rất quan tâm đến nghị quyết tách, gộp cổ phiếu. Tách và gộp cổ phiếu là việc làm tăng hoặc giảm số cổ phiếu đang lưu hành của một công ty cổ phần

mà không làm thay đổi vốn điều lệ, vốn cổ phần hay toàn bộ giá trị thị trường tại thời điểm tách hoặc gộp cổ phiếu. Tùy theo mục đích của công ty và tình hình thị trường mà công ty có thể tiến hành tách hay gộp cổ phiếu. Việc tách, gộp cổ phiếu thường được quy định trong điều lệ công ty và do Đại hội cổ đông quyết định, nhưng trong thực tế thường thì Đại hội cổ đông thông qua chủ trương và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn thời điểm thích hợp tiến hành việc tách hoặc gộp cổ phiếu.

Tách cổ phiếu sẽ làm tăng số lượng cổ phiếu đang lưu hành và làm giảm mệnh giá cổ phiếu tương ứng với tỷ lệ tách, do đó giá cổ phiếu trên thị trường cũng sẽ giảm tương ứng và giao dịch được thực hiện dễ dàng hơn. Việc tách cổ phiếu thường được thực hiện khi giá cổ phiếu trên thị trường tăng quá cao làm cho các giao dịch sẽ khó thực hiện và điều này sẽ làm giảm tính thanh khoản của cổ phiếu. Vì vậy, khi giá cổ phiếu tăng cao trên thị trường thì việc tách cổ phiếu là cần thiết để tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao dịch cổ phiếu, đồng thời sau khi tách giá cổ phiếu thường có xu hướng tăng lên. Mặt khác, sau khi tách cổ phiếu, số lượng cổ phiếu được giao dịch trên thị trường tăng lên có thể làm tăng số lượng cổ đông của công ty, qua đó góp phần làm hạn chế khả năng công ty bị thôn tóm.

Ví dụ, một công ty cổ phần ABC có 1 triệu cổ phiếu đang lưu hành, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu (tổng giá trị niêm yết là 10 tỷ đồng) và giá thị trường tại thời điểm hiện tại là 100.000 đồng/cổ phiếu. Công ty tiến hành tách cổ phiếu theo tỷ lệ 1:2 (nghĩa là người sở hữu 1 cổ phiếu cũ sẽ nhận được 2 cổ phiếu mới, khi đó tổng số cổ phiếu mới của công ty sẽ là 2 triệu cổ phiếu mệnh giá 5.000 đồng/cổ phiếu, tổng giá trị niêm yết vẫn là 10 tỷ đồng nhưng giá thị trường của cổ phiếu mới sẽ dao động ở mức 50.000 đồng/cổ phiếu.

Ngược lại, trường hợp gộp cổ phiếu sẽ làm giảm số lượng cổ phiếu đang lưu hành, mệnh giá cổ phiếu tăng lên và giá thị trường của cổ phiếu cũng tăng lên tương ứng với tỷ lệ gộp cổ phiếu. Theo thống kê ở các nước thì trường hợp gộp cổ phiếu thường ít khi xảy ra đối với các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán bởi vì mục đích duy nhất của việc gộp cổ phiếu là làm cho cổ phiếu đó có giá trị hơn trên thị trường và qua đó làm tăng tính thanh khoản của cổ phiếu.

Ví dụ, công ty cổ phần DEF có 6 triệu cổ phiếu đang lưu hành, mệnh giá 10.000 đ/cổ phiếu, tổng giá trị niêm yết là 60 tỷ đồng và giá thị trường đang ở mức 12.000 đồng/cổ phiếu. Để tránh cho giá cổ phiếu của công ty giảm xuống thấp hơn mệnh giá, công ty cổ phần DEF tiến hành gộp cổ phiếu theo tỷ lệ 3:1 (nghĩa là cổ đông sở hữu 3 cổ phiếu cũ sẽ nhận được 1 cổ phiếu mới). Như vậy sau khi gộp, tổng số cổ phiếu mới của công ty là 2 triệu cổ phiếu, với mệnh giá 30.000 đồng/cổ phiếu và giá thị trường của cổ phiếu mới sẽ dao động quanh mức giá 36.000 đồng/cổ phiếu.

Cho đến nay, nghiệp vụ tách, gộp cổ phiếu chưa xảy ra trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Việc tăng vốn điều lệ của công ty REE vừa qua và của một số công ty niêm yết khác dự định thực hiện trong thời gian tới bằng cách phát hành thêm cổ phiếu không phải là trường hợp tách cổ phiếu. Đó chính là trường hợp công ty dùng các khoản thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận giữ lại và các quỹ hiện có để chuyển thành vốn điều lệ thông qua hình thức phát hành thêm cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu, nghĩa là vốn điều lệ

và số lượng cổ phiếu của công ty tăng lên nhưng trong thực tế tổng vốn chủ sở hữu của Công ty vẫn không thay đổi và như vậy việc phát hành thêm cổ phiếu của Công ty REE và một số Công ty dự định thực hiện trong thời gian tới về thực chất chính là điều chỉnh lại giá trị sổ sách trên một cổ phiếu.

Cầm cố chứng khoán

Trong kinh doanh CK, nhà đầu tư trước hết phải hiểu biết và nắm vững các nguyên tắc và phương thức cầm cố CK:

1. Là một nghiệp vụ kinh doanh CK - ít nhất có hai chủ thể tham gia:

a/ Bên cầm cố là thành viên lưu ký nhân danh chính mình hoặc được người đi vay uỷ quyền giao CK cho bên nhận cầm cố;

b/ Bên cầm cố là thành viên lưu ký nhân danh chính mình hoặc được người cho vay uỷ quyền nhận cầm cố CK bên cầm cố.

Việc thực hiện cầm cố CK trên cơ sở hợp đồng pháp lý cầm cố CK của hai chủ thể tham gia, trong đó quy định rõ giá trị CK cầm cố, số tiền vay, lãi suất và thời hạn trả nợ, phương thức xử lý CK cầm cố.

2. TTGDCK sau khi kiểm tra thủ tục, nhất là tính hợp pháp, hợp lý của nó thì trung tâm phải mở tài khoản cầm cố và chuyển CK vào tài khoản cầm cố theo yêu cầu của bên cầm cố.

Trường hợp bên cho vay (hoặc bên vay) không phải là thành viên lưu ký, bên cho vay (hoặc bên vay) phải uỷ quyền việc nhận cầm cố CK (hoặc việc giao CK cầm cố) cho một thành viên lưu ký khác.

3. Tài khoản cầm cố phải tách biệt với tài khoản lưu ký các CK khác của bên cầm cố. Sau khi ghi vào tài khoản cầm cố CK, thì phải đình chỉ việc rút, chuyển khoản hoặc chuyển nhượng các CK trên tài khoản cầm cố trong thời gian cầm cố. TTGDCK gửi thông báo bằng công văn cho bên nhận cầm cố về việc đã thực hiện cầm cố CK.

4. Việc giải toả cầm cố CK được thực hiện theo các nguyên tắc:

a/ Người giải toả cầm cố CK phải là bên nhận cầm cố CK;

b/ Có thể giải toả toàn bộ hoặc một phần CK cầm cố bằng hình thức rút chứng chỉ hay chuyển khoản;

c/ Có văn bản đề nghị giải toả cầm cố CK của bên nhận cầm cố. Trên cơ sở đó, TTGDCK thực hiện huỷ bỏ việc cầm cố CK trong đăng ký người sở hữu CK và thông báo bằng văn bản cho người nhận cầm cố việc huỷ bỏ cầm cố CK và giải toả tài khoản cầm cố sang tài khoản khác.

Nếu bên cầm cố CK thực hiện không đúng theo thoả thuận thì CK cầm cố đó được xử lý do các bên thoả thuận hoặc đưa ra bán đấu giá theo quy định của pháp luật

Một số điều cần biết về lưu ký chứng khoán

Lưu ký chứng khoán là một trong những điều kiện để thực hiện giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trước khi thực hiện giao dịch chứng khoán, nhà đầu tư phải ký hợp đồng mở tài khoản tại các thành viên lưu ký.

Lưu ký là việc gửi chứng chỉ chứng khoán tờ cổ phiếu, trái phiếu, hoặc các loại giấy tờ hợp pháp chứng minh quyền sở hữu chứng khoán vào hệ thống lưu ký chứng khoán. Hệ thống lưu ký chứng khoán bao gồm Trung tâm lưu ký và các thành viên lưu ký. Chứng chỉ chứng khoán của nhà đầu tư sẽ được cất giữ an toàn tại Trung tâm lưu ký. Chứng khoán đã được lưu ký sẽ được ghi nhận vào tài khoản lưu ký chứng khoán đứng tên nhà đầu tư. Khi chứng khoán được giao dịch, tài khoản của nhà đầu tư sẽ được ghi tăng hoặc giảm mà không cần phải trao tay tờ chứng chỉ chứng khoán.

Lưu ký chứng khoán là bắt buộc trước khi muốn chứng khoán được giao dịch qua sàn giao dịch của Trung tâm giao dịch chứng khoán. Trung tâm giao dịch chứng khoán hiện nay đóng vai trò là Trung tâm lưu ký. Việc lưu ký chứng khoán chỉ được thực hiện tại các thành viên lưu ký của Trung tâm giao dịch chứng khoán. Các thành viên lưu ký bao gồm các công ty chứng khoán và các ngân hàng thương mại đã được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp phép hoạt động lưu ký và đã đăng ký làm thành viên lưu ký của Trung tâm giao dịch chứng khoán.

Trước đây nhà đầu tư trong nước chỉ được lưu ký chứng khoán tại thành viên lưu ký trong nước - là các công ty chứng khoán hoặc các ngân hàng thương mại trong nước, nhà đầu tư nước ngoài chỉ được lưu ký tại thành viên lưu ký nước ngoài - là các công ty chứng khoán liên doanh với nước ngoài hoặc các ngân hàng thương mại liên doanh với nước ngoài hoặc các chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam. Tuy nhiên, quy định này đã được thay đổi, theo Quyết định số 51/2003/QĐ-BTC ngày 15/04/2003 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế lưu ký, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán, nhà đầu tư trong và ngoài có thể mở tài khoản lưu ký chứng khoán ở bất kỳ thành viên lưu ký nào. Việc lưu ký chứng khoán sẽ được bắt đầu bằng các thủ tục mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại thành viên lưu ký. Các chứng khoán sau khi được lưu ký tại thành viên lưu ký sẽ được thành viên lưu ký tái lưu ký tại Trung tâm giao dịch chứng khoán. Sau khi thành viên hoàn tất việc tái lưu ký tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thì chứng khoán đó mới được phép giao dịch. Chứng khoán lưu ký của nhà đầu tư được cất giữ tại kho của Trung tâm giao dịch chứng khoán dưới

dạng quản lý tổng hợp. Chứng khoán của nhà đầu tư lưu ký tại Trung tâm giao dịch chứng khoán được quản lý riêng biệt với chứng khoán của chính thành viên lưu ký.

Theo quy định hiện hành, mỗi nhà đầu tư chỉ được mở một tài khoản lưu ký tại một thành viên lưu ký. Do vậy nhà đầu tư cần tìm hiểu trước để lựa chọn một thành viên lưu ký thích hợp cho mình. Trong trường hợp muốn đổi sang một thành viên lưu ký khác, nhà đầu tư sẽ mở tài khoản lưu ký mới tại thành viên lưu ký mới, đồng thời phải làm các thủ tục đóng tài khoản lưu ký tại thành viên lưu ký cũ và yêu cầu thành viên lưu ký này chuyển số dư chứng khoán sang tài khoản lưu ký tại thành viên lưu ký mới.

Khi mở tài khoản lưu ký, nhà đầu tư nên cung cấp địa chỉ liên lạc rõ ràng, chính xác và đầy đủ cho thành viên lưu ký. Điều này rất quan trọng vì nhà đầu tư có thể gặp phải những bất tiện và thậm chí thiệt hại sau này. Chẳng hạn, khi địa chỉ trên các loại giấy tờ tùy thân như chứng minh nhân dân được sử dụng để làm các thủ tục mở tài khoản lưu ký, trong khi địa chỉ cư trú hiện tại khác với địa chỉ trên chứng minh nhân dân. Các thư từ liên lạc của tổ chức phát hành, Trung tâm giao dịch chứng khoán và thành viên lưu ký trong thời gian thực hiện quyền sẽ không đến đúng nơi nhà đầu tư ở. Việc này có thể đưa đến vô số bất tiện trong quá trình xử lý quyền từ thành viên lưu ký, Trung tâm giao dịch chứng khoán cho đến tổ chức phát hành như chậm trễ, chỉnh sửa hồ sơ thực hiện quyền, hoặc thậm chí đôi khi nhà đầu tư bị từ chối phân bổ quyền.

Người đứng tên lưu ký chứng khoán phải chính là chủ sở hữu chứng khoán, kể cả cổ phiếu vô danh. Số xê-ri của tờ chứng chỉ chứng khoán cũng phải đúng là số xê-ri của chủ sở hữu đã đăng ký quyền sở hữu tại tổ chức phát hành. Đối với cổ phiếu ghi danh, nếu chủ sở hữu là người được chuyển nhượng hợp pháp trước khi có hoạt động của Trung tâm giao dịch chứng khoán, thì mặt sau của tờ chứng chỉ phải có chữ ký của người chuyển nhượng liền kề trước đó và chữ ký của người có thẩm quyền và con dấu của tổ chức phát hành xác nhận việc chuyển nhượng đó. Nếu các yếu tố này không đúng như vậy, chứng khoán sẽ bị từ chối lưu ký.

Các tờ chứng chỉ chứng khoán bị hỏng, bị nhòe không thể nhận diện được các thông tin cơ bản trên đó sẽ bị từ chối lưu ký. Trong trường hợp này cần liên hệ với tổ chức phát hành để xin được đổi lại tờ chứng chỉ chứng khoán mới.

Các chứng chỉ chứng khoán thuộc diện bị thông báo mất cắp hoặc giả mạo sẽ bị tạm giữ để giao cho tổ chức phát hành hoặc cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

Cổ phiếu của cổ đông sáng lập vẫn còn trong thời gian nắm giữ theo quy định của pháp luật, của cổ đông mua chịu chưa thanh toán hết tiền mua cổ phiếu vẫn được lưu ký nhưng không được phép giao dịch. Các cổ phiếu này chỉ được phép giao dịch khi các điều kiện hạn chế đã được bãi bỏ và phải có xác nhận từ tổ chức phát hành. Ví dụ như cổ phiếu mua chịu đã thanh toán hết, muốn được giao dịch phải có văn bản xác nhận của tổ chức phát hành.

Các chủ sở hữu cổ phiếu theo hình thức ghi sổ muốn lưu ký vẫn tiến hành các thủ tục lưu ký bình thường tại thành viên lưu ký. Dĩ nhiên trong trường hợp này không có việc

chuyển giao chứng chỉ vật chất. Thành viên lưu ký sẽ gửi tên chủ sở hữu đến tổ chức phát hành. Sau khi kiểm tra, tổ chức phát hành sẽ gửi tên chủ sở hữu đến Trung tâm giao dịch chứng khoán để thực hiện việc lưu ký. Lưu ký theo hình thức ghi sổ là xu hướng chủ yếu hiện nay vì những ưu điểm hơn hẳn lưu ký chứng chỉ vật chất, là không phải qua kiểm đếm, kiểm tra tính thật giả, và tốn kém cho công tác bảo quản.

Trung tâm giao dịch chứng khoán là người được ủy quyền thay mặt người đồng sở hữu chứng khoán lưu ký nhận các quyền được hưởng từ tổ chức phát hành như cổ tức, lãi trái phiếu, cổ phiếu thưởng.

Các công cụ phái sinh

I. Khái niệm:

Công cụ phái sinh là những công cụ được phát hành trên cơ sở những công cụ đã có như cổ phiếu, trái phiếu nhằm nhiều mục tiêu khác nhau như phân tán rủi ro, bảo vệ lợi nhuận hoặc tạo lợi nhuận.

II. Các loại công cụ phái sinh:

1. Quyền lựa chọn (Option)

a. Khái niệm: Quyền lựa chọn là một công cụ cho phép người nắm giữ nó được mua (nếu là quyền chọn mua) hoặc bán (nếu là quyền chọn bán) một khối lượng nhất định hàng hoá với một mức giá xác định, và trong một thời gian nhất định.

Các hàng hoá cơ sở này có thể là cổ phiếu, chỉ số cổ phiếu, trái phiếu, chỉ số trái phiếu, thương phẩm, đồng tiền hay hợp đồng tương lai.

b. Những yếu tố cấu thành một quyền lựa chọn

- Tên của hàng hoá cơ sở và khối lượng được mua theo quyền.
- Loại quyền (chọn mua hay chọn bán).
- Thời hạn của quyền.
- Mức giá thực hiện theo quyền.

c. Những mức giá liên quan tới một quyền lựa chọn là:

- Giá thị trường hiện hành của loại hàng hoá cơ sở.
- Giá hàng hoá cơ sở thực hiện theo quyền.
- Giá quyền lựa chọn.

Đối với quyền chọn mua, nếu giá thực hiện thấp hơn giá hiện hành của chứng khoán cơ sở, thì quyền đó được gọi là đang được tiền (in the money), tức là người có quyền có thể có lợi từ việc thực hiện quyền. Nếu giá thực hiện bằng với giá thị trường, quyền đang ở trạng thái hoà vốn (at the money), và nếu cao hơn, gọi là đang mất tiền (out of money).

Đối với quyền chọn bán thì ngược lại, người thực hiện quyền sẽ có lợi nếu giá bán thực hiện quyền cao hơn giá thị trường của hàng hoá cơ sở và sẽ bị mất tiền nếu giá thực hiện quyền thấp hơn giá thị trường của hàng hoá cơ sở.

Giá trị mà người nắm giữ quyền lựa chọn sẽ nhận được bằng cách thực hiện quyền được gọi là giá trị nội tại (intrinsic value). Nếu quyền ở trạng thái bị mất tiền, giá trị nội tại bằng 0. Giá thị trường của một quyền thường ít nhất là bằng giá trị nội tại. Giá bán quyền được gọi là phần phụ trội, chênh lệch giữa giá bán quyền với giá trị nội tại (trong trường hợp quyền đang được tiền) được gọi là phần phụ trội giá trị theo thời gian. Nói cách khác, khi đó:

Giá trị theo thời gian của quyền chọn mua = Giá quyền - (giá thị trường - giá thực hiện).

Ví dụ 1: Giá của một quyền chọn mua XYZ là 400.000 đồng, giá thị trường của XYZ là 42.000 đồng. Người giữ quyền có thể chiếm lấy 200.000 đ ngay tức thì bằng cách thực hiện quyền, tức là mua 100 cổ phần (mức giá được quyền ấn định) với tổng chi phí 4.000.000 đồng, cũng theo mức giá thực hiện theo quyền là 40.000 đ một cổ phần; sau đó bán ngay với giá thị trường, thu về 4.200.000 đ. Giá trị nội tại của quyền là 200.000 đ.

Mức phụ trội giá trị theo thời gian = giá quyền – giá trị nội tại = 400.000 đ - 200.000 đ = 200.000 đ

Người mua vẫn sẵn sàng trả phần phụ trội cho các quyền lựa chọn vì họ nhận được nhiều lợi ích từ một quyền lựa chọn.

d. ứng dụng của quyền lựa chọn:

Quyền lựa chọn cho phép nhà đầu tư thu được tỷ lệ % lợi tức trên vốn đầu tư cao nhất.

Ví dụ 2: Giả sử thị trường hiện nay của cổ phiếu XYZ là 42.000 VND/cổ phần, và bạn dự đoán sau nửa năm nữa, giá cổ phiếu XYZ sẽ tăng mạnh, lên tới 50.000 VND. Giả sử các quyền lựa chọn có liên quan đến giao dịch cổ phiếu XYZ được niêm yết, bạn có thể mua một quyền chọn mua cổ phiếu XYZ với giá 40.000 VND/cổ phần.

Trong vòng 6 tháng giá cổ phiếu XYZ tăng lên 50.000 VND/cổ phần. Bạn có thể buộc người bán giao 100 cổ phần XYZ cho bạn với giá 40.000 VND/cổ phần, sau đó bán chúng ra thị trường với giá 50.000 đồng.

Như vậy bạn đã tạo ra một lợi nhuận đáng kể. Trên thực tế bạn đã thu được lợi nhuận 60.000 đồng trên khoản đầu tư 40.000 đồng, vậy lợi suất là 150%, trong khoảng thời gian là 6 tháng.

Quyền lựa chọn được sử dụng để bảo vệ lợi nhuận

Ví dụ 3: Với XYZ đang có giá thị trường là 44.000 đồng, người sở hữu 100 cổ phần XYZ bán một quyền chọn mua XYZ 44.000 với giá quyền là 400.000 đồng.

Nếu giá thị trường của XYZ giảm xuống 40.000 đồng, người bán sẽ được bảo vệ trước khoản thua lỗ nhờ có 40.000 đồng nhận được từ việc bán quyền chọn. Nếu XYZ tiếp tục giảm giá thì đương nhiên người bán sẽ mất tiền. Như vậy khoản thu 40.000 đồng từ việc bán quyền lựa chọn tạo ra một sự bảo vệ cụ thể đối với tình trạng sụt giá.

Nếu trong 6 tháng tới giá XYZ vẫn giữ nguyên, quyền sẽ không được thực hiện. Khoản thu phụ trội 40.000 đồng là một thu nhập bổ sung trên tổng đầu tư.

2. Quyền mua trước (right)

Quyền mua trước là một quyền lựa chọn mua có thời hạn rất ngắn, có khi chỉ vài tuần. Quyền này được phát hành khi các công ty tăng vốn bằng cách phát hành thêm các cổ phiếu thường. Quyền cho phép một cổ đông mua cổ phiếu mới phát hành với mức giá đã ấn định trong một khoảng thời gian xác định.

Loại quyền này thường được phát hành theo từng đợt, mỗi cổ phiếu đang lưu hành được kèm theo một quyền. Số quyền cần để mua một cổ phiếu mới được quy định tùy theo từng đợt phát hành mới.

Giá cổ phiếu ghi trên quyền thường là thấp hơn giá hiện hành của cổ phiếu. Giá của quyền tính bằng chênh lệch giữa giá thị trường hiện hành của cổ phần đang lưu hành và giá mua cổ phần mới theo quyền, chia cho số lượng quyền cần có để mua một cổ phần mới.

Ví dụ: cổ phiếu bán theo quyền (giá thực hiện) là 800.000 đồng/cổ phần, nhưng có giá thị trường là 1.000.000 đồng, nếu cứ 10 quyền được mua một cổ phần mới thì giá của quyền được xác định theo công thức

$$V_r = P_0 - P_n/r$$

Trong đó: V_r là giá trị của một quyền, P_0 là giá thị trường của cổ phiếu đang lưu hành, P_n là giá thực hiện cổ phiếu mới và r là số quyền cần có để mua một cổ phiếu mới.

Vậy, giá quyền ở đây là $V_r = (1.000.000 - 800.000)/10 = 20.000$ đồng.

Nếu không muốn thực hiện quyền, cổ đông thường có thể bán quyền trên thị trường trong thời gian quyền chưa hết hạn. Giá quyền có thể lên xuống trong khoảng thời gian chào bán, tùy thuộc biến động giá thị trường của cổ phiếu.

3. Chứng quyền (warrants)

Chứng quyền là quyền cho phép mua một số cổ phần xác định của một cổ phiếu, với một giá xác định, trong một thời hạn nhất định. Quyền này được phát hành khi tiến hành tổ chức lại các công ty, hoặc khi công ty muốn khuyến khích các nhà đầu tư tiềm năng mua những trái phiếu hay cổ phiếu ưu đãi nhưng có những điều kiện kém thuận lợi. Để chấp nhận những điều kiện đó, nhà đầu tư có được một lựa chọn đối với sự lên giá có thể xảy ra của cổ phiếu thường.

Đặc điểm:

Khác với quyền mua trước, chứng quyền có thời hạn dài hơn, do công ty đã phát hành công cụ cơ sở phát hành đồng thời với công cụ cơ sở. Khác với quyền lựa chọn (option), khi chứng quyền được thực hiện, nó tạo thành dòng tiền vào cho công ty và tăng thêm lượng cổ phiếu lưu hành trên thị trường.

Chứng quyền có thể được giao dịch tách rời với trái phiếu hay cổ phiếu mà nó đi kèm. Các điều kiện của chứng quyền được ghi rõ trên tờ chứng chỉ: số cổ phiếu được mua theo mỗi chứng quyền (thường là 1:1); giá thực hiện cho mỗi cổ phiếu; tại thời điểm chứng quyền được phát hành, giá này bao giờ cũng cao hơn giá thị trường của cổ phiếu cơ sở, và giá đó có thể cố định, có thể được tăng lên định kỳ; và thời hạn của quyền, đa số trường hợp là 5 đến 10 năm.

4. Hợp đồng kỳ hạn

Hợp đồng kỳ hạn là một thoả thuận trong đó một người mua và một người bán chấp thuận thực hiện một giao dịch hàng hoá với khối lượng xác định, tại một thời điểm xác định trong tương lai với một mức giá được ấn định vào ngày hôm nay. Hàng hoá ở đây có thể là bất kỳ thứ hàng hoá nào; từ nông sản, các đồng tiền, cho tới các chứng khoán.

Theo hợp đồng này thì chỉ có hai bên tham gia vào việc ký kết, giá cả do hai bên tự thoả thuận với nhau, dựa theo những ước tính mang tính cá nhân. Giá hàng hoá đó trên thị trường giao ngay vào thời điểm giao nhận hàng hoá có thể thay đổi, tăng lên hoặc giảm xuống so với mức giá đã ký kết trong hợp đồng. Khi đó, một trong hai bên mua và bán sẽ bị thiệt hại do đã cam kết một mức giá thấp hơn (bên bán) hoặc cao hơn (bên mua) theo giá thị trường.

Như vậy bằng việc tham gia vào một hợp đồng kỳ hạn, cả hai bên đều giới hạn được rủi ro tiềm năng cũng như hạn chế lợi nhuận tiềm năng của mình. Vì chỉ có hai bên tham gia vào hợp đồng, cho nên mỗi bên đều phụ thuộc duy nhất vào bên kia trong việc thực hiện hợp đồng. Khi có thay đổi giá cả trên thị trường giao ngay, rủi ro thanh toán sẽ tăng lên khi một trong hai bên không thực hiện hợp đồng. Ngoài ra, vì mức giá đặt ra mang tính cá nhân và chủ quan nên rất có thể không chính xác.

5. Hợp đồng tương lai

Hợp đồng tương lai, nhờ đặc tính linh hoạt của nó, đã khắc phục được những nhược điểm của hợp đồng kỳ hạn, và thường được xem là một cách thức tốt hơn để rào chắn rủi ro trong kinh doanh.

Những điểm khác biệt căn bản của hợp đồng tương lai so với hợp đồng kỳ hạn là:

1. Niêm yết trên sở giao dịch. Một giao dịch hợp đồng tương lai nói chung được xử lý trên một Sở giao dịch. Điểm này cho phép giá cả được hình thành hợp lý hơn, do các bên mua bán được cung cấp thông tin đầy đủ và công khai.
2. Xoá bỏ rủi ro tín dụng. Trong các giao dịch hợp đồng tương lai được niêm yết trên sở giao dịch, cả hai bên bán và mua đều không bao giờ biết về đối tác giao dịch của mình. Công ty thanh toán bù trừ sẽ phục vụ như một trung gian trong tất cả các giao dịch. Người bán bán cho công ty thanh toán bù trừ, và người mua cũng mua qua công ty thanh toán bù

trừ. Nếu một trong hai bên không thực hiện được hợp đồng thì vẫn không ảnh hưởng gì đến bên kia.

3. Tiêu chuẩn hoá. Các hợp đồng kỳ hạn có thể được thảo ra với một hàng hoá bất kỳ, khối lượng, chất lượng, thời gian giao hàng bất kỳ, theo thoả thuận chung giữa hai bên bán, mua. Tuy nhiên, các hợp đồng tương lai niêm yết trên sở giao dịch đòi hỏi việc giao nhận một khối lượng cụ thể của một hàng hoá cụ thể đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng tối thiểu, theo một thời hạn được ấn định trước.

4. Điều chỉnh việc đánh giá theo mức giá thị trường (Marking to market). Trong các hợp đồng kỳ hạn, các khoản lỗ, lãi chỉ được trả khi hợp đồng đến hạn. Với một hợp đồng tương lai, bất kỳ món lợi nào cũng được giao nhận hàng ngày. Cụ thể là nếu giá của hàng hoá cơ sở biến động khác với giá đã thoả thuận (giá thực hiện hợp đồng) thì bên bị thiệt hại do sự thay đổi giá này phải trả tiền cho bên được lợi từ sự thay đổi giá đó. Trên thực tế, vì không bên nào biết về đối tác của mình trong giao dịch, nên những người thua đều trả tiền cho công ty thanh toán bù trừ, và công ty này sẽ trả tiền cho những người thắng.

KIẾN THỨC CHỨNG KHOÁN NÂNG CAO

Tham gia vào hệ thống giao dịch chứng khoán

Hoạt động giao dịch mua bán chứng khoán được khởi đầu bằng việc đặt lệnh mua bán tại Văn phòng giao dịch của Công ty chứng khoán đặt tại các địa điểm khác nhau trong cả nước. Trước khi đặt lệnh, khách hàng phải làm thủ tục mở tài khoản tại Công ty chứng khoán.

Lệnh của khách hàng được chuyển từ Văn phòng công ty chứng khoán đến người đại diện của công ty tại sàn giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán. Các lệnh mua bán được đấu giá với nhau. Kết quả giao dịch sẽ được thông báo lại cho công ty chứng khoán và khách hàng của công ty. Những lệnh được thực hiện sẽ chuyển sang hệ thống thanh toán và lưu ký chứng khoán làm các thủ tục thanh toán chuyển giao chứng khoán và tiền.

I. Mở tài khoản:

Trước khi đặt lệnh, khách hàng mở tài khoản tại công ty chứng khoán. Việc mở tài khoản phải được thực hiện trên cơ sở hợp đồng giữa khách hàng và công ty chứng khoán.

1. Các thông tin liên quan đến tài khoản

Khi mở tài khoản, khách hàng phải cung cấp các thông tin sau cho công ty chứng khoán:

- Tên đầy đủ
- Địa chỉ thường trú.
- Số điện thoại
- Số chứng minh thư.
- Các thông tin khác như số tài khoản tại ngân hàng, số tài khoản chứng khoán tại công ty chứng khoán khác (nếu có), thu nhập và kiến thức về thị trường chứng khoán.
- Khi có bất kỳ sự thay đổi nào liên quan đến các thông tin trên, khách hàng phải thông báo ngay cho công ty chứng khoán.

2. Loại tài khoản:

- Tài khoản lưu ký:

Hầu hết tài khoản của khách hàng là tài khoản lưu ký. Khách hàng mua và bán chứng khoán thông qua tài khoản này trên cơ sở giao ngay. Nếu khách hàng không thực hiện được việc thanh toán vào ngày thanh toán quy định, công ty chứng khoán có quyền bán chứng khoán có trên tài khoản để lấy tiền thanh toán.

- Tài khoản ký quỹ:

Khách hàng có thể sử dụng tài khoản này để vay tiền hoặc chứng khoán của công ty chứng khoán.

- Tài khoản uỷ thác:

Là tài khoản qua đó khách hàng uỷ thác cho nhà môi giới quyền mua và bán chứng khoán mà không cần thông báo hoặc có sự đồng ý của khách hàng.

3. Báo cáo tài khoản

Hàng tháng, công ty chứng khoán phải gửi cho khách hàng bản báo cáo về tình trạng tài khoản của khách hàng. Báo cáo phải ghi rõ mọi sự thay đổi trên tài khoản.

II. Đặt lệnh và loại lệnh

1. Đặt lệnh

Khi khách hàng muốn giao dịch, họ phải đặt lệnh bằng một trong các hình thức sau đây:

- Đặt lệnh trực tiếp tại phòng lệnh của công ty chứng khoán.
- Đặt lệnh qua điện thoại.
- Qua mạng vi tính nối mạng trực tiếp với phòng lệnh của công ty chứng khoán.

Nội dung của mẫu lệnh gồm các thông tin sau:

- Lệnh đó là Mua hay Bán, được in sẵn với mẫu khác nhau.
- Số lượng.
- Tên chứng khoán, mã số loại chứng khoán.
- Tên của khách hàng và mã số.
- Ngày giờ đặt lệnh.
- Thời gian có hiệu lực của lệnh.

2. Loại lệnh

a. Lệnh thị trường (Market order): Người ra lệnh chấp nhận mua, bán theo giá hiện hành trên thị trường.

b. Lệnh giới hạn (Limit order): Đối với việc chào bán, giá giới hạn là giá thấp nhất sẵn sàng bán. Đối với việc chào mua, là giá cao nhất sẵn sàng mua.

c. Lệnh dừng (Stop order)

Lệnh dừng để bán: Khách hàng mua 100 cổ phần với giá 12 ngàn đồng/cổ phần. Sau một thời gian giá cổ phiếu này lên tới 20 ngàn đồng/cổ phần. Khách hàng chưa muốn bán vì ông ta cho rằng giá còn tăng nữa. Nhưng để đề phòng trường hợp giá không tăng mà lại giảm, khách hàng này đặt lệnh dừng với người đại diện công ty chứng khoán để bán với giá 19 ngàn đồng/cổ phần chẳng hạn. Nếu thực tế giá cổ phiếu đó không tăng mà lại giảm thì giá cổ phiếu đó giảm tới 19 ngàn, người môi giới sẽ bán cho ông ta.

Lệnh dừng để mua: Lệnh này thường được dùng trong trường hợp bán khống để giới hạn sự thua lỗ. Chẳng hạn khách hàng vay của công ty chứng khoán một số cổ phần và bán đi

với giá 30 ngàn đồng/cổ phần với hy vọng giá cổ phiếu giảm xuống tới 20 ngàn đồng/ cổ phần, ông ta sẽ mua để trả. Nhưng để đề phòng trường hợp giá cổ phiếu không giảm mà lại tăng, khách hàng đó đặt một lệnh dừng để mua với giá 35 ngàn đồng. Khi giá lên tới 35 ngàn đồng, người môi giới sẽ mua cổ phiếu đó cho ông ta và ông ta đã giới hạn sự thua lỗ của mình ở mức 5 ngàn đồng / cổ phần.

Một lệnh dừng để mua được đưa ra trên mức giá thị trường hiện hành còn một lệnh dừng để bán được đưa ra thấp hơn giá thị trường hiện hành..

Các loại lệnh khác: các loại lệnh được đưa ra nhằm những mục đích nhất định

- Lệnh giới hạn dừng (stop limit): cũng giống như một lệnh dừng nhưng nó sẽ chuyển thành một lệnh giới hạn chứ không chuyển thành một lệnh thị trường khi đạt tới điểm dừng.
- Lệnh thực hiện toàn bộ hay huỷ bỏ (Fill or Kill): loại lệnh này được thực hiện ngay toàn bộ hoặc huỷ bỏ.
- Lệnh thực hiện ngay hoặc huỷ bỏ (Immediate or cancel IOC): lệnh được thực hiện ngay một phần nào đó, phần còn lại bị huỷ bỏ.
- Lệnh toàn bộ hoặc không (All or None, AON): với một thời hạn cho trước, chẳng hạn một ngày, lệnh phải được thực hiện toàn bộ, nếu không khách hàng sẽ không chấp nhận việc thực hiện đó.

III. Định giá trên Sở giao dịch:

a. Đấu giá định kỳ và đấu giá liên tục:

Đấu giá định kỳ là hệ thống trong đó các lệnh mua và lệnh bán được tích tụ lại trong một khoảng thời gian nhất định, sau đó mới được ghép với nhau để hình thành một mức giá duy nhất tại điểm có khối lượng mua và bán lớn nhất được thực hiện.

Đấu giá liên tục là hệ thống trong đó các lệnh mua và lệnh bán liên tục được ghép với nhau nếu có thể.

Đấu giá định kỳ có ưu điểm là cho phép hình thành giá cả tốt nhất trên cơ sở khối lượng mua bán lớn được tích tụ lại. Đấu giá định kỳ thích hợp với thị trường có khối lượng giao dịch nhỏ; nó cho phép giảm bớt sự biến động quá mức của giá cả. Tuy nhiên, việc đấu giá liên tục lại thích hợp với thị trường có khối lượng giao dịch lớn. Nó cho phép hình thành giá cả tức thời đáp ứng được những thay đổi thường xuyên về thông tin trên thị trường.

Thông thường các nước có thị trường chứng khoán phát triển đều áp dụng cả phương thức đấu giá định kỳ và đấu giá liên tục. Mỗi ngày giao dịch có thể có 1 hoặc 2 phiên giao dịch (buổi sáng và buổi chiều). Vào đầu giờ phiên giao dịch buổi sáng, người ta xác định giá mở cửa theo phương thức đấu giá định kỳ. Sau đó việc giao dịch được thực hiện theo phương thức đấu giá liên tục. Cuối ngày giao dịch, người ta lại xác định giá đóng cửa theo phương thức đấu giá định kỳ.

b. Nguyên tắc ghép lệnh

- Giá mua cao hơn giá cơ bản và giá bán thấp hơn giá cơ bản sẽ được thực hiện trước.
- Phân bổ từ bên có khối lượng ít sang bên có khối lượng nhiều.
- Nếu sau khi khớp lệnh có nhiều mức giá cùng thoả mãn thì lấy mức giá gần với giá đóng cửa của ngày hôm trước hay mức giá của ngày phiên giao dịch trước đó.

c. Các nguyên tắc ưu tiên trong việc so khớp lệnh

- Nguyên tắc cơ bản đầu tiên được áp dụng là nguyên tắc ưu tiên về giá. Theo nguyên tắc này, các lệnh có giá tốt nhất (chào mua cao nhất và chào bán thấp nhất) được ưu tiên thực hiện trước.

Ngoài nguyên tắc cơ bản trên đây, những nguyên tắc phụ sau đây sẽ được áp dụng:

- Nguyên tắc ưu tiên về thời gian: trong những lệnh có cùng mức giá, lệnh nào đến trước sẽ được ưu tiên thực hiện trước.

- Ưu tiên về khách hàng: có hai loại khách hàng là khách hàng cá nhân và khách hàng là nhà đầu tư có tổ chức như công ty chứng khoán, quỹ đầu tư...SGDCK thường áp dụng quy tắc ưu tiên khách hàng là cá nhân trước khách hàng là nhà đầu tư có tổ chức.

- Ưu tiên về khối lượng: lệnh nào có khối lượng lớn hơn sẽ được ưu tiên phân phối trước.
- Ưu tiên ngẫu nhiên : theo nguyên tắc này, người ta chỉ áp dụng ưu tiên về giá. Sau đó các lệnh khi đưa vào hệ thống sẽ được máy tính sắp xếp một cách ngẫu nhiên

IV. Giao dịch đặc biệt

1. Giao dịch khối

Những giao dịch có khối lượng lớn (số cổ phiếu và trị giá lớn) được gọi là lô lớn. Thông thường những giao dịch có khối lượng lớn được giao dịch theo cách thức riêng gọi là giao dịch khối. Có hai cách giao dịch là:

- Tổ chức đấu thầu.
- Thương lượng dựa trên giá đóng cửa.

2. Giao dịch lô lẻ

Lô lẻ là những lô khối từ

- 1 tới 9 cổ phiếu (trường hợp lô chẵn 10 cổ phiếu)
- 1 tới 99 cổ phiếu (trường hợp lô chẵn 100 cổ phiếu)
- 1 tới 999 cổ phiếu (trường hợp lô chẵn 1.000 cổ phiếu).

Giá giao dịch lô lẻ thường được xác định trên cơ sở quyết định của Công ty môi giới căn cứ vào giá đóng cửa của ngày giao dịch hôm trước.

Việc giao dịch lô lẻ được thực hiện tại công ty chứng khoán và trong giao dịch lô lẻ, công ty môi giới thường thu phí cao hơn.

3. Giao dịch chứng khoán không có cổ tức

Định kỳ, theo quyết định của Hội đồng quản trị, công ty cổ phần có thể trả cổ tức bằng tiền hoặc cổ phiếu. Những cổ đông có danh sách vào ngày đăng ký cuối cùng sẽ được nhận cổ tức. Những cổ đông sở hữu chứng khoán từ sau ngày khoá sổ sẽ không được nhận cổ tức. Nếu ngày thanh toán là T+3 thì chứng khoán không có cổ tức sẽ như sau:
27/12 28/12 29/12 30/12 31/12

Ngày có cổ tức ex-divident Ngày đăng ký Ngày khoá sổ cuối cùng (không có cổ tức)
Vào ngày chứng khoán không có cổ tức, giá tham chiếu sẽ bằng giá đóng cửa ngày hôm trước trừ đi cổ tức.

- Trường hợp trả cổ tức bằng cổ phiếu

Giá tham chiếu = Giá đóng cửa ngày hôm trước /

1 + tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu

- Trường hợp trả cổ tức bằng tiền và bằng cổ phiếu

Giá tham chiếu = Giá đóng cửa ngày hôm trước – cổ tức bằng tiền/

1 + tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu

4. Giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu mới

Công ty cổ phần thường ưu tiên cho cổ đông hiện tại quyền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp phát hành chứng khoán để tăng vốn. Tương tự như việc nhận cổ tức, những cổ đông có danh sách vào ngày đăng ký cuối cùng sẽ được hưởng quyền này. Như vậy, nếu ngày thanh toán là T+3 thì ngày giao dịch cổ phiếu không được hưởng quyền đặt mua sẽ như sau:

27/12 28/12 29/12 30/12 31/12

Ngày có cổ tức ex-divident Ngày đăng ký Ngày khoá sổ cuối cùng (không có cổ tức)

5. Giao dịch chứng khoán ngân quỹ

Chứng khoán ngân quỹ là phần chứng khoán do công ty phát hành mua lại chính chứng khoán do mình phát hành ra để nhằm chống lại việc bị thâm tóm, hợp nhất hoặc hạn chế giá chứng khoán bị giảm mạnh.

Việc mua lại chứng khoán phải chịu sự quản lý chặt chẽ của sở giao dịch chứng khoán (SGDCK). Công ty phát hành mở một tài khoản tại 1 công ty chứng khoán chỉ định.

Một ngày trước ngày giao dịch công ty phải trình cho SGD đơn xin mua chứng khoán (trình bày rõ số lượng và giá đặt mua). Số lượng không được quá 10% cổ phiếu lưu hành.

Lệnh phải đặt trước khi mở cửa thị trường và chỉ được đặt lệnh một lần trong một ngày. Việc mua lại chỉ được thực hiện trong phạm vi 3 tháng và trong vòng 6 tháng không được bán lại chứng khoán ra thị trường kể từ ngày mua lại.

Giá đặt mua chứng khoán ngân quỹ không được vượt quá giá đóng cửa ngày hôm trước trong một tỷ lệ nhất định.

6. Giao dịch ký quỹ

- Mua ký quỹ: là việc khách hàng vay tiền của công ty chứng khoán để mua chứng khoán. Với phương thức mua ký quỹ, khách hàng có thể tăng lượng lợi nhuận được thu trên một tổng đầu tư nhất định, và công ty chứng khoán thì thu được phí hoa hồng do việc thực hiện một khối lượng dịch vụ lớn hơn, đồng thời cũng thu tiền lãi trên tiền cho khách hàng vay. Loại giao dịch này được thực hiện trên tài khoản bảo chứng.

Ví dụ: Bạn dự đoán cổ phiếu thường ABC với giá hiện thời là 15.000 đồng một cổ phiếu, sẽ tăng giá trong vòng 1 năm, lên 30.000 đồng. Với số tiền bạn có là 1.500.000 đồng, bạn có thể mua 100 cổ phiếu ABC, nắm giữ trong một năm và bán ra để thu về 3.000.000 đồng, đạt mức lợi tức trên đầu tư là 100%.

Tuy nhiên, bạn cũng có thể thực hiện việc ký quỹ bằng cách trả 50% tổng giá mua, 50% còn lại sẽ vay tại công ty chứng khoán, nơi bạn mở tài khoản ký quỹ. Trong trường hợp này, bạn có thể đầu tư 3.000.000 đồng và mua 200 cổ phiếu. Nếu dự đoán của bạn là đúng, giá thị trường của cổ phiếu ABC tăng lên 30.000 đồng trong vòng 1 năm, bạn có thể bán cổ phiếu ra và thu về 6.000.000 đồng. Tất nhiên, trong số 6.000.000 đồng thu về này bạn phải trả lại 1.500.000 đã vay của công ty chứng khoán, và tiền lãi của khoản vay đó, giả sử với lãi suất 10% một năm:

$$6.000.000 - 1.500.000 - 150.000 = 4.350.000 \text{ (đồng)}$$

Lợi nhuận của bạn sẽ là chênh lệch giữa con số đầu tư ban đầu 1.5 triệu, tức là bằng 2.850.000 đồng, lợi tức so với đầu tư là 190%. Vậy mua ký quỹ đã làm tăng tỷ lệ lợi nhuận của bạn lên đáng kể.

Tuy nhiên, mua ký quỹ cũng như con dao hai lưỡi. Nếu cổ phiếu lên giá, bạn sẽ có lời đáng kể, nhưng nếu cổ phiếu giảm giá, khoản lỗ của bạn cũng tăng lên. Ngay cả khi cổ phiếu vẫn giữ nguyên mức giá, bạn cũng vẫn thua lỗ, bởi số lãi phải trả cho số tiền vay trong suốt thời gian ký quỹ cứ lớn dần lên. Và hơn nữa, không phải chứng khoán nào cũng được phép giao dịch theo mức này.

Mức ký quỹ ban đầu được thực hiện theo luật định, ví dụ như luật Mỹ là 50%. Sau đó, nếu giá thị trường của cổ phiếu thay đổi, tỷ lệ của số dư ký quỹ của khách hàng so với số dư nợ có thể giảm xuống nhưng không xuống thấp hơn 25% nếu tụt xuống quá ngưỡng này, công ty chứng khoán có thể yêu cầu khách hàng đặt thêm tiền ký quỹ.

** Giao dịch từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết*

Theo quy định tại điều 58 Quy chế giao dịch, thành viên, niêm yết và công bố thông tin của UBCKNN, một tổ chức hoặc cá nhân muốn thực hiện giao dịch CK với khối lượng từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức niêm yết phải tổ chức đấu thầu công khai, vì với khối lượng giao dịch từ 25% trở lên thực chất là giao dịch mua lại công ty (thâu tóm công ty) để dành quyền kiểm soát công ty. Tuy nhiên, hiện tại Việt Nam chưa có những quy định cụ thể về việc đấu thầu công khai.

Vì vậy để giúp bạn đọc hiểu được cách thức đấu thầu như thế nào, xin giới thiệu cách thức đấu thầu mà các nước hiện đang áp dụng. Cổ phiếu tham gia đấu thầu là cổ phiếu có

quyền biểu quyết. Số lượng cổ phiếu chào mua từ 25% hoặc hơn trong tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết đã phát hành. Thời gian thực hiện đấu thầu thông thường là 6 tháng nhưng tối đa không quá 1 năm. Số lượng bên tham gia bán từ 10 trở lên.

Việc đấu thầu sẽ được tiến hành bên ngoài Sở giao dịch chứng khoán và theo các bước sau:

1. Trước tiên bên chào mua cần phải tổ chức đại hội cổ đông, đại diện ban giám đốc điều hành trình bày đề án thu tóm và lấy ý kiến của cổ đông. Trên cơ sở xem xét đánh giá hiệu quả của đề án, đại hội sẽ bỏ phiếu, theo đó HĐQT sẽ ra nghị quyết. Nếu kết quả bỏ phiếu ủng hộ đề án thu tóm thì Chủ tịch HĐQT sẽ ra nghị quyết tiến hành mua cổ phiếu công ty mục tiêu, để kiểm soát.
2. Sau khi Chủ tịch HĐQT ra quyết định, công ty gửi biên bản họp đại hội cổ đông lên UBCKNN và Sở giao dịch chứng khoán kèm theo đơn đề nghị về việc tiến hành thu tóm công ty mục tiêu, bằng hình thức đấu thầu mua công khai. Nội dung đơn đề nghị gồm: mục đích của việc thu tóm, nguồn tài chính phục vụ cho việc thu tóm, thời gian chào mua (thời gian tiến hành đấu thầu), giá đặt mua, thời hạn thanh toán, tình hình hoạt động kinh doanh hiện tại của công ty kể cả các công ty con, các tổ chức phụ trợ có liên quan như ngân hàng, công ty môi giới..., thực trạng sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của công ty mục tiêu, loại và số lượng cổ phiếu chào mua, phương pháp thực hiện, phương án kinh doanh sau khi đấu thầu thành công và các vấn đề khác.
3. Công ty thu tóm thỏa thuận với công ty môi giới là thành viên của sở giao dịch chứng khoán về các nghiệp vụ, uỷ thác mua giữa khách hàng với công ty môi giới, bảo quản chứng khoán, thanh toán và các thỏa thuận khác.
4. Các loại tài liệu nộp gồm: hồ sơ đăng ký kinh doanh (đăng ký thành lập và điều lệ hoạt động của công ty), văn bản thỏa thuận giữa công ty với công ty môi giới về các nghiệp vụ nói trên, xác nhận của tổ chức tài chính về số tiền ký quỹ của công ty, bản sao về việc thông báo trên báo chí và các tài liệu khác có liên quan.
5. Gửi thông báo tới công ty mục tiêu về việc tiến hành mua cổ phiếu của công ty.
6. Thông báo ra công chúng trên các phương tiện truyền thông, báo chí đặc biệt trên các tờ báo phát hành hàng ngày.
7. Thời gian thực hiện: 7 ngày sau khi đệ trình bản thông báo lên UBCKNN và sở giao dịch chứng khoán.
8. Lập và thuyết minh bản cáo bạch để gửi tới các cơ quan trên. Sau khi nhận được đơn đề nghị do công ty chào mua gửi tới, UBCKNN tổ chức xem xét hồ sơ để đưa ra kết luận cuối cùng có cho phép tiến hành thu tóm hay không, trong trường hợp không cho phép thì UBCKNN phải có giải thích rõ lý do không đồng ý. Thời hạn xét duyệt không quá 7 ngày làm việc, việc xét duyệt phải dựa vào tính khả thi của đề án thu tóm, trong đó yếu tố tài chính và tính hiệu quả của việc thu tóm này là hai yếu tố đặc biệt quan trọng.

Phương thức giao dịch thoả thuận tại TTGDCKHN

Sàn giao dịch thứ cấp của Trung tâm GDCK Hà Nội đã bắt đầu hoạt động từ giữa tháng 7/2005. Trong thời gian đầu, Trung tâm GDCK Hà Nội áp dụng phương thức giao dịch thoả thuận. Một số nội dung cơ bản về hoạt động giao dịch hiện nay tại sàn giao dịch thứ cấp của Trung tâm GDCK Hà Nội bao gồm:

Qui định về giao dịch

Thời gian giao dịch: Từ 9h00-11h00 vào tất cả các ngày làm việc trong tuần (trừ các ngày nghỉ theo qui định tại Bộ Luật Lao động).

Giá tham chiếu: là bình quân gia quyền của các mức giá giao dịch của ngày có giao dịch gần nhất.

Biên độ giao động giá:

Đối với cổ phiếu: +/- 10%

Đối với trái phiếu: không qui định biên độ

Đơn vị yết giá: 100 đồng

Đơn vị giao dịch: không qui định

Khối lượng giao dịch tối thiểu:

Đối với cổ phiếu: 5.000 cổ phiếu

Đối với trái phiếu: 100 triệu đồng tính theo mệnh giá

Hình thức thanh toán:

Các lệnh có khối lượng nhỏ hơn 100.000 cổ phiếu hoặc nhỏ hơn 10 tỷ đồng mệnh giá trái phiếu: hình thức thanh toán đa phương với chu kỳ T+3

Các lệnh có khối lượng lớn hơn hoặc bằng 100.000 cổ phiếu hoặc 10 tỷ đồng mệnh giá trái phiếu thì được lựa chọn 1 trong 3 hình thức sau:

* Đa phương với chu kỳ thanh toán T+3

* Song phương với chu kỳ thanh toán T+2

* Trực tiếp với chu kỳ thanh toán từ T+1 đến T+3

Trình tự giao dịch thoả thuận

Nguyên tắc giao dịch:

Các giao dịch phải được thực hiện thông qua công ty chứng khoán thành viên của Trung tâm GDCK Hà Nội.

Trước tiên, để thực hiện giao dịch nhà đầu tư phải mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại một công ty chứng khoán là thành viên của Trung tâm GDCK Hà Nội. Nhà đầu tư sẽ được công ty chứng khoán hướng dẫn đầy đủ các thủ tục để mở tài khoản giao dịch chứng khoán. Sau khi đã tìm hiểu kỹ về các loại chứng khoán đăng ký giao dịch trên Trung tâm GDCK Hà Nội, nhà đầu tư có thể bắt đầu đưa ra các quyết định đầu tư của mình.

Khi đặt lệnh mua bán chứng khoán, nhà đầu tư phải đảm bảo đủ tỉ lệ ký quỹ trên tài khoản. Cụ thể là, khi đặt lệnh bán thì nhà đầu tư phải có đủ số chứng khoán trong tài khoản, còn khi đặt lệnh mua thì nhà đầu tư phải có đủ số tiền ký quỹ theo thoả thuận với công ty chứng khoán.

Trường hợp đã xác định được đối tác giao dịch:

Nếu nhà đầu tư đã tìm được đối tác giao dịch và đã hoàn tất thoả thuận giao dịch thì thông báo cho công ty chứng khoán về thoả thuận này, công ty chứng khoán sẽ thực hiện nhập lệnh giao dịch vào hệ thống của Trung tâm GDCK Hà Nội.

Trường hợp chưa xác định được đối tác giao dịch:

Khi có nhu cầu giao dịch, nhà đầu tư sẽ đặt lệnh mua/lệnh bán tại công ty chứng khoán.

Căn cứ vào lệnh của nhà đầu tư, công ty chứng khoán sẽ nhập lệnh vào hệ thống giao dịch tại Trung tâm GDCK Hà Nội, ngay lập tức các lệnh đó sẽ được hiển thị trên sổ lệnh của thị trường.

Căn cứ vào thông tin trên sổ lệnh, các công ty chứng khoán sẽ liên lạc với nhau để giúp nhà đầu tư tìm kiếm và thoả thuận với các đối tác giao dịch về mức giá và khối lượng giao dịch. Khi đạt được thoả thuận, công ty chứng khoán sẽ thực hiện lệnh giao dịch cho nhà đầu tư.

* Hệ thống giao dịch của Trung tâm GDCK Hà Nội sẽ nhận và xác nhận các lệnh giao dịch do công ty chứng khoán nhập vào và sẽ đưa ra kết quả giao dịch tổng hợp của toàn thị trường.

* Kết quả giao dịch thoả thuận sẽ được hiển thị ngay trên màn hình của đại diện giao dịch và màn hình thông tin của CTCK

** Giới thiệu phương thức giao dịch báo giá tại Trung tâm GDCK Hà Nội*

Được sự đồng ý của Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước, ngày 2/11/2005, Trung tâm GDCK Hà Nội chính thức đưa phương thức giao dịch báo giá vào hoạt động.

Những nội dung chính trong cơ chế hoạt động của phương thức giao dịch báo giá như sau:

Các qui định về giao dịch:

Thời gian giao dịch: Từ 9h00-11h00 các ngày Thứ 2, 4, 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo qui định tại Bộ Luật Lao động).

Hình thức thanh toán: Giao dịch báo giá: Tất cả các giao dịch báo giá (gồm cả giao dịch cổ phiếu và giao dịch trái phiếu) được thanh toán theo hình thức thanh toán đa phương (T+3).

Đơn vị yết giá:

Giao dịch báo giá:

Đối với cổ phiếu: 100 đồng.

Đối với trái phiếu: không quy định.

Giao dịch thỏa thuận: không quy định.

Đơn vị giao dịch: Giao dịch báo giá: 100 cổ phiếu hoặc 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tính theo mệnh giá trái phiếu.

Giá tham chiếu: Giá tham chiếu của cổ phiếu là bình quân gia quyền các giá thực hiện qua phương thức giao dịch báo giá của ngày có giao dịch gần nhất.

Biên độ dao động giá:

Biên độ dao động giá trong ngày giao dịch đối với cổ phiếu là $\pm 10\%$.

Không áp dụng biên độ dao động giá đối với các giao dịch trái phiếu.

Hiệu lực của lệnh: trong phiên giao dịch, lệnh giới hạn được nhập vào hệ thống giao dịch có hiệu lực cho đến hết phiên hoặc cho đến khi lệnh bị huỷ trên hệ thống.

Loại lệnh giao dịch: Lệnh giao dịch báo giá là lệnh giới hạn.

Nguyên tắc thực hiện lệnh giao dịch báo giá

Các lệnh có mức giá tốt nhất được ưu tiên thực hiện trước.

Nếu có nhiều lệnh cùng mức giá thì lệnh nào được nhập vào hệ thống trước sẽ được thực hiện trước.

Nếu lệnh mua và lệnh bán cùng thoả mãn nhau về giá thì mức giá thực hiện sẽ là mức giá của lệnh được nhập vào hệ thống trước.

Lệnh giao dịch có thể được thực hiện toàn bộ hoặc một phần theo bội số của đơn vị giao dịch.

Sửa, huỷ lệnh: Nhà đầu tư được phép huỷ lệnh hoặc thay đổi mức giá đối với các lệnh chưa được khớp hoặc phần còn lại của lệnh đã khớp một phần.

Các bước tiến hành giao dịch báo giá:

Sau khi nhà đầu tư đặt lệnh (mua/bán) tại các công ty chứng khoán, đại diện giao dịch của công ty chứng khoán sẽ nhập các lệnh của khách hàng vào hệ thống giao dịch tại Trung tâm GDCK Hà Nội. Nếu nhà đầu tư muốn thực hiện lệnh theo phương thức thoả thuận

hoặc muốn thực hiện toàn bộ khối lượng thì phải ghi rõ những yêu cầu này trên phiếu lệnh, công ty chứng khoán sẽ thực hiện những lệnh này theo phương thức thoả thuận. Nếu phiếu lệnh không có các yêu cầu trên thì đại diện giao dịch của công ty chứng khoán sẽ nhập lệnh đó vào hệ thống giao dịch báo giá.

Các lệnh đặt này được hiển thị trên màn hình của đại diện giao dịch và màn hình thông tin của công ty chứng khoán.

Nhà đầu tư theo dõi các lệnh (mua/bán) thông qua màn hình thông tin tại công ty chứng khoán và lựa chọn các lệnh phù hợp để đặt lệnh đối ứng.

Các lệnh nhập vào hệ thống sẽ được tự động khớp ngay với các lệnh đối ứng có mức giá thoả mãn tốt nhất đã chờ sẵn trong hệ thống. Tức là, nếu thoả mãn về giá thì các lệnh mua có mức giá cao nhất sẽ được khớp với các lệnh bán có mức giá thấp nhất. Mức giá thực hiện được xác định là mức giá của lệnh được nhập vào hệ thống trước.

Nếu ở cùng một mức giá mà có nhiều lệnh mua/lệnh bán thì lệnh nào nhập vào hệ thống trước sẽ được thực hiện trước.

Các lệnh có thể được thực hiện một phần hoặc toàn bộ (nếu các lệnh đối ứng đáp ứng được toàn bộ khối lượng). Các lệnh chưa được thực hiện hoặc mới thực hiện một phần sẽ được lưu lại trên hệ thống để chờ thực hiện với các lệnh mới.

Kết quả giao dịch sẽ được hiển thị trực tuyến trên màn hình thông tin của các công ty chứng khoán.

Kết thúc phiên giao dịch, TTGDCK Hà Nội sẽ xác nhận kết quả giao dịch với công ty chứng khoán thành viên và công ty chứng khoán thành viên thông báo cho khách hàng.

Định giá cổ phiếu

Nhiều thị trường chứng khoán trên thế giới đôi lúc xảy ra trường hợp chỉ số cổ phiếu tăng vọt nhiều lần so với giá trị thực của nó. Vấn đề này đôi khi ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường cũng như tâm lý của các nhà đầu tư

Rất nhiều các chuyên gia về chứng khoán và người đầu tư cho rằng, việc tăng giá nhanh như vậy là kết quả tất yếu của sự mất cân đối cung cầu quá lớn. Việc tăng giá mạnh của các cổ phiếu trên thị trường chứng khoán đôi khi có tác động rất tốt đến sự tin tưởng của các tầng lớp dân cư vào thị trường chứng khoán.

Tuy nhiên, việc tăng giá liên tục sẽ tạo ra một áp lực rất lớn lên thị trường chứng khoán. Bất chấp việc nhiều chuyên gia đã lên tiếng cảnh báo về hiện tượng tăng giá quá cao so với giá trị thực, gần đây nhất là một số Sở giao dịch chứng khoán trên thế giới đã cảnh báo cho người đầu tư biết giá của một số cổ phiếu đã lên tới mức quá cao nhưng các cổ phiếu vẫn tiếp tục lên giá.

Bài viết này sẽ lần lượt phân tích giá cổ phiếu của một số công ty niêm yết để tìm xem đâu là phần thực, đâu là phần ảo. Trước hết để tiện cho việc theo dõi và phân tích giá cổ phiếu, chúng ta điểm qua một số phương pháp tính giá cổ phiếu. Hiện tại các nhà phân tích chứng khoán trên thế giới dùng khá nhiều phương pháp để tính và dự đoán giá cổ phiếu. Ngoài ra, để đơn giản hoá vấn đề, tác giả sẽ lấy giá cao nhất trong các giá cổ phiếu tính theo các phương pháp trên làm giá trị thực của cổ phiếu được phân tích.

Định giá cổ phiếu phổ thông theo phương pháp chiết khấu luồng thu nhập (DCF)

Phương pháp định giá chiết khấu luồng thu nhập (DCF) được dựa trên một nguyên lý cơ bản là “tiền có giá trị theo thời gian”, một đồng tiền của ngày hôm nay luôn có giá trị hơn một đồng tiền của ngày mai, một đồng đầu tư vào trong doanh nghiệp này có mức sinh lời khác với một đồng đầu tư trong doanh nghiệp khác, do đó, giá trị của doanh nghiệp được xác định bằng các luồng thu nhập dự kiến mà doanh nghiệp đó thu được trong tương lai được quy về giá trị hiện tại bằng cách chiết khấu chúng bằng một mức lãi suất chiết khấu phù hợp với mức độ rủi ro của doanh nghiệp đó.

Do vậy, trong phương pháp DCF có 3 thông số cơ bản nhất cần được xác định, đó là luồng thu nhập công ty sẽ thu về trong tương lai, mức lãi suất chiết khấu luồng thu nhập đó và thời hạn tồn tại dự tính của doanh nghiệp. Phương pháp này được áp dụng phổ biến ở những nước thị trường chứng khoán phát triển, nơi thường có đầy đủ thông tin về lịch sử cũng như thông tin hiện tại và dự báo hợp lý về tình hình tài chính và rủi ro của doanh nghiệp.

Hiện nay, việc áp dụng công thức này ở Việt Nam cũng được nhiều người chấp nhận bởi giá cổ phiếu tính theo phương pháp này phản ánh được tương đối đầy đủ mọi mặt bản chất hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty so với các phương pháp khác và đứng trên quan điểm của nhà đầu tư thì, ngoài việc tính toán theo phương pháp này rất đơn giản, nó còn đáp ứng đúng suy nghĩ, nguyện vọng của họ khi đầu tư vào một doanh nghiệp.

Tuy nhiên, tại Việt Nam việc áp dụng công thức này có một số khó khăn làm cho việc ước tính nguồn thu trong tương lai của các công ty khó có thể chính xác như: Tình hình môi trường kinh doanh có nhiều biến động; Các doanh nghiệp Việt Nam trong đó có các công ty đang niêm yết đều chưa quen với lập kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, đặc biệt là còn xa lạ với việc dự báo chi tiết luồng tiền dài hạn ra, vào công ty... Do đó, bài viết sẽ điều chỉnh lại công thức này theo hướng 5 năm và cộng giá trị tài sản ròng được tính vào thời điểm niêm yết. Công thức được điều chỉnh sẽ là:

$$P = P_0 + E_1/(1+r) + E_2/(1+r)^2 + E_3/(1+r)^3 + E_4/(1+r)^4 + E_5/(1+r)^5$$

Định giá cổ phiếu phổ thông theo phương pháp hệ số P/E

Đây là phương pháp cũng được áp dụng phổ biến ở các thị trường chứng khoán đã phát triển. Hệ số P/E là hệ số giữa giá cổ phiếu (thị giá) và thu nhập hàng năm của một cổ phiếu đem lại cho người nắm giữ. Thông thường, để dự tính giá của một loại cổ phiếu,

người ta thường dùng thu nhập trên mỗi cổ phiếu của công ty nhân với hệ số P/E trung bình ngành hoặc của một công ty tương tự về qui mô, ngành nghề và đã được giao dịch trên thị trường.

Việc áp dụng hệ số P/E để tính giá cổ phiếu tại Việt nam còn gặp phải nhiều khó khăn do thiếu số liệu và thị trường chứng khoán chưa phát triển. Tại các thị trường đã phát triển, theo số liệu thống kê về chỉ số P/E, hệ số này từ 8-15 là bình thường, nếu hệ số này lớn hơn 20 thì công ty đang được đánh giá rất tốt và người đầu tư trông đợi trong tương lai, mức thu nhập trên một cổ phiếu của công ty sẽ tăng nhanh. Trường hợp công ty có hệ số P/E thấp có thể là do thị trường không đánh giá cao công ty đó hoặc chưa hiểu biết nhiều về công ty. Khi tất cả các cổ phiếu trên thị trường đều có giá quá cao so với giá trị thực của nó thì phần bong bóng sẽ vượt quá phần thực và nhất định có ngày nổ tung, gây khủng hoảng thị trường như đã từng thấy ở các nước phát triển.

Định giá cổ phiếu dựa trên cơ sở tài sản ròng có điều chỉnh

Quan điểm chung của phương pháp này cho rằng, một công ty có giá trị không kém hơn tổng các giá trị của từng loại tài sản riêng của nó trừ đi các khoản nợ của nó. Tài sản riêng ở đây được hiểu bao gồm cả những giá trị lợi thế của công ty. Giá cổ phiếu của công ty có thể được tính theo phương pháp tổng quát sau:

$$\text{Giá cổ phiếu} = (\text{Giá trị tài sản ròng} + \text{Giá trị lợi thế}) / \text{Tổng số cổ phiếu định phát hành}$$

Phương pháp này thường được sử dụng để tính toán giá tham chiếu và so sánh. ở Việt Nam, phương pháp này được áp dụng phổ biến cho các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hoá. Tuy nhiên, giá trị tài sản ròng của công ty dù được định giá chính xác đến đâu cũng chỉ thể hiện giá trị thanh lý của công ty, trong khi đó đối với người đầu tư mua cổ phiếu thì tương lai của công ty mới là điều đáng quan tâm hơn cả.

Trong các doanh nghiệp cổ phần hoá ở Việt Nam có nhiều loại tài sản mà chúng ta không xác định được giá do không có thị trường cho các loại tài sản này, nhưng có một loại tài sản mà ai cũng thấy rõ là đang góp phần khiến cho các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hoá được định giá thấp là giá trị quyền sử dụng đất. Quan sát cho thấy, việc quyền sử dụng đất trong các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hoá được định giá thấp hơn giá cả trên thị trường nhà đất từ 4 đến 5 lần không phải là hiện tượng cá biệt.

Hơn thế nữa, trong nhiều doanh nghiệp, quyền sử dụng đất là một tài sản có giá trị cao nhất, chiếm một tỷ trọng rất lớn trong tổng tài sản của công ty. Trong khuôn khổ hạn hẹp của bài viết này và dựa trên một số số liệu về cổ phần hoá, bài viết sẽ tính những thiếu hụt trong quá trình định giá của các doanh nghiệp nhà nước cổ phần bằng cách nhân tổng giá trị tài sản ròng của công ty lên 2 lần.

Dựa trên các phương pháp được giới thiệu trên và chỉ sử dụng một cách máy móc những con số ghi trên báo cáo tài chính năm 1999 và 2000 được công bố của các công ty niêm yết, các bạn có thể tự tính toán được giá trị cổ phiếu của các công ty. Tuy nhiên, theo những tính toán nêu trên thì giá cổ phiếu vẫn chưa thể hiện được hoàn toàn về các

giá trị thực của công ty mà nó phản ánh. Để có thể hiểu được một cách rõ nét và toàn diện hơn, chúng ta cần phải đi sâu vào phân tích những yếu tố phi định lượng khác nhưng lại ảnh hưởng rất lớn đến những kết quả tính toán nêu trên. Những yếu tố mà bạn cần phải tính đến khi phân tích và tính giá cổ phiếu của một công ty bao gồm:

- Độ tin cậy của số liệu;
- Mức độ rủi ro trong hoạt động của công ty bao gồm cả những yếu tố như tình hình thị trường và triển vọng của công ty (điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến thời hạn hoạt động của công ty, hệ số chiết khấu trong công thức tính DCF);
- Những yếu tố liên quan đến tài sản vô hình của công ty như trình độ quản lý của ban giám đốc, uy tín sản phẩm, nhãn hiệu thương mại, chất lượng sản phẩm được thể hiện theo các tiêu chuẩn ISO.

Hạn chế rủi ro khi đầu tư vào trái phiếu

Trái phiếu công ty là các cam kết nợ tài chính của một công ty, trong đó công ty phát hành hứa sẽ trả lãi định kỳ và hoàn trả toàn bộ khoản nợ vào ngày đáo hạn.

Việc công ty phát hành ấn định lãi suất trái phiếu như thế nào sẽ tùy thuộc vào tình hình kinh doanh của công ty, cũng như lãi suất chung của thị trường. Trái phiếu công ty được phân làm 4 loại gồm tiện ích công cộng, vận chuyển, công nghiệp, ngân hàng và công ty tài chính.

Người ta thường phân tích bằng thống kê chi tiết để phân loại đồng nhất hơn. Chẳng hạn, khu vực tiện ích công cộng được chia thành công ty điện năng, công ty phân phối khí đốt, công ty nước và công ty truyền thông. Khu vực vận chuyển bao gồm các công ty hàng không, công ty vận chuyển đường sắt và công ty xe tải. Khu vực công nghiệp có các công ty chế tạo, hàng hóa và dịch vụ...

Phần lớn trái phiếu công ty là trái phiếu định kỳ, tức là có hiệu lực trong một thời hạn, sau đó đến kỳ đáo hạn sẽ được chi trả. Bất cứ khoản nợ nào không được trả hết trước ngày đáo hạn phải được thanh toán hết vào thời điểm này. Thời kỳ đáo hạn có thể dài hay ngắn nhưng thông thường, các trái phiếu có thời gian đáo hạn dưới 5 năm là ngắn hạn. Các trái phiếu có thời hạn từ 5 đến 10 năm được gọi là trung hạn. Ở các nước công nghiệp phát triển, trái phiếu công ty có thời hạn 20 đến 30 năm, có loại đến 100 năm và có loại không ghi thời hạn đáo hạn (là loại trái phiếu vĩnh viễn). Các chứng khoán nợ do công ty phát hành dưới rất nhiều hình thức như:

Trái phiếu theo loạt đáo hạn: là trái phiếu công ty được thu xếp sao cho có nhiều thời điểm đáo hạn khác nhau được ấn định rõ.

Trái phiếu có ủy thác thế chấp: Để người giữ trái phiếu cảm thấy an toàn, các công ty chủ quản sẽ thế chấp chứng khoán, trái phiếu trung hạn, trái phiếu dài hạn, hay bất cứ cam kết nợ nào khác mà công ty sở hữu. Một trái phiếu có thể chấp công nhận người giữ trái

phiếu có quyền đối với các tài sản được thế chấp. Trong thực tế, việc tịch thu và bán tài sản thế chấp ít xảy ra. Dù vậy, quyền giữ tài sản thế chấp rất quan trọng, bởi vì nó đem lại cho người giữ trái phiếu một vị thế chắc chắn so với các chủ nợ khác khi xác định các thời hạn tái tổ chức hoạt động tài chính.

Trái phiếu dưới dạng nợ: là các chứng khoán nợ không được bảo đảm bởi một tài sản thế chấp cụ thể. Nhưng điều đó không có nghĩa là người giữ trái phiếu này không có quyền đối với tài sản của nhà phát hành hay thu nhập của họ. Những người giữ trái phiếu dưới dạng nợ có quyền của chủ nợ đối với tất cả những tài sản của nhà phát hành không được thế chấp.

Trái phiếu được bảo đảm: Trái phiếu được bảo đảm là các cam kết nợ được bảo đảm bởi một công ty khác. Khả năng an toàn của một trái phiếu được bảo đảm phụ thuộc vào khả năng tài chính của công ty đứng ra bảo đảm cũng như khả năng tài chính của nhà phát hành.

Trái phiếu chuyển đổi: Trái phiếu chuyển đổi có thể cho phép các trái chủ quyền được chuyển đổi trái phiếu của họ thành cổ phiếu thường. Tỷ lệ cổ phiếu thường mà họ có thể đổi được với trái phiếu gọi là tỷ lệ chuyển đổi. Trái phiếu có thể chuyển đổi vào một ngày nhất định trong tương lai và thường có một điều khoản về tỷ lệ chuyển đổi được ban hành khi trái phiếu gần ngày đến hạn.

Hầu hết các trái phiếu công ty có một điều khoản lệnh “gọi” cho phép nhà phát hành quyền chọn mua lại toàn bộ hay một phần trái phiếu trước ngày đáo hạn đã ấn định. Một số trái phiếu mới nêu rõ nhà phát hành phải thu hồi theo định kỳ một số trái phiếu đã xác định trước.

Các nhà phát hành thường muốn có quyền này vì họ nhận thấy rằng, vào một thời điểm nào đó trong tương lai, mức lãi suất chung của thị trường có thể xuống thấp hơn lãi suất của trái phiếu công ty đến mức cần thực hiện thu hồi trái phiếu và thay thế bằng một trái phiếu khác có lãi suất thấp hơn.

Các trái phiếu phát hành được quyền chuyển nhượng một cách dễ dàng. Vì vậy, khi quyết định đầu tư vào trái phiếu công ty, ngoài việc phải chú ý tới người phát hành, hình thức phát hành, tính cách đáo hạn, tỷ lệ lợi nhuận... nhà đầu tư cần thận trọng với các ấn định, trị giá chuyển đổi, điều khoản thu hồi... để hiểu thật rõ những rủi ro bao hàm trong đó.

Phân tích - dự báo giá cổ phiếu

Nhà đầu tư cần phải nắm vững những vấn đề bản chất nhất của phân tích và dự báo giá cổ phiếu...

Nhà đầu tư cần phải nắm vững những vấn đề bản chất nhất của phân tích và dự báo giá cổ phiếu, và do đó phải xem xét toàn diện, tổng thể các nội dung chính yếu sau:

1. Tiến hành phân tích CP trên thị trường với mục tiêu là đưa ra dự báo về giá CP và xu hướng giá CP trong tương lai, tìm khả năng sinh lời cao. Đó là một trong những nội dung quan trọng - xác định giai đoạn nào của chu kỳ CP tăng trưởng - giúp nhà đầu tư cân nhắc để đi đến quyết định đầu tư CK có hiệu quả nhất.

2. Đầu tư vào CP, với tính chất sinh lợi và rủi ro cao, nhà đầu tư thường sử dụng một lượng tiền khá lớn hoặc cực lớn để kinh doanh CK, do đó, họ rất quan tâm việc dự báo diễn biến giá CP. Nếu dự đoán giá cả diễn biến đúng, sẽ mang lại thành công lớn; và ngược lại, sẽ thua thiệt, thậm chí có khi dẫn đến phá sản. Chính vì vậy, phân tích CP đã trở thành một ngành kinh doanh lớn và có xu hướng ngày càng phát triển - theo đòi hỏi ngày càng cao của nhà đầu tư - vì thị trường ngày càng phát triển đa dạng và phức tạp hơn.

3. Muốn phân tích CP để dự báo tốt về diễn biến giá cả CP, nhà đầu tư cần phải xem xét, nghiên cứu và tìm ra câu trả lời thoả đáng các vấn đề cụ thể: a/ Các CP nào sẽ lên giá - vì sao?

b/ Các CP đó lên giá bao nhiêu - do đâu?

c/ Trong thời gian bao lâu, thì các CP đó đạt mức tăng như vậy - vì đâu? Phải phân tích và tìm ra một ưu thế cạnh tranh nhất định so với các đối thủ khác như: độc quyền về công nghệ, phát minh sáng chế, chiếm lĩnh thị trường hoặc phương pháp quản lý khoa học, chặt chẽ, nâng cao hiệu quả kinh doanh v.v...

4. Trong giai đoạn thử nghiệm này, hầu hết chỉ có sự tham gia của các nhà đầu tư cá nhân, sau 43 phiên giao dịch, giá liên tục tăng quá cao, vượt xa giá trị thực của CP (có loại CP giá thị trường hơn 3 lần so mệnh giá CP) - với tác động của quan hệ cung - cầu thị trường và tâm lý nhà đầu tư - xu hướng giá còn tiếp tục tăng và giá tăng, giảm xen kẽ, dẫn đến rủi ro và lợi nhuận xen kẽ, thực sự cuộc chơi "đỏ, đen", người được kẻ mất trong kinh doanh CK. Hãy cảnh giác với thị trường!

5. Vấn đề quan trọng là phải xác định và lựa chọn CP tăng trưởng - nghĩa là cổ phiếu đó có thể tiếp tục tăng trưởng trong tương lai, theo các tiêu chí sau:

a/ Đưa ra các sản phẩm mới hoặc dịch vụ mới, độc đáo, có sức thu hút trên thị trường, có khả năng chiếm lĩnh thị trường, đạt tốc độ tăng trưởng trong thời gian dài;

b/ Có chu kỳ doanh thu ổn định, tăng một cách liên tục đều đặn;

c/ ở trong giai đoạn của chu kỳ tăng trưởng để có lợi nhuận cao trong một thời gian dài;

d/ ở vị thế dẫn đầu trong ngành hoạt động và có chiến lược phát triển thích hợp, dự đoán đúng xu hướng phát triển trong tương lai;

e/ Có lợi nhuận trên vốn cao hơn 15%, sử dụng một phần lợi nhuận còn lại sau khi đã chi trả cổ tức để tăng vốn chủ sở của các cổ đông - tái đầu tư phát triển;

f/ Có số lợi ít, hoặc ít nhất là có tỷ số nợ/vốn cố định khoảng < 20% nguồn vốn dài hạn, sẽ gặp khó khăn tài chính trong quá trình tăng trưởng.

6. Căn cứ vào các tiêu chí trên, cần phân tích kỹ những loại cổ phiếu đang lưu hành - tính hoàn thiện chưa đủ. Mỗi loại cổ phiếu: Sam, Ree, Hap- mang sắc thái riêng, từng tiêu chí "đậm, nhạt" khác nhau - nổi lên là: công nghệ, sản phẩm, thị trường, tái đầu tư, lợi tức, tỷ số nợ và các tổ chức quản lý.vv..., đặc biệt là chiến lược phát triển trong tương lai.

Cảnh giác với thị trường, vì thị trường vẫn hoạt động chỉ với 4 loại CP giao dịch, đầu tư gắn liền với đầu cơ, giá tiếp tục biến động. Cần tìm ra các giới hạn khác nhau của các loại

cổ phiếu đó - xác định mức độ tín nhiệm và sinh lời để có chiến lược đầu tư cụ thể đối với từng loại cổ phiếu, bảo đảm lợi nhuận và thu nhập hợp lý là vấn đề khó khăn và giải quyết đúng đắn của các nhà đầu tư, tránh rủi ro thua thiệt.

7/ Trong thực tế kinh doanh CK, việc dự báo biến động giá và xu hướng giá ngắn hạn có nhiều thành công hơn và chính xác hơn dự báo xu hướng dài hạn, vì tính nhạy cảm và phức tạp của thị trường chứng khoán. Do đó, phải dự đoán và xử lý các vấn đề sau:

a/ Trong dài hạn, đầu tư CP sẽ mang lại lợi tức vượt xa các loại đầu tư khác, yếu tố quyết định nhất và duy nhất đến giá CP là lợi nhuận và

chất lượng CP là quan trọng nhất;

b/ Trong ngắn hạn, đầu tư CP có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của nhà đầu tư;

c/ Lợi nhuận và rủi ro luôn tỷ lệ với nhau, lợi nhuận cao thì rủi ro càng lớn; d/ Mức độ biến động của CP lớn hơn nhiều so với trái phiếu, lãi suất tăng sẽ ảnh hưởng đến giá trái phiếu;

đ/ Danh mục đầu tư đa dạng sẽ ít rủi ro hơn danh mục đầu tư tập trung;

e/ Lạm phát là mối đe dọa lớn nhất đối với các khoản đầu tư dài hạn. Đó là những vấn đề kinh tế - tài chính và nguyên tắc kinh doanh phức tạp, có tính tổng hợp - ảnh hưởng do nhiều yếu tố khác nhau kể cả trình độ hiểu biết của các chuyên gia phân tích CK cũng như nhà đầu tư.

8/ Phân tích cơ bản CP nhằm cung cấp thông tin để đánh giá triển vọng tăng trưởng và lợi nhuận trên cơ sở dự báo tương lai của TCPH, của ngành hoạt động, của nền kinh tế quốc dân và trong tương lai của cả nền kinh tế thế giới. Nó bao gồm các nội dung:

a/ Đánh giá môi trường kinh doanh tương lai;

b/ Dự báo thu nhập tương lai của TCPH;

c/ Dự báo mức giá CP. Do đó, phân tích cơ bản là phương pháp tiếp cận dài hạn, còn có nhiều biến số phải tính đến và không biết trước chắc chắn được.

9/ Phân tích kỹ thuật CP nhằm nghiên cứu những diễn biến hay hành vi thị trường - thông qua việc nghiên cứu các mô hình giao dịch và các hành vi hiện tại của thị trường, vốn đã phức tạp - để có thể biết được một cách sâu sắc các hành vi có thể xảy ra trong tương lai của thị trường. Những thông tin về một CP, hoặc một ngành, hoặc một thị trường đều có thể được các nhà đầu tư nghiên cứu, xem xét, và do đó, nó phản ánh vào trong giá, cổ tức, lợi nhuận và mô hình giao dịch.

Nhà đầu tư có thể đầu tư vào một TCPH khi phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật cùng đưa ra kết luận chung về xu hướng biến động của giá và của TTCK.

Phân tích thông tin tài chính

Hoạt động thị trường chứng khoán ở Việt Nam trong thời gian tới sẽ ngày càng sôi động và thu hút nhiều người tham gia, từ những nhà đầu tư chuyên nghiệp cho đến người dân bình thường. Làm thế nào để phân tích các thông tin tài chính có được để đưa ra những quyết định mua bán chứng khoán đúng đắn là vấn đề đang được nhiều người quan tâm. TSKTSG xin giới thiệu loạt bài "Phân tích thông tin tài chính" với mục đích giới thiệu những hoạt động và quy luật căn bản của thị trường tài chính.

Bài 1: Thị trường chứng khoán - nhiều từ mới.

Đọc bất kỳ một bản tin nào về hoạt động của thị trường chứng khoán, người đầu tư bình thường muốn mua bán ít cổ phiếu kiếm lời rất dễ lúng túng trước những từ chuyên môn mà người đưa tin có thể vì thấy quá quen thuộc nên không giải thích.

Ví dụ khi đưa tin về việc cấp phép cho Công ty Chứng khoán Thăng Long, tác giả viết: "Công ty Thăng Long có vốn điều lệ 9 tỷ đồng, hoạt động với ba chức năng môi giới, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư. Trong tương lai, Thăng Long dự định xin thêm chức năng lưu ký và đăng ký chứng khoán".

"Môi giới và tư vấn đầu tư" thì đã rõ nhưng "quản lý danh mục đầu tư" là gì ?

Một khách hàng, thường là khách hàng loại lớn, không chỉ mua bán chứng khoán của một công ty. Họ có thể mua bán rất nhiều loại cổ phiếu, trái phiếu của đủ loại công ty với mục đích dàn đều đồng vốn để giảm thiểu rủi ro - gọi là danh mục đầu tư. Thế nhưng dù khách hàng là cá nhân hay công ty cũng đâu có chuyên môn nhiều để theo dõi, lúc mua lúc bán nhằm làm lợi nhiều nhất cho danh mục đầu tư của mình. Từ đó mới có dịch vụ quản lý danh mục đầu tư.

Trong một tin khác, người viết cho biết thêm một chức năng khác của công ty chứng khoán là "tự doanh". Người đọc có thể thắc mắc, tự doanh là gì, không lẽ thành lập công ty ra mà không kinh doanh hay sao mà phải có thêm chức năng tự doanh. Đây là khái niệm chỉ việc các công ty chứng khoán mua và bán chứng khoán cho chính mình.

Thế còn hai loại dịch vụ mà Thăng Long sắp làm là "lưu ký và đăng ký chứng khoán" là gì ? Để dễ nhớ, có thể "diễn dịch" từ lưu ký thành đăng ký lưu giữ, tức là dịch vụ lưu giữ, bảo quản chứng khoán giúp cho khách hàng, kể cả việc giúp khách hàng thực hiện các quyền của họ đối với chứng khoán. Tuy nhiên, dần dần người mua sẽ không cần tờ trái phiếu hay cổ phiếu cụ thể nữa mà chỉ cần ghi vô sổ sách - từ chính thức gọi là bút toán ghi sổ. Dịch vụ ghi nhận quyền sở hữu của khách hàng, kể cả các quyền và nghĩa vụ liên quan bằng một hệ thống thông tin lưu giữ trong các tài khoản lưu ký chứng khoán chính là dịch vụ đăng ký chứng khoán. Một bản tin khác viết, "Các công ty REE và Sacom sẽ công bố bản cáo bạch trong vòng tuần tới".

Bản cáo bạch là một dạng thông tin của nơi phát hành chứng khoán, ngoài những phần như tên, địa chỉ, quá trình hình thành và phát triển của tổ chức phát hành, còn có những phần như cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, phân tích hoạt động tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm liên tục gần nhất. Nó còn phải nêu được các khoản nợ, các khoản thuế và mục đích sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành. Bản này phải được viết làm sao để giúp công chúng đánh giá và quyết định mua hay không. Nếu thông tin sai lệch hay che giấu sự thật, người mua bị thiệt hại thì nơi phát hành phải đền bù.

Đặc biệt, bản cáo bạch phải có dòng chữ, đại ý nói Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phát hành không có nghĩa là Ủy ban bảo đảm giá trị của chứng khoán phát hành. Ngoài ra nó còn phải thông báo về tất cả mọi loại rủi ro có khả năng làm giảm giá chứng khoán.

Cần phân biệt "bản cáo bạch" với "bản cân đối kế toán năm" và "bản báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm".

Bản cân đối kế toán hay còn gọi là bản cân đối tài chính là bức tranh tình trạng tài sản và các khoản nợ và vốn cổ đông của công ty vào một thời điểm nhất định, thường là ngày cuối năm. Ngược lại, bản báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hay còn gọi là bản báo cáo lời lỗ cho biết kết quả của các hoạt động trong khoảng một thời gian thường là một năm.

Thêm một bản tin nói công ty XYZ nào đó phát hành trái phiếu chuyển đổi. Đây là loại trái phiếu sau này có thể chuyển thành cổ phiếu thường của cùng công ty phát hành. Khi giới thiệu một công ty chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, người viết thường nói việc này sẽ tạo tính thanh khoản cho cổ đông. Nắm cổ phiếu của một công ty cổ phần hóa nhưng không biết bán cho ai vì chưa có thị trường chứng khoán - như vậy là thiếu tính thanh khoản. Còn ngược lại, khả năng chuyển đổi tài sản, ở đây là chứng khoán, thành tiền mặt một cách dễ dàng, gọi là có tính thanh khoản cao.

Cuối cùng, xin phân biệt mệnh giá cổ phiếu loại có niêm yết tại trung tâm giao dịch, theo quy định phải là 10.000 đồng. Các công ty cổ phần hóa lại thường phát hành cổ phiếu theo mệnh giá 100.000 đồng. Trái phiếu thì có mệnh giá cao hơn nhưng tối thiểu là 100.000 đồng hoặc bội số của 100.000 đồng, chứ không được lẻ. Khi đem ra mua bán, cổ phiếu và trái phiếu có giá khác, gọi là giá thị trường.

Bài 2: Tăng giảm, lãi suất.

Với các trang báo tài chính, tin tăng, giảm lãi suất luôn luôn là tin quan trọng nhất. Mỗi khi ngân hàng trung ương tuyên bố tăng hay giảm lãi suất, các báo chuyên về kinh tế đều đưa thành tin trang nhất, kèm theo nhiều bài phân tích tác động của nó với thị trường. Chẳng hạn khi đưa tin ngân hàng trung ương tăng lãi suất, các bản tin sẽ đưa tiếp tin giá trái phiếu giảm.

Giả thử mới hôm qua bạn mua 100 đồng trái phiếu nhà nước với lãi suất cố định là 11% mỗi năm, có nghĩa bạn trông chờ sang năm bạn sẽ có trong tay 11 đồng tiền lãi. Thế nhưng hôm nay sau khi lãi suất chung tăng, có nghĩa ngày này sang năm, để có 11 đồng, bây giờ bạn chỉ cần bỏ ra ít hơn 100 đồng để mua trái phiếu. Vì vậy, nếu có thị trường mua bán trái phiếu nhà nước, giá trái phiếu bạn mới mua hôm qua sẽ giảm.

Thế nhưng trong thực tế nếu nhiều chuyên gia kinh tế dự báo ngân hàng trung ương sẽ tăng lãi suất trong thời gian tới, các báo đưa tin và giá trái phiếu ắt sẽ sụt trước khi có quyết định tăng lãi suất thật sự. Lãi suất tăng cũng rất có thể dẫn đến thay đổi tỷ giá hối đoái. Đồng tiền có lãi suất tăng sức mạnh lên so với các ngoại tệ khác. Giả dụ Anh tăng lãi suất đồng bảng Anh, những nhà đầu tư có thể nghĩ đến chuyện đầu tư vào đây bằng cách gửi tiền vào ngân hàng để hưởng lãi suất cao hay mua trái phiếu đang giảm giá. Họ phải đổi từ tiền mình sang đồng bảng Anh để đầu tư nên rất có khả năng đồng bảng Anh lên giá. Vì vậy mới có chuyện nước này hay nước kia tăng lãi suất để ngăn chặn sự sụt giá của đồng tiền nước mình.

Lãi suất tăng cũng có nghĩa chi phí vay vốn đầu tư sản xuất sẽ cao hơn, lợi nhuận công ty sẽ giảm vì vậy các nhà sản xuất phải tính toán lại, không còn mặn mà chuyện vay vốn làm ăn. Vì thế mới có tin ngân hàng trung ương một nước tăng lãi suất để giảm bớt đà phát triển quá nóng của nền kinh tế.

Giả thử bạn vay tiền ngân hàng để mua nhà trả lãi theo tháng mà lãi suất thường thả nổi theo thời kỳ. Nay lãi suất tăng, có nghĩa khoản tiền phải trả cho ngân hàng hàng tháng bỗng tăng lên, thu nhập dành cho chi tiêu sẽ giảm. Kèm với chuyện vay tiền để chi tiêu hay mua sắm bằng thẻ tín dụng đều phải trả lãi cao hơn, lãi suất tăng như thế hàm ý chi tiêu toàn xã hội sẽ giảm. Ngược lại, giảm lãi suất cũng là biện pháp nâng sức mua của xã hội.

Trong tài chính, có khái niệm giá trị cơ hội của đồng tiền. Chẳng hạn bạn có thể gửi tiền vào ngân hàng hưởng lãi suất 10%/năm và hoàn toàn yên tâm sang năm 100 đồng gửi hôm nay đương nhiên thành 110 đồng. Nếu quyết định dùng 100 đồng này đầu tư vào chuyện khác, có nghĩa là bạn bỏ đi giá trị cơ hội mà nó có sẵn. Vì vậy, nếu mua trái phiếu, cổ phiếu hay trực tiếp sản xuất, bạn đều nghĩ đến một giá trị tăng thêm cho đồng tiền cao hơn giá trị cơ hội của nó - trong trường hợp này là 10%/năm.

Vì thế, tăng lãi suất tức là tăng mức lợi nhuận mà nhà đầu tư hay người tiết kiệm đơn thuần nghĩ họ phải hưởng từ khoản tiền đầu tư của mình.

Dù cơ chế hoạt động phức tạp hơn, lãi suất tăng sẽ rất có khả năng làm giảm giá các loại cổ phiếu trên thị trường.

Người mua cổ phiếu của công ty mới niêm yết thường trông chờ cổ tức thấp thôi. Nhưng đổi lại, họ mong giá cổ phiếu sẽ tăng trên thị trường chứng khoán. Giả thử một người mua cổ phiếu có cổ tức chừng 4% và giá trị cổ phiếu tăng chừng 10% sau một năm. Cộng lại, người đó sẽ hưởng chừng 14% trên số tiền bỏ ra đầu tư mua cổ phiếu - cao hơn lãi suất giả định 10% nói ở trên. Tuy nhiên, khi lãi suất tăng kéo theo lãi suất trái phiếu tăng chắc chắn người ta sẽ trông đợi lợi nhuận có được từ việc mua cổ phiếu sẽ phải cao hơn mức 14% để bù vào những rủi ro của cổ phiếu so với trái phiếu. Trước mắt giá cổ phiếu phải giảm để nâng mức lợi nhuận này.

Việc tăng giảm lãi suất có nhiều tác động trực tiếp đến thị trường như thế cho nên các bản tin tài chính khi đưa tin về lãi suất hay ý kiến một chuyên gia về lãi suất thường đưa ra những mối liên kết đối với họ thì như chuyện 2 cộng 2 là 4 nhưng với chúng ta rất xa nhau và rất khó hiểu. Tương tự, khi nói đến những giải pháp để giải quyết một vấn đề cụ thể nào đó của nền kinh tế, họ thường đưa ra những khuyến cáo liên quan đến lãi suất cũng khó hiểu không kém. Những liệt kê chưa đầy đủ ở trên hy vọng sẽ giúp người đọc tạo được mối liên kết dễ dàng hơn.

Bài 3: Chuyện gì xảy ra sau giờ G.

Nếu như trước đây, mọi người quan tâm bao giờ thì Việt Nam có thị trường chứng khoán thì bây giờ, sau khi đã định ngày chính thức hoạt động của Trung tâm Giao dịch chứng khoán TP. HCM là 15-7, vấn đề nổi lên là thị trường chứng khoán Việt Nam hoạt động

như thế nào. Người dân bình thường có ít tiền dành dụm muốn tham gia thị trường cũng muốn biết làm sao mua bán chứng khoán.

Khác với suy nghĩ của khá nhiều người, thể hiện qua một thăm dò gần đây của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, không có chuyện người đầu tư trực tiếp tới trung tâm bỏ tiền ra mua cổ phiếu hay khi cần đến bán lại. Tất cả mọi giao dịch đều phải qua các công ty chứng khoán. Hiện nay, đã có năm công ty như vậy được cấp phép hoạt động.

Trước tiên, người muốn chơi chứng khoán phải mở tài khoản tại các công ty chứng khoán. Các công ty này đã thuê bàn giao dịch tại trung tâm. Muốn mua hay bán, người ta liên hệ với công ty chứng khoán của mình (có thể trực tiếp hay qua điện thoại, fax) đăng ký yêu cầu mua hay bán, khối lượng giao dịch.

ở đây nên lưu ý, khách hàng có thể đặt ra nhiều dạng yêu cầu đối với công ty chứng khoán.

Họ có thể yêu cầu công ty mua bán tùy theo giá thị trường hoặc giới hạn cho họ chỉ được mua hay bán theo một mức giá nào đó. Những kỹ thuật này đã được quy ước thành nhiều dạng lệnh khác nhau mà người chơi chứng khoán nên nắm.

Đồng thời cũng cần biết, mua bán trái phiếu thì đơn vị giao dịch là từng 10 trái phiếu; còn đơn vị giao dịch đối với cổ phiếu và chứng chỉ quỹ đầu tư là 100 (giá mỗi cổ phiếu là 10.000 đồng).

Theo thông tin mới nhất của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm Giao dịch chứng khoán tại TP HCM sẽ hoạt động mỗi tuần ba ngày (thứ hai, thứ tư, thứ sáu) từ 8 giờ sáng đến 3 giờ chiều. Giá mở cửa là giá thực hiện lúc 9 giờ; giá đóng cửa là giá thực hiện lúc 14 giờ. Trung tâm áp dụng cả hai hình thức giao dịch: khớp lệnh và thỏa thuận.

Giả thử bạn yêu cầu công ty chứng khoán mua cho bạn 1.000 cổ phiếu của công ty XYZ, còn ông hàng xóm yêu cầu bán 1.000 cổ phiếu của công ty này. Các lệnh này sẽ được công ty chuyển vào trung tâm. Hàng chục, hàng trăm lệnh như thế sẽ được trung tâm nhận và tích tụ trong ba tiếng mỗi ngày (8g - 9g, 10g - 11g, 13g - 14g) và dựa vào đó trung tâm sẽ công bố giá khớp lệnh ba lần vào 9g, 11g và 14g theo một số nguyên tắc định trước; ví dụ dựa vào mức giá có khối lượng giao dịch lớn nhất. Dựa vào giá này, các thành viên sẽ tiến hành giao dịch với nhau.

Trong vai trò tự doanh, các công ty chứng khoán còn có thể liên tục cho giá mua, giá bán, ai thỏa thuận được thì tiến hành giao dịch.

Mỗi công ty chứng khoán, như đã đề cập ở số nước, vừa có thể tự mua bán chứng khoán cho mình (tự doanh) vừa giao dịch cho khách hàng (môi giới). ở các thị trường khác, các chức năng này phải tách bạch nhau, nhất là chức năng tư vấn chứng khoán. Nhân viên thuộc các bộ phận trong cùng công ty không được trao đổi với nhau để tránh tình trạng lợi dụng thông tin của khách hàng (tư vấn) mà làm lợi cho mình (tự doanh). Văn bản pháp lý của Ủy ban Chứng khoán chưa thấy đề cập đến chuyện này.

Một bản tin về chứng khoán có thể có câu: "Lệnh mua của XYZ, một nhà đầu tư nước ngoài hôm qua đã tự động bị hủy vì trung tâm đã thực hiện hết khối lượng chứng khoán được phép bán cho người nước ngoài".

Theo một quyết định mới nhất, người nước ngoài muốn mua bán chứng khoán phải đăng ký mã số người đầu tư và hàng phiên, hệ thống giao dịch sẽ kiểm soát và công bố khối lượng chứng khoán người nước ngoài được phép mua. Sau đó có người nước ngoài nào mua bao nhiêu thì trừ vào khối lượng này bấy nhiêu; còn giả thử có người bán thì số này được cộng thêm vào khối lượng được phép giao dịch. Vì khớp lệnh diễn ra vào cuối thời gian nhận lệnh nên nếu khối lượng chứng khoán được phép mua đã hết thì lệnh mua của nhà đầu tư nước ngoài đó sẽ tự động bị hủy.

Có thể thời gian đầu chưa xảy ra, nhưng vẫn có thể hình dung một tin trong đó có nói chuyện giá cổ phiếu tăng quá mức giới hạn dao động cho phép. Giả thử cổ phiếu của một công ty có giá đóng cửa hôm qua là 11.000 đồng (giá này gọi là giá tham chiếu cho phiên giao dịch sau). Hôm nay, giá bỗng tăng vọt lên 11.700 đồng, vượt quá giá tối đa, thì không được. Người ta quy định giá tối đa của cổ phiếu bằng giá tham chiếu cộng với 5%. Sụt quá 5% cũng không được. Đối với trái phiếu, biên độ dao động là trên dưới 1,5% giá tham chiếu. Vì vậy, chứng khoán mới được niêm yết trong ngày giao dịch đầu tiên có thể tăng, sụt nhiều vì không bị giới hạn biên độ dao động giá.

Vì mức 100 đồng là đơn vị tiền tệ nhỏ nhất ở nước ta, áp dụng biên độ 5% thì sẽ có 11 mức giá. Ví dụ giá một cổ phiếu hôm trước là 12.000 đồng. Giá tối đa hôm nay chỉ được lên tới 12.500 đồng và giá tối thiểu là 11.500 đồng.

Có lẽ sau ngày khai trương trung tâm, các báo sẽ bắt đầu đăng tải thông tin giao dịch của ngày hôm trước. Hình thức trình bày tùy từng báo nhưng có thể xem một cách trình bày tại thị trường chứng khoán Thái Lan để tham khảo. (xem bảng).

Có thể đọc dòng này như sau: Công ty Chiangmai Frozen có ký hiệu trên thị trường chứng khoán là CM, mệnh giá cổ phiếu là 10 baht, giá hôm trước là 31,25 baht, giá mở cửa là 31 baht, giá cao nhất là 31 baht, giá thấp nhất là 30,75. baht, giá đóng cửa là 30,75 baht.

Giá chào bán là 31,25 baht, giá mua là 30,5 baht, giá đóng cửa hôm nay so với hôm qua sụt mất 0,5 baht. Phiên giao dịch này khối lượng mua bán là 1.100 cổ phiếu. Giá giao dịch bình quân là 30,89 baht.

Công ty này có tổng số cổ phiếu niêm yết trên thị trường là 21 triệu cổ phiếu, tổng vốn là 645 triệu baht. Hiện nay chỉ số EPS (tỷ suất giá trên lợi tức) là 7,07.

Các hệ số tài chính

Trên thực tế người ta thường sử dụng một số hệ số sau để đánh giá hiệu quả sinh lợi của doanh nghiệp: hệ số tổng lợi nhuận; hệ số lợi nhuận hoạt động; hệ số lợi nhuận ròng; hệ số thu nhập trên vốn cổ phần; và hệ số thu nhập trên đầu tư.

Hệ số tổng lợi nhuận cho biết mức độ hiệu quả khi sử dụng các yếu tố đầu vào (vật tư, lao động) trong một quy trình sản xuất của doanh nghiệp.

Hệ số tổng lợi nhuận = (Doanh số - Trị giá hàng đã bán tính theo giá mua) / Doanh số bán

Trong thực tế khi muốn xem các chi phí này có cao quá hay không là đem so sánh hệ số tổng lợi nhuận của một công ty với hệ số của các công ty cùng ngành, nếu hệ số tổng lợi nhuận của các công ty đối thủ cạnh tranh cao hơn, thì công ty cần có giải pháp tốt hơn trong việc kiểm soát các chi phí đầu vào.

Hệ số lợi nhuận hoạt động cho biết việc sử dụng hợp lý các yếu tố trong quá trình sản xuất kinh doanh để tạo ra lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Mức lãi hoạt động = Thu nhập trước thuế và lãi (EBIT)/doanh thu

Hệ số này là thước đo đơn giản nhằm xác định đòn bẩy hoạt động mà một công ty đạt được trong việc thực hiện hoạt động kinh doanh của mình. Hệ số biên lợi nhuận hoạt động cho biết một đồng vốn bỏ ra có thể thu về bao nhiêu thu nhập trước thuế. Hệ số lợi nhuận hoạt động cao có nghĩa là quản lý chi phí có hiệu quả hay có nghĩa là doanh thu tăng nhanh hơn chi phí hoạt động.

Hệ số lợi nhuận ròng phản ánh khoản thu nhập ròng (thu nhập sau thuế) của một công ty so với doanh thu của nó.

Hệ số lợi nhuận ròng = Lợi nhuận ròng/Doanh thu.

Trên thực tế mức lợi nhuận ròng giữa các ngành là khác nhau, còn trong bản thân một ngành thì công ty nào quản lý và sử dụng các yếu tố đầu vào (vốn, nhân lực...) tốt hơn thì sẽ có hệ số lợi nhuận ròng cao hơn.

Hệ số thu nhập trên vốn cổ phần (ROE) phản ánh mức thu nhập ròng trên vốn cổ phần của cổ đông.

ROE = Lợi nhuận ròng/Vốn cổ đông hay giá trị tài sản ròng hữu hình.

Hệ số này thường được các nhà đầu tư phân tích để so sánh với các cổ phiếu khác nhau trên thị trường. Thông thường, hệ số thu nhập trên vốn cổ phần càng cao thì các cổ phiếu càng hấp dẫn, vì hệ số này cho thấy cách đánh giá khả năng sinh lời và các tỷ suất lợi nhuận của công ty khi đem so sánh với hệ số thu nhập trên vốn cổ phần của các công ty khác.

Hệ số thu nhập trên đầu tư (ROI) được sử dụng để xác định mức độ ảnh hưởng của biên lợi nhuận so với doanh thu và tổng tài sản.

ROI = (Thu nhập ròng/Doanh số bán) * (Doanh số bán/Tổng tài sản).

Mục đích của việc sử dụng hệ số ROI là để so sánh cách thức tạo lợi nhuận của một công ty và cách thức công ty sử dụng tài sản để tạo doanh thu. Nếu tài sản được sử dụng có hiệu quả, thì thu nhập và thu nhập trên đầu tư sẽ cao.

Hệ số giá trên thu nhập (P/E) là một trong những chỉ số phân tích quan trọng trong quyết định đầu tư chứng khoán của nhà đầu tư. Thu nhập từ cổ phiếu sẽ có ảnh hưởng quyết định đến giá thị trường của cổ phiếu đó. Hệ số P/E đo lường mối quan hệ giữa giá thị trường (Market Price - PM) và thu nhập của mỗi cổ phiếu (Earning Per Share - EPS) và được tính như sau:

$$P/E = PM / EPS$$

Trong đó giá thị trường PM của cổ phiếu là giá mà tại đó cổ phiếu đang được mua bán ở thời điểm hiện tại; thu nhập của mỗi cổ phiếu EPS là phần lợi nhuận ròng sau thuế mà công ty chia cho các cổ đông thường trong năm tài chính gần nhất. P/E cho thấy giá cổ phiếu hiện tại cao hơn thu nhập từ cổ phiếu đó bao nhiêu lần, hay nhà đầu tư phải trả giá cho một đồng thu nhập bao nhiêu. P/E được tính cho từng cổ phiếu một và tính trung bình cho tất cả các cổ phiếu và hệ số này thường được công bố trên báo chí.

Nếu hệ số P/E cao thì điều đó có nghĩa là người đầu tư dự kiến tốc độ tăng cổ tức cao trong tương lai; cổ phiếu có rủi ro thấp nên người đầu tư thỏa mãn với tỷ suất vốn hoá thị trường thấp; dự đoán công ty có tốc độ tăng trưởng trung bình và sẽ trả cổ tức cao. Hệ số P/E rất có ích cho việc định giá cổ phiếu. Giả sử người đầu tư có cổ phiếu XYZ không được giao dịch sôi động trên thị trường, vậy cổ phiếu đó có giá bao nhiêu là hợp lý? Chúng ta chỉ cần nhìn vào hệ số P/E được công bố đối với nhóm các loại cổ phiếu tương tự với cổ phiếu XYZ, sau đó nhân thu nhập của công ty với hệ số P/E sẽ cho chúng ta giá của loại cổ phiếu XYZ.

Quản trị rủi ro trong đầu tư chứng khoán

Rủi ro trong đầu tư CK được định nghĩa là sự dao động của lợi nhuận mong đợi, do vậy để đạt được tỷ lệ lợi nhuận cao trong đầu tư chứng khoán, vấn đề đặt ra là phải quản lý được mức rủi ro này.

Rủi ro là kết quả không mong đợi vì nó luôn đi cùng với những khoản đầu tư chứng khoán (CK). Rủi ro trong đầu tư CK được định nghĩa là sự dao động của lợi nhuận mong đợi, do vậy để đạt được tỷ lệ lợi nhuận cao trong đầu tư chứng khoán, vấn đề đặt ra là phải quản lý được mức rủi ro này.

1. Các loại rủi ro trong đầu tư chứng khoán

Rủi ro hệ thống là rủi ro tác động đến toàn bộ hoặc hầu hết các CK. Sự bất bênh của môi trường kinh tế nói chung như sự sụt giảm GDP, biến động lãi suất, tốc độ lạm phát thay

đổi... là những minh chứng cho rủi ro hệ thống, những biến đổi này tác động đến sự dao động giá cả của các CK trên thị trường.

Trong rủi ro hệ thống trước hết phải kể đến rủi ro thị trường. Rủi ro thị trường xuất hiện do phản ứng của các nhà đầu tư đối với các hiện tượng trên thị trường. Những sự sụt giảm đầu tiên trên thị trường là nguyên nhân gây sợ hãi đối với các nhà đầu tư và họ sẽ cố gắng rút vốn. Phản ứng dây chuyền này làm tăng số lượng bán, giá cả CK sẽ rơi xuống thấp so với giá trị cơ sở.

Tiếp đến là rủi ro lãi suất. Giá cả CK thay đổi do lãi suất thị trường dao động thất thường gọi là rủi ro lãi suất. Giữa lãi suất thị trường và giá cả CK có mối quan hệ tỷ lệ nghịch. Khi lãi suất thị trường tăng, người đầu tư có xu hướng bán CK để lấy tiền gửi vào ngân hàng dẫn đến giá CK giảm và ngược lại.

Ngoài hệ quả trực tiếp đối với giá CK, lãi suất còn ảnh hưởng gián tiếp đến giá cổ phiếu (CP) thường. Khi lãi suất tăng làm giá CP giảm vì các nhà đầu cơ vay mua ký quỹ sẽ bị ảnh hưởng. Nhiều công ty kinh doanh CK hoạt động chủ yếu bằng vốn đi vay thì với mức lãi suất tăng cũng làm cho chi phí vốn tăng.

Một yếu tố rủi ro hệ thống khác không kém phần quan trọng là rủi ro sức mua. Rủi ro sức mua là tác động của lạm phát tới các khoản đầu tư. Lợi tức thực tế của CK đem lại là kết quả giữa lợi tức danh nghĩa sau khi khấu trừ đi lạm phát. Như vậy, khi có tình trạng lạm phát thì lợi tức thực tế giảm. Giải thích theo lý thuyết hiện tại hoá, một đồng lợi tức của hôm nay thì trong tương lai không còn giá trị một đồng do tác động của lạm phát.

Rủi ro không hệ thống là rủi ro chỉ tác động đến một loại tài sản hoặc một nhóm tài sản, nghĩa là rủi ro này chỉ liên quan đến một loại CK cụ thể nào đó. Rủi ro không hệ thống bao gồm rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính. Trong quá trình kinh doanh, định mức thực tế không đạt được như theo kế hoạch gọi là rủi ro kinh doanh, chẳng hạn lợi nhuận trong năm tài chính thấp hơn mức dự kiến.

Rủi ro kinh doanh được cấu thành bởi yếu tố bên ngoài và yếu tố nội tại trong công ty. Rủi ro nội tại phát sinh trong quá trình công ty hoạt động. Rủi ro bên ngoài bao gồm những tác động nằm ngoài sự kiểm soát của công ty làm ảnh hưởng đến tình trạng hoạt động của công ty như chi phí tiền vay, thuế, chu kỳ kinh doanh...

Rủi ro tài chính cũng là một loại rủi ro không hệ thống. Rủi ro tài chính liên quan đến đòn bẩy tài chính, hay nói cách khác liên quan đến cơ cấu nợ của công ty. Sự xuất hiện các khoản nợ trong cấu trúc vốn sẽ tạo ra nghĩa vụ trả nợ trả lãi của công ty. Công ty phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ (gồm trả nợ ngân hàng và trả nợ trái phiếu) trước việc thanh toán cổ tức cho cổ đông. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến giá cả CP công ty. Rủi ro tài chính có thể tránh được nếu công ty không vay nợ chút nào.

2. Xác định mức bù rủi ro

Một trong những phương pháp định lượng rủi ro và xác định doanh lợi yêu cầu là sử dụng mức lãi suất không rủi ro cộng với mức bù của từng loại rủi ro một. Đầu tiên, chúng ta xác định mức lãi suất không rủi ro (thông thường lãi suất tín phiếu Kho bạc được coi là lãi suất không rủi ro), sau đó xác định mức bù rủi ro cho mỗi thị trường. Tổng số rủi ro liên quan đến CK bao gồm rủi ro hệ thống và rủi ro không hệ thống. Trong đó, rủi ro không hệ thống có thể được loại trừ thông qua việc đa dạng hoá đầu tư, còn rủi ro hệ thống thì không thể loại trừ bằng cách đa dạng hoá.

3. Quản lý rủi ro

Việc quan trọng nhất trong quản trị rủi ro là phải xây dựng được quy trình quản lý rủi ro. Thông thường, quản lý rủi ro được chia thành 5 bước:

Bước 1: Nhận dạng rủi ro

Đây là bước đầu tiên nhằm tìm hiểu căn cứ về bản chất của rủi ro. Cách đơn giản và trực tiếp nhất là liệt kê từng nhân tố và các biến cố có thể gây ra rủi ro.

Cách làm rõ bản chất của rủi ro là:

- Thứ nhất: Nhận dạng những tác nhân kinh tế có thể gây ra rủi ro, ví dụ yếu tố lãi suất, lạm phát, tỷ giá hối đoái, tăng trưởng kinh tế...
- Thứ hai: Tìm hiểu xem chiều hướng có thể gây ra rủi ro, ví dụ việc Ngân hàng Trung ương tăng lãi sẽ suất tác động đến giá cả CK như thế nào?
- Thứ ba: Kiểm tra lại xem biểu hiện rủi ro đang phân tích có phụ thuộc vào biến cố nào khác hay không, chẳng hạn công ty có biểu hiện rủi ro trong trường hợp không được tín nhiệm của khách hàng...

Bước 2: Ước tính, định lượng rủi ro

Bước này sẽ đo lường mức độ phản ứng của công ty đối với các nguồn gốc rủi ro đã xác định ở trên. Cụ thể, dùng một phương pháp giả định nếu có nhân tố rủi ro thì công ty được gì và mất gì.

Bước 3: Đánh giá tác động của rủi ro

Để đánh giá rủi ro người ta thường làm bài toán chi phí và lợi tức. Đôi khi, việc quản lý rủi ro tiêu tốn nhiều nguồn lực của công ty như tiền bạc và thời gian, do đó cần phải cân nhắc xem liệu việc quản lý rủi ro như vậy có thực sự đem lại lợi ích lớn hơn chi phí bỏ ra để thực hiện nó hay không.

Bước 4: Đánh giá năng lực của người thực hiện chương trình bảo hiểm rủi ro

Để quản lý rủi ro có hai chiến lược:

- Thứ nhất: Dựa vào một tổ chức tài chính chuyên nghiệp, thuê họ thiết kế một giải pháp quản lý rủi ro cụ thể, thích hợp với chiến lược quản lý của công ty.

- Thứ hai: Tự công ty đứng ra thực hiện phòng chống rủi ro bằng cách sử dụng các công cụ CK phái sinh như chứng quyền, chứng khế, quyền chọn, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai... đồng thời xây dựng một đội ngũ nhân viên của công ty có khả năng lập và thực hiện hàng rào chống rủi ro. Vấn đề này đòi hỏi nhân viên công ty vừa phải thiết kế đúng lại vừa phải thực hiện tốt chương trình phòng chống rủi ro bởi quản lý rủi ro cần phải được theo dõi thường xuyên và điều chỉnh kịp thời với sự biến đổi của thời gian.

Bước 5: Lựa chọn công cụ và quản lý rủi ro thích hợp

Đây là bước mấu chốt cuối cùng trong việc xây dựng chiến lược quản lý rủi ro. Trong bước này nhà quản lý phải chọn một giải pháp cụ thể. Chẳng hạn, đối với các công cụ trên thị trường hối đoái, người ta có thể sử dụng hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, swap... làm công cụ phòng chống rủi ro, công cụ này có ưu điểm là có tính thanh khoản cao và có hiệu quả về giá. Tuy nhiên, công cụ này không linh động, không khắc phục được rủi ro cố hữu mà chi phí theo dõi lại khá tốn kém.

Tìm hiểu chỉ số P/E

P/E là một chỉ số được các nhà đầu tư sử dụng rất phổ biến trong phân tích tài chính. Tất nhiên tỷ lệ này cũng có những hạn chế nhất định (chúng ta sẽ đề cập trong phần sau) nhưng nó có ưu điểm là dễ tính và dễ hiểu. Nếu bạn muốn biết thị trường sẵn sàng trả bao nhiêu cho mỗi đôla lợi nhuận của một công ty, chúng ta hãy xem xét P/E.

P/E là một tỷ lệ phần trăm giữa thị giá một cổ phiếu và thu nhập trên một cổ phiếu. Nếu giá một cổ phiếu của IBM là 60 đôla và thu nhập của mỗi cổ phiếu là 3 đôla thì tỷ lệ P/E sẽ là 20 ($60/3$). điều này có nghĩa là nhà đầu tư sẵn sàng trả 20 đôla cho mỗi đôla lợi nhuận của công ty. Nếu P/E giảm xuống còn 18 có nghĩa là nhà đầu tư chỉ trả 18 đôla cho mỗi đôla lợi nhuận.

P/E truyền thống- tức là tỷ lệ P/E mà bạn vẫn thấy hàng ngày trên các tạp chí chứng khoán- còn gọi là P/E hiện tại. Để tính chỉ số này người ta lấy giá cổ phiếu chia cho lợi tức cổ phiếu của 12 tháng gần nhất.

Bên cạnh đó các nhà đầu tư còn sử dụng tỷ lệ P/E tương lai bằng cách lấy giá cổ phiếu chia cho lợi tức cổ phiếu của năm sau do Phố Wall ước tính.

Chỉ số nào tốt hơn? Tỷ lệ P/E truyền thống có ưu điểm là nó phản ánh tình hình thực tế của doanh nghiệp vì mẫu số (E) là con số thực tế đã được kiểm toán và báo cáo cho Ủy ban chứng khoán và hối đoái. Tuy nhiên, nhược điểm của nó là lợi nhuận này chắc chắn sẽ thay đổi trong tương lai. Do đó, bằng cách ước tính lợi nhuận trong tương lai, chỉ số P/E tương lai dự đoán cả mức tăng trưởng của doanh nghiệp. Mặc dù con số ước tính này có thể không chính xác, ít nhất nó cũng giúp các nhà đầu tư có cơ sở để tham khảo ra quyết định đầu tư.

Giả sử bạn có cổ phiếu của 2 công ty hoạt động trong cùng một ngành - ví dụ Exxon và Texaco - cùng có tỷ lệ P/E là 20. Giá cổ phiếu của Exxon là 60 đôla và thu nhập là 3 đôla trong khi giá cổ phiếu của Texaco là 80 đôla và thu nhập là 4 đôla. Đường như 2 quyết định đầu tư này là như nhau nếu bạn không xem xét tới tỷ lệ P/E tương lai.

Phổ Wall ước tính thu nhập của Exxon sẽ tăng tới 3,75 đôla một cổ phiếu (tức 25%) còn cổ phiếu của Texaco chỉ tăng tới 4,25 đôla (6%). Trong trường hợp đó chỉ số P/E tương lai của Exxon giảm xuống còn 16 trong khi đó chỉ số P/E tương lai của Texaco là 18,8. Nếu dự đoán này là đúng thì hiển nhiên mua cổ phiếu của Exxon sẽ có lợi hơn.

Nhược điểm lớn nhất của cả 2 chỉ số này là đôi khi các công ty che giấu thu nhập của họ bằng cách công bố lãi nhiều hơn thực tế. Một kế toán viên có thể đưa ra những con số khổng và khai tăng tỷ lệ tăng trưởng thu nhập lên một vài điểm

Một thực tế nữa là thu nhập ước tính có thể thay đổi tùy theo tình hình phát triển của công ty và tùy theo mỗi nhà phân tích Phố Wall. Vì vậy, mặc dù được các nhà đầu tư sử dụng phổ biến nhưng tỷ lệ P/E cũng chỉ là một chỉ số để tham khảo mà thôi.

Đánh giá tỷ lệ ROE

Làm thế nào nhà đầu tư đánh giá được khả năng sinh lợi của đồng vốn sở hữu cổ đông để có thể thấy được một đồng vốn tạo khả năng bao nhiêu đồng lời và tỷ lệ sinh lời của nó để quyết định đầu tư công ty X này mà không đầu tư vào công ty Y khác có cùng ngành nghề?

Chúng ta đã tìm hiểu chỉ số EPS, có liên quan mật thiết đến việc xác định khả năng sinh lời của công ty trên một cổ phần mà nhà đầu tư mua vào. Chỉ số này chưa phản ánh một cách chính xác khả năng sinh lời từ toàn bộ vốn sở hữu cổ đông mà vốn này ngoài vốn góp cổ đông dưới dạng cổ phần còn bao gồm có thể là lợi nhuận để lại các quỹ phát triển kinh doanh, chênh lệch phát hành... Phản ánh khá chính xác các khả năng đó chính là ROE (return on equity) trị giá biểu thị bằng tỷ lệ phần trăm (%).

Trị giá ROE được tính bằng cách lấy lợi nhuận ròng (net income) theo niên độ kế toán (từ 1 tháng 1 đến 31 tháng 12) sau khi đã trả cổ tức cho cổ phần ưu đãi nhận cổ tức nhưng trước khi chi trả cổ tức cho cổ phần thường chia cho toàn bộ vốn sở hữu chủ, tức tài sản ròng (xin xem bài chỉ số NAV là gì?) vào lúc đầu niên độ kế toán.

Chỉ số này là thước đo chính xác nhất để bạn đánh giá một đồng vốn của cổ đông bỏ ra và tích lũy được (có thể lợi nhuận để lại) tạo ra bao nhiêu đồng lời. Từ đó nhà đầu tư có cơ sở tham khảo khi quyết định mua công ty X hay công ty Y có cùng ngành nghề với nhau.

Tỷ lệ ROE càng cao chứng tỏ công ty sử dụng hiệu quả đồng vốn của cổ đông, điều này có nghĩa công ty cân đối một cách hài hoà giữa đồng vốn cổ đông với đồng vốn vay (vì

nếu vay nhiều thì phải trả lãi vay làm giảm lợi nhuận) để khai thác lợi thế cạnh tranh của mình trên thị trường để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận.

Tỷ lệ này giúp cho nhà đầu tư đánh giá công ty ở góc độ như sau:

* Khi công ty chỉ đạt tỷ lệ ROE tương đương với lãi vay ngân hàng (khoảng 10%/năm) thì ở mức độ đánh giá tương đối, bạn hãy xem lại khả năng sinh lời của công ty này vì nếu công ty nào cũng chỉ sinh lời ở mức này thì sẽ không có công ty nào đi vay ngân hàng vì lợi nhuận từ vốn vay chỉ đủ để trả lãi vay ngân hàng. Tất nhiên ở đây chỉ đặt trường hợp công ty chưa vay ngân hàng.

* Khi công ty đạt tỷ lệ ROE cao hơn lãi vay ngân hàng thì bạn nên tìm hiểu xem công ty đã vay ngân hàng và khai thác hết lợi thế cạnh tranh trên thị trường chưa để có thể đánh giá công ty có tiềm năng tăng tỷ lệ này hay không trong tương lai. Nếu còn mở rộng được thị phần thì cần thêm vốn, vốn này có thể vay và công ty vẫn có thể có lời sau khi trả lãi cho khoảng vốn vay này.

Tuy nhiên, vay vốn ngoài việc trả lãi còn phải trả gốc cho nên ảnh hưởng rất nhiều đến yếu tố thanh khoản công ty, vì vậy cân đối vốn vay và vốn cổ đông cũng là bài toán quản lý của công ty.

* Ngoài ra, tỷ lệ này cũng giúp cho nhà đầu tư đánh giá các công ty trong cùng một ngành nghề để ra quyết định lựa chọn đầu tư một trong số các công ty có cùng ngành nghề đó, phương thức lựa chọn tất nhiên vẫn là tỷ lệ ROE cao, vì như đã nói ở trên thì ROE của công ty càng cao thì có khả năng tăng lợi thế cạnh tranh càng mạnh, khi đó lợi thế cạnh tranh của các công ty khác sẽ bị giảm xuống.

Phân tích chỉ số Yield để đầu tư chứng khoán

Chỉ số Current Yield (Tỷ suất thu nhập trên thời giá cổ phần) là một công cụ giúp nhà đầu tư tự quyết định cho mình nên chọn đầu tư vào doanh nghiệp nào?...

Chỉ số Current Yield (Hay người ta thường gọi là Yield) là gì? Đây là chỉ số dùng để phản ánh mối quan hệ giữa cổ tức nhà đầu tư nhận được từ công ty với giá cổ phiếu mà nhà đầu tư mua vào nó là tỷ lệ cổ tức mà cổ đông nhận được trên giá chứng khoán mà cổ đông đó mua vào

- Phân tích mối quan hệ giữa cổ tức nhà đầu tư nhận được từ công ty và giá nhà đầu tư mua cổ phiếu, chúng ta thấy có hai trường hợp sau đây

+ Trường hợp 1: Nếu nhà đầu tư mua chứng khoán xong rồi chờ chứng khoán lên giá để hưởng chênh lệch gọi là lãi vốn (capital gain) thì nhà đầu tư sẽ không quan tâm gì nhiều

đến Yield. Lúc này Yield không có ý nghĩa gì thực sự quan trọng với họ so với các chỉ số P/E, EPS như đã đề cập trong bài trước

Trong trường hợp này, các nhà đầu tư đã phân tích mối quan hệ giữa Yield và EPS. Nếu Yield thấp, ép cao thì họ hy vọng công ty sử dụng phần lợi nhuận để tái đầu tư tăng lợi nhuận cho các năm tiếp theo giúp P/E giảm. Lúc này họ dễ dàng bán lại cổ phiếu với P/E cao để có lãi vốn

+ Trường hợp 2: Nếu nhà đầu tư mua chứng khoán để đầu tư lâu dài (như để mua làm của) thì tất nhiên họ sẽ quan tâm tới việc thu lợi nhuận hàng năm, hàng quý. Lúc này chỉ có cổ tức họ thu được. Khi đó Yield là mục tiêu chính để họ quan tâm.

Khi công ty chia cổ tức cao có nghĩa là không cần sử dụng lợi nhuận để lại có thể do: công ty sử dụng vốn vay công ty chưa có kế hoạch mở rộng sản xuất hoặc thị phần công ty đã bão hoà. Khi đó lợi nhuận không được dự đoán tăng nhiều trong năm tới đồng nghĩa P/E không giảm nhiều dẫn đến việc các nhà đầu tư không hy vọng sẽ tăng giá cổ phiếu của mình trong tương lai.

Thông thường lợi nhuận thu được từ cổ tức công ty trả thấp hơn nhiều so với lợi nhuận thu được từ việc bán cổ phiếu. Ví dụ như công ty Cơ điện lạnh (REE) từ ngày cổ phần hoá đến nay cổ tức nhà đầu tư nhận được chỉ là 283% trên mệnh giá cổ phần (một trăm ngàn đồng) trong khi đó tăng giá cổ phiếu là 1350% có nghĩa tăng 4,7 lần. Do vậy đối với các nhà đầu tư chứng khoán trên thị trường thì điều quan tâm duy nhất của họ chỉ là lãi vốn có nghĩa trong Đại hội cổ đông hàng năm để quyết định chia cổ tức thì họ thường bỏ phiếu không chia cổ tức nhiều.

Nói tóm lại khi đầu tư bạn nên tìm hiểu và đánh giá hết các loại chỉ số phân tích để có một cái nhìn tổng thể hơn mối quan hệ của các chỉ số này để ra quyết định đầu tư cho chính xác. Kỳ sau chúng tôi sẽ giúp bạn đi sâu phân tích thêm các mối quan hệ giữa tài sản công ty và tài sản cổ đông để bạn không nhầm lẫn giữa cái bề thế bên ngoài và cái bản chất tài sản thật bên trong của công ty.

Chỉ số NAV (Net Asset value) là gì?

Chỉ số NAV có liên quan mật thiết đến việc xác định giá trị tài sản công ty và tài sản cổ đông. Từ đó nhà đầu tư sẽ không bị nhầm lẫn giữa cái bề thế bên ngoài và cái bản chất tài sản thật bên trong của công ty.

Thông thường nguồn vốn công ty cấu thành chính bởi nguồn vốn sở hữu của cổ đông và nguồn vốn vay. Các nguồn vốn này tạo cho công ty các tài sản như: máy móc thiết bị, nhà xưởng... và các tài sản lưu động khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Do đó có lúc công ty có vốn cổ đông (hay gọi là vốn điều lệ) thấp như tài sản thể hiện bên ngoài lớn thì chưa chắc đó là tài sản hình thành từ vốn cổ đông đóng góp mà có

thể một phần từ vốn vay. Nguồn vốn sở hữu của cổ đông được gọi là Giá trị tài sản thuần của công ty, giá trị này chính là chính là chỉ số NAV (Net Asset Value).

Giá trị tài sản thuần NAV bao gồm: Vốn cổ đông (vốn điều lệ) vốn hình thành từ lợi nhuận để lại. Vốn chênh lệch do phát hành cổ phiếu ra công chúng cao hơn mệnh giá (Share Premium) lỗ trong hoạt động kinh doanh và các quỹ dự trữ phát triển dự phòng.

Người ta thường sử dụng chỉ số NAV/Share (giá trị thuần của mỗi cổ phiếu phát hành) để đánh giá trị cổ phiếu trên sổ sách và giá cổ phiếu mua vào chỉ số này được tính bằng cách lấy tổng giá trị vốn sở hữu (tổng tài sản trừ cho bất cứ tài sản vô hình nào trừ tất cả nợ và chứng khoán trái phiếu có quyền đòi ưu tiên) chia cho tổng số cổ phần phát hành.

Chỉ số này giúp cho nhà đầu tư đánh giá công ty khi đầu tư ở một số khía cạnh như sau:

- Giả sử công ty có phần mệnh giá là 100.000 đồng mà NAV là 120.000 chẳng hạn thì có nghĩa là công ty đã tích lũy vốn để sản xuất có thể từ nguồn lợi nhuận để lại phát hành chênh lệch... Như vậy nhà đầu tư mua cổ phần với giá 120.000 đồng thì họ vẫn mua đúng với giá trị thật trên sổ sách của nó.

- Nếu NAV là 120.000 đồng nhưng lợi nhuận công ty đạt được cao thì nhà đầu tư cũng có thể mua cổ phiếu với giá cao hơn NAV để mong lợi nhuận gia tăng khi đó sẽ có chia cổ tức có tích lũy và NAV sẽ tiếp tục tăng nữa trong thời gian tới.

- Nếu NAV là 120.000 đồng nhưng công ty vẫn đang lỗ có nghĩa sẽ tiếp tục giảm NAV thì bạn có quyết mua với 120.000 đồng hay cao hơn không. Đây là quyết định khó khăn và rủi ro nhất nó phụ thuộc nhiều vào việc đánh giá phân tích của nhà đầu tư về công ty ở nhiều khía cạnh thông tin chính xác về công ty tương lai để quyết định. ở đây chỉ có một nguyên tắc đơn giản mà nhà đầu tư chấp nhận đầu tư đó là "lợi nhuận cao thì rủi ro cao".

Nói tóm lại NAV là thước đo bảo thủ nhất để nhà đầu tư quyết định mua cổ phiếu của công ty theo giá trị thực của công ty. Trong thực tế điều chú trọng nhất vẫn là vấn đề "lợi nhuận" luôn được đặt lên hàng đầu vì đó là cơ sở chính để đánh giá khả năng sinh lời của việc sử dụng đồng vốn của công ty.

Xác định giá trị cổ phiếu bằng chiết khấu dòng cổ tức

Xác định giá trị nội tại cổ phiếu là một vấn đề rất phức tạp và phải mất nhiều thời gian nghiên cứu để có thể hiểu đúng và áp dụng một cách hiệu quả trong đầu tư.

Trong bài viết này tác giả muốn giới thiệu những vấn đề căn bản của phương pháp xác định giá trị nội tại (Intinsic value) cổ phiếu theo chiết khấu dòng cổ tức (Dividend Discount Model-DDM), một phương pháp phổ biến trên thế giới trong việc xác định giá trị cổ phiếu. Trước tiên chúng ta sẽ thảo luận một số khái niệm cơ bản liên quan.

1. Lãi và rủi ro

Để tối đa hóa giá cổ phiếu, các giám đốc tài chính cũng như nhà đầu tư cần hiểu và xác định được hai yếu tố cơ bản: lãi (return) và rủi ro (risk).

Lãi của một khoản đầu tư trong một khoảng thời gian được tính bởi tổng số tiền được phân phối trong kỳ cộng với các khoản tăng giá trị trong kỳ, tất cả chia cho giá trị đầu tư đầu kỳ. Ví dụ: Công ty Hoana muốn xác định lãi của cổ phiếu REE mà Công ty mua 1 năm trước với giá 38.000 đồng và giá hiện tại là 82.000 đồng. Trong kỳ, Công ty nhận được cổ tức (sau thuế) là 1.400 đồng. Tỷ lệ lãi đầu tư cổ phiếu REE trong năm là bao nhiêu?

$$K = (1.400 \text{ đ} + (82.000 - 38.000))/38.000 = 119\%$$

Rủi ro là khả năng xảy ra việc lỗ tài chính hay chính thống hơn là sự biến động của các khoản lãi lỗ gắn liền với một tài sản. Ví dụ, một trái phiếu chính phủ 1 triệu đồng, đảm bảo cho người sở hữu nó một khoản lãi 80.000 đồng sau 1 năm mà coi như không có rủi ro, vì không có sự biến động của khoản lãi. Một khoản đầu tư cổ phiếu thường 1 triệu đồng, trong cùng khoảng thời gian như trên có thể kiếm được khoản lãi biến động từ 0 đến 200.000 đồng, nó rất rủi ro, vì sự biến động lớn của lãi của cổ phiếu. Một khoản lãi từ tài sản gần chắc chắn hơn, ít có sự biến động hơn và do vậy rủi ro ít hơn.

Đo lường rủi ro: Độ lệch chuẩn (Standard deviation) là chỉ số thống kê phổ biến để chỉ mức rủi ro của một tài sản; nó đo lường sự phân tán xung quanh giá trị mong muốn (expected value), giá trị lãi của tài sản mà nó có khả năng xảy ra lớn nhất.

2. Phương pháp định giá tài sản vốn theo lãi và rủi ro/The Capital Asset Pricing Model (CAPM)

Cơ bản của thuyết này là mối liên hệ giữa rủi ro và lãi cho tất cả các tài sản. Phương trình cơ bản của CAPM là:

$$K_s = R_f + [\beta_s \times (K_m - R_f)]$$

Trong đó:

+ K_s = Tỷ lệ lãi yêu cầu trên tài sản s;

+ R_f = Tỷ lệ lãi không có rủi ro (risk-free of interest): thường được lấy bằng tỷ lệ lãi trái phiếu chính phủ ngắn hạn 3 tháng;

+ $R_f = K^* + IP$ = Tỷ lệ lãi suất thực + Tỷ lệ lạm phát ước tính;

Nếu tỷ lệ lạm phát ước tính năm 2006 của đồng Việt Nam là 6%, tỷ lệ lãi suất thực là 2% thì tỷ lệ lãi không có rủi ro là $R_f = 2\% + 6\% = 8\%$.

+ β_s = Hệ số rủi ro beta: Thước đo liên quan đến rủi ro mà không thể triệt tiêu từ việc đa dạng hóa đầu tư. Một chỉ số chỉ mức độ thay đổi lãi của một tài sản trước sự thay đổi lãi thị trường. Nếu lãi của một cổ phiếu bằng một nửa so với lãi thị trường, thì $\beta_s = 0,5$. Nó

ước tính sẽ thay đổi bằng 0,5 % của 1% thay đổi trong lãi của danh mục thị trường. Nếu một cổ phiếu có 2 lần thay đổi so với thị trường ($b=2$) sẽ mong đợi 2% thay đổi lãi của nó cho 1% thay đổi lãi của danh mục thị trường. Hệ số rủi ro beta của quá khứ cho các cổ phiếu có thể tính được bằng khoa học thống kê. Ở các nước thường có các tài liệu công bố công khai về hệ số β này. Lưu ý rằng, hệ số rủi ro quá khứ có thể không đúng cho tương lai.

+ K_m = Lãi thị trường (Market return) là lãi trên toàn bộ các chứng khoán được lưu hành;
+ $K_m - R_f$ = Tỷ lệ thưởng rủi ro (Risk Premium) là phần thưởng mà nhà đầu tư phải nhận được cho việc chấp nhận rủi ro bình quân liên quan đến các danh mục tài sản đầu tư của thị trường.

Theo Stocks, Bonds, Bills & Inflation, 2001 year book (Chicago: Ibbotson Associates Inc., 2001, lãi, độ lệch chuẩn và tỷ lệ thưởng rủi ro của các khoản đầu tư chứng khoán từ 1926-2000 trên TTCK New York như sau: (Xem bảng 1)

Ví dụ: Công ty X muốn xác định tỷ lệ lãi yêu cầu trên tài sản, cổ phiếu HAS mà chúng có hệ số beta, chỉ số rủi ro tài sản là $b_H = 1,2$. Tỷ lệ lãi không rủi ro là $R_f = 8\%$ ($= 2\% + 6\%$); Lãi của các cổ phiếu trên thị trường là $K_m = 15\%$. Thay vào công thức trên ta có:

$$K_H = R_f + [b_H \times (K_m - R_f)] = 8\% + [1,2 \times (15\% - 8\%)] = 8\% + 8,4\% = 16,4\%$$

Những thay đổi trong việc không muốn rủi ro (Risk aversion): nhà đầu tư không muốn rủi ro (kinh tế, chính trị, xã hội), họ yêu cầu tăng lãi khi các rủi ro tăng lên.

Những thay đổi trong dự đoán lạm phát: giả sử hiện nay do giá xăng dầu tăng mạnh, lạm phát tăng thêm 2% so với dự đoán ban đầu là 6%. Kết quả tất yếu là tất cả các tỷ lệ lãi cũng tăng tương ứng 2%. Trong trường hợp đó, $R_{f1} = 10\%$ (tăng từ 8% lên 10%), $K_{m1} = 17\%$ (tăng từ 15% lên 17%) Thay vào công thức trên ta có:

$$K_{H1} = 10\% + [1,2 \times (17\% - 10\%)] = 10\% + 8,4\% = 18,4\%$$

So sánh $K_H = 16,4\%$ và $K_{H1} = 18,4\%$, ta thấy sự thay đổi 2% trong lãi yêu cầu của tài sản K_H đúng bằng thay đổi trong tỷ lệ lạm phát 2%.

3. Phương pháp chiết khấu dòng cổ tức (Dividend Discount Model)

Giá trị cổ phiếu thường là giá trị hiện tại (present value) của tất cả các dòng tiền cổ tức tương lai mà nó hy vọng được cung cấp trong toàn bộ thời gian tương lai vô hạn định của nó. Mặc dù nhà đầu tư có thể kiếm lãi bằng việc bán cổ phiếu với giá cao hơn giá mua ban đầu, nhà đầu tư đã thực sự bán cái gì? Đó là bán quyền đối với các khoản cổ tức trong tương lai. Với các cổ phiếu mà nó không hy vọng được trả cổ tức trong tương lai thấy trước được, những cổ phiếu này có giá trị đối với các cổ tức trong tương lai xa từ kết quả của việc bán công ty hay thanh lý các tài sản của nó. Do vậy từ góc độ xác định giá trị, chỉ có các khoản cổ tức là liên quan. Phương trình cơ bản để xác định giá trị cổ phiếu là: (Bảng 2)

Trong đó:

- + P: giá trị cổ phiếu thường;
- + D_t : cổ tức mỗi cổ phiếu hy vọng nhận được ở cuối năm t;
- + K_s : tỷ lệ lãi yêu cầu trên cổ phiếu thường (xem cách tính ở phần 2 - CAPM);
- + $D_n / (1+K_s)^n$ là giá trị hiện tại của cổ tức nhận được cuối năm thứ n. Ví dụ $D_1 / (1+K_s)$ là giá trị hiện tại của cổ tức sẽ nhận được cuối năm thứ 1 với tỷ lệ chiết khấu là $k_s\%$.

Tại sao phải chiết khấu giá trị tương lai về giá trị hiện tại? Bởi nguyên tắc giá trị thời gian của đồng tiền. Tiền đẻ ra tiền, một đồng tiền nhận được ngày hôm nay có giá trị hơn một đồng tiền nhận được ngày mai.

Theo phương pháp đánh giá này, yêu cầu dự đoán tất cả các khoản cổ tức trong tương lai. Có ba loại cơ bản tỷ lệ tăng trưởng cổ tức: không tăng, tăng cố định và tăng thay đổi. Để đơn giản, chúng ta xem mô hình cổ tức tăng cố định hàng năm.

Mô hình tăng cố định (Constant-Growth Model) còn thường được gọi là Gordon Model: (Xem bảng 3)

Trong đó:

- + D_1 là cổ tức trả vào cuối năm thứ 1. $D_1 = D_0 \times (1 + g)$;
- + K_s : tỷ lệ lãi yêu cầu trên cổ phiếu thường (xem cách tính ở phần 2 - CAPM);
- + g : tỷ lệ tăng trưởng cố định hàng năm của cổ tức mỗi cổ phiếu;

Việc xác định đúng tỷ lệ g là điều không đơn giản, vì đó là số ước tính cho tương lai. Rất nhiều công ty trả cổ tức hàng năm cố định bằng 12-18% mệnh giá, cho dù công ty có lãi lớn hơn rất nhiều lần cổ tức đó và sau khi lãi lưu giữ đủ lớn, công ty thường cổ phiếu. Trong những trường hợp như vậy tỷ lệ tăng trưởng cổ tức được tính như thế nào?

Để đơn giản, chúng ta giả thiết rằng, tỷ lệ cổ tức trên EPS (lãi trên mỗi cổ phiếu) hàng năm là không đổi, do vậy tỷ lệ tăng trưởng cổ tức bằng tỷ lệ tăng trưởng EPS. Nguyên tắc chung là các cổ phiếu thường bất cứ thời điểm nào trong năm hiện tại sẽ được coi như từ đầu năm đó và nó sẽ cộng điều chỉnh tăng cho các năm quá khứ để tính EPS và do vậy có thể so sánh EPS giữa các năm với nhau.

Ví dụ: Giả sử ta có các số liệu của cổ phiếu HAS như ở bảng dưới. Tháng 6/2006, Công ty đã phát hành cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 4 cổ phiếu hiện hữu được thưởng 1 cổ phiếu. Tỷ lệ tăng trưởng EPS của HAS là bao nhiêu? (Xem bảng 4)

Như vậy tỷ lệ tăng trưởng EPS bình quân trong 4 năm vừa qua của HAS là 13%/năm. Nếu ước tính tỷ lệ tăng trưởng cổ tức ổn định hàng năm của HAS bằng tỷ lệ tăng trưởng EPS là 13%/ năm trong các năm tiếp theo. Cổ tức năm vừa qua là 1.500 đ/CP, tỷ lệ lãi yêu cầu trên cổ phiếu HAS là 16,4%, do vậy giá trị nội tại của cổ phiếu HAS sẽ là:

$$Phas = D_1 / (K_e - g) = 1.500(1+0,13) / (0,164 - 0,13) = 49.852 \text{ đồng/CP}$$

Nếu tỷ lệ lãi trên vốn chủ sở hữu (ROE) tăng, EPS tăng, tỷ lệ g tăng, do vậy hiệu số (ke-g) giảm, làm cho giá trị cổ phiếu tăng. Ngược lại nếu hiệu số (ke-g) tăng, giá trị cổ phiếu giảm.

Dựa vào các số liệu từ các báo cáo tài chính của các công ty và nhận định về các yếu tố liên quan, tác giả đưa ra bảng tính giá trị nội tại của một số công ty lớn như sau: (Xem bảng 5)

Với cùng một công thức như trên, nhưng mỗi người sẽ có nhận định khác nhau về các con số D1, Ke và g và do vậy sẽ ra các kết quả tính giá trị nội tại cổ phiếu khác nhau. Người mua cho rằng, giá thị trường thấp hơn giá trị nội tại, họ mua vào. Ngược lại, người bán cho rằng, giá thị trường cao hơn giá trị nội tại cổ phiếu, do vậy họ bán ra. Mỗi khi có những thông tin mới, mà nó trực tiếp hay gián tiếp ảnh hưởng đến một trong ba yếu tố nói trên, thì giá trị nội tại của cổ phiếu cũng sẽ thay đổi. Giả sử các chỉ số khác không đổi, nếu tỷ lệ tăng trưởng g của STB từ 12,5% (như bảng trên) xuống còn 12%, 11% và 10%/năm thì giá trị nội tại của chúng chỉ còn tương ứng là 52.267 đồng; 38.850 đồng và 30.800 đồng/CP. Bạn sẽ thấy sự biến động khủng khiếp của (P) nếu tỷ lệ tăng trưởng (g) giảm. Thường thì tỷ lệ tăng trưởng cổ tức mỗi cổ phiếu khó có thể đạt được tỷ lệ 12-13%/năm cho suốt cả đời tồn tại của một công ty. Tuy nhiên, rất nhiều nhà phân tích thường dùng tỷ lệ tăng trưởng ước tính cho 5 năm tới.

Khi nào nên bán ra cổ phiếu?

Thời gian gần đây, những cổ phiếu được xem là an toàn nhất, có tốc độ tăng trưởng ổn định nhất trên thị trường chứng khoán như Intel, Procter & Gamble hay IBM đã liên tục... mất giá làm người ta phải đặt câu hỏi: “Vậy thì có loại cổ phiếu nào an toàn không?”. Câu trả lời có lẽ là không tồn tại một loại cổ phiếu nào thực sự an toàn. Điều cốt yếu là các nhà đầu tư cần nhận biết được thời điểm thích hợp để bán ra cổ phiếu

Trong “trò chơi” chứng khoán, nhiều nhà đầu tư đã “mất cả chì lẫn chài” chỉ vì bỏ qua thời điểm nên bán ra cổ phiếu, để rồi khi giá cổ phiếu sụt giảm thì muốn bán cũng không thể nào bán được. Lúc đó, cổ phiếu này không khác nào những tờ giấy lộn. Thật ra, đó là một bài học bổ ích cho nhiều nhà đầu tư. Trong điều kiện các “cổ phiếu an toàn” không còn nữa, mà thay vào đó là các “cổ phiếu rủi ro”, thành công hay thất bại lúc này tùy thuộc vào sự suy đoán và phân tích của các nhà đầu tư. Vậy phải xử lý tình huống này như thế nào?

Việc xác định thời điểm tốt nhất để bán ra cổ phiếu được xem là khá khó khăn đối với các nhà đầu tư, cho dù đó là những nhà đầu tư nghiệp dư hay Soros hoặc John Neff. Bất kỳ nhà đầu tư chứng khoán nào cũng mong muốn đầu tư vào những công ty mà cổ phiếu có khả năng sinh lợi cao, giá cổ phiếu có xu hướng tăng mạnh, hoặc ít nhất cũng phải ổn định.

Tuy nhiên, sự thật không bao giờ như vậy, giá các cổ phiếu trên thị trường chứng khoán liên tục biến động, các chỉ số quan trọng cũng lên xuống thất thường, lúc quá cao, lúc lại quá thấp khiến các nhà đầu tư luôn ở trong trạng thái bất an. Những thành công trong đầu tư chứng khoán luôn đòi hỏi các nhà đầu tư phải nắm vững kiến thức về chứng khoán, cũng như có kinh nghiệm trong đầu tư để tìm hiểu rõ cổ phiếu mình đang giữ có ổn định không và liệu khi thị trường chứng khoán tụt dốc thì nó bị ảnh hưởng xấu không. Đặc biệt, các nhà đầu tư cần biết rõ lúc nào không nên nắm giữ cổ phiếu nữa.

Sau đây là một số dấu hiệu giúp nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán có thể nhận biết được thời điểm nào nên bán ra cổ phiếu.

1. Cơ cấu tổ chức điều hành công ty có sự xáo trộn

Nếu những nhà quản lý cấp cao, những người chịu trách nhiệm về sự thành công của doanh nghiệp, bắt đầu rời bỏ công ty thì có thể xem đó là dấu hiệu bất lợi cho tương lai của công ty. Khi đó, các nhà đầu tư cần phải theo dõi và phát hiện xem tại sao lại có những thay đổi như vậy. Nếu phát hiện ra những dấu hiệu cho thấy công ty đang trở nên suy yếu trong lĩnh vực kinh doanh chính, thì tốt nhất nên bán cổ phiếu của công ty đó đi và thay vào đó là tìm mua cổ phiếu của công ty khác trong cùng lĩnh vực nhưng mạnh hơn và có ban điều hành ổn định hơn.

2. Lợi nhuận và cổ tức giảm sút

Trong trường hợp này, các nhà đầu tư nên điều tra cẩn thận trước khi quyết định có nên bán cổ phiếu hay không. Nếu là do ban quản trị công ty quyết định không chia cổ tức để tập trung vốn cho việc phát triển và mở rộng quy mô công ty, thì đó lại là điều tốt và cổ phiếu sẽ tăng giá trong tương lai. Nhưng thông thường thì sự sụt giảm về lợi nhuận và cổ tức là dấu hiệu xấu cho thấy tương lai của công ty gặp nhiều khó khăn, khi đó đa số nhà môi giới đều khuyên khách hàng bán cổ phiếu đi.

Các công ty niêm yết có xu hướng chi trả cổ tức khá cao (trên 10%/năm) nên nhiều nhà đầu tư cho rằng đây là dấu hiệu tốt để tiếp tục nắm giữ cổ phiếu, nhưng không nên coi đây là căn cứ duy nhất để quyết định mua hay bán chứng khoán. Cổ tức chỉ thể hiện những kết quả trong quá khứ, không có gì bảo đảm việc đó sẽ tiếp diễn trong tương lai. Aiko Musaki, một nhà đầu tư cá nhân đang công tác tại bộ phận cổ phiếu và thị trường chứng khoán của hãng điện tử Matsushita, cho biết: “Theo tôi, các nhà đầu tư chứng khoán chỉ nên nắm giữ cổ phiếu của những công ty có cổ tức cao và ổn định, với điều kiện công ty đó có kế hoạch sử dụng vốn phát triển đúng hướng”.

3. Thị giá cổ phiếu lớn hơn nhiều lần so với giá trị thực

Thomas Calvin, một nhà đầu tư chiến lược của công ty chứng khoán Lufkin & Jenrette, cho rằng: “Những tranh cãi về giá cổ phiếu của các công ty niêm yết đều chỉ mang tính một chiều, điều quan trọng là bản thân nhà đầu tư phải tự mình xác định được giá trị thực của chúng. Hãy cẩn trọng với những cổ phiếu có thị giá cao vọt. Bong bóng cổ phiếu có thể vỡ bất cứ lúc nào”. Đúng là có một số nhà đầu tư dù biết rằng cổ phiếu của mình đã

vượt quá giá trị thực hàng chục lần nhưng họ vẫn chưa bán đi vì muốn trì hoãn việc chịu thuế thu nhập cũng như hy vọng giá sẽ còn tăng nữa. Tuy nhiên, nếu cảm thấy thị giá đã vượt qua giá trị thực chất của cổ phiếu nhiều lần thì nên bán cổ phiếu đi, bởi vì nếu giữ lại những cổ phiếu này bạn sẽ phải chịu rủi ro rất cao và chỉ có thể trì hoãn việc chịu thuế chứ không thể không nộp thuế. Ngoài ra, khi bán ra cổ phiếu này thì sẽ có cơ hội đầu tư vào cổ phiếu khác để đa dạng hóa danh mục và giảm thiểu rủi ro đầu tư của mình.

4. Không còn lý do để lựa chọn cổ phiếu đó

Có thể lý do để các nhà đầu tư quyết định mua cổ phiếu của Merck là bởi công ty này đã công bố một loạt các phát minh ra những loại thuốc mới có hiệu quả cao. Đột nhiên, một thời gian sau người ta phát hiện ra một trong số các loại thuốc đó của Merck có những tác dụng phụ bất lợi cho sức khỏe. Thế là thị phần của công ty bị sụt giảm và lợi nhuận của công ty trong tương lai cũng sẽ sụt giảm. Khi đó, các nhà đầu tư nên bán cổ phiếu của Merck đi vì cổ phiếu này không còn tính hấp dẫn, cũng như không còn những lý do ban đầu để lựa chọn cổ phiếu nữa.

Mỗi nhà đầu tư trước những quyết định đều có các phân tích, tính toán kỹ lưỡng để tìm ra các lý do mua cổ phiếu. Tuy nhiên, thời gian trôi qua, nếu những lý do đó không còn phù hợp nữa, mặc dù giá cổ phiếu vẫn ổn định thì các nhà đầu tư cũng nên bán cổ phiếu đó đi, bởi sự ổn định này chỉ là nhất thời và tiềm ẩn một đà tụt dốc trong tương lai.

5. Sự hài lòng đối với danh mục đầu tư hiện tại không còn nữa

Có thể trong danh mục đầu tư sẽ có các cổ phiếu không phù hợp với các mục tiêu tài chính đặt ra trước đó (mua sắm tài sản, chuẩn bị cho kế hoạch nghỉ hưu...), khi đó tốt nhất nên bán các cổ phiếu đang có đi và tổ chức lại danh mục đầu tư mới phù hợp hơn với mong muốn của mình.

Một danh mục đầu tư đa dạng sẽ ít rủi ro hơn một danh mục đầu tư tập trung vào một hay một ít loại đầu tư. Đa dạng hoá - nghĩa là dàn trải tiền của bạn ra các loại đầu tư khác nhau - làm giảm rủi ro, bởi vì nếu một số khoản đầu tư của bạn đi xuống thì số khác lại đi lên. Hãy làm tính toán một cách đơn giản: nếu bạn muốn nắm giữ số lượng cổ phiếu trị giá 100.000 USD, bạn nên nắm giữ năm loại cổ phiếu, mỗi loại trị giá 20.000 USD. Bạn không nên cố gắng nắm giữ một số lượng cổ phiếu nhất định nào đó, bạn hãy đầu tư một số tiền đã định cho mỗi loại cổ phiếu.

Cách đây không lâu, Warren Buffet, một cây đại thụ trong giới đầu tư phố Wall, đã từng nói: “Đầu tư chứng khoán là hình thức kinh doanh đòi hỏi sự nhanh nhạy và óc phán đoán cao”. Quả thật, khi tham gia vào thị trường này, ngoài việc phải nắm bắt đầy đủ những thông tin từ thị trường, nhà đầu tư còn cần có khả năng phân tích và dự báo triển vọng phát triển của công ty, cũng như phải thực sự tỉnh táo nắm bắt được sự thay đổi nhanh nhạy của bất cứ thông tin nào có liên quan đến giao dịch trên thị trường, để từ đó kịp thời biết được lúc nào nên bán ra cổ phiếu.

Các nhà đầu tư đang ngày càng trở nên tinh thông hơn nhưng không vì thế mà các rủi ro trong đầu tư chứng khoán sẽ giảm bớt. Trong một bài phát biểu của mình, John Markese, chủ tịch Hiệp hội các nhà đầu tư cá nhân của Mỹ nói: “Chất lượng, tính thời điểm và độ sâu rộng của thông tin trên thị trường chứng khoán đạt tới mức độ chưa từng có, nhưng nó vẫn không cho phép bạn dự đoán chính xác được tương lai. Hãy tỉnh táo, phân tích kỹ thị trường để từ đó đề ra được những quyết định cần thiết và hợp lý”.

Phương pháp tính chỉ số giá cổ phiếu

Năm 1999, UBCKNN có một đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ mang tên: Cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng chỉ số giá chứng khoán và một số gợi ý cho Việt Nam. Đề tài đã được hội đồng khoa học do TS.Lê Văn Châu Chủ tịch UBCKNN làm chủ tịch Hội đồng nghiệm thu, đánh giá hoàn thành ở mức độ xuất sắc. Trong bài viết nhỏ này chúng tôi chỉ xin giới thiệu một phần của công trình nghiên cứu khoa học trên, đó là các phương pháp tính chỉ số giá cổ phiếu và việc vận dụng nó ở nước ta hiện nay, nhất là trong giai đoạn đầu của sự phát triển thị trường chứng khoán.

Mục tiêu cơ bản của việc xây dựng chỉ số giá nói chung là xây dựng hệ thống chỉ tiêu phản ánh sự biến động của giá theo thời gian. Chỉ số giá cổ phiếu cũng vậy nó là chỉ tiêu phản ánh sự thay đổi của giá cổ phiếu theo thời gian.

Ý tưởng xuyên suốt trong quá trình xây dựng chỉ số giá là phải cố định phần lượng, loại bỏ mọi yếu tố ảnh hưởng về giá trị để khảo sát sự thay đổi của riêng giá. Có như vậy chỉ số giá mới phản ánh đúng sự biến động về giá. Mọi công thức, phương pháp không thực hiện được ý tưởng này đều sai với lý luận và chắc chắn chỉ số giá không phản ánh đúng sự biến động của giá.

Để thực hiện được mục tiêu và ý tưởng trên, có 3 vấn đề cần giải quyết trong quá trình xây dựng chỉ số giá cổ phiếu, đó là:

- Chọn phương pháp
- Chọn rõ đại diện
- Tìm biện pháp trừ khử các yếu tố về giá trị để đảm bảo chỉ số giá chỉ phản ánh sự biến động của riêng giá.

1- Phương pháp tính

Hiện nay các nước trên thế giới dùng 5 phương pháp để tính chỉ số giá cổ phiếu, đó là:

Phương pháp Passcher:

Đây là loại chỉ số giá cổ phiếu thông dụng nhất và nó là **chỉ số giá bình quân gia quyền giá trị với quyền số là số lượng chứng khoán niêm yết thời kỳ tính toán**. Kết quả tính sẽ phụ thuộc vào cơ cấu quyền số thời kỳ tính toán:

Người ta dùng công thức sau để tính.

$$I_p = \frac{\sum q_t p_t}{\sum q_t p_o}$$

Trong đó: I_p : Là chỉ số giá Passcher
 p_t : Là giá thời kỳ t
 p_o : Là giá thời kỳ gốc
 q_t : Là khối lượng (quyền số) thời điểm tính toán (t)

hoặc cơ cấu của khối lượng thời điểm tính toán.

i Là cổ phiếu i tham gia tính chỉ số giá
n là số lượng cổ phiếu đưa vào tính chỉ số

Chỉ số giá bình quân Passcher là chỉ số giá bình quân gia quyền giá trị lấy quyền số là quyền số thời kỳ tính toán, vì vậy kết quả tính sẽ phụ thuộc vào cơ cấu quyền số (cơ cấu chứng khoán niêm yết) thời tính toán.

Các chỉ số KOSPI (Hàn quốc); S&P500(Mỹ); FT-SE 100 (Anh) ; TOPIX (Nhật) ; CAC (Pháp); TSE (Đài loan); Hangseng (Hong công); các chỉ số của Thụy Sĩ,.. và VnIndex của Việt Nam áp dụng phương pháp này.

Phương pháp Laspeyres.

Chỉ số giá bình quân Laspeyres là chỉ số giá bình quân gia quyền giá trị, lấy quyền số là số cổ phiếu niêm yết thời kỳ gốc. Như vậy kết quả tính sẽ phụ thuộc vào cơ cấu quyền số thời kỳ gốc:

$$I_L = \frac{\sum q_o p_t}{\sum q_o p_o}$$

Trong đó: I_L : Là chỉ số giá bình quân Laspeyres
 p_t : Là giá thời kỳ báo cáo
 p_o : Là giá thời kỳ gốc
 q_o : Là khối lượng (quyền số) thời kỳ gốc hoặc cơ cấu của khối lượng c (số lượng cổ phiếu niêm yết) thời kỳ gốc
i Là cổ phiếu i tham gia tính chỉ số giá
n là số lượng cổ phiếu đưa vào tính chỉ số

Có ít nước áp dụng phương pháp này, đó là chỉ số FAZ, DAX của Đức

Chỉ số giá bình quân Fisher

Chỉ số giá bình quân Fisher là chỉ số giá bình quân nhân giữa chỉ số giá Passcher và chỉ số giá Laspayres: Phương pháp này trung hoà được yếu điểm của hai

phương pháp trên, tức là giá trị chỉ số tính toán ra phụ thuộc vào quyền số của cả 2 thời kỳ: Kỳ gốc và kỳ tính toán

$$IF = \bar{O} IP \times IL$$

Trong đó: **IF** : Là chỉ số giá Fisher

IP : Là chỉ số giá Passche

IL : Là chỉ số giá bình quân Laspeyres

Về mặt lý luận có phương pháp này, nhưng trong thống kê chúng tôi không thấy nó áp dụng ở bất kỳ một quốc gia nào.

Phương pháp số bình quân giản đơn:

Ngoài các phương pháp trên, phương pháp tính giá bình quân giản đơn cũng thường được áp dụng. Công thức đơn giản là lấy tổng thị giá của chứng khoán chia cho số chứng khoán tham gia tính toán:

$$I_p = \frac{\sum p_i}{n}$$

Trong đó: I_p là giá bình quân;

P_i là giá Chứng khoán i ;

n là số lượng chứng khoán đưa vào tính toán.

Các chỉ số họ Dow Jones của Mỹ; Nikkei 225 của Nhật; MBI của Ý áp dụng phương pháp này. Phương pháp này sẽ tốt khi mức giá của các cổ phiếu tham gia niêm yết khá đồng đều, hay độ lệch chuẩn (s) của nó thấp.

Phương pháp bình quân nhân giản đơn

$$I_p = \bar{O} P P_i$$

Chúng ta chỉ nên dùng loại chỉ số này khi độ lệch chuẩn khá cao, (s) cao. Các chỉ số: Value line (Mỹ); FT-30 (Anh) áp dụng phương pháp bình quân nhân giản đơn này.

Tuy nhiên về mặt lý luận, chúng ta có thể tính theo phương pháp bình quân cộng hoặc bình quân nhân gia quyền với quyền số là số chứng khoán niêm yết.

Quyền số thường được dùng trong tính toán chỉ số giá cổ phiếu là số chứng khoán niêm yết. Riêng ở Đài Loan thì họ dùng số chứng khoán trong lưu thông làm quyền số, bởi vì tỷ lệ đầu tư của công chúng rất cao ở đây (80 .. 90%).

2. Chọn rô đại diện.

Một nhiệm vụ thứ hai quan trọng trong việc xây dựng chỉ số giá chứng khoán là việc chọn rô đại diện. Ở Sở giao dịch chứng khoán New York có trên 3000 cổ phiếu niêm yết, nhưng chỉ số tổng hợp Dow Jones chỉ bao gồm 65 cổ phiếu. Trong đó chỉ số Dow Jones công nghiệp (DJIA) chỉ bao gồm 30 cổ phiếu, Dow Jones vận tải (DJTA) bao gồm 20 cổ

phiếu và Dow Jones dịch vụ (DJUA) bao gồm chỉ 15 cổ phiếu. Tuy chỉ bao gồm một số lượng cổ phiếu niêm yết rất nhỏ như vậy trong tổng thể nhưng các chỉ số Dow Jones vẫn trường tồn qua năm tháng, vì nó phản ánh được xu thế, động thái của quá trình vận động của giá cả. Rổ đại diện này là tiêu biểu, đại diện được cho tổng thể vì họ thường xuyên thay những cổ phiếu không còn tiêu biểu nữa bằng cổ phiếu tiêu biểu hơn. Ví dụ tháng 11/1999 họ đã thay 4 cổ phiếu trong rổ đại diện, công ty IBM cũng có lúc phải loại khỏi rổ đại diện khi thị trường PC nói chung phát triển và lấn át.

Ba tiêu thức quan trọng để xác định sự tiêu biểu của cổ phiếu để chọn vào rổ đại diện là số lượng cổ phiếu niêm yết, giá trị niêm yết và tỷ lệ giao dịch, mua bán chứng khoán đó trên thị trường (khối lượng và giá trị giao dịch).

Đối với Việt Nam, hay bất kỳ thị trường nào khi mới ra đời, số lượng các cổ phiếu niêm yết chưa nhiều, thì rổ đại diện nên bao gồm tất cả các cổ phiếu. Tuy nhiên cũng nên chú ý đến khối lượng và giá trị giao dịch. Nếu một cổ phiếu nào đó trong một thời gian dài không có giao dịch hoặc giao dịch không đáng kể thì nên tạm loại khỏi phạm vi tính toán. Có như vậy chỉ số chúng ta tính ra mới phản ánh được động thái vận động thực sự của giá cả thị trường.

3. Vấn đề trừ khử ảnh hưởng của các yếu tố thay đổi về khối lượng và giá trị trong quá trình tính toán chỉ số giá cổ phiếu

Trong quá trình tính toán một số nhân tố làm thay đổi về khối lượng và giá trị của các cổ phiếu trong rổ đại diện sẽ ảnh hưởng đến tính liên tục của chỉ số. Ví dụ như phạm vi, nội dung tính toán của ngày báo cáo không đồng nhất với ngày trước đó và làm cho việc so sánh bị khập khiễng, chỉ số giá tính ra không phản ánh đúng sự biến động của riêng giá. Các yếu tố đó là: Thêm, bớt cổ phiếu khỏi rổ đại diện, thay cổ phiếu trong rổ đại diện; nhập, tách cổ phiếu; thưởng cổ phần, thưởng tiền, tăng vốn bằng cách phát hành cổ phiếu mới; bán chứng quyền; cổ phiếu trong rổ đại diện bị giảm giá trong những ngày giao dịch không có cổ tức...

Để trừ khử ảnh hưởng của các yếu tố thay đổi về khối lượng và giá trị trong quá trình tính toán chỉ số giá cổ phiếu, làm cho chỉ số giá cổ phiếu thực sự phản ánh đúng sự biến động của riêng giá cổ phiếu mà thôi người ta dùng kỹ thuật điều chỉnh hệ số chia. Đây là một đặc thù riêng của việc xây dựng chỉ số giá chứng khoán.

Để hiểu bản chất của kỹ thuật này, chúng ta hãy xem xét một ví dụ đơn giản sau: Chỉ số tính theo phương pháp bình quân giản đơn (phương pháp Dow Jones). Giá 3 cổ phiếu hình thành như sau:

Cổ phiếu	Giá ngày giao dịch 1	Giá ngày giao dịch 2	Giá ngày giao dịch 3
A	17	19	19
B	13	13	13
C	15	16	8
Tổng giá	45	48	30

DJA ngày 1 là $45/3 = 15$ (ngàn đồng, hay điểm)

DJA ngày 2 là $48/3 = 16$ (ngàn đồng, hay điểm), tăng 1 điểm hay 6.7%

Ngày thứ 3 cổ phiếu C tách làm hai và giá coi như không có gì thay đổi (cổ phiếu C giảm còn 8 không coi là giảm giá, mà chỉ vì cổ phiếu tách đôi).

Về nguyên tắc nếu giá không có gì thay đổi, thì chỉ số vẫn giữ nguyên. Ta không thể lấy tổng mới chia cho 3: $30/3 = 10$ để kết luận chỉ số giá đã giảm 5 ngàn (điểm) được. Vì thực chất giá không hề thay đổi. Bởi vậy chỉ số giá mới tính ra phải bằng 15 như ngày 2. Đây là cốt lõi của kỹ thuật tính toán lại hệ số chia. Kỹ thuật hết sức đơn giản: áp dụng quy tắc tam suất mà chúng ta đã học từ lớp 4

Cụ thể là:

$48 == == == >$ Hệ số chia là 3 (Do)

$30 == == == == >$ Hệ số chia là D1

Từ đây suy ra $D1 = (30 \times 3)/48 = 1.875$ và DJA ngày thứ 3 là $30/1.875 = 16$ không có gì thay đổi. Chỉ số này phản ánh đúng động thái của giá (không đổi). Trong thực tế giá thường có thay đổi nên chỉ số sẽ có giao động. Nhưng khi tính lại hệ số chia người ta luôn giả định giá không đổi. Tức là hệ số chia của ngày giao dịch được xác định trước khi xảy ra giao dịch.

Chúng ta cũng có thể tham khảo thêm ví dụ sau về phương pháp tính chỉ số giá gia quyền giá trị Passcher mà nước ta đang áp dụng, công thức tính như sau:

$$I_p = \frac{\text{ả qt pt}}{\text{ả qt po}} \Rightarrow \frac{\text{ả qt pt}}{D_t}$$

Chứng khoán	Khối lượng niêm yết	Giá đóng cửa 21/7	Giá đóng cửa ngày 31/7	Giá đóng cửa ngày 2/8
A	1000	10	12	13
B	2000	15	16	17
C	5000		18	20

- Chỉ số giá ngày giao dịch đầu tiên là 100% (điểm)

$$= 100 \times (1000 \times 10 + 2000 \times 15) / (1000 \times 10 + 2000 \times 15) = SQ_0 P_0 / D_0 = 100$$

Phải nhân với 100 bởi vì chúng ta quy ước ngày đầu là 100 điểm

$$D_0 = 1000 \times 10 + 2000 \times 15 = 40000$$

- Chỉ số giá ngày 31/7 là 110 % (điểm) tăng 10% hay 10 điểm

$$= 100 \times (1000 \times 12 + 2000 \times 16) / (1000 \times 10 + 2000 \times 15) = SP_1 Q_1 / D_1 = 110$$

Trong trường hợp này $D_0 = D_1 = 40000$ và ngày này cổ phiếu C chưa được tham gia vào việc tính chỉ số giá (vì mới có giá ban đầu chưa có thay đổi). Do đó chỉ số giá của ngày 31/7 chỉ là chỉ số giá tổng hợp của 2 cổ phiếu A và B mà thôi.

- Chỉ số giá ngày 2/8 là 120,67 điểm tăng 10,67 điểm, phương pháp tính như sau:

$$= 100 \times (13 \times 1000 + 17 \times 2000 + 20 \times 5000) / D_2 = SP_2 Q_2 / D_2 = 120,67 \text{ tăng } 10,67 \text{ điểm}$$

Tính D₂ như sau:

(12x1000 + 16x2000) ==> Hệ số chia là (10x1000+ 15x2000)
(12x1000 + 16x2000 +18x5000) ==> Hệ số chia là D₂

Từ đó:

$$D_2 = \frac{(10 \times 1000 + 15 \times 2000) \times (12 \times 1000 + 16 \times 2000 + 18 \times 5000)}{(12 \times 1000 + 16 \times 2000)} = 121818,1818$$

Hệ số chia đã thay đổi từ 40 000 (Do và D₁) thành 121 818,1818 (D₂)

Trong 2 phiên giao dịch ngày 21 và 31 hệ số chia không có gì thay đổi và đều chia cho gốc, vì vậy chỉ số thực sự là tính theo % so với gốc và vì thế ở hai ngày này chúng ta có thể gọi là điểm hay % cũng đúng. Đến phiên giao dịch 2/8 thì điều này không đúng nữa, bởi vì ta đã đổi hệ số chia và vì vậy kết quả tính toán lần này chỉ có thể gọi là điểm.

Giá tham chiếu của cổ phiếu trong những ngày đặc biệt

Trong quá trình theo dõi và tham gia thị trường, thỉnh thoảng người đầu tư nhận thấy Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (TTGDCK Tp. HCM) không lấy giá đóng cửa của một cổ phiếu nào đó trong phiên giao dịch trước đó làm giá tham chiếu cho cổ phiếu này trong ngày giao dịch tiếp theo như thường lệ. Đó là ở trường hợp ở những phiên giao dịch người đầu tư giao dịch không được nhận cổ tức bằng tiền, không được nhận thưởng bằng tiền, ngày giao dịch không được hưởng quyền mua cổ phiếu mới trong đợt phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn hay trong ngày giao dịch không được hưởng phần phát thưởng bằng cổ phiếu, ngày không được hưởng cổ tức bằng cổ phiếu hoặc tổ hợp nào đó của các yếu tố trên.

Điềm qua một số thông tin liên quan, chúng ta thấy việc phát hành thêm cổ phiếu để huy động thêm vốn phát triển sản xuất của Công ty cổ phần (CtyCP) giấy Hải phòng (Haphaco). Công ty này đã phát hành tăng vốn lên gấp đôi, từ hơn 10 tỷ lên hơn 20 tỷ để xây dựng một dây chuyền sản xuất giấy Craft. Và cứ mỗi cổ phiếu sở hữu nhận được một quyền mua một cổ phiếu trong đợt phát hành mới. Tại đây đã xuất hiện nhu cầu về định giá chứng khoán phái sinh là quyền mua cổ phiếu và làm cơ sở để định giá bán cổ phiếu cho người có quyền. Trong thời gian đó, giá cổ phiếu Haphaco đang ở mức cao trên 60-70 ngàn đồng/cổ phiếu và thị trường đang có xu hướng suy giảm. Công ty Haphaco đã xác định giá bán cho người có quyền là 50, sau đó là 40 và cuối cùng là 32 ngàn đồng/cổ phiếu trong đợt phát hành mới khi giá cổ phiếu này trên thị trường giảm xuống trên dưới 50 ngàn đồng. Và trên thực tế đã xuất hiện ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu này và TTGDCK Tp. HCM đã điều chỉnh giá tham chiếu.

Ngoài ra, đối với những công ty niêm yết (CtyNY) khác, đã có một số công ty phát hành thêm cổ phiếu để thưởng hay cổ phiếu dùng để trả cổ tức như CtyCP Xuất nhập khẩu Bình Thạnh, CtyCP Giao nhận kho vận ngoại thương, CtyCP nước giải khát Sài

gòn, CtyCP cấp và vật liệu viễn thông... Vì vậy, việc định giá tham chiếu của cổ phiếu trong ngày giao dịch không có thưởng, không hưởng cổ tức bằng cổ phiếu cũng đã được TTGDCK Tp. HCM tính toán và thông báo...

Ví dụ, như Công ty Haphaco đã phát cổ tức năm 2004 đợt 1 là 12% tương đương với 1200đ/1 cổ phần và công bố phát cổ tức đợt 2 năm 2004 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 100 cổ phiếu cũ được nhận 12 cổ phiếu mới (tất nhiên là sau khi được phép của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN)). CtyCP Xuất nhập khẩu Khánh Hội (KHA) cũng đã được phép của UBCKNN phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn dưới hình thức thưởng cổ phiếu, tăng vốn điều lệ từ 20,9 tỷ lên gấp rưỡi, tức là phát hành thêm 1.045.000 cổ phiếu với trị giá 10,450 tỷ đồng. Ngày cuối cùng để cổ đông đăng ký quyền mua cổ phiếu này là ngày 15/10/2004. Ngày 18/10/2004 TTGDCK Tp. HCM đã có công văn số 734/TTGDCK-LK gửi các thành viên hướng dẫn việc chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu mới của cổ đông CtyCP Xuất nhập khẩu Khánh Hội. Theo đó, việc chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu mới của công ty này chỉ xảy ra duy nhất 1 lần đối với mỗi cá nhân, tổ chức có quyền mua cổ phiếu từ ngày 28/10 đến ngày 17/11/2004. Việc chuyển nhượng quyền có thể được thực hiện một phần hay toàn bộ số quyền và chuyển nhượng cũng có thể cho một hay nhiều khách hàng. Tuy nhiên, người đi mua sẽ không được bán quyền kể cả quyền của riêng mình và quyền vừa mới mua. Chúng ta lại thấy ở đây do TTCK phái sinh chưa được tổ chức nên việc mua, bán quyền bị biện pháp hành chính thu hẹp. CtyCP Cơ điện lạnh (Ree) cũng đã được UBCKNN cho phép phát hành tối đa 1.462.500 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2004. Tuy nhiên, khối lượng phát hành cũng phụ thuộc vào lượng vốn công ty này dành để trả cổ tức. Công ty cũng đã được phép trên nguyên tắc về phát hành thêm 1.125.000 cổ phiếu để thưởng từ nay cho đến năm 2008. Cổ phiếu ưu đãi chuyển đổi của công ty (chuyển đổi thành cổ phiếu thường) cũng sẽ đến hạn chuyển đổi vào năm 2009. Nhu cầu định giá tham chiếu của cổ phiếu này trong ngày không hưởng quyền cũng đã xuất hiện.

Công ty Gemadept đã trả cổ tức đợt 1 năm 2004 là 12% và công bố sẽ trả cổ tức lần hai của năm này bằng cổ phiếu (họ cũng đã được phép của UBCKNN) với tỷ lệ 20:1. Có nghĩa là, cổ đông cứ có 20 cổ phiếu cũ (kể cả cổ phiếu trả chậm) sẽ được phát thêm 1 cổ phiếu từ nguồn vốn chia cổ tức năm 2004. Công ty Haphaco đã được phép của UBCKNN chia cổ tức đợt hai bằng cổ phiếu (1200đ/cổ phiếu), với giá được tính theo mệnh giá là 10.000đ/cổ phiếu, tức là cổ đông có 100 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 12 cổ phiếu, đồng thời thưởng cổ phiếu cho cổ đông để tăng vốn với tỷ lệ 2:1, tức là có hai cổ phiếu cũ được nhận thêm 1 cổ phiếu mới. Ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 6/12/2004.

Để lý giải về giá tham chiếu của cổ phiếu trong những ngày đặc biệt trên, chúng tôi xin giới thiệu một số kết quả của công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề này[1][1].

1) Giá tham chiếu (P_{tc}) của cổ phiếu trong ngày giao dịch không hưởng cổ tức được tính theo công thức:

P_{tc} = Giá đóng cửa phiên giao dịch trước đó – giá trị cổ tức

Giá tham chiếu của cổ phiếu trong ngày giao dịch không hưởng cổ tức đúng bằng giá đóng cửa của cổ phiếu này trong phiên trước đó trừ đi giá trị cổ tức.

2) *Giá tham chiếu của cổ phiếu (P_{tc}) trong ngày giao dịch không hưởng phần chia lãi bằng tiền*

$$P_{tc} = \text{Giá đóng cửa phiên giao dịch trước đó} - \text{giá trị tiền thưởng}$$

Giá tham chiếu của cổ phiếu trong ngày giao dịch không hưởng phần thưởng bằng tiền đúng bằng giá đóng cửa của cổ phiếu này trong phiên trước đó trừ đi giá trị tiền thưởng.

3) *Giá tham chiếu của cổ phiếu trong trường hợp phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn*

Trong trường hợp này giá tham chiếu của cổ phiếu ngày không hưởng quyền mua cổ phiếu mới (P_{tc}) được tính theo công thức:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I \times PR)}{1 + I}$$

Trong đó : P_{tc} : là giá tham chiếu cổ phiếu trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn, đây là giá cần xác định

PR_{t-1} : là giá chứng khoán phiên trước phiên giao dịch không hưởng quyền.

I : là tỷ lệ vốn tăng

PR : là giá cổ phiếu sẽ bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới.

Ví dụ: Giả sử ta muốn tính giá tham chiếu của cổ phiếu Haphaco vào ngày không hưởng quyền mua cổ phiếu mới trong đợt phát hành thêm cổ phiếu lần đầu để huy động vốn đầu tư xây dựng Nhà máy giấy Craft. Thông tin chúng ta có được như sau: Tổng vốn huy động mới là 20 tỷ đồng (tổng vốn Haphaco trước lúc phát hành quyền mua cổ phiếu là 10 tỷ đồng). Tức là mỗi cổ phiếu cũ được mua thêm 2 cổ phiếu mới. Giá tham chiếu của cổ phiếu này vào phiên trước phiên giao dịch không hưởng quyền là 50.000đồng/cổ phiếu (PR_{t-1}). Tỷ lệ vốn tăng là gấp 2 lần vốn hiện có (I=2). Giá cổ phiếu sẽ bán cho cổ đông ghi trong quyền là 32.000đồng/cổ phiếu (PR).

$$P_{tc} = \frac{50000 + 2 \times 32000}{1 + 2} = 38000 \text{ đồng}$$

Như vậy, giá tham chiếu cổ phiếu trong phiên giao dịch không hưởng quyền là 38.000 đồng. Trong khi đó giá bán theo quyền của cổ phiếu (hay giá ấn định) là 32.000 đồng.

Trong trường hợp này giá của quyền mua đối với mỗi cổ phiếu là :

38.000 đồng - 32.000 đồng = 6.000 đồng.

Trong thực tế, khi có một cổ phiếu ta có hai quyền mua cổ phiếu mới và tổng giá trị quyền cho việc sở hữu một cổ phiếu cũ là 12.000 đồng

Đây là thông tin hết sức quan trọng trong quá trình giao dịch quyền mua cổ phiếu này.

Bài toán này được gặp khá thường xuyên trong quá trình vận hành của TTCK. Bởi vì, việc phát hành thêm cổ phiếu để huy động vốn đầu tư phát triển sản xuất là mục đích quan trọng nhất của TTCK và các doanh nghiệp sẽ tranh thủ tối đa nguồn vốn huy động bằng phương pháp này.

4) Giá tham chiếu của cổ phiếu trong ngày giao dịch không hưởng phần chia lãi, hay phát thưởng bằng cổ phiếu

Thực tiễn TTCK Việt nam hiện nay đã cho thấy, rất nhiều doanh nghiệp niêm yết muốn thực hiện việc chia cổ tức, chia lãi bằng cổ phiếu. Thực chất đây là đợt phát hành mới và bán cho cổ đông hiện hữu. Quyền “mua” cổ phiếu tiềm ẩn trong hoạt động này và coi như người có quyền dùng luôn tiền thưởng hay cổ tức để mua cổ phiếu mới. Thực chất, hoạt động chia lãi, chia cổ tức và hoạt động phát hành thêm cổ phiếu cùng xảy ra cùng một lúc.

Ví dụ: CtyCP Xuất nhập khẩu Khánh Hội (KHA) đã được phép của UBCKNN phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn dưới hình thức thưởng cổ phiếu, tăng vốn điều lệ từ 20,9 tỷ đồng lên gấp rưỡi, tức là phát hành thêm 1.045.000 cổ phiếu với trị giá 10,450 tỷ đồng. Ngày cuối cùng để cổ đông đăng ký quyền mua cổ phiếu là ngày 15/10/2004 (Thứ 6). Ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày Thứ 4 ngày 13/10. Câu hỏi ở đây là, giá tham chiếu của cổ phiếu này tại ngày 13/10 này là bao nhiêu? Giá trị của quyền bằng bao nhiêu? Biết rằng giá cổ phiếu ngày 12/10 của KHA là 25.500đồng.

Trong trường hợp này, cùng một lúc có 2 sự kiện xảy ra: KHA phát thưởng và phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn. Mức thưởng là 5.000đồng /cổ phiếu; Phát hành để tăng thêm 50% vốn và giá tính cho người có quyền (cổ đông hiện hữu) với giá 10.000đồng /cổ phiếu. Chúng ta dùng công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I \times PR) - TTH}{1 + I}$$

Trong đó : P_{tc} : là giá tham chiếu cổ phiếu trong ngày giao dịch không hưởng quyền nhận thưởng bằng cổ phiếu

PR_{t-1} : là giá chứng khoán phiên trước phiên không hưởng quyền nhận thưởng bằng cổ phiếu. (25.500đ)

I : là tỷ lệ vốn tăng: 50%=0,5

PR : là giá cổ phiếu sẽ tính toán cho người có quyền nhận thưởng bằng tiền (10.000đ)

TTH : Giá trị tiền thưởng bằng cổ phiếu (5.000 đồng)

Thay số vào ta có:

$$P_{tc}(\text{ngày } 13/10) = \frac{25.500 + (0.5 \times 10.000) - 5.000}{1 + 0.5} = 17.000 \text{ đồng}$$

Tức là, nếu ngày 13/10 giá cổ phiếu KHA hình thành là 17.000 đồng/cổ phiếu thì được coi là không có biến động giá, không có tác động đến Vn-Index. Việc giảm giá từ 25.500 đồng /cổ phiếu xuống 17.000 đồng/cổ phiếu chỉ là sự biến động về giá trị, chứ không phải là biến động về giá.

Giá của quyền ở đây là 17.000đồng - 10.000đồng = 7.000đồng

5) Giá tham chiếu của cổ phiếu trong ngày giao dịch không hưởng phần chia lãi và đồng thời chia cổ tức bằng cổ phiếu

Ví dụ: Công ty Haphaco đã được phép của UBCKNN chia cổ tức đợt hai bằng cổ phiếu (1.200đ/cổ phiếu), với giá được tính theo mệnh giá là 10.000đồng/cổ phiếu, tức là cổ đông có 100 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 12 cổ phiếu, đồng thời thưởng cổ phiếu cho cổ đông để tăng vốn với tỷ lệ 2 :1, tức là có hai cổ phiếu cũ được nhận thêm 1 cổ phiếu mới. Ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 6/12/04. Chúng ta hãy tính giá tham chiếu của cổ phiếu này vào ngày 6/12/04 theo công thức :

Công thức của chúng ta :

$$P_{tc}(\text{ngày } 6/12) = \frac{PR_{t-1} + (I \times PR) - TTH - Div}{1 + I}$$

Trong đó : $P_{tc}(\text{ngày } 6/12)$: là giá tham chiếu cổ phiếu trong ngày giao dịch không hưởng quyền nhận thưởng và nhận cổ tức bằng cổ phiếu

PR_{t-1} : là giá chứng khoán trước khi phát hành chứng quyền.

(Giá vào ngày 3/12/2004 là 39.300 đồng)

I : là tỷ lệ vốn tăng: $50\% + 12\% = 62\% = 0,62$

PR : là giá cổ phiếu sẽ bán cho người có quyền hưởng cổ tức và tiền thưởng bằng cổ phiếu (=10.000 đồng)

TTH: giá trị tiền thưởng (=5.000 đồng)

Div: là giá trị cổ tức (= 1.200 đồng)

$$P_{tc \text{ ngày } 6/12} = \frac{39.300 + (0.62 \times 10.000) - 5.000 - 1.200}{1 + 0.62} = 24.259 \text{ đồng}$$

Trong trường hợp này giá trị quyền nhận cổ tức và tiền thưởng bằng cổ phiếu là:

$$24.259 - 1.0000 = 14.259 \text{ đồng.}$$

Tuy nhiên, trong thực tế TTGDCK Tp. HCM đã quy định giá tham chiếu của Haphaco ở phiên giao dịch đầu tiên không hưởng quyền (ngày 6/12/04) là 25.000đ (cao hơn giá trị thực hơn 700 đồng). Lẽ ra phải thông báo giá tham chiếu của Haphaco vào ngày 6/12/04 - Phiên giao dịch 931 là 24.300 đồng thay vì 25.000 đồng.

Đây là thông tin quan trọng đối với người đầu tư để họ có cơ sở để giao dịch cổ phiếu trong những phiên trước ngày 6/12 và ngay ngày 6/12

Việc giảm giá của Haphaco từ 39.300 đồng vào phiên giao dịch 930 xuống 24.300 đồng vào phiên thứ 931 không coi là giảm giá và không tính vào Vn-Index, vì đây là khoản giảm giá trị của cổ phiếu chứ không phải giảm giá.

6) Tổng quát hóa

Nếu tất cả các yếu tố kể trên cùng xảy ra một lúc thì ta tính giá tham chiếu ra sao. Ví dụ cùng một lúc có các sự kiện như sau xảy ra :

- Công ty có phát hành thêm chứng quyền để tăng vốn
- Công ty có một phần tiền thưởng bằng tiền mặt.
- Công ty có chia một phần cổ tức bằng tiền mặt
- Công ty có một phần tiền thưởng bằng cổ phiếu.
- Công ty có chia một phần cổ tức bằng cổ phiếu.

Đồng thời giá cổ phiếu tính cho chứng quyền, quyền nhận thưởng bằng cổ phiếu, quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu khác nhau. Câu hỏi đặt ra là vào ngày giao dịch không hưởng các quyền trên giá tham chiếu của cổ phiếu tính ra sao? Thực tế đây là bài toán tổng hợp của tất cả các bài toán trên. Chúng ta hãy dùng công thức tổng quát sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I_1 \times P_{r1}) + (I_2 \times P_{r2}) + (I_3 \times P_{r3}) - TTH_{cp} - Div_{cp} - TTH_t - Div_t}{1 + I_1 + I_2 + I_3}$$

Trong đó :

- P_{tc} : Giá tham chiếu trong ngày không hưởng các quyền trên
 I_1 : Tỷ lệ vốn tăng theo phát hành quyền mua cổ phiếu
 I_2 : Tỷ lệ vốn tăng do phát thưởng bằng cổ phiếu
 I_3 : Tỷ lệ vốn tăng do phát cổ tức bằng cổ phiếu
 TTH_{cp} : Giá trị tiền thưởng bằng cổ phiếu
 Div_{cp} : Giá trị cổ tức bằng cổ phiếu
 TTH_t : Giá trị tiền thưởng bằng tiền
 Div_t : Giá trị cổ tức bằng tiền
 P_{r1} : Giá cổ phiếu bán cho người có quyền mua cổ phiếu
 P_{r2} : Giá cổ phiếu tính cho người được thưởng bằng cổ phiếu
 P_{r2} : Giá cổ phiếu tính cho người được nhận cổ tức bằng cổ phiếu

Trong thực tế, chúng ta có thể dùng công thức tổng quát này để tính toán cho tất cả các trường hợp. Đối với những nhân tố không xảy ra ta đánh số 0. Đây là kết quả nghiên cứu có khả năng ứng dụng thực tiễn khá cao, mong các nhà đầu tư tham gia góp ý, bàn luận thêm.

Việc điều chỉnh giá tham chiếu theo những yếu tố kể trên là những biến động về giá trị cổ phiếu (phải được loại bỏ trong quá trình tính toán Vn-Index), không ảnh hưởng đến chỉ số giá Vn-Index. Trong một số trường hợp, một số người không hiểu về phương pháp tính Vn-Index nên đã giải thích việc giảm Vn-Index là do ngày phát cổ tức, ngày phát hành thêm cổ phiếu, ngày phát thưởng bằng tiền, bằng cổ phiếu... Đây chỉ là sai lầm trong cách nhận biết và liên quan đến một số kiến thức cơ bản về chứng khoán và TTCK.

[1][1] “ Định giá các công cụ phái sinh và một số gợi ý áp dụng vào thị trường chứng khoán Việt nam “ do TS. Tôn Tích Quý – UBCKNN làm Chủ nhiệm đề tài.

Lựa chọn cổ phiếu theo nguyên tắc CAN SLIM

William J. O'Neil là một mẫu nhà đầu tư chứng khoán thành công tại Mỹ. Khởi nghiệp bằng nghề kế toán viên, ông nhanh chóng bị cuốn vào cơn sốt cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, để rồi với những công thức đầu tư của riêng mình, ông đã trở thành một nhà “phù thủy” tại Wall Street khi thu về hàng triệu USD lợi nhuận mỗi năm từ cổ phiếu. Hiện William là chủ tịch kiêm giám đốc điều hành hãng nghiên cứu đầu tư William J. O'Neil & Company do chính ông thành lập.

300 USD là khoản tiền đầu tiên William “rót” vào thị trường chứng khoán với cổ phiếu của Procter & Gamble khi còn phục vụ trong Không lực hoàng gia. Có trong tay tấm bằng cử nhân tài chính của Đại học Southern Methodist, William khởi động sự nghiệp đầu tư của mình trên cương vị một nhà môi giới chứng khoán tại Los Angeles. Biết kinh nghiệm còn ít ỏi, William đã dành rất nhiều thời gian để nghiên cứu về thành công của các “bậc tiền bối” trên thị trường chứng khoán. Và rồi, nỗ lực của ông đã được đền đáp. William nghiên cứu và đúc kết được 7 yếu tố cần thiết để nhận dạng những cổ phiếu hiện còn ít được giới đầu tư chú ý nhưng lại chính là những tài sản sinh lời lớn trong tương lai. Bảy yếu tố đó được biết đến với cái tên CAN SLIM.

William tâm sự: “Trên thị trường chứng khoán có đến hàng chục nghìn cổ phiếu niêm yết nên nhiều nhà đầu tư đôi khi rất lúng túng trong việc lựa chọn đối tượng để đầu tư. Vấn đề quan trọng đối với họ là “chọn mặt gửi vàng”, nghĩa là phải tìm ra một số loại cổ phiếu thực sự có khả năng sinh lời để đầu tư.

Nhận định của William hoàn toàn phù hợp với một thực tế hiện nay là rất nhiều nhà đầu tư không biết các công ty được niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán đang hoạt động như thế nào và đầu tư vào cổ phiếu của các công ty nào sẽ có lãi? Dưới tác động của “hiệu ứng đám đông”, họ bắt chước nhau, cùng đổ xô đi mua những cổ phiếu đang tăng

giá. Nhiều người mua cổ phiếu rồi mà vẫn chưa có trong tay những tài liệu và phương pháp cần thiết để tìm hiểu về mức độ sinh lời của cổ phiếu đó.

Là cha đẻ của phương pháp phân tích và lựa chọn cổ phiếu hiệu quả CAN SLIM, William J. O'Neil đã mang lại tốc độ tăng trưởng bình quân 40%/năm cho các tài khoản đầu tư cá nhân được ông tư vấn. Nhiều chuyên gia đánh giá đây là một trong những phương pháp hiệu quả nhất trong vô vàn các công cụ phân tích chứng khoán hiện nay. “CAN SLIM thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa phương pháp phân tích cơ bản với phương pháp phân tích kỹ thuật đầu tư chứng khoán”- John Neff, một cây đại thụ của phố Wall, cho biết.

CAN SLIM là tập hợp bảy chữ cái đầu tiên của bảy yếu tố mà theo William là rất hiệu quả khi đánh giá cổ phiếu:

C: Current Quarterly Earnings Per Share (lãi ròng trên mỗi cổ phiếu của quý gần nhất)

William nhận định rằng, hầu hết các cổ phiếu tốt đều có sự gia tăng lợi nhuận so với cùng quý năm trước đó và tỷ lệ tăng càng cao thì chứng tỏ cổ phiếu càng có nhiều triển vọng. Theo ông, các nhà đầu tư trước khi bỏ tiền ra mua cổ phiếu cần xem xét tới sự gia tăng mạnh mẽ lợi nhuận của cổ phiếu đó, cụ thể là mức tăng trưởng của lãi ròng trên mỗi cổ phiếu trong 3 tháng gần nhất.

Nhưng phải tìm hiểu sự gia tăng lợi nhuận này ở đâu và như thế nào? William cho rằng nhà đầu tư có thể nghiên cứu các báo cáo tài chính có kiểm toán của công ty niêm yết, cùng với việc thăm dò các kênh thông tin khác như báo chí, người quen... Điều quan trọng là các nhà đầu tư cần coi trọng độ tin cậy và tính đồng nhất của thông tin, chẳng hạn có thể có điều gì đó không đúng, nếu doanh thu của công ty tăng 20%, trong khi lãi ròng chỉ tăng 5%.

A: Annual Earnings Increases (sự gia tăng lãi ròng hàng năm)

Theo O'Neil, cổ phiếu tốt là cổ phiếu có mức gia tăng lợi nhuận đều đặn trong vòng 5 năm trước đó. Các nhà đầu tư cần đặc biệt lưu ý tới các cổ phiếu có mức gia tăng lợi nhuận hàng năm ổn định và đạt trên 25%, tuy nhiên nên chú ý tới chu kỳ kinh doanh của từng ngành, từng công ty. Theo O'Neil, tiêu chí này có thể giúp bạn loại bỏ khoảng 80% các cổ phiếu tồi.

Để có được sự chính xác về mức gia tăng lợi nhuận, nhà đầu tư cần nghiên cứu tất cả các thông tin liên quan đến công ty mà họ muốn đầu tư. Các thông tin này bao gồm lịch sử và đặc điểm của công ty, tình hình tài chính, các chi tiết của đợt phát hành cổ phiếu và tổ chức bảo lãnh phát hành cổ phiếu. Nhà đầu tư có thể tìm các thông tin này trong Bản thông cáo phát hành, trong Báo cáo tài chính của công ty hoặc từ các công ty dịch vụ tư vấn đầu tư. Các quyết định đầu tư chỉ nên đưa ra khi bạn đã có đủ cơ sở thông tin về cổ phiếu cũng như về mức tăng trưởng lãi ròng hàng năm.

N: New Products, New Management, New Highs (sản phẩm mới, sự quản lý mới, mức giá trần mới)

Những nghiên cứu của William chỉ ra rằng giá cổ phiếu tăng sẽ bắt nguồn từ một số nhân tố nội tại nào đó. Những nhân tố này thường là sản phẩm mới của công ty, ban giám đốc mới, phương thức quản lý mới hay mức giá trần mới của cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.

Do vậy, sẽ không bao giờ thừa nếu các nhà đầu tư quan tâm đến những nhân tố nội tại này. Nếu xét thấy những nhân tố này có sự ổn định, không có biểu hiện đột biến theo chiều hướng xấu, thì đó sẽ là một cổ phiếu có nhiều triển vọng tăng trưởng trên thị trường chứng khoán.

S: Supply and Demand (nguồn cung và cầu)

Trong kinh doanh, quy luật cung cầu luôn có ảnh hưởng rất lớn đến giá thành sản phẩm, và đầu tư chứng khoán cũng không phải là một ngoại lệ. Giá cổ phiếu cũng chịu tác động từ quy luật cung cầu. William cho rằng cổ phiếu của các công ty đại chúng, có quy mô lớn, sản phẩm chất lượng không phải lúc nào cũng đáng để mua, bởi lượng cầu của những cổ phiếu này khá lớn, trong khi nguồn cung lại ít nên giá thường bị đẩy lên cao giả tạo, không phản ánh đúng giá trị thực tế của cổ phiếu cũng như rất khó sinh lợi nhuận lớn.

Chính những cổ phiếu có số lượng lưu hành thấp trên thị trường mới có nhiều triển vọng và có khả năng tăng giá hơn so với các cổ phiếu có số lượng lưu hành lớn. Từ đó suy ra, cổ phiếu được các nhà quản trị hàng đầu nắm giữ với tỷ lệ lớn thường là những cổ phiếu có độ an toàn cao. William đặc biệt lưu ý tới các cổ phiếu được công ty mua lại và cổ phiếu của các công ty có tỷ lệ nợ dài hạn trên vốn tự có vừa phải, bởi theo ông thì tỷ lệ này càng cao bao nhiêu công ty sẽ càng phải đương đầu với áp lực trả lãi trong tương lai nhiều bấy nhiêu. Các nhà đầu tư nên so sánh tỷ số này ở công ty mình dự định đầu tư với tỷ số nợ bình quân ở các công ty trong cùng ngành, đồng thời phân tích thêm khả năng thanh toán để có đánh giá xác thực hơn về mức độ nợ của công ty.

L: Leader and Laggard (cổ phiếu đầu bảng và cổ phiếu tụt hậu)

Theo O'Neil, nhà đầu tư trên thị trường chỉ nên mua 2 hay 3 cổ phiếu tốt nhất trong nhóm những cổ phiếu đầu bảng hiện tại, còn lại nên dành tiền cho những cổ phiếu có khả năng sinh lời trong tương lai. Đặc biệt, các nhà đầu tư cần tránh mua những cổ phiếu có mức tăng trưởng cao nhưng không bền vững, chẳng hạn như cổ phiếu lên giá theo trào lưu, theo sự kiện nổi bật... bởi vì các cổ phiếu này được đánh giá là những cổ phiếu tụt hậu, không sớm thì muộn cũng mất giá.

I: Institutional Sponsorship (sự ủng hộ của các định chế tài chính và đầu tư)

Định chế tài chính đầu tư ở đây thường là các cơ quan chức năng, các cơ quan chính phủ chuyên về tài chính đầu tư. Các cơ quan này có thể nắm giữ một số lượng cổ phiếu nhất định của các công ty nào đó, nhờ vậy mà công ty sẽ có sự ủng hộ và trợ giúp mạnh mẽ từ những cơ quan này, một điều kiện vô cùng thuận lợi cho hoạt động kinh doanh, khiến giá cổ phiếu tăng mạnh. Tuy nhiên, một số lượng quá lớn các định chế tài chính đầu tư nắm

giữ cổ phiếu lại trở thành yếu tố bất lợi, vì điều đó đồng nghĩa với việc nguồn cung sẽ hạn chế bởi các cơ quan ít khi muốn bán từng phần cổ phiếu của mình, đẩy tính thanh khoản của cổ phiếu xuống thấp.

M: Market Direction (định hướng thị trường)

Cho dù bạn hoàn toàn chính xác khi nhận định về cả 6 tiêu chí kể trên, nhưng đến tiêu chí định hướng thị trường bạn mắc phải sai lầm thì sẽ có đến 5 trong số 7 cổ phiếu bạn mua sẽ mất giá và khiến bạn thua lỗ. Yếu tố thị trường là rất quan trọng bởi nó ảnh hưởng mạnh mẽ đến giá cổ phiếu. Khi hàng loạt các cổ phiếu cùng ngành trên thị trường bị mất giá, thì giá cổ phiếu của công ty mà bạn lựa chọn chắc chắn cũng sẽ sụt giảm theo. Ngược lại, nếu giá cổ phiếu của các công ty này tăng theo sự phát triển của thị trường thì cổ phiếu bạn mua vào cũng được “ăn theo” những chỉ số tích cực đó. Do đó, William nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc nghiên cứu các đồ thị biến động giá chứng khoán theo ngày, theo tuần và theo tháng trước mỗi quyết định đầu tư cổ phiếu.

Một trong những thành công lớn nhất của William là đầu tư vào cổ phiếu của hãng dược phẩm Syntex. Đây là hành động táo bạo và liều lĩnh, theo đánh giá của các nhà đầu tư chuyên nghiệp lúc bấy giờ, bởi Syntex là hãng sản xuất thuốc tránh thai đầu tiên trên thế giới. Nhưng rồi kết quả đã chứng minh quyết định của William là đúng. Chỉ một thời gian ngắn sau đó, Syntex đã công bố doanh thu hàng quý tăng trưởng trên 300% và cổ phiếu của Syntex từ chỗ còn “ẩn danh” với mức giá 100 USD/cổ phiếu đã trở thành cổ phiếu tăng trưởng mạnh mẽ với mức giá 550 USD/cổ phiếu trong vòng chưa đầy sáu tháng. Chính nhờ khoản lợi nhuận kék sù từ Syntex mà William đã có tiền để thành lập công ty William J. O’Neil & Company của riêng mình.

Goerge Soros, một trong những nhà đầu tư lớn nhất tại phố Wall, đúc kết rằng: “Không có lĩnh vực nào đem lại lợi nhuận nhanh và lớn bằng đầu tư chứng khoán”. Có khá nhiều người xem việc đầu tư chứng khoán là cuộc chơi ngẫu hứng với hy vọng sẽ kiếm được nhiều tiền một cách nhanh chóng. Tuy nhiên, lĩnh vực đầu tư đầy hấp dẫn này dường như không có chỗ cho những quyết định theo cảm tính. Đối với William O’Neil cũng như nhiều “cây đại thụ” khác tại phố Wall, các quyết định lựa chọn cổ phiếu cần được dựa trên sự phân tích và phối kết hợp giữa các yếu tố định lượng và định tính. Chìa khoá phân tích trong đầu tư cổ phiếu là tìm ra những cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng lớn nhất trong thời điểm bạn mua chúng. Nói cách khác, bạn phải có kỹ năng phán đoán, xem xét và phân tích vấn đề cùng với việc hoạch định một kế hoạch đầu tư thích hợp để xác định thời điểm mua vào những cổ phiếu mạnh và bán đi những cổ phiếu yếu.

Xây dựng hệ thống thông tin ở CTNY và CTCK

Thực tiễn hơn 2 năm hoạt động TTCK Việt Nam đã chỉ ra rất nhiều yếu kém của hệ thống thông tin (HHTT). Các nhà đầu tư không tin tưởng vào các thông tin trên thị trường vì có quá nhiều thông tin kém tin cậy, không trung thực, thiếu chính xác hoặc không cập nhật kịp thời.

Xét ở tầm vi mô thì hoàn thiện HNT cho TTCK thực chất là hoàn thiện HTTT ở các công ty chứng khoán (CTCK) và các công ty niêm yết (CTNY). Các CTCK và các CTNY có vai trò rất quan trọng trong TTCK, là những người làm nên thị trường, với các nghiệp vụ của nó.

Tuy nhiên các CTCK ở Việt Nam đều triệt tiêu nghiệp vụ tư vấn, mà nghiệp vụ này thì được coi là rất có giá trị ở TTCK phát triển. Nghiệp vụ tư vấn bị triệt tiêu do nhiều nguyên nhân chủ quan cũng như khách quan, chủ quan là phát sinh từ những yếu kém của HTTT. ể có thể phát triển hơn nữa, họ phải làm tăng uy tín của mình ngay từ bây giờ trong những giới hạn có thể làm được nhằm đáp ứng sự phát triển của TTCK trong tương lai.

Thứ nhất, cần quán triệt đầy đủ các nguyên tắc về thông tin chứng khoán. Khi thông tin cho khách hàng của mình cũng như thông tin rộng rãi ra ngoài công chúng, các CTCK cần phải phản ánh trung thực các thông tin về chứng khoán, về các công ty niêm yết. Nếu có thông tin tốt về công ty niêm yết thì phản ánh, tuy nhiên cần phải xác minh một cách rạch ròi, chính xác bằng khả năng phân tích tổng hợp của các cán bộ chuyên môn, tránh tình trạng phát ngôn dựa theo nguồn thông tin không chính thống trôi nổi trên thị trường, đó là điều rất nguy hiểm. Nếu có thông tin không tốt về công ty niêm yết phải thông báo cho khách hàng của mình, không nhất thiết phải thông báo rộng rãi khi còn e dè, chưa đủ độ tin cậy,...

Khi thông tin đã trung thực hợp thời thì khách hàng sẽ trở thành khách hàng trung thành của mình, hơn nữa họ sẽ chính là những người quảng cáo hiệu quả nhất, uy tín nhất của mình cho thị trường, đó mới chính là điều cần thiết nhất.

Thứ hai, phát huy hơn nữa những năng lực hiện có của công ty mình để phát triển HTTT. Các CTCK của Việt Nam hiện nay đều là các pháp nhân kinh doanh ra đời từ các pháp nhân đã từng hoạt động tốt trên thị trường như các ngân hàng, tổng công ty; các tổ chức này địa trang bị cho mình HTTT khá hoàn chỉnh như nối mạng diện rộng giữa các chi nhánh. Như vậy với thế mạnh sẵn có này, các CTCK nên có những giải pháp riêng cho mình: chẳng hạn tiếp nhận thêm, thu hút thêm các nhà đầu tư từ các chi nhánh và thông qua hệ thống mạng thông tin này, khâu xử lý lệnh của công ty trở nên đơn giản, chứ không như các công ty không có mạng diện rộng, phạm vi hoạt động của họ rất hẹp.

Thứ ba, về lâu dài, các CTCK nên duy trì hoạt động tư vấn của mình bằng cách đầu tư công tác thông tin chứng khoán như xây dựng các bộ phần mềm phân tích dữ liệu chứng khoán phù hợp với đặc thù TTCK Việt Nam. Ngay trước mắt, với nhu cầu còn nhỏ và nguồn ngân sách hạn hẹp, các công ty chưa thể làm gì hơn, tuy nhiên các công ty này phải có định hướng và kế hoạch thực hiện, chẳng hạn tài trợ các sinh viên giỏi về công nghệ thông tin, về chứng khoán, hướng dẫn họ nguồn tài liệu để nghiên cứu, gây thiện cảm về sau này hoặc có những quan hệ cộng tác với các chuyên gia giỏi trong những lĩnh vực trên, nhưng chưa phục vụ ngay công tác thông tin chứng khoán, sau này khi cần thì họ có thể gánh vác trách nhiệm cùng công ty.

Về phía các CTNY, họ phải tự cứu lấy mình ngay từ lúc này. Khi các CTNY chấp hành tốt các quy định về thông tin chứng khoán thì HTTT chứng khoán của Việt Nam cũng sẽ được cải thiện đáng kể.

Thứ nhất, các CTNY phải chấp hành các quy chế về công bố thông tin. Hiện nay các công ty đang thực hiện việc công bố thông tin. Theo các quy định trong chương IV - Quy chế thông tin ban hành kèm theo Quyết định 04/1999/QĐ-UBCKNN của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Quy chế hiện hành này tuy sẽ có những sửa đổi cho phù hợp hơn nhưng trước mắt các công ty vẫn phải chấp hành và nếu có những thắc mắc thì phải nộp báo cáo cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Trung tâm giao dịch chứng khoán, mà không thể ỷ lại vào việc chưa có chế tài xử phạt của Ủy ban chứng khoán Nhà nước để làm bừa, không chấp hành công tác thông tin, báo cáo theo quy định.

Thứ hai, các CTNY phải quán triệt các nguyên tắc về thông tin chứng khoán. Ta biết các thông tin chứng khoán phải trung thực, công khai, rõ ràng và minh bạch. Nếu thông tin cứ úp úp, mờ mờ, ai biết tới đâu thì biết về công ty thì họ sẽ thiếu đi một bộ phận các nhà đầu tư dài hạn.

Hơn nữa, khi thông tin ra thị trường về các báo cáo tài chính, các phương án kinh doanh của mình các công ty cần phải hết sức thận trọng, cần tính tới mọi khả năng phát sinh chi phí... để khi thông tin khi (ra chính thức được công bố thì đó là thông tin chính thức không thể có sự giải thích nào khác.

Các CTNY phải nhận thức được rằng sự trung thực về thông tin của công ty không phải là sự bí mật thông tin mà là nghĩa vụ và quyền lợi của anh, nhà đầu tư sẽ tìm đến công ty nào làm ăn hiệu quả thật sự và thông tin trung thực về họ trên thị trường, là cách để công ty tồn tại lâu dài trên thị trường, hơn nữa sẽ là đối tượng rót vốn mở rộng sản xuất của nhà đầu tư nước ngoài trong tương lai .

Thứ ba, các CTNY nên chuyên môn hoá bộ phận cung cấp thông tin, không để cán bộ thông tin làm việc kiêm nhiệm như hiện nay mà phải có các cán bộ thực sự làm việc trên. Họ hiểu rõ quyền lợi và nghĩa vụ của việc cung cấp thông tin, hiểu được các nguyên tắc thông tin của TTCK, cũng như thời điểm phù hợp để đưa ra những nguồn thông tin khác nhau, thông tin chiến lược, thông tin tác nghiệp, thông tin quản trị, thông tin quản lý... Hơn nữa, là người phụ trách thông tin chuyên nghiệp trong tổ chức, họ cũng biết rõ đâu là thông tin chính thức, không chính thức và đấu tranh chống lại những thông tin lá cải, sai lệch, những thông tin không trung thực về tổ chức của họ.

Tìm hiểu kinh nghiệm QT về phát hành tăng vốn và chi trả cổ tức bằng CP

A. Phát hành tăng vốn

Doanh nghiệp sau khi thành lập có thể bắt đầu huy động vốn. Việc tăng vốn có thể được thực hiện qua 2 hình thức:

- Phát hành cổ phiếu mới có xem xét phát hành quyền
- Phát hành cổ phiếu mới không xem xét phát hành thưởng

a. Phát hành cổ phiếu mới có xem xét

Phát hành cổ phiếu mới có xem xét là phương thức thường được sử dụng bởi các công ty tại Hàn Quốc, Đài Loan. Các nhà đầu tư có thể đặt mua cổ phiếu mới đã được phát hành thông qua 3 cách sau:

- Thông qua phát hành quyền cho các cổ đông hiện hữu.

Tùy theo bộ luật thương mại, cổ đông có quyền nhưng không có nghĩa vụ để mua các cổ phần trước. Nếu tất cả các cổ phần mới được phát hành không được mua hết trong thời hạn định trước, công ty có thể hoàn thành đợt phát hành mới bằng việc phân bổ phần còn lại cho tác đối tác.

- Thông qua phân phối cho các bên đối tác.

Quyền mua cổ phiếu mới với quyền ưu tiên trước có thể được cấp cho các bên đối tác có quan hệ khăng khít với công ty phát hành ví dụ như: các nhân viên, các đối tác kinh doanh, các nhà cung cấp, các cổ đông chính.

- Thông qua phát hành ra công chúng.

Được phép của hội đồng quản trị, công ty có thể phát hành ra công chúng theo ý muốn, tuy nhiên phải ngoại trừ quyền mua của các cổ đông hiện hữu.

b. Phát hành mới không có xem xét

Phát hành mới không có xem xét dẫn tới việc tăng tổng số cổ phiếu đang lưu hành của công ty, tuy nhiên không có sự tăng vốn cổ đông hoặc tổng tài sản của công ty phát hành tại thời điểm phát hành. Kiểu tăng vốn này được phân thành 2 loại:

- Chuyển đổi dự trữ.

Cổ phần mới được phát hành không có bất cứ sự thu hút nào các khoản tiền từ bên ngoài vào khi mà thặng dư vốn hoặc lợi nhuận giữ lại được chuyển thành vốn cổ phần.

- Chuyển lợi nhuận thành vốn cổ phần nhằm chi trả cổ tức bằng cổ phiếu.

Lợi nhuận của công ty được chuyển thành cổ tức dưới dạng cổ phiếu và trả cho các cổ đông hiện hữu. Cổ tức cổ phiếu có được là tùy thuộc vào tỷ lệ phân bổ chứng khoán sở

hữu của doanh nghiệp tới các cổ đông. Ngược lại với trả cổ tức bằng tiền mặt, cổ tức của cổ phiếu được trả bằng cổ phiếu.

Tóm lại, việc tăng vốn của doanh nghiệp thường sẽ xem xét tới hai khả năng xảy ra, đó là:

- Tăng cổ phần đã phát hành lên bằng cách phát hành cổ phiếu trên cơ sở giới hạn của vốn cổ đông.
- Tăng vốn cổ đông bằng cách phát hành thêm cổ phiếu để huy động vốn làm tăng vốn điều lệ của công ty. Khi tăng vốn bằng cách này, vốn chủ sở hữu cũng tăng lên.

Ngoài ra còn có một số phương pháp phát hành tăng vốn khác như phát hành tại mức giá thị trường. Không giống như phát hành theo mệnh giá, đây là một phương thức mà giá của cổ phần được xác định bởi chính thị trường. Tại Hàn Quốc, trước khi vận dụng phương pháp này từ 12/1983, việc tăng vốn của các công ty được thực hiện trên cơ sở mệnh giá. Việc hướng dẫn hệ thống mới này chỉ ra rằng giá phát hành được xác định theo giá thị trường theo một tỷ lệ chiết khấu nhất định do SEC Securities and Exchange Commission qui định. Sau 8/1987, tất cả các công ty niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hàn Quốc muốn tăng vốn đều thông qua hệ thống này. Sau đó, tháng 6/1991, tỷ lệ chiết khấu hoàn toàn được thả nổi, mọi quyết định về tỷ lệ chiết khấu được dựa trên quyết định của chính ban giám đốc điều hành công ty phát hành. Theo các qui định về quản lý tài chính của các công ty niêm yết, các công ty được phép phát hành cổ phần vốn tại mức giá thị trường ngoại trừ giá không bao gồm quyền hoặc giá cơ sở giảm xuống dưới mức mệnh giá.

Giá phát hành mới thường được xem xét giữa 2 lựa chọn, lấy lựa chọn nào có giá thấp hơn.

- Lựa chọn thứ nhất là chiết khấu từ mức giá không bao gồm quyền mua trong 5 ngày trước ngày ghi sổ.
- Lựa chọn 2 có được bằng việc chiết khấu giá cơ sở 7 ngày trước ngày đặt mua.

Lý do của việc xác định giá phát hành theo cách này là để cung cấp cho các cổ đông cơ hội đặt mua các cổ phiếu mới phát hành tại mức giá thấp nếu có thể. Các cổ đông hiện hữu thường tạo các quyết định mua hoặc không đối với các cổ phiếu mới trước ngày không quyền. Với lý do thời gian từ ngày không quyền tới lúc đặt mua thường lớn hơn 2 tháng, các cổ đông hiện hữu dễ bị đặt vào các tình huống biến động giá quá mức. Điều này có nghĩa là: trong giai đoạn này, nếu giá chứng khoán giảm và ai đó đặt mua cổ phiếu mới sẽ bị lỗ một khoản tương đương chênh lệch giữa giá thị trường và giá phát hành. Để đạt được lợi nhuận, cần thiết phải tính toán tới chọn lựa thứ 2 trên cơ sở giá thị trường đã giảm. Theo tính toán, khi giá thị trường của cổ phần hiện hữu đã tăng, lựa chọn 1 sẽ trở thành thực tế giá cho việc phát hành. Ngược lại khi nó giảm, lựa chọn 2 sẽ là giá phát hành thực tế.

Thí dụ:

- Lựa chọn thứ nhất.

Giá không quyền = giá cơ sở + giá lựa chọn 1 x tỷ lệ tăng vốn / 1 + tỷ lệ tăng vốn

Trong đó giá cơ sở được xác định như sau:

“Giá cơ sở là trung bình giá thị trường hoặc giá đóng cửa của ngày giao dịch trước ngày cơ sở trước ngày ghi sổ 5 ngày 1 ngày” lấy giá thấp. Nghĩa là giá cơ sở có thể là 1 trong 2 giá sau, ở đó lấy giá nào thấp hơn:

- giá đóng cửa trước ngày cơ sở 1 ngày.
- giá trung bình = $a + b + c / 3$ trong đó:
 - + a : Trung bình đóng cửa có trọng số khối lượng của các phiên trước ngày cơ sở 1 tháng.
 - + b : Trung bình đóng cửa có trọng số khối lượng của các phiên trước ngày cơ sở 1 tuần.
 - + c : Giá đóng cửa ngày trước ngày cơ sở 1 ngày.

Giá lựa chọn 1 = giá không quyền x 1 - tỷ lệ triết khấu

- Lựa chọn thứ hai. Giá lựa chọn 2 = giá cơ sở x 1 - tỷ lệ triết khấu

Trong đó:

- “Giá cơ sở là trung bình giá thị trường hoặc giá đóng cửa của ngày giao dịch sau ngày khóa sổ 53 ngày 1 ngày” lấy giá thấp. Trung bình giá thị trường = $a + b / 2$ trong đó:

+a : trung bình giá đóng cửa của 1 tuần gần ngày cơ sở nhất nghĩa là trước ngày đặt mua 7 ngày.

+y : giá đóng cửa của ngày giao dịch trước ngày cơ sở.

Và cuối cùng là giá phát hành có thể là 1 trong 2 giá trên với giá nhỏ hơn.

B. Trả cổ tức bằng cổ phiếu.

Trả cổ tức bằng cổ phiếu thực chất là nhằm giữ lại các khoản lợi nhuận, thặng dư hoặc các khoản tiền của các quỹ nhằm củng cố lượng tiền mặt hiện có trong vốn của cổ đông cũng như của Doanh nghiệp để thúc đẩy việc đầu tư, kinh doanh sản xuất của doanh nghiệp. Không có sự thay tăng giảm nào về vốn cổ đông cũng như tài sản của công ty. Về cơ bản, số lượng cổ phiếu sẽ tăng lên và làm cho tỷ lệ vốn cổ phần tăng lên. còn tiếp

B. Trả cổ tức bằng cổ phiếu

Tại các Sở giao dịch chứng khoán của các nước có nền kinh tế phát triển, việc áp dụng hình thức chi trả cổ tức bằng cổ phiếu đã diễn ra rất lâu. Ngoài việc tuân thủ các qui định của Luật áp dụng đối với các công ty cổ phần, các qui định và hướng dẫn của Sở giao dịch, UBCK các nước, việc chi trả cổ tức theo hình thức như thế nào sẽ tùy thuộc vào quyết định của Đại hội cổ đông hoặc của Hội đồng quản trị công ty trên cơ sở xem xét của Đại hội cổ đông.

ở Việt Nam, theo mục 1, điều 67, Luật Doanh nghiệp về chi trả cổ tức, công ty cổ phần chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo qui định của pháp luật. Việc chi trả cổ tức do quyết định của Đại hội cổ đông công ty. Thông thường một công ty làm ăn có lãi sẽ chi trả cổ tức cho cổ đông dưới dạng tiền mặt. Khoản tiền này được trích từ lợi nhuận của doanh nghiệp sau khi đã trích lập các quỹ theo qui định của pháp luật doanh nghiệp, theo điều lệ của công ty và giữ lại một phần nhằm tái đầu tư phát triển sản xuất. Cũng theo Luật Doanh nghiệp, Cổ tức được định nghĩa là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận của công ty để trả cho mỗi cổ phần. Như vậy trong các văn bản pháp luật hiện hành của chúng ta chưa hề có qui định nào nói về việc chi trả cổ tức cho cổ đông bằng cổ phiếu.

Tuy nhiên tại các thị trường chứng khoán trên thế giới, có rất nhiều trường hợp các công ty không chi trả cổ tức dưới dạng tiền mặt. Thay vào đó, tùy thuộc vào tình hình công ty và quyết định của Đại hội cổ đông, các công ty sẽ chi trả cổ tức dưới dạng cổ phiếu. Khi đó, các vấn đề sau sẽ được lưu tâm:

a. Nguồn cổ phiếu dùng chi trả cổ tức.

- Phát hành mới.

Việc phát hành mới cổ phiếu phục vụ chi trả cổ tức như đã nói trên trong phần phát hành tăng vốn. Tuy nhiên việc phát hành mới này không làm tăng vốn cổ đông do một mặt lượng cổ phiếu mới tăng lên làm cho lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên và vốn cổ phần theo đó tăng lên nhưng thực chất nó được chuyển đổi từ lợi nhuận, thặng dư vốn của công ty được giữ lại thay vì đem chi trả cho cổ đông dưới dạng tiền mặt.

- Cổ phiếu Ngân quỹ.

Cổ phiếu Ngân quỹ là cổ phiếu mà công ty đã mua lại trên thị trường. Có nhiều lý do để công ty mua lại cổ phiếu do chính công ty phát hành trên thị trường, nhưng mục tiêu chủ yếu là tăng lợi nhuận chi trả cho cổ đông do số cổ phiếu mua lại này không có quyền nhận cổ tức, ngăn ngừa việc thôn tóm công ty, tăng lợi nhuận từ chính việc mua bán lại này, phục vụ cho việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu..

ở Việt Nam, theo qui định trong Điều 65 về mua lại cổ phần theo quyết định của công ty của Luật Doanh nghiệp, Điều 54 Qui chế Thành viên, Niêm yết, Công bố Thông tin và

Giao dịch Chứng khoán, tổ chức niêm yết có quyền và chỉ được phép mua lại không quá 30% tổng số cổ phiếu phổ thông, một phần hoặc toàn bộ cổ phiếu khác đã phát hành và phải nộp đơn xin phép theo qui định của TTGDCK. Do đó nếu được phép thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, lượng cổ phiếu để chi trả cổ tức cũng sẽ nằm trong giới hạn trên đây.

b. Tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu.

Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu là tỷ lệ cổ tức bằng cổ phiếu nhận được trên số lượng cổ phiếu đang nắm giữ.

Ví dụ: Nếu tỷ lệ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu là 10%, như vậy nếu 1 cổ đông nắm giữ 100 cổ phiếu sẽ được chi trả cổ tức tương ứng với 10 cổ phiếu.

c. Loại cổ phiếu và số lượng.

- Loại cổ phiếu: Loại cổ phiếu được chi trả cổ tức có thể bao gồm các loại như: cổ phiếu thường; cổ phiếu ưu đãi.

- Số lượng: Tổng số lượng cổ phiếu dùng để chi trả cổ tức cho cổ đông do Đại hội cổ đông công ty công quyết định căn cứ trên thực tế lợi nhuận của công ty và việc cân đối các khoản tiền cũng như nhu cầu về tiền mặt của công ty.

d. Phương pháp chi trả cổ tức bằng cổ phiếu.

- Ngày ghi tên vào danh sách cổ đông.

Người đang nắm giữ cổ phiếu muốn nhận được cổ tức phải có tên trong danh sách cổ đông vào ngày cuối cùng của năm tài chính. Do đó, tổ chức niêm yết thường sẽ phải công bố thông tin việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu trước ngày kết thúc năm tài chính một khoảng thời gian nhất định. Điều này cho phép người đầu tư có thể lựa chọn xem mình có nên tiếp tục nắm giữ hay bán cổ phiếu.

- Phương án chi trả đối với các cổ đông nắm giữ số lẻ cổ phiếu.

Nếu số cổ tức chi trả bằng cổ phiếu là một số lẻ, cổ đông sẽ nhận được số cổ phiếu chẵn, phần lẻ còn lại sẽ được qui đổi thành tiền mặt và thanh toán cho cổ đông.

Ví dụ: Một cổ đông sở hữu 70 cổ phiếu, tỷ lệ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu là 5%. Như vậy, số lượng cổ phiếu nhận được sẽ là 3,5 cổ phiếu. Tổ chức niêm yết sẽ gom tất cả những phần cổ phiếu lẻ và bán ra thị trường sau đó thanh toán bằng tiền cho cổ đông. Như vậy vẫn đảm bảo được số lượng phát hành mà thỏa mãn nhu cầu của nhà đầu tư. Đối với trường hợp trên đây, cổ đông nắm giữ 70 cổ phiếu sẽ nhận được 3 cổ phiếu và phần tiền qui đổi từ 0,5 cổ phiếu lẻ.

- Các thay đổi sẽ xảy ra đối với cổ phiếu đang lưu hành.

Trong khoảng thời gian nhất định như đã nói trên đây trước khi kết thúc năm tài chính, tổng số cổ phiếu của tổ chức niêm yết có thể tăng lên do một số các trường hợp đặc biệt như : cổ đông thực hiện các quyền kèm theo cổ phiếu hoặc trái phiếu chuyển đổi. Điều này dẫn đến thay đổi tỷ lệ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu. Do đó, tổ chức niêm yết sẽ phải công bố rõ ràng về các khả năng xảy ra thay đổi này.

e. Ngày thông qua nghị quyết của Ban giám đốc về việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu.

Thông thường, tỷ lệ chi trả cổ tức có thể thay đổi, vấn đề này quyết định ra sao tùy thuộc vào Đại hội cổ đông. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và các vấn đề liên quan ra công chúng trước khi thực hiện chi trả một khoảng thời gian nhất định.

Đối với thị trường chứng khoán Việt Nam, việc xem xét và định hướng trước về chi trả cổ tức dưới hình thức cổ phiếu đang được xem xét. Để có thể thực hiện được nhiệm vụ đó, cần giải quyết các vấn đề sau đây:

1. Xem xét bổ sung các qui định về vấn đề này đối với các văn bản pháp luật liên quan, trong đó quan trọng nhất là Luật Doanh nghiệp, Nghị định 48 của CP, các qui định, qui chế liên quan của UBCKNN về việc phát hành tăng vốn đối với việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, các qui định về điều lệ Doanh nghiệp.

2. Khẩn trương xây dựng và nghiên cứu các qui trình hướng dẫn thủ tục liên quan đến việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các tổ chức niêm yết, trong đó lưu ý tới các vấn đề như sau:

- Ngoại trừ việc tuân thủ các qui định trong điều lệ công ty, Ban giám đốc công ty xem xét các vấn đề liên quan tới việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu như: nguồn chi trả, tỷ lệ chi trả, ngày đăng ký cuối cùng, ngày chi trả, biện pháp giải quyết đối với các phần lẻ của cổ phiếu..

- Hướng dẫn công bố thông tin và gửi thông báo cần thiết tới Sở giao dịch cũng như UBCK.

- Hướng dẫn nộp hồ sơ xin phép phát hành bổ sung tăng vốn trong đó ghi rõ mục tiêu nhằm chi trả cổ tức bằng cổ phiếu theo các qui định mới.

- Các qui trình kết hợp với Sở giao dịch, UBCK trong việc thực hiện đóng sổ cổ đông, xác định chủ sở hữu thực sự được phép chi trả cổ tức, thông báo cho cổ đông, những người sẽ nhận được cổ tức bằng cổ phiếu.

- Đăng ký thay đổi vốn với cơ quan có thẩm quyền.

- Hướng dẫn Chuẩn bị và trình các tài liệu, đơn liên quan đến niêm yết bổ sung.

Trong trường hợp các thủ tục trên đã tiến hành xong, Sở giao dịch cần có lộ trình cụ thể căn cứ trên thông báo của tổ chức niêm yết, các giấy phép đã cấp để thông báo về ngày giao dịch không cổ tức, tiến hành tính toán chỉ số chứng khoán trên cơ sở thay đổi về số lượng cổ phiếu bổ sung niêm yết của công ty.

Tìm hiểu kinh nghiệm quốc tế về phát hành tăng vốn và chi trả cổ tức bằng cổ phiếu - phần 2

B. Trả cổ tức bằng cổ phiếu

Tại các Sở giao dịch chứng khoán của các nước có nền kinh tế phát triển, việc áp dụng hình thức chi trả cổ tức bằng cổ phiếu đã diễn ra rất lâu. Ngoài việc tuân thủ các qui định của Luật áp dụng đối với các công ty cổ phần, các qui định và hướng dẫn của Sở giao dịch, UBCK các nước, việc chi trả cổ tức theo hình thức như thế nào sẽ tùy thuộc vào quyết định của Đại hội cổ đông hoặc của Hội đồng quản trị công ty trên cơ sở xem xét của Đại hội cổ đông.

ở Việt Nam, theo mục 1, điều 67, Luật Doanh nghiệp về chi trả cổ tức, công ty cổ phần chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo qui định của pháp luật. Việc chi trả cổ tức do quyết định của Đại hội cổ đông công ty. Thông thường một công ty làm ăn có lãi sẽ chi trả cổ tức cho cổ đông dưới dạng tiền mặt. Khoản tiền này được trích từ lợi nhuận của doanh nghiệp sau khi đã trích lập các quỹ theo qui định của pháp luật doanh nghiệp, theo điều lệ của công ty và giữ lại một phần nhằm tái đầu tư phát triển sản xuất. Cũng theo Luật Doanh nghiệp, Cổ tức được định nghĩa là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận của công ty để trả cho mỗi cổ phần. Như vậy trong các văn bản pháp luật hiện hành của chúng ta chưa hề có qui định nào nói về việc chi trả cổ tức cho cổ đông bằng cổ phiếu.

Tuy nhiên tại các thị trường chứng khoán trên thế giới, có rất nhiều trường hợp các công ty không chi trả cổ tức dưới dạng tiền mặt. Thay vào đó, tùy thuộc vào tình hình công ty và quyết định của Đại hội cổ đông, các công ty sẽ chi trả cổ tức dưới dạng cổ phiếu. Khi đó, các vấn đề sau sẽ được lưu tâm:

a. Nguồn cổ phiếu dùng chi trả cổ tức.

- Phát hành mới.

Việc phát hành mới cổ phiếu phục vụ chi trả cổ tức như đã nói trên trong phần phát hành tăng vốn. Tuy nhiên việc phát hành mới này không làm tăng vốn cổ đông do một mặt lượng cổ phiếu mới tăng lên làm cho lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên và vốn cổ phần theo đó tăng lên nhưng thực chất nó được chuyển đổi từ lợi nhuận, thặng dư vốn của công ty được giữ lại thay vì đem chi trả cho cổ đông dưới dạng tiền mặt.

- Cổ phiếu Ngân quỹ.

Cổ phiếu Ngân quỹ là cổ phiếu mà công ty đã mua lại trên thị trường. Có nhiều lý do để công ty mua lại cổ phiếu do chính công ty phát hành trên thị trường, nhưng mục tiêu chủ yếu là tăng lợi nhuận chi trả cho cổ đông do số cổ phiếu mua lại này không có quyền nhận cổ tức, ngăn ngừa việc thu tóm công ty, tăng lợi nhuận từ chính việc mua bán lại này, phục vụ cho việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu..

ở Việt Nam, theo qui định trong Điều 65 về mua lại cổ phần theo quyết định của công ty của Luật Doanh nghiệp, Điều 54 Quy chế Thành viên, Niêm yết, Công bố Thông tin và Giao dịch Chứng khoán, tổ chức niêm yết có quyền và chỉ được phép mua lại không quá 30% tổng số cổ phiếu phổ thông, một phần hoặc toàn bộ cổ phiếu khác đã phát hành và phải nộp đơn xin phép theo qui định của TTGDCK. Do đó nếu được phép thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, lượng cổ phiếu để chi trả cổ tức cũng sẽ nằm trong giới hạn trên đây.

b. Tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu.

Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu là tỷ lệ cổ tức bằng cổ phiếu nhận được trên số lượng cổ phiếu đang nắm giữ.

Ví dụ: Nếu tỷ lệ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu là 10%, như vậy nếu 1 cổ đông nắm giữ 100 cổ phiếu sẽ được chi trả cổ tức tương ứng với 10 cổ phiếu.

c. Loại cổ phiếu và số lượng.

- Loại cổ phiếu: Loại cổ phiếu được chi trả cổ tức có thể bao gồm các loại như: cổ phiếu thường; cổ phiếu ưu đãi.

- Số lượng: Tổng số lượng cổ phiếu dùng để chi trả cổ tức cho cổ đông do Đại hội cổ đông công ty công quyết định căn cứ trên thực tế lợi nhuận của công ty và việc cân đối các khoản tiền cũng như nhu cầu về tiền mặt của công ty.

d. Phương pháp chi trả cổ tức bằng cổ phiếu.

- Ngày ghi tên vào danh sách cổ đông.

Người đang nắm giữ cổ phiếu muốn nhận được cổ tức phải có tên trong danh sách cổ đông vào ngày cuối cùng của năm tài chính. Do đó, tổ chức niêm yết thường sẽ phải công bố thông tin việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu trước ngày kết thúc năm tài chính một khoảng thời gian nhất định. Điều này cho phép người đầu tư có thể lựa chọn xem mình có nên tiếp tục nắm giữ hay bán cổ phiếu.

- Phương án chi trả đối với các cổ đông nắm giữ số lẻ cổ phiếu.

Nếu số cổ tức chi trả bằng cổ phiếu là một số lẻ, cổ đông sẽ nhận được số cổ phiếu chẵn, phần lẻ còn lại sẽ được qui đổi thành tiền mặt và thanh toán cho cổ đông.

Ví dụ: Một cổ đông sở hữu 70 cổ phiếu, tỷ lệ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu là 5%. Như vậy, số lượng cổ phiếu nhận được sẽ là 3,5 cổ phiếu. Tổ chức niêm yết sẽ gom tất cả những phần cổ phiếu lẻ và bán ra thị trường sau đó thanh toán bằng tiền cho cổ đông. Như vậy vẫn đảm bảo được số lượng phát hành mà thỏa mãn nhu cầu của nhà đầu tư. Đối với trường hợp trên đây, cổ đông nắm giữ 70 cổ phiếu sẽ nhận được 3 cổ phiếu và phần tiền qui đổi từ 0,5 cổ phiếu lẻ.

- Các thay đổi sẽ xảy ra đối với cổ phiếu đang lưu hành.

Trong khoảng thời gian nhất định như đã nói trên đây trước khi kết thúc năm tài chính, tổng số cổ phiếu của tổ chức niêm yết có thể tăng lên do một số các trường hợp đặc biệt như : cổ đông thực hiện các quyền kèm theo cổ phiếu hoặc trái phiếu chuyển đổi. Điều này dẫn đến thay đổi tỷ lệ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu. Do đó, tổ chức niêm yết sẽ phải công bố rõ ràng về các khả năng xảy ra thay đổi này.

e. Ngày thông qua nghị quyết của Ban giám đốc về việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu.

Thông thường, tỷ lệ chi trả cổ tức có thể thay đổi, vấn đề này quyết định ra sao tùy thuộc vào Đại hội cổ đông. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và các vấn đề liên quan ra công chúng trước khi thực hiện chi trả một khoảng thời gian nhất định.

Đối với thị trường chứng khoán Việt Nam, việc xem xét và định hướng trước về chi trả cổ tức dưới hình thức cổ phiếu đang được xem xét. Để có thể thực hiện được nhiệm vụ đó, cần giải quyết các vấn đề sau đây:

1. Xem xét bổ sung các qui định về vấn đề này đối với các văn bản pháp luật liên quan, trong đó quan trọng nhất là Luật Doanh nghiệp, Nghị định 48 của CP, các qui định, qui chế liên quan của UBCKNN về việc phát hành tăng vốn đối với việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, các qui định về điều lệ Doanh nghiệp.

2. Khẩn trương xây dựng và nghiên cứu các qui trình hướng dẫn thủ tục liên quan đến việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các tổ chức niêm yết, trong đó lưu ý tới các vấn đề như sau:

- Ngoại trừ việc tuân thủ các qui định trong điều lệ công ty, Ban giám đốc công ty xem xét các vấn đề liên quan tới việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu như: nguồn chi trả, tỷ lệ chi trả, ngày đăng ký cuối cùng, ngày chi trả, biện pháp giải quyết đối với các phần lẻ của cổ phiếu..

- Hướng dẫn công bố thông tin và gửi thông báo cần thiết tới Sở giao dịch cũng như UBCK.

- Hướng dẫn nộp hồ sơ xin phép phát hành bổ sung tăng vốn trong đó ghi rõ mục tiêu nhằm chi trả cổ tức bằng cổ phiếu theo các qui định mới.

- Các qui trình kết hợp với Sở giao dịch, UBCK trong việc thực hiện đóng sổ cổ đông, xác định chủ sở hữu thực sự được phép chi trả cổ tức, thông báo cho cổ đông, những người sẽ nhận được cổ tức bằng cổ phiếu.
- Đăng ký thay đổi vốn với cơ quan có thẩm quyền.
- Hướng dẫn Chuẩn bị và trình các tài liệu, đơn liên quan đến niêm yết bổ sung.

Trong trường hợp các thủ tục trên đã tiến hành xong, Sở giao dịch cần có lộ trình cụ thể căn cứ trên thông báo của tổ chức niêm yết, các giấy phép đã cấp để thông báo về ngày giao dịch không cổ tức, tiến hành tính toán chỉ số chứng khoán trên cơ sở thay đổi về số lượng cổ phiếu bổ sung niêm yết của công ty.

Sử dụng biểu đồ để dự báo giá cổ phiếu

Các nhà kinh tế đã từng bác bỏ việc sử dụng các mô hình phân tích những dữ liệu trong quá khứ để dự đoán giá cổ phiếu trong tương lai. Tuy nhiên, thực tế đã chứng minh, các biểu đồ giá cổ phiếu mà các nhà phân tích kỹ thuật thường áp dụng để dự đoán giá cổ phiếu có thể mang lại nhiều thông tin giá trị.

Nhà phân tích kỹ thuật trên thị trường chứng khoán là những người có thể dự đoán giá cổ phiếu trong tương lai bằng việc phát hiện ra xu hướng giá trong quá khứ. Các biểu đồ thị trường của họ biểu diễn các mô hình có tên gọi rất sống động, như mô hình đỉnh đầu vai với một đỉnh lớn cùng hai đỉnh nhỏ thấp hơn ở hai bên, hay mô hình đáy lớn với một loạt các đáy, mỗi đáy sau lại thấp hơn đáy liền trước... Những thông tin giao dịch tuy rất đơn giản từ các biểu đồ này nhưng lại là lộc trời cho đối với những người biết đọc nó.

Từ một thế kỷ trước đây, Charles Dow - nhà sáng lập ra chỉ số Dow Jones hiện nay đã phát minh ra lý thuyết Dow để dự đoán xu hướng giá cổ phiếu. Các biểu đồ được một số nhà đầu tư nổi tiếng thế giới sử dụng như Stanley Druckenmiller - người đang quản lý Quỹ phòng ngừa rủi ro Quantum của George Soros và Jeffrey Vinik - người đã từng quản lý Quỹ tương hỗ Magellan. Các nhà kinh tế nghiên cứu thị trường tài chính vẫn xem phân tích kỹ thuật như một phép thần chú và có nhiều mối quan hệ đối với phân tích cơ bản mang tính kinh tế chính xác như chiêm tinh với thiên văn học.

Những nhà kinh tế phân bác phân tích kỹ thuật cho rằng, trong một thị trường hiệu quả, giá cả phản ánh tất cả các thông tin hiện tại và việc nghiên cứu các mô hình giá trong quá khứ sẽ không mang lại một thông tin bổ ích nào như liệu giá cổ phiếu trong tương lai sẽ tăng hay giảm. Cụ thể, giá cả sẽ chuyển động mà không thể dự đoán được hay thay đổi một cách ngẫu nhiên. Trong thập kỷ vừa qua, một số nhà kinh tế đã kiểm nghiệm lý thuyết thị trường hiệu quả bằng cách tìm ra một số các ví dụ minh họa những chuyển động trong giá cổ phiếu có thể dự đoán được dễ dàng.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều tranh cãi về việc liệu những chuyển động này có đủ khả năng dự đoán cho các nhà đầu tư thu lợi trên cơ sở những thay đổi giá mong đợi? Câu hỏi này được đề cập một cách chi tiết trong cuốn "Thị trường chứng khoán không chuyển động một cách ngẫu nhiên" (nhà xuất bản đại học Princeton, 1999) của Craig MacKinlay thuộc Trường Wharton School và Andrew Lo thuộc Học viện công nghệ Massachusetts.

Ông Andrew Lo và hai đồng tác giả đã đưa ra những luận chứng bảo vệ mô hình phân tích kỹ thuật. Bằng việc sử dụng giá cổ phiếu của Mỹ trong các năm từ 1962 đến 1996, họ kiểm tra khả năng dự báo của 5 cặp mô hình phân tích kỹ thuật đang được sử dụng rộng rãi: đỉnh đầu và vai, đỉnh đầu và vai lộn ngược, đỉnh và đáy rộng, ba đỉnh và đáy, hai đỉnh và đáy. Kết quả cho thấy, các mô hình phân tích kỹ thuật hầu như xảy ra thường xuyên hơn nếu chúng thực sự là các sự kiện ngẫu nhiên.

Nhìn chung, các biểu đồ chứa đựng các thông tin bổ ích về giá cổ phiếu trong tương lai. Tuy nhiên, có một sự khác nhau rất lớn giữa các kết quả tại các thị trường khác nhau. Với những cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán New York (NYSE) và Sở giao dịch chứng khoán Mỹ (AMEX), chỉ có 7 trong số 10 mô hình phân tích kỹ thuật có đủ khả năng dự báo để thống kê. Đối với cổ phiếu trên thị trường Nasdaq thì cả 10 mô hình đều có ý nghĩa quan trọng về mặt thống kê.

Nghiên cứu không đi sâu vào tìm hiểu điều gì tạo ra các mô hình nhưng có một khả năng là các mô hình phản ánh những thay đổi trong tâm lý nhà đầu tư. Sự ham thích rủi ro của nhà đầu tư có thể thay đổi theo cách có thể dự báo tương ứng với những thay đổi cụ thể trong mức giá. Nhưng hiện vẫn chưa rõ ràng, liệu khả năng dự đoán của các mô hình phân tích kỹ thuật sẽ bị mất đi hay không nếu các nhà đầu tư quá tận dụng chúng để thực hiện giao dịch.

Do các nhà đầu tư đã sử dụng biểu đồ trong dự đoán giá cổ phiếu khoảng 100 năm nay và chúng vẫn chứng tỏ được tính hữu dụng của mình, nên khả năng dự đoán của các mô hình sẽ vẫn còn mãi. Các mô hình truyền thống được sử dụng trong phân tích kỹ thuật vẫn còn khá sơ sài và được xác định bởi những cái có thể nhìn thấy. Vì thế, phân tích kỹ thuật vẫn thường được coi là một nghệ thuật hơn là một môn khoa học.

Thông tin về ngành KD của Công ty

Nhân tố quan trọng quyết định thành công của việc đầu tư vào công ty phát hành là thông qua việc tìm hiểu công ty thực hiện những hoạt động kinh doanh nào và các đối thủ cạnh tranh của công ty là ai. Bạn cũng có thể nêu ra câu hỏi liệu công ty phát hành có đăng ký bằng sáng chế cho sản phẩm của mình không, vì điều này sẽ giúp công ty có lợi thế hơn các đối thủ cạnh tranh của mình. Công ty phát hành có sử dụng công nghệ cao không? Công ty có khả năng điều tiết giá cả không? Hay đây cũng chỉ là một công ty nữa trong một lĩnh vực kinh doanh vốn đã rất tràn ngập?

Những vấn đề này cùng những vấn đề liên quan khác sẽ được giải đáp trong phần Thông tin về ngành kinh doanh. Tuy nhiên bạn hãy chuẩn bị tinh thần phải đọc rất nhiều đấy. Những người chuẩn bị Bản cáo bạch có thể đặt ra giả thiết người đọc là những người lần đầu tiên tìm hiểu về công ty và do đó họ đưa ra các yếu tố về lịch sử, cơ cấu và các hoạt động của công ty nhằm tạo nên một bức tranh toàn cảnh về công ty. Thông tin đưa ra thường bao gồm:

- Tình hình các ngành kinh doanh chính mà công ty phát hành tham gia;
- Triển vọng của các ngành liên quan có ảnh hưởng tới hoạt động ngành kinh doanh chính của công ty phát hành;
- Loại sản phẩm / dịch vụ kinh doanh chính của công ty;
- Khách hàng và nhà cung cấp của công ty phát hành;
- Công nghệ, phương thức sản xuất và kênh phân phối sử dụng;
- Các nhân tố thương mại như hệ thống bán lẻ, đại lý, hệ thống phân phối, nhãn hiệu sản phẩm, giấy phép kinh doanh, bằng sáng chế và khả năng nghiên cứu và phát triển.

Đối với các công ty đăng ký niêm yết được hưởng chính sách ưu đãi thì phần thông tin về ngành kinh doanh này trong Bản cáo bạch cũng cần phải công bố chi tiết các vấn đề về công nghệ của những công ty này.

Phân tích kỹ thuật: Hỗ trợ và kháng cự, Đường xu thế

a. Khái niệm hỗ trợ và kháng cự

Hỗ trợ và kháng cự là một tiếp cận khác hoàn toàn với tiếp cận định dạng trình bày trước đây về hành vi của thị trường. Nó cho phép đưa ra quy tắc lựa chọn cổ phiếu để mua hoặc bán, trong việc đánh giá diễn biến giá cả của cổ phiếu và xác định vùng có vấn đề. Một số nhà phân tích đã xây dựng cho mình một hệ thống riêng chỉ dựa vào khái niệm hỗ trợ và kháng cự và không cần đề ý đến các định dạng giá cả và khối lượng nêu ở trên.

Hỗ trợ được hiểu như sau: ví dụ, một đám đông hỗ trợ cổ phiếu A tại giá 60, tức là sẵn sàng mua tất cả các cổ phiếu A với giá thấp hơn 5 điểm so với 60. Hỗ trợ là việc mua một khối lượng cổ phiếu đủ lớn để ngăn chặn xu hướng giảm giá trong một giai đoạn nào đó. Kháng cự được hiểu là ngược lại với hỗ trợ: bán cổ phiếu với khối lượng đủ lớn để đáp ứng tất cả các khoản chào mua, và do đó ngăn chặn không cho giá tăng lên. Như vậy, hỗ trợ và kháng cự gần như được hiểu là cầu và cung tương ứng.

Mức hỗ trợ là mức giá tại đó có đủ một khối lượng cầu mua cổ phiếu để ngăn chặn xu hướng giảm giá, hoặc có thể tăng giá. Mức kháng cự là mức giá tại đó có đủ chứng khoán cung ra để ngăn chặn xu hướng tăng giá. Vậy vùng hỗ trợ thể hiện sự tập trung của cầu và vùng kháng cự thể hiện sự tập trung của cung. Ví dụ, đường biên phía trên của hình thang là mức kháng cự, còn đường biên phía dưới là mức hỗ trợ. Đường biên phía trên của tam giác đi lên là mức kháng cự.

Cơ sở của dự đoán từ lý thuyết hỗ trợ và kháng cự là khối lượng giao dịch của một loại cổ phiếu có xu hướng tập trung lớn tại một số mức giá, tại đó có nhiều cổ phiếu được trao tay nhau. Vì bất kỳ mức giá nào mà tại đó có khối lượng lớn giao dịch xảy ra thường là điểm đảo chiều của xu thế cấp một, cấp hai, cấp ba, vì vậy đảo chiều tại các mức giá đó luôn luôn có thể xảy ra. Tuy vậy, cần chú ý rằng các mức giá này thường xuyên thay đổi vai trò từ hỗ trợ sang kháng cự và ngược lại.

Một đỉnh, khi giá cổ phiếu đã vượt qua, có thể trở thành vùng đáy của xu thế đi xuống ở giai đoạn sau này, và một đáy cũ, một khi giá đã tụt qua nó, có thể trở thành vùng đáy của giai đoạn tăng giá sau này.

b. Ví dụ giải thích

Giả sử giá tăng, đạt 65, 68, 70. Chủ sở hữu cổ phiếu cho rằng họ đã nhận định đúng, vì vậy họ vẫn chờ đợi. Nhưng sau đó giai đoạn giá tăng chấm dứt và giá bắt đầu tụt xuống 67, 65, 62, 60. Chủ sở hữu sẽ lo lắng nhưng họ vẫn tin sẽ có cơ hội thu lãi. Tại 60 giá bắt đầu chững lại một thời gian, sau đó giá giảm đột ngột. Người ta vẫn hy vọng việc giảm đột ngột này chỉ là sự điều chỉnh, nhưng hy vọng sẽ tiêu tan khi xu thế đi xuống vẫn tiếp tục. Các chủ sở hữu cổ phiếu bắt đầu lo thực sự:

có cái gì đó sai trái ở đây? Khi giá tụt đến 55 thì không còn hy vọng thu lợi nhuận. Họ lập luận rằng phải kiên nhẫn chờ để giá quay trở lại 60 và tại đó họ sẽ rút lui khỏi thị trường.

Bây giờ ta xét trường hợp xu thế đi lên. Giá cổ phiếu đạt 12, sau đó tăng đến 24 và do đó người sở hữu cổ phiếu bán ra để thu lợi nhuận. Cổ phiếu phản ứng, tụt xuống 21 và người đầu tư thấy mình đã gặp may. Nhưng sau đó giá lại vượt lên 30. Người chủ sở hữu cổ phiếu trước đây cảm thấy bị hớ, do đó họ lại muốn mua lại cổ phiếu, nhưng họ sẽ không mua với giá cao hơn 24. Đó là diễn biến chung của tâm lý thị trường.

Như vậy chúng ta đã giải thích nguyên lý cơ bản của mức hỗ trợ và kháng cự. Cần chú ý rằng sự cân bằng cung và cầu trên thị trường là vấn đề tế nhị. Chỉ cần có một mức cung dư thừa nhỏ là có thể kiềm chế sự tăng giá, và chỉ cần một mức cầu dư thừa là có thể kìm hãm sự giảm giá. Tất cả các nhà giao dịch đều theo dõi sát sao thị trường và có thể nhận ra ngay một sự thay đổi của tình hình, và họ sẵn sàng tham gia vào cuộc chơi khi sự thay đổi của xu thế xuất hiện. Vì vậy chỉ cần thêm một ít các lệnh mua hoặc lệnh bán cổ phiếu là có thể kéo theo sự chuyển giao hàng nghìn cổ phiếu.

Các nhà giao dịch và các nhà đầu tư khi họ tạo nên mức hỗ trợ hoặc kháng cự đều là những người có kinh nghiệm và thông thái trong việc tham gia vào hoạt động thị trường.

Ví dụ, như trên đã nêu ra, những người mua tại giá 60 chắc chắn là thông minh hơn những người mua tại đỉnh 70 hoặc tại các điểm trong giai đoạn giảm giá xuống 60. Như vậy có thể nói rằng họ đánh giá tình hình sau này một cách thận trọng và khôn ngoan hơn những người bảo thủ quyết định ra khỏi cuộc chơi bằng cách bán ra khi thị trường đang hồi phục. Tức là khi thị trường chuyển sang xu thế giảm và họ đã mua cổ phiếu với giá cao thì nay họ chờ đợi cơ hội để bán ra với giá thấp hơn là mức kháng cự. Những người thông minh sẵn sàng chịu hy sinh vài điểm để tránh rơi vào tình thế thua lỗ quá lớn.

Cũng vậy, tại thị trường con bò tốt nhà đầu tư sẵn sàng trả thêm hai ba điểm để thay thế các cổ phiếu bán ra trước đây. Như vậy có một đặc trưng phản ứng đối với thị trường con bò tốt là giá chỉ giảm đến một mức giới hạn của hỗ trợ - và đối với thị trường con gấu thì đợt tăng giá chỉ đạt mức thấp nhất của vùng kháng cự.

c. Đánh giá cường độ của hỗ trợ - kháng cự

Nguyên lý đầu tiên là kháng cự trong giai đoạn tăng giá phải được đáp ứng tại mọi mức giá bởi số lượng cổ phiếu tồn đọng lần trước đó - số cổ phiếu mua trước đó tại mức giá này và người sở hữu chúng muốn bán hết ra để tránh bị lỗ. Vì vậy, khối lượng cổ phiếu là tiêu chuẩn đầu tiên để đánh giá sức mạnh của vùng kháng cự.

Tại một đáy mà chỉ có 400-500 cổ phiếu trao tay không thể làm mức kháng cự đối với đợt tăng giá sau này, nhưng nếu tại đáy mà có không khí bán cổ phiếu mức hàng nghìn sẽ tạo ra mức cung tiềm năng sau này, sau khi giá giảm dưới đáy trước và sau đó giá lại tăng để hòng vượt qua đáy trước đây.

SHình bình hành hoặc tam giác đi xuống có một số đáy bằng nhau. Chúng ta có thể đánh giá sơ bộ về mức kháng cự này bằng cách cộng tất cả các giao dịch tại các đáy này. Nếu chỉ có một đáy với khối lượng giao dịch khá lớn thì đó có nhiều khả năng là mức kháng cự hơn là trường hợp có nhiều đáy với tổng khối lượng giao dịch bằng trường hợp trên.

Tiêu chuẩn thứ hai là mức độ giảm giá sau đó, tức là giá phải tăng trong một khoảng bao nhiêu để đạt mức đáy cũ, là mức ta dự kiến đánh giá kháng cự. Nếu khoảng cách càng lớn thì khả năng mức kháng cự càng nhiều. Ví dụ cổ phiếu bán ra trong giai đoạn giảm giá từ 30 xuống 20, sau đó ngấp ngừng tại 20 trong vài ngày, tăng lên 24 và sau đó giảm xuống 19. Người đầu tư đã mua cổ phiếu giá 20 sẽ không lo lắng về tình hình này. Nếu giá bắt đầu tăng từ 19 thì sẽ có một ít số người quan tâm đến việc bán ra tại 20. Nếu giá tụt xuống 18 sau đó tăng trở lại, thì có nhiều người hơn muốn bán ra cổ phiếu tại giá 20. Còn nếu là tăng từ giá 17 thì 20 sẽ là mức kháng cự.

Như vậy, không thể tìm được nhiều cổ phiếu bán ra cùng tại đáy ở trong khoảng 20 đến 35 nếu như không có mức giá thấp hơn 10% ở dưới khoảng trên. Quy tắc 10% không áp dụng đồng đều cho mọi cổ phiếu. Ví dụ, cổ phiếu có giá 3 đến 4 khác với loại cổ phiếu giá từ 20 đến 35.

Mặt khác, cần chú ý đến mức độ giảm giá. Nếu giá từ 20 đến 24 giảm xuống 12 thì không những các nhà đầu tư đã mua vào với giá 20 sẵn sàng bán ra với mức giá đó, mà các nhà

đầu tư đã mua với giá 12 cũng sẵn sàng bán ra với giá 20. Nhưng nhà đầu tư nếu mua cổ phiếu tại giá 18 thì không sẵn sàng bán ra với giá 20.

Tiêu chuẩn thứ ba đánh giá cường độ của kháng cự tại một đáy trước đây là khoảng thời gian dài hay ngắn tính từ lúc xuất hiện đáy này trở đi và bản chất của diễn biến thị trường sau đó. Ví dụ đáy của xu thế cấp hai hình thành trong giai đoạn đầu của thị trường con bò tốt sẽ có mức độ kháng cự thấp nếu sau đó giá giảm trong một thời gian dài một năm để sau đó dần dần tăng lên sau bốn năm. Việc bán ra cổ phiếu sau một hai năm sẽ có nhiều khả năng hơn là việc bán ra cổ phiếu sau bốn năm.

Nếu vùng kháng cự đã bị tấn công một lần và sau đó giá lại giảm thì cường độ kháng cự sau này sẽ yếu đi. Vì một số cổ phiếu tồn đọng trước đã bán ra, do đó đợt tấn công thứ hai sẽ có ít cổ phiếu trong tay có thể tung ra để kháng cự lại xu thế tăng giá.

Như vậy, chúng ta đã ra ba tiêu chuẩn về cường độ kháng cự: khối lượng, khoảng cách và thời gian. Tuy vậy, sự suy đoán của bản thân người đầu tư là nhân tố đặc biệt quan trọng.

d. Đánh giá mức giá cụ thể

Trong thực tế mua bán chứng khoán, việc xác định chính xác vùng hỗ trợ và kháng cự không phải dễ dàng. Vấn đề là xét loại đồ thị có ích nhất trong việc xác định mức hỗ trợ hoặc kháng cự. Đối với các diễn biến cấp ba thì đồ thị theo ngày là nguồn thông tin duy nhất, và đồ thị theo ngày kéo dài trong một năm sẽ có ích cho việc xác định mức hỗ trợ và kháng cự của xu thế cấp hai. Tuy vậy, đồ thị theo ngày không cho một bức tranh toàn cảnh về triển vọng dài hạn để xác định mức hỗ trợ và kháng cự của xu thế cấp một và hai. Đồ thị theo tuần, gồm mức giá và khối lượng giao dịch, kéo dài trong cả một thời kỳ của thị trường con bò tốt và thị trường con gấu là hữu ích đối với việc xác định mức hỗ trợ và kháng cự.

Nếu nói về xu thế chung, thì chúng là một cách biểu diễn lý tưởng của tất cả diễn biến thực tế cụ thể. Nếu nó là xu thế đi lên thì nó bao gồm các đợt lên xuống mà mỗi đợt mức lên lại cao hơn mức đi xuống trước đó. Ví dụ tăng đến 10, giảm xuống 6, tăng lên 15, giảm xuống 10, tăng lên 20. Vì vậy, việc xác định mức hỗ trợ và kháng cự phải qua kinh nghiệm phân tích các đồ thị cụ thể.

e. Sự diễn biến của một xu thế

Giả sử cổ phiếu đang ở xu thế thị trường con bò tốt, tăng từ 12 lên 24, và tại đó khối lượng bán ra khá lớn. Kết quả là xuất hiện phản ứng: có sự điều chỉnh xu thế cấp hai từ 24 xuống 18, hoặc một dãy các dao động nhỏ hình thành nên trạng thái điều chỉnh, từ 24 xuống 21. Tiếp theo sự điều chỉnh là một giai đoạn tăng giá xuất hiện, đạt tới 30 trước khi vấp phải khối lượng cung cổ phiếu tập trung. Vậy xuất hiện một đợt phản ứng mới, hoặc là điều chỉnh cấp ba hoặc cấp hai. Nếu vậy thì sau đó mức hỗ trợ ở đâu? Tất nhiên là tại 24, là mức của đỉnh lần đầu. Như vậy, trước đó đỉnh này làm chức năng kháng cự, và nay làm chức năng hỗ trợ.

Giả sử có xu thế cấp một giảm giá. Ví dụ đỉnh của xu thế cấp một giảm từ 70 xuống 50. Tại 50 xuất hiện không khí bán tạm thời cổ phiếu. Tại 50 có khối lượng lớn cổ phiếu được giao dịch, tiếp đó giá tăng đến 60. Tại 60 nhu cầu mua cổ phiếu chấm dứt, giá giảm và khối lượng giao dịch tăng tại 42. Một lần sóng mua xuất hiện, và sự hồi phục đợt hai xuất hiện, giá đạt mức 50. Mức giá, làm chức năng hỗ trợ ở giai đoạn một của xu thế cấp một giảm giá bây giờ chuyển sang làm vai trò kháng cự ở giai đoạn hồi phục thứ hai.

ĐƯỜNG XU THẾ

a. Đường xu thế

Trước đây đã đề cập nhiều đến xu thế. Để xem xét kỹ xu thế, vì vậy, cần tìm cách vẽ đường xu thế một cách có hiệu quả nhất. Có một nhận xét chung là hầu hết các xu thế cấp hai và cấp ba hầu như đi theo đường thẳng. Các đường thẳng trên đường xu thế giảm cấp một thường là đường nối các đáy của các xu thế cấp ba. Ngược lại, trên đường tăng xu thế cấp một đường thẳng nối các đỉnh của xu thế cấp ba là đường xu thế cấp một. Như vậy, đường thẳng đi lên nêu trên của xu thế cấp một nối với đường thẳng đi xuống của xu thế cấp một là đường cơ bản của xu thế. Có thể vẽ thêm đường kép xu thế cấp một bằng cách nối các đáy khác hoặc các đỉnh khác của xu thế cấp một. Giả sử xu thế cấp một đi lên có thể vẽ đường xu thế đi qua các đáy của xu thế. Đường thẳng đi qua các đỉnh của xu thế cấp ba lúc đó được gọi là đường thu hoạch return line. Vùng giữa đường thu hoạch và đường xu thế được gọi là vùng kênh channels.

b. Các đường xu thế cấp hai

Với xu thế chung tăng giá, chúng ta có các giai đoạn cấp hai tăng, tức là đường xu thế cấp hai nằm trên xu thế cấp một tăng giá trong thị trường con bò tốt. Xu thế cấp hai giảm giá nằm trong thị trường con gấu có khác với xu thế cấp hai trong thị trường con bò tốt.

Đường xu thế cấp hai giảm trong thị trường con gấu không có quy luật đều đặn như đối với trường hợp thị trường con bò tốt.

Góc độ dốc của đường xu thế cấp hai thường là lớn, đặc biệt trong thời kỳ hoảng loạn đặc trưng của giai đoạn hai của thị trường này. Mặt khác, giá có xu hướng tụt xa khỏi đường xu thế là đường thẳng đi qua hai đỉnh đầu tiên của thị trường con gấu. Giá cả có xu hướng giảm một thời gian, ngập ngừng một thời gian tại đáy, chuyển sang giai đoạn rẽ ngang, và xu thế sẽ không đảo chiều đi lên cho đến khi đi qua đường xu thế cấp một. Cũng vì vậy mà đường thu hoạch ít khi được sử dụng đến. Một đặc trưng nữa là ở giai đoạn cuối cùng của thị trường con gấu, giai đoạn xu thế cấp hai đi xuống lần cuối cùng để sau đó đảo chiều nói chung là tuân theo quy luật chung một cách rõ nét. Vì vậy, khi nhận biết xu thế cấp hai đi xuống theo một quy luật rõ nét thì đó là sự báo hiệu kết thúc của thị trường con gấu.

Sau khi thị trường con gấu đã đi được một quãng thời gian và trải qua giai đoạn bán tháo, thị trường đi vào giai đoạn ít hoạt động ít giao dịch nhưng có xu hướng giảm giá một cách có trật tự hơn. Nếu đường xu thế cấp hai này đã giảm giá nhưng không quá mức và tiếp

xúc nhiều lần với các đợt tăng giá của xu thế cấp ba thì giá sẽ không có khả năng giảm đột ngột nữa. Tiếp đó việc giá đi lên xuyên qua đường xu thế cấp một sẽ là tín hiệu đảo chiều để chuyển sang thị trường con bò tốt.

Tiếp cận thị trường OTC

Vì nhiều nguyên do khác nhau, từ điều kiện tiếp cận cho đến các cơ hội tiếp nhận thông tin, nên hiểu biết của chúng ta về TTCK còn thiếu một cái nhìn toàn cục và hệ thống. Thật ra, TTCK là chuyên ngành có quá trình hiện thực với một hoàn cảnh rộng và sâu. Việc hiểu rõ toàn cảnh giúp ta khái niệm vấn đề dễ dàng hơn. Từ đó, khi có cơ hội tìm hiểu chuyên sâu hoặc tiếp nhận thông tin mới, sự theo dõi, liên lạc sẽ được "bôi trơn" bằng độ nhạy cảm, nhất là về cơ chế vận hành.

Phần I. Bốn thị trường giao dịch chứng khoán

Khái niệm "thị trường" là để một không gian giao dịch hay một hệ thống giao dịch, theo đó nó làm "hạ tầng" cho việc mua bán CK diễn ra. Tuy vậy, việc mua bán trong TTCK chỉ là động tác thấy được kết thúc một hành vi. Tất cả giao dịch CK đều có sự tham gia của dân chúng, các công ty, tổ chức và Chính phủ, được diễn ra tại một trong bốn thị trường sau.

Thị trường sàn giao dịch

Thị trường sàn giao dịch (exchange market) là một thị trường được tổ chức tập trung, có địa điểm giao dịch cố định. CK được mua bán là loại đã được niêm yết tại sở giao dịch, việc mua bán được thực hiện theo phương thức đấu giá hai chiều (từ hai phía), giữa đại diện (môi giới) người mua và đại diện người bán. Cơ chế thị trường này được minh họa và chúng ta đã được biết đến khá nhiều khi tìm hiểu về các sở giao dịch, đặc biệt là NYSE (Sở giao dịch chứng khoán New York).

Thị trường phi tập trung

Thị trường phi tập trung (over-the-counter - OTC market) là thị trường được tổ chức không dựa vào một mặt bằng giao dịch cố định như thị trường sàn giao dịch, mà dựa vào một hệ thống vận hành theo cơ chế chào giá cạnh tranh và thương lượng, giữa các công ty CK với nhau, thông qua một sự trợ giúp quyết định nhiều đến hiệu quả hoạt động, đó là phương tiện thông tin. Tại Mỹ, thị trường OTC là định chế của một thị trường liên công ty CK (interdealer market), trong đó hệ thống máy tính và điện thoại kết nối khoảng 600 nhà kinh doanh CK toàn quốc với nhau, giúp họ dễ dàng làm ăn với nhau và cho khách hàng của họ (các nhà đầu tư). Có hơn 15.000 loại CK khác nhau được đăng ký giao dịch trên thị trường OTC của Hoa Kỳ. Trong khi đó cộng hết số lượng CK niêm yết tại 6 sở giao dịch của nước này thì cũng chỉ có trên dưới 4.500 loại CK.

Thị trường thứ ba

Thị trường thứ ba (third market - OTC-listed) là thị trường giao dịch các CK đã niêm yết tại sở giao dịch nhưng theo cơ chế OTC. Thị trường này được lập ra do yêu cầu của các nhà đầu tư là tổ chức cần mua bán với số lượng lớn, có thể gọi là "mua sỉ" CK niêm yết (exchange-listed), thông qua thương lượng. Các thương vụ được thu xếp bởi các công ty CK là nhà tạo giá của thị trường OTC, các công ty này phải đăng ký và được phép mua bán lô lớn CK niêm yết. Thông thường thì tất cả các CK niêm yết đều có thể được mua bán theo phương thức này, nhưng luôn luôn bị ràng buộc phải thông tin công khai trên hệ thống thông tin chính thức trong thời gian rất ngắn, ở Mỹ là trong vòng 90 giây sau khi thực hiện.

Thị trường thứ tư

Để tạo thuận lợi cho các tổ chức tài chính chuyên nghiệp có điều kiện trực tiếp mua bán CK cho tổ chức của mình, các thị trường lớn có lập ra một mạng giao dịch nội bộ gọi là "instinet" phục vụ cho việc giao dịch các khối lượng lớn CK giữa họ với nhau. Cả loại CK niêm yết trên sàn hoặc loại mua bán OTC đều có thể đem ra giao dịch. Các tổ chức tham gia vào mạng này thường là các ngân hàng, các quỹ hỗ tương đầu tư, các đại diện quản lý quỹ hưu trí, và nhiều tổ chức khác tùy theo quy định... vì họ liên hệ với nhau trực tiếp mua bán qua lại nên không cần đến các nhà môi giới. Tuy nhiên, bản thân hệ thống instinet sẽ đăng ký với UBCKNN để được đóng vai trò như một công ty môi giới và kinh doanh CK (Broker - Dealer). Các điều kiện về mua bán, xác nhận và thông tin sẽ được quy định cụ thể bởi luật lệ CK và công ty CK đóng vai trò điều phối này.

Để không lẫn lộn và dễ phân biệt khi ta quan tâm về một loại thị trường, cần xác định cho rõ một số điểm quan trọng làm căn bản nhận dạng.

Phần II. Thị trường niêm yết tập trung

Vị trí: thị trường niêm yết (listed market /exchange market) là thị trường có vị trí tập trung, cụ thể là sàn giao dịch với các phương tiện về mặt bằng và trang bị nhất định.

Cơ chế giá cả: thị trường niêm yết hoạt động trên cơ sở đấu giá từ hai phía (double-auction). Các môi giới sàn giao dịch cùng nhau trả giá cạnh tranh và sẽ thực hiện giao dịch khi được giá thỏa đáng nhất cho khách hàng đầu tư. Động lực chuyển hướng giá : khi nhà môi giới đại diện cho khách hàng thực hiện một giao dịch mua chứng khoán ở một giá chào bán (offer) cao hơn giá thực hiện trước đó, thì giá thị trường sẽ chuyển lên; trường hợp thực hiện giao dịch bán chứng khoán cho khách hàng, nếu môi giới chấp nhận bán với một giá rao mua (bid) thấp hơn giá thực hiện trước đó, thì giá thị trường sẽ đi xuống.

Vai trò chủ đạo thị trường: đối với sàn giao dịch đó là các chuyên gia trên sàn, họ chịu trách nhiệm phải duy trì thị trường ổn định và phải liên tục chào giá các chứng khoán mà họ đảm nhận. Khi có sự mất cân đối về cung và cầu đối với một loại chứng khoán họ sẽ

liệu cách mà can thiệp, bằng cách đứng ra mua bán cho chính tài khoản của họ trong chừng mực để hoặc là bình ổn hoặc là giữ cho thị trường luôn có mua bán.

Giao dịch bên ngoài thị trường chính: theo quy luật, các nhà kinh doanh chứng khoán không được mua trữ riêng cho mình, hoặc kinh doanh như tư cách chủ nhân (principal) đối với các chứng khoán đã được niêm yết, ngoại trừ khi họ đã tham gia vào cơ chế giao dịch của thị trường thứ 3 (thị trường mua bán lượng lớn các chứng khoán niêm yết theo cơ chế giao dịch OTC). Tất cả lệnh mua bán của khách đầu tư sẽ được các nhà môi giới (công ty chứng khoán) thu xếp chuyển đến sàn giao dịch thực hiện, và tùy theo dịch vụ phục vụ cho khách, các nhà môi giới sẽ thu một khoản hoa hồng.

Thị trường phi tập trung (OTC)

Vị trí: đúng như tên gọi, thị trường phi tập trung OTC không có một không gian giao dịch tập trung. Thị trường này được các công ty chứng khoán cùng nhau duy trì trên phạm vi cả một quốc gia hay lãnh thổ. Việc giao dịch và thông tin được dựa vào hệ thống điện thoại và internet với sự trợ giúp của các thiết bị đầu cuối.

Cơ chế giá cả: thị trường OTC vận động nhờ một cơ chế tạo giá và duy trì hoạt động gọi là "mạng lưới liên công ty" (interdealer network). Các nhà tạo giá trong tổ chức sẽ cạnh tranh giữa họ với nhau, liên tục đưa ra giá rao mua (bid) và giá chào bán (ask). Giá thị trường được tham khảo từ mạng lưới này, giao dịch sẽ được gút lại bằng thương lượng, nên người ta còn gọi đây là "thị trường thương lượng" (negotiated market).

Động lực chuyển hướng giá: một khi có nhà tạo giá nào đó muốn khuyến khích người đầu tư bán ra thì họ sẽ đưa ra (quote) giá rao mua (bid) cao hơn. Điều này lôi kéo các nhà tạo giá khác bám theo nhịp độ, và làm cho giá cả chứng khoán tăng lên. Ngược lại khi họ muốn hấp dẫn người mua vào, họ sẽ giảm giá chào bán (ask) và khi xu thế này lan qua các nhà tạo giá khác sẽ làm cho giá cả giảm xuống.

Vai trò chủ đạo thị trường: các nhà tạo giá (Market makers) là những người đưa ra giá rao mua và chào bán cho thị trường. Giá tốt nhất từ đó khách đầu tư có thể mua (best ask) và giá tốt nhất mà họ có thể bán (best bid) được chọn lọc tối ưu trong một tập hợp chào giá trên hệ thống chung, gọi là giá thị trường nội bộ (inside market). Giá này được xác định chỉ từng loại chứng khoán OTC. Các công ty chứng khoán muốn tạo giá cho một chứng khoán OTC nào đó sẽ được tổ chức chủ quản (ở Mỹ là NASD) yêu cầu duy trì một lượng vốn tối thiểu.

Giao dịch bên ngoài thị trường chính: không giống như trong thị trường tập trung, nhiều công ty kinh doanh chứng khoán có thể duy trì lượng chứng khoán OTC tồn kho riêng cho mình chứ không cần phải đăng ký làm nhà tạo giá mới được. Hoặc họ cũng có thể sẵn sàng ở tư thế để mua hay bán chứng khoán OTC cho chính tài khoản của họ bất cứ lúc nào (gọi là position trading). Các công ty chứng khoán hoạt động trong thị trường OTC này có thể tùy ý chọn cách để thực hiện lệnh cho khách hàng của mình, giao dịch tự doanh bằng tài khoản công ty, hoặc giao dịch môi giới hưởng hoa hồng bằng cách chỉ thu xếp mua bán cho tài khoản của khách hàng.

Phần III. Vai trò của nhà môi giới chứng khoán

Một trong những nguyên tắc căn bản vận hành thị trường chứng khoán là nguyên tắc trung gian, thể hiện rõ nét nhất với vai trò và hoạt động của các nhà môi giới và kinh doanh chứng khoán.

Thị trường chứng khoán hoạt động hiệu quả một phần là nhờ vào sự thủ vai tốt của các nhà môi giới và kinh doanh chứng khoán. Dù hoạt động ở thị trường nào thì những nhà chuyên nghiệp được chọn lọc này cũng phải đăng ký và được cấp phép hành nghề. Hầu hết các công ty chứng khoán đều vừa có hoạt động môi giới vừa có hoạt động kinh doanh chứng khoán. Tuy nhiên trong giao dịch, để đảm bảo tính trung thực, công bình và uy tín của ngành, hai hoạt động này được đặc biệt lưu ý tổ chức và giám sát tách bạch.

Nhà môi giới không mua bán CK cho mình

Các nhà môi giới là những đại diện thu xếp giao dịch cho khách hàng và hưởng hoa hồng. Người môi giới không mua bán chứng khoán cho mình, họ chỉ là người nối kết và giúp thực hiện yêu cầu của người mua, kẻ bán. Tài sản (chứng khoán) và tiền được chuyển dịch qua lại từ khách bán sang khách mua. Trong quá trình đó nhà môi giới không đứng tên tài sản, gọi là không có vị thế (position). Trong tiếng Anh, nhà môi giới (broker) thường được dùng để chỉ một công ty chứng khoán hơn là để chỉ một nhân viên môi giới. Nhân viên môi giới của một công ty chứng khoán còn được dùng phổ biến bằng từ "registered representative" (đại diện giao dịch) hoặc "account executive" (AE) tùy theo họ nằm đâu trong mối quan hệ công tác. Quần chúng đầu tư thì gọi họ bằng "customer's man" hay "stockbroker".

Môi giới được uỷ nhiệm hay thừa hành

Trong tiếng Anh gọi là commission broker, đó là nhân viên của một công ty chứng khoán thành viên của một sở giao dịch. Họ làm việc hưởng lương của công ty chứng khoán và được bố trí để thực hiện các lệnh mua bán cho các công ty chứng khoán, hay khách hàng của công ty, trên sàn giao dịch. Vì thế nên họ cũng được gọi theo một tên chung khác là môi giới trên sàn (floor broker). Các lệnh mua bán được chuyển đến cho các môi giới thừa hành này có thể là từ văn phòng công ty hay cũng có thể từ các môi giới đại diện (registered representatives).

Nhân đây, xin lưu ý với người đọc một điểm rất quan trọng, rất dễ nhầm lẫn, và đã từng bị nhầm lẫn rất phổ biến, kể cả trong các tài liệu lưu hành rộng rãi và truyền đạt giảng dạy, theo đó nhiều người thường diễn đạt thuật ngữ "commission brokers" là các "môi giới ăn huê hồng". Từ đó mà có cách hiểu sai lệch về tư cách làm việc và quan hệ về quyền lợi đối với vị trí này. Thật ra từ "commission" ở đây không có nghĩa là "huê hồng" mà là "nhiệm vụ". Loại "môi giới ăn huê hồng" thứ thiệt là những người mà ta sẽ tìm hiểu dưới đây.

Môi giới độc lập hay "hai đô la"

Môi giới hai đô la ("two-dollar broker") hay còn gọi là các nhà môi giới độc lập (independent broker) chính là các nhà môi giới làm việc cho chính họ và hưởng hoa hồng (thù lao) theo dịch vụ. Họ là một thành viên tự bỏ tiền ra thuê chỗ tại sở giao dịch (sàn giao dịch) - giống như các công ty chứng khoán thành viên. Họ chuyên thực thi các lệnh cho các công ty thành viên khác của sở giao dịch. Sở dĩ có điều này là vì tại các sở giao dịch nhộn nhịp, lượng lệnh phải giải quyết cho khách hàng của một công ty chứng khoán gửi tới lắm khi quá nhiều, mà các nhân viên môi giới cơ hữu của các công ty này (các commission brokers) không thể làm xuể, hoặc vì lý do nào đó họ vắng mặt. Lúc đó các công ty chứng khoán sẽ "hợp đồng" với các nhà môi giới độc lập để thực hiện lệnh cho khách hàng của mình, và trả cho loại môi giới này một khoản tiền nhất định.

Khởi thủy, các nhà môi giới độc lập được trả cứ hai đô la cho một lô tròn chứng khoán (100 cổ phần), nên người ta gọi quen thành "môi giới hai đô la". Môi giới độc lập cũng được gọi chung là môi giới trên sàn (floor broker). Họ đóng vai trò không khác gì chức năng của một môi giới thừa hành, ngoại trừ tư cách độc lập của họ, có nghĩa họ không phải là nhân viên đại diện cho bất kỳ một công ty chứng khoán nào cả.

Phần IV. Vai trò của nhà Kinh doanh chứng khoán.

Sự năng động của TTCK, khả năng duy trì tính liên tục thông qua hoạt động mà ở ta gọi là tự doanh, cổ phần đóng góp tích cực của các công ty kinh doanh chứng khoán.

Các nhà kinh doanh (nhà buôn) CK

Một công ty CK hành nghề kinh doanh khi họ đóng vai trò là chủ nhân (principal) của lượng CK giao dịch, tức họ mua hay bán bằng chính tài khoản (hay tồn kho) của họ. Danh từ chuyên môn gọi hoạt động kinh doanh CK này là "giao dịch có vị thế" hay có sở hữu (position trading). Giao dịch có vị thế của một công ty CK có thể được hiểu là công ty đang trong "tư thế kiểm soát" lượng CK đang giao dịch. Nhằm mục đích duy trì một thị trường trung thực và ổn định, các công ty thành viên có chức năng kinh doanh không được giao dịch vượt giá trị tương đương (tài khoản) mà họ đang sở hữu. Trong TTCK điều tối kỵ là thủ thuật giao dịch để làm giá (manipulation) hay các động tác nhằm đánh lừa quần chúng đầu tư. Luật lệ CK luôn đặt vấn đề này thành ưu tiên hàng đầu cần được chăm sóc.

Một khi các nhà kinh doanh bán CK tồn kho của mình, họ sẽ thu của khách đầu tư mua CK đó một khoản kê giá (markup), chứ không phải khoản hoa hồng.

Một khoản "phết phẩy" (thuật ngữ mark) giá lên như vậy là khoản chênh lệch giữa giá chào bán (offer) tại thời điểm, được tham khảo trong hệ thống chào giá thị trường liên công ty (interdealer market), và giá thực hiện cho khách hàng; Giá bao gồm khoản phết phẩy để thực hiện đó gọi là giá thực (net price). Nhà kinh doanh tuyệt đối không được phát biểu là họ chỉ thu xếp giao dịch nếu thực tế họ đem chính CK tồn kho của mình ra để bán cho khách.

Thực thi lệnh cho khách hàng

Một công ty CK, tùy theo chức năng và điều kiện cho phép, có thể thoả mãn một lệnh của khách hàng theo phương thức sau đây:

Làm trung gian thu xếp mua bán, với tư cách là đại diện của khách hàng, mua bán cho tài khoản của khách hàng.

Làm nhà buôn CK, bằng cách đi mua lại của nhà tạo giá, kê giá lên thành giá thực bán, và bán lại cho khách hàng.

Nếu công ty kinh doanh CK đang có CK tồn kho thì có thể bán lại cho khách hàng một lượng CK tồn kho đó theo lệnh đặt của khách.

Nghiệp vụ hoạt động môi giới và kinh doanh CK

Trong cùng một giao dịch, công ty CK hoặc chỉ đóng vai trò trung gian hoặc chỉ đóng vai trò buôn lại CK, nhưng tuyệt đối không được lập lờ vai trò - nghĩa là vừa làm giá vừa tính một khoản hoa hồng cho cùng một thực thi lệnh cho khách đầu tư. Để so sánh, ta hãy xem vai trò của một loại hoạt động và cách hành xử phải tuân thủ.

Phần V. Đặc điểm nhận dạng và cơ sở vận hành

Thị trường OTC (Over-the- Counter) cho phép các công ty CK thương lượng và giao dịch trực tiếp với nhau. Thuật ngữ "over the counter" có nghĩa là "qua quầy" theo cách diễn đạt nguyên thủy. Ngày nay, nhờ sự phát triển của kỹ thuật truyền thông và vi xử lý thị trường OTC hiện đại đã thoát ly xa khỏi các quầy và hoạt động theo một cơ chế được tổ chức với sự trợ giúp về kỹ thuật điện tử rất tinh vi, có khả năng kết nối trên quy mô rộng lớn giữa các nhà môi giới và kinh doanh CK với nhau.

Sự khác biệt cơ bản giữa thị trường OTC và thị trường sàn giao dịch có thể ghi nhận như sau:

OTC	Sàn
Địa điểm kinh doanh phân tán. Điều hành (thường là) do hiệp hội kinh doanh chứng khoán. Gút giá bằng thương lượng.	Địa điểm kinh doanh tập trung. Điều hành bởi sở giao dịch. Gút giá bằng đấu giá hai chiều.

Thị trường OTC là nơi ít kén CK giao dịch hơn thị trường sàn giao dịch. Tuy nhiên, CK giao dịch vẫn phải là loại đáp ứng các chuẩn mực và được phép giao dịch đại chúng. Đặc biệt, đây là thị trường đảm nhận vai trò bán ra các CK phát hành mới (new issues), kể cả chứng chỉ của các quỹ hỗ tương đầu tư (quỹ mở - mutual - các quỹ hỗ tương đầu tư chỉ bán sơ cấp trong thị trường này, chứ không có mua bán thứ cấp, bởi vì các chứng chỉ đó chỉ có thể được các quỹ này mua lại theo một cơ chế riêng.

Như ta biết, CK phát hành môi giới là loại do công ty chào bán ban đầu (giao dịch sơ cấp) để huy động vốn. Dù có thể việc mua đi bán lại (hoạt động thứ cấp) ngay lập tức, thì về nguyên tắc, các CK phát hành như vậy xem như được trao từ tay của chủ thể phát hành, thông qua các công ty CK bảo lãnh, đến tay người đầu tư. Đặc điểm này tồn tại cho đến khi đợt phát hành hoàn tất (thường là 90 ngày). Quá trình chào bán sơ cấp được dựa vào một giá tham khảo ban đầu (gọi là giá IPO - initial public offering price) và thường được thực hiện bán theo một kết quả chào đón (đặt mua) của các nhà đầu tư. Do đó mà cơ chế đấu giá hai chiều (double auction), giữa đại diện hai nhà đầu tư với nhau như trên sàn giao dịch, không thể áp dụng được đối với trường hợp phát hành lần đầu ra công chúng.

Tại thị trường sàn giao dịch, giá thị trường được xác lập dựa trên kết quả đấu giá của môi giới mua và môi giới bán, với sự can thiệp điều hoà, nếu cần, của các chuyên gia. Còn ở thị trường OTC, giá thị trường cho bởi kết quả rao mua - chào bán cạnh tranh (bid - offer hay ask) liên tục giữa các nhà tạo giá. Các báo giá (quotations) đó được đưa vào và thể hiện trên hệ thống làm bật ra giá tốt nhất cho thị trường

Việc thương lượng để có giá tốt nhất do các công ty CK, các nhà tạo giá (market maker) thực hiện, họ có thể mặc cả với nhau trong một giao dịch. Mỗi thương vụ được đưa ra khảo giá giữa nhiều nhà tạo giá khác nhau để tìm giá tốt nhất (giá thu vào cao hay thấp). Việc thông tin có thể bằng điện thoại, khi một công ty nhận được lệnh mua hay bán của khách hàng, họ sẽ gọi đến các nhà tạo giá đảm nhận loại CK đó để thương lượng giá giao dịch cho khách. Kết quả mua bán cũng được quy định bắt buộc phải thông tin.

Mua bán trên thị trường OTC

Thị trường sàn giao dịch có thuận lợi cơ bản là thông tin về giá cả và CK đã có một nề nếp phổ biến trên nhiều phương tiện, tạo dễ dàng khi cần truy cập. Điều này lại chẳng dễ dàng chút nào đối với các giao dịch trên thị trường OTC.

Đây là vấn đề lớn và chỉ hoá giải được bằng chính khả năng tổ chức và quán xuyến, thậm chí bằng tất cả uy tín của tổ chức chủ quản điều hành (ở Mỹ là NASD). Kể đến phải cần sự trợ giúp hiệu quả của các thành tựu về thông tin với các phương tiện trang bị càng hiện đại càng tốt. Thị trường OTC, do vậy sẽ cho hiệu quả hoạt động tùy thuộc vào khả năng tổ chức và đóng góp của hệ thống thông tin. Đối với người đầu tư, việc giao dịch cũng gần giống như ở thị trường sàn giao dịch.

Lệnh mua bán của người đầu tư được các đại diện hợp pháp (môi giới) của công ty chứng khoán tiếp nhận. Tất nhiên đó là các lệnh mua bán các loại chứng khoán giao dịch trong thị trường phi tập trung. Lệnh đó được chuyển đến bộ phận kinh doanh của công ty chứng khoán. Nếu là một lệnh mua chẳng hạn, thì bộ phận chuyên trách mua bán sẽ liên hệ với một số nhà tạo giá (các dealers) để thu xếp giao dịch (mua chứng khoán) cho khách hàng với giá chào bán (offer) thấp nhất.

Công ty chứng khoán có thể thực hiện lệnh cho khách hàng theo các hình thức sau:

Họ có thể thu xếp để hưởng huê hồng, tương tự như giao dịch chứng khoán niêm yết trên sàn, trường hợp này họ mua cho tài khoản của khách.

Họ cũng có thể mua vào tài khoản của họ, kê giá lên, rồi bán lại cho khách hàng, theo căn bản tự doanh nếu công ty có chức năng tự doanh.

Hoặc công ty có sẵn chứng khoán tồn kho và muốn bán ra, thì trường hợp này được xem là bán "có kê giá", chứ không được nói là thu xếp "ăn huê hồng". Khoản kê giá được quy định rõ ràng và chặt chẽ, đó là chênh lệch giữa giá thực (net price) mà khách đầu tư phải trả so với giá thị trường nội bộ tại thời điểm được các nhà tạo giá nêu ra liên tục trong hệ thống báo giá (gọi là interdealer offering price - ta sẽ tìm hiểu sau).

Các công ty chứng khoán không được vừa ăn kê giá vừa hưởng huê hồng. Luật lệ cũng không cho phép các công ty kinh doanh chứng khoán (dealers) kinh doanh (tự doanh) các loại chứng khoán đã niêm yết (listed) trên sàn giao dịch. Ngoại trừ có quy định khác về việc giao dịch với khối lượng lớn giữa các tổ chức (trong thị trường thứ ba - third market/thị trường mua bán chứng khoán đã niêm yết theo cơ chế OTC).

Về các thủ tục chi phối việc mua bán, giao nhận hàng và tiền... cũng được áp dụng thống nhất (giống như cho sở giao dịch) theo luật lệ về CK và TTCK.

Về hàng hoá, CK mua bán trong thị trường OTC, như đã nói, là loại "hàng hiệu" phải qua đăng ký (đặc biệt đối với loại được giao dịch trên hệ thống Nasdaq) với các chuẩn mực nhất định chứ không phải là bất kỳ loại nào.

Mỗi cuối ngày giao dịch, các nhà tạo giá trong thị trường OTC sẽ gửi các giá rao mua chào bán liên công ty (interdealer quotations) của mình lên cơ quan tổng hợp giá thị trường quốc gia để nơi đây phổ biến thành ấn bản. ở Mỹ, các ấn bản như vậy được in trên các giấy màu hồng, nên được gọi là những trang hồng (pink sheets), có các đặc điểm đáng lưu ý như sau:

Chào giá này phục vụ riêng cho các chứng khoán OTC.

Giá cả được nêu chưa hẳn là giá giao dịch thật sự để thực hiện cho khách hàng.

Giá nêu này có giá trị giữa các công ty kinh doanh CK thôi (gọi là giá cả liên công ty - interdealer - có nghĩa chưa phải là giá thực hiện cho người đầu tư lẻ.

Giá nêu này nói chung thường là tùy thuộc, không chắc chắn.

Đối với các CK trên hệ thống giao dịch Nasdaq được ký hiệu riêng (ngay sau tên chứng khoán), vì nó có cơ chế đặc biệt hơn.

Ký hiệu "M" đi trước tên chứng khoán có nghĩa là "marginable" (chứng khoán có thể mua bán bằng tài khoản bảo chứng - Do ngân hàng liên bang quy định).

Lý do chính để lưu hành các "pink sheets" này là vì, ở Mỹ, phần lớn các chứng khoán OTC không đủ điều kiện giao dịch trên hệ thống Nasdaq. Đồng thời, giá cả của các CK đó cũng không thể tìm thấy trên chuyên trang tài chính của các báo. Do đó các "pink sheets" trở thành một nhu cầu không thể thiếu trong thị trường OTC để người quan tâm tham khảo.

Mặc dù việc nêu giá trên các trang thông tin như vậy mang ý nghĩa tham khảo, các nhà tạo giá cung cấp các số liệu đó mặc nhận rằng giá nêu là chắc chắn cho 100 cổ phần sẵn sàng để mua, để bán. Các "pink sheets" này ghi tất cả các giá CK giao dịch trên thị trường OTC của ngày giao dịch hôm trước (chậm hơn một ngày). Tương tự, Cơ quan tổng hợp giá toàn quốc (National Quotation Bureau) cũng công bố thông tin về giá trái phiếu công ty trên các trang màu vàng (yellow sheets).

Do đặc tính lịch sử, sự tiến hoá của thị trường và phương tiện truyền thông hiện đại, ngày nay các chứng khoán OTC không hẳn là loại "không đủ tiêu chuẩn niêm yết" theo như cách đánh giá đã lâu và từng thành nếp suy nghĩ trong quá khứ. Rất nhiều công ty lớn nổi lên từ hơn một thập niên trở lại đây vẫn thích duy trì giao dịch CK của họ trên thị trường này. Đặc biệt hầu hết các công ty phát triển trong nền kinh tế mới (kinh tế tri thức) đều có cổ phiếu giao dịch ở thị trường OTC, cụ thể hơn là trong thị trường qua mạng Nasdaq mà ta thường nghe hay đọc thấy.

Phương thức tạo giá ở thị trường OTC - những yêu cầu đối với nhà tạo giá

Nhà tạo giá, nói chung, là một công ty có hoạt động kinh doanh chứng khoán cho riêng mình (tự doanh) và được công nhận tư cách tạo giá đối với một số lượng chứng khoán nào đó. ở thị trường sàn giao dịch đó là các chuyên gia trên sàn (specialist) còn trên thị trường OTC, nhà tạo giá là các nhà buôn chứng khoán (dealers) tham gia cung cấp giá rao mua (bid) và chào bán (offer) liên tục cho một chứng khoán đặc thù nào đó.

Việc này được gọi là tạo ra một giá thị trường (thuật ngữ: to make a market) cho chứng khoán. Khi đã chào giá như vậy, họ sẽ sẵn sàng thực hiện mua hoặc bán với số lượng được nêu bằng chính tài khoản của công ty họ.

Không giống như thị trường sàn giao dịch, nơi mà mỗi chứng khoán chỉ độc có một chuyên gia tạo giá, trong thị trường OTC số lượng nhà tạo giá cho một chứng khoán có thể không hạn chế và tối thiểu phải là hai. Nếu trong một lần chào giá không ghi số lượng cụ thể, người ta hiểu nhầm rằng nhà tạo giá đó sẽ sẵn sàng mua hoặc bán một lô tròn (100 cổ phần) chứng khoán với giá được nêu. Điều này đã trở thành tập quán bắt buộc, cho nên ngoại trừ có chỉ định khác, các rao mua chào bán của nhà tạo giá được xem là chắc cứng (firm).

Một công ty hay cá nhân muốn làm một nhà tạo giá đối với một chứng khoán nào đó, họ cần phải đáp ứng một số yêu cầu tối thiểu về tiêu chuẩn. Trong đó, thường có hai điều kiện tiên quyết là:

1. Phải đăng ký và đã được công nhận là thành viên của tổ chức chủ quản thị trường OTC
 2. Phải đáp ứng giá trị vốn thuần tối thiểu đối với từng loại chứng khoán được làm giá, đồng thời duy trì mức đó suốt quá trình hoạt động.
- Sau khi được chấp nhận tư cách làm một nhà tạo giá, họ còn phải đảm bảo một số chuẩn mực khi đưa ra giá cả cho các chứng khoán mà họ đảm nhận. Yêu cầu cụ thể thường là:

Phải cung cấp liên tục giá nêu từ hai phía mua và bán (two-sided quotations) đối với chứng khoán được uỷ nhiệm tạo giá để duy trì thị trường.

Phải sẵn sàng thực hiện giao dịch ít nhất một đơn vị giao dịch (thường là một lô tròn 100 cổ phần) với giá được nêu của mình.

Phải đảm bảo rằng các giá nêu là hợp lý so với giá thị trường của chứng khoán trong cuộc.

Tôn trọng triệt để các giới hạn chênh lệch tối đa cho phép.

Báo cáo hàng tháng các dữ liệu giao dịch và các thông tin khác theo quy định về giao dịch chứng khoán và yêu cầu chủ quản.

Thông kê và báo cáo lượng giao dịch (theo ngày) đối với chứng khoán được tạo giá.

Mẫn cán thực hiện các nhiệm vụ liên tục trong thời gian làm việc hàng ngày.

Cơ chế tạo giá đối với một chứng khoán theo cách cùng lúc có sự tham gia của nhiều công ty, cộng với sự tuân thủ nghiêm chỉnh các yêu cầu trên đây, sẽ cung cấp cho thị trường một giá tốt nhất, đảm bảo sự điều hoà liên tục và cần thiết cho thị trường.

Xây dựng danh mục đầu tư chứng khoán

Hiểu một cách khái quát nhất thì danh mục đầu tư là một tập hợp gồm ít nhất hai loại chứng khoán trở lên. Mục đích cơ bản nhất của việc xây dựng và quản lý một danh mục đầu tư là đa dạng hoá nhằm tránh các khoản thua lỗ quá lớn

Khi bạn đồng thời đầu tư vào nhiều loại chứng khoán khác nhau, sự thua lỗ của một loại chứng khoán chỉ có tác động nhỏ đến toàn bộ danh mục, thậm chí nhiều khi bạn có thể bù lỗ bằng lợi nhuận thu được từ các chứng khoán khác trong cùng một danh mục đó.

Tuy nhiên, việc hạn chế thua lỗ bằng cách đa dạng hoá danh mục đầu tư cũng có một cái giá của nó: bạn cũng không thể thu được các khoản lợi nhuận lớn. Rất ít người đầu tư có thể thu được khoản lợi nhuận cao từ việc đầu tư tất cả số tiền của họ vào một loại chứng khoán tốt nhất hiện có trên thị trường. Do đó, đại đa số công chúng đầu tư chọn hình thức đầu tư thứ hai là giảm thiểu hoá thua lỗ bằng cách đa dạng hoá đầu tư. Và suy cho cùng thì việc từ bỏ những món hời lớn, bằng lòng với những khoản thu nhập vừa phải để tránh thua lỗ quá mức là một cái giá vừa phải và hoàn toàn hợp lý. Bài viết này sẽ hướng dẫn bạn từng bước trong việc xây dựng một danh mục đầu tư phù hợp với cá tính cũng như mục đích mà bạn đã chọn.

Bước 1: Xác định bạn là người đầu tư tích cực hay thụ động?

Khi bắt tay vào xây dựng danh mục đầu tư, điều quan trọng trước tiên mà bạn phải xác định là xem mình thuộc dạng nào: tích cực hay thụ động? Đây là một việc làm hết sức cần thiết, vì nó sẽ quyết định đến toàn bộ cách thức đầu tư của bạn sau này. Người đầu tư tích cực là người luôn sẵn sàng bỏ ra rất nhiều thời gian và công sức để quản lý danh mục đầu tư của mình. Còn người đầu tư thụ động thì chỉ muốn bỏ ra một khoảng thời gian tối thiểu cần thiết để theo dõi các khoản đầu tư và bằng lòng với các khoản lãi khiêm tốn có được.

Cần lưu ý rằng quy mô đầu tư là không quan trọng mà điều cốt yếu là bạn tiêu tốn bao nhiêu thời gian và công sức cho danh mục đầu tư của mình. Chúng ta có thể thấy rằng đa số các nhà đầu tư đều thuộc dạng thụ động, bởi vì họ là những người không chuyên nghiệp, thiếu kỹ năng chuyên sâu cũng như đã bị các công việc hàng ngày chiếm mất quỹ thời gian.

Bước 2: Quyết định cơ cấu của danh mục đầu tư

Điều thứ hai cần tính đến là tỷ trọng cổ phiếu và trái phiếu trong danh mục đó. Đây là một quyết định mang tính chất cá nhân và tùy theo quan điểm mỗi người. Một số người không thích đầu tư quá nhiều vào cổ phiếu, còn một số khác lại không thích sở hữu quá nhiều trái phiếu. Cho đến nay vẫn chưa có tiêu chuẩn cụ thể về tỷ lệ này. Hiện nay, đa số ý kiến nghiêng về tỷ lệ 50/50, tức là 50% số tiền của danh mục được sử dụng để đầu tư vào cổ phiếu, phần còn lại sẽ được sử dụng để mua trái phiếu. Nhiều nhà tư vấn đề nghị tăng tỷ lệ trái phiếu trong danh mục khi chủ sở hữu sắp đến tuổi về hưu.

Tuy nhiên, một số cá nhân khác lại có quan điểm cho rằng, trước sức ép của lạm phát cũng như khả năng kiếm tiền sẽ suy giảm khi về già, chủ sở hữu danh mục nên tăng dần tỷ lệ cổ phiếu theo thời gian. Họ lập luận là không nên giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu trong danh mục đầu tư vì lương hưu và bảo hiểm xã hội sẽ không thể tăng như lạm phát. Chính vì vậy mà cổ phiếu là một trong những lựa chọn được ưu tiên hàng đầu để chống lại ảnh hưởng của lạm phát. Tuy nhiên, cũng có khi thu nhập do cổ phiếu đem lại không theo kịp với tỷ suất lợi nhuận của trái phiếu chất lượng cao. Trong trường hợp này, đầu tư vào các trái phiếu chất lượng cao và để dành một khoản tiết kiệm để đối phó với lạm phát được xem là một biện pháp khả thi.

Ngoài ra còn một trường hợp khác mà chúng ta cũng cần đề cập tới, đó là tỷ trọng của danh mục đầu tư có cần phải điều chỉnh theo sự biến động của thị trường không? Giả sử rằng bạn đang có trong tay một danh mục đầu tư với tỷ lệ 50/50. Nếu thị trường cổ phiếu tăng giá và làm cho danh mục của bạn có tỷ lệ 65% cổ phiếu và 35% trái phiếu thì bạn có nên bán bớt một số cổ phiếu để đưa danh mục trở về tỷ lệ 50/50 hay không? Xung quanh vấn đề này vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau nhưng nhìn chung đại đa số các nhà đầu tư sẽ không bán đi cổ phiếu để đề phòng trường hợp khi cổ phiếu giảm giá thì danh mục sẽ trở về mức cân bằng 50/50.

Bước 3: Đa dạng hoá danh mục đầu tư

1. Đa dạng hóa tổ chức phát hành. Nếu danh mục đầu tư của bạn chỉ bao gồm toàn bộ các trái phiếu Chính phủ thì bạn không cần phải đa dạng hoá chủng loại các chủ thể phát hành, bởi vì trái phiếu Chính phủ hoàn toàn không có rủi ro. Tuy nhiên, nếu bạn mua trái phiếu công ty, trái phiếu địa phương hoặc cổ phiếu thì việc đa dạng hoá chủ thể phát hành là một vấn đề cần được cân nhắc, bởi vì các loại chứng khoán này luôn tiềm tàng một số rủi ro nhất định. Vấn đề đặt ra là nên đa dạng hóa đến mức độ nào? Điều này còn tùy thuộc vào quan điểm của mỗi cá nhân. Chẳng hạn như nếu bạn mua cổ phiếu của 20 nhà phát hành khác nhau và khi một nhà phát hành chẳng may bị phá sản thì danh mục đầu tư của bạn chỉ bị suy giảm 5%. Mỗi nhà đầu tư sẽ tự đưa ra quyết định cho danh mục đầu tư của mình dựa vào cá tính bản thân, tiềm lực tài chính cũng như mức độ rủi ro mà họ có thể chịu đựng.

2. Bên cạnh việc đa dạng hoá các tổ chức phát hành, bạn cũng cần đa dạng hoá các lĩnh vực kinh doanh, đa dạng hóa các nguồn thu hoặc có thể đa dạng hoá theo vị trí địa lý. Bạn cần chú ý rằng, càng đa dạng hoá thì sẽ càng hạn chế được rủi ro, tuy nhiên đừng nên đa dạng hoá quá nhiều vì như vậy sẽ tốn rất nhiều công sức quản lý và đến một lúc nào đó thì danh mục sẽ vượt quá tầm kiểm soát của bạn.

** Ứng dụng lý thuyết hiện đại trong quản lý danh mục đầu tư*

Tại Việt Nam việc ứng dụng các lý thuyết hiện đại vào quản lý danh mục đầu tư còn là một vấn đề khá mới và chưa thật sự mang tính chuyên nghiệp.

Trong quá trình phát triển của nền kinh tế, tất yếu sẽ tồn tại các doanh nghiệp làm ăn rất hiệu quả. Dòng vốn dư thừa của họ sẽ có xu hướng chảy vào những lĩnh vực đầu tư hấp dẫn hơn. Đầu tư chứng khoán ra đời để giải quyết nhu cầu đó.

Khi đầu tư vào lĩnh vực chứng khoán, nhà đầu tư có thể đầu tư cùng một lúc vào nhiều sản phẩm khác nhau chứ không nhất thiết họ phải phụ thuộc vào một vài sản phẩm cố định như khi họ đầu tư thực. Đầu tư chứng khoán không chỉ làm mở rộng môi trường đầu tư cho các nhà đầu tư mà tự thân nó len lỏi vào từng ngõ ngách trong nền kinh tế thu hút đầu tư dòng vốn cực nhỏ cho đến nguồn lực dồi dào nhất. Tại Việt Nam việc ứng dụng các lý thuyết hiện đại vào quản lý danh mục đầu tư còn là một vấn đề khá mới và chưa thật sự mang tính chuyên nghiệp.

Tất cả các quyết định đầu tư đều được cân nhắc dưới góc độ rủi ro và tỷ suất sinh lợi mong đợi và những tác động của chúng trên giá chứng khoán cũng như kết quả tài chính cuối cùng đạt được trong quyết định đầu tư. Ở một số quốc gia có thị trường chứng khoán phát triển, từ rất lâu nhà đầu tư đã biết áp dụng nguyên tắc “không bỏ trứng vào cùng một rổ”, thông qua mô hình quản lý danh mục đầu tư hiệu quả kết hợp lý luận có liên quan đến rủi ro và tỷ suất sinh lợi mong đợi (Mô hình định giá tài sản vốn - CAMP) và lý thuyết định giá chênh lệch (APT) để lựa chọn tập hợp chứng khoán hiệu quả nhất

Để đạt được mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận của danh mục, nhà đầu tư phải đánh giá dựa trên hai yếu tố quan trọng: đó là rủi ro và tỷ suất sinh lợi. Tất cả các quyết định đầu tư đều dựa trên hai yếu tố này và những tác động của chúng đối với vốn đầu tư.

Rủi ro được xem như là khả năng xuất hiện các khoản thiệt hại về tài chính. Những chứng khoán nào có khả năng xuất hiện những khoản lỗ lớn được xem như có rủi ro cao hơn chứng khoán có khả năng xuất hiện những khoản lỗ thấp hơn. Vì vậy, rủi ro được mô tả bằng sự biến đổi của các tỷ suất sinh lợi của chứng khoán đó trong thời kỳ nghiên cứu.

Tỷ suất sinh lợi của chứng khoán chịu tác động của rất nhiều yếu tố rủi ro, những yếu tố này có thể bị triệt tiêu hoàn toàn thông qua việc kết hợp danh mục đầu tư hiệu quả của nhiều chứng khoán được gọi là rủi ro không hệ thống, phần lợi nhuận mong đợi để bù đắp cho loại rủi ro này chính là phần bù rủi ro chứng khoán β ($X_m - X_f$). Loại rủi ro không thể triệt tiêu được gọi là rủi ro hệ thống, phần lợi nhuận mong đợi tương ứng với loại rủi ro này chính là tỷ suất sinh lợi phi rủi ro X_f .

Mô hình APT

Vào thập niên 1970 S.A Ross đã triển khai mô hình APT (Arbitrage pricing theory) trong việc mua bán các loại chứng khoán hàng hoá khối lượng lớn, ngoại tệ giữa các thị trường để hưởng chênh lệch giá. Lý thuyết APT cho rằng tỷ suất sinh lợi của chứng khoán là một hàm số tuyến tính của tập hợp các yếu tố có khả năng xảy ra rủi ro đến tỷ suất sinh lợi của chứng khoán.

CAPM (Capital asset pricing model) được phát triển trong đầu thập kỷ 60. Thay thế cho CAPM, lý thuyết kinh doanh chênh lệch giá (APT) đã được phát triển trong thời gian gần đây. Vì mục đích của nhà đầu tư, những khác nhau giữa hai mô hình xuất phát từ cách xử lý của APT đối với sự phụ thuộc giữa tỷ suất sinh lợi của các chứng khoán. APT cho rằng tỷ suất sinh lợi của chứng khoán được tạo bởi một số các nhân tố của toàn ngành và toàn thị trường. Mỗi tương quan giữa một cặp chứng khoán xảy ra khi hai chứng khoán này bị ảnh hưởng bởi cùng một hay nhiều nhân tố. Ngược lại, CAPM cho phép các chứng khoán tương quan lẫn nhau, nó không chỉ rõ các nhân tố tạo ra sự tương quan này.

Cả APT và CAPM hàm ý mối quan hệ thuận chiều giữa tỷ suất sinh lợi kỳ vọng và rủi ro.

Theo ý kiến (có phần hơi thiên lệch) của chúng tôi, APT cho phép mối quan hệ này được phát triển theo một cách thức trực quan riêng biệt. Ngoài ra APT nhìn nhận rủi ro một cách khái quát hơn chứ không thuần túy là độ lệch chuẩn hay beta của chứng khoán tương

ứng với danh mục thị trường. Vì vậy chúng tôi đưa ra cách tiếp cận này như là một sự thay thế cho CAPM.

Thành phần của mô hình: Thông tin được công bố, sự đột biến, và tỷ suất sinh lợi mong đợi.

Để cụ thể hơn, giả sử chúng ta xem xét tỷ suất sinh lợi cổ phiếu của công ty F. Điều gì sẽ xác định tỷ suất sinh lợi của cổ phiếu này trong tháng tới?

Tỷ suất sinh lợi của bất kỳ cổ phiếu nào giao dịch trên thị trường tài chính cũng bao gồm 2 phần. Phần thứ nhất gọi là tỷ suất thông thường hay tỷ suất kỳ vọng của cổ phiếu mà các cổ đông trên thị trường tiên đoán hay mong đợi. Tỷ suất này phụ thuộc vào tất cả các thông tin gắn liền với cổ phiếu mà các cổ đông tiếp cận được, và nó sử dụng tất cả những hiểu biết của chúng ta về những yếu tố sẽ tác động lên cổ phiếu vào tháng tiếp theo. Phần thứ hai được gọi là tỷ suất sinh lợi rủi ro hay không chắc chắn của cổ phiếu. Thành phần này do những thông tin được hé mở trong tháng. Không thể liệt kê hết những thông tin này, ví dụ:

- Tin tức về nghiên cứu mới của công ty.
- Số liệu thống kê về GNP được chính phủ công bố.
- Phát hiện sản phẩm cùng loại của đối thủ cạnh tranh.
- Thông tin về sự tăng trưởng doanh số của công ty cao hơn dự kiến.
- Sự sụt giảm đột biến của lãi suất.

Cần thận trọng khi nghiên cứu những tác động của những thông tin kể trên hay những tin tức khác đối với tỷ suất sinh lợi. Đơn cử như chính phủ phải cung cấp số liệu về GNP hay tỷ lệ thất nghiệp cho tháng này, nhưng hiện nay các cổ đông nắm được đến mức độ nào về những thông tin trên? Chắc chắn rằng vào đầu tháng các cổ đông chỉ có thể tiên đoán GNP tháng này là bao nhiêu. Trong phạm vi tiên đoán của các cổ đông về các công bố của chính phủ thì những tiên đoán này là nhân tố của tỷ suất sinh lợi mong đợi vào đầu tháng. Mặt khác, ở mức độ các công bố bất ngờ của chính phủ và trong phạm vi tác động đến lợi nhuận của cổ phiếu, các công bố sẽ là một phần của U, phần không thể tiên liệu của tỷ suất sinh lợi.

Bất kỳ một công bố nào có thể được chia làm 2 phần, phần dự đoán hay mong đợi và phần đột biến: Công bố = Phần mong đợi + Đột biến

Phần mong đợi của bất kỳ một công bố nào là một phần của thông tin mà thị trường sử dụng để tạo lập tỷ suất sinh lợi kỳ vọng của cổ phiếu (R). Phần đột biến của thông tin tác động đến tỷ suất sinh lợi không mong đợi của cổ phiếu (U)...

Cần lưu ý rằng rủi ro trong một danh mục lớn và phân tán hóa đúng mức là các rủi ro hệ thống bởi vì rủi ro phi hệ thống đã bị phân tán hóa hoàn toàn. Có một sự ngầm hiểu rằng khi một cổ đông sử dụng phân tán hóa đầy đủ quan tâm đến việc nắm giữ một cổ phiếu nào đó thì anh ta có thể bỏ qua rủi ro phi hệ thống của chứng khoán đó

Các danh mục và các mô hình nhân tố

Chúng ta hãy xem điều gì sẽ xảy ra với một danh mục cổ phiếu khi mỗi cổ phiếu thành phần tuân theo mô hình một nhân tố. Để bàn luận, chúng ta sẽ chọn một tháng kế tiếp và quan sát tỷ suất sinh lợi. Lẽ ra chúng ta cũng có thể sử dụng một ngày hay một năm hay một khoảng thời gian bất kỳ. Tuy nhiên nếu là khoảng thời gian năm giữa những quyết định chúng ta nên chọn khoảng thời gian ngắn, một tháng là khung thời gian lý tưởng cần chọn.

Chúng ta sẽ tạo những danh mục từ n cổ phiếu, và sử dụng mô hình một nhân tố để đo lường rủi ro hệ thống. Do đó cổ phiếu thứ i trong danh sách sẽ có tỷ suất sinh lợi là

$$R_i = R_i + b_i F + e_i \quad (1)$$

trong đó i đại diện cho cổ phiếu thứ i. Chú ý rằng yếu tố F không có chỉ số dưới. Nhân tố đại diện cho rủi ro hệ thống có thể là sự đột biến trong GNP, hay chúng ta có thể sử dụng mô hình thị trường và chênh lệch giữa tỷ suất sinh lợi của S&P 500 và kỳ vọng của chúng ta về tỷ suất này, $RS\&P500 - RS\&P500$ làm nhân tố. Trong cả hai trường hợp, nhân tố được chọn áp dụng cho tất cả các cổ phiếu.

b_i được đặt chỉ số dưới bởi vì nó thể hiện một cách đơn nhất mà nhân tố tác động đến cổ phiếu. Để tóm tắt bàn luận của chúng ta, nếu bằng không, tỷ suất sinh lợi của cổ phiếu thứ i sẽ là: $R_i = R_i + e_i$

Với ý nghĩa rằng tỷ suất sinh lợi của cổ phiếu thứ i không bị tác động bởi nhân tố, F, nếu b_i bằng không. Nếu b_i dương những biến động tăng giảm của nhân tố sẽ làm tăng giảm tỷ suất sinh lợi của cổ phiếu i. Ngược lại nếu b_i âm tỷ suất lợi nhuận và nhân tố sẽ vận động ngược chiều.

Bây giờ chúng ta hãy xây dựng một danh mục trong đó mỗi cổ phiếu tuân theo mô hình một nhân tố và xem điều gì sẽ xảy ra. Cho X_i là tỷ lệ chứng khoán i trong danh mục. Do X thể hiện phần đầu tư của chúng ta vào mỗi cổ phiếu nên sẽ có tổng số là 100% hay 1. Ta có:

$$X_1 + X_2 + \dots + X_N = 1$$

Chúng ta biết rằng tỷ suất sinh lợi của danh mục bằng trung bình trọng số của các tỷ suất sinh lợi của từng chứng khoán cấu thành danh mục. Ta có thể viết lại theo đại số như sau:

$$R_P = X_1 R_1 + X_2 R_2 + X_3 R_3 + \dots + X_N R_N \quad (2)$$

Chúng ta đã thấy trong phương trình (1) mỗi cổ phiếu lại bị tác động bởi cả nhân tố F và rủi ro không hệ thống e_i . Do đó thay thế mỗi R_i từ phương trình (1) vào phương trình (2) ta có:

$$R_P = X_1(R_1 + b_1 F + e_1) + X_2(R_2 + b_2 F + e_2) + X_3(R_3 + b_3 F + e_3) + \dots + X_N(R_N + b_N F + e_N) \quad (3)$$

Phương trình cho chúng ta thấy rằng tỷ suất sinh lợi của danh mục được xác định bởi ba tập hợp các tham số:

1. Tỷ suất sinh lợi kỳ vọng của mỗi chứng khoán thành phần, R_i
2. Tích số giữa Beta và nhân tố F, $b_i F$
3. Rủi ro phi hệ thống của mỗi chứng khoán, e_i .

Chúng ta có thể viết lại phương trình (3) theo tập hợp 3 tham số như sau:

$$R_p = X1R1 + X2R2 + X3R3 + + XNRN \\ + (X1b1 + X2b2 + X3b3 + + XNbN)F \\ + X1e1 + X2e2 + X3e3 + + XNeN \quad (4)$$

Phương trình tuy khá dài dòng nhưng dễ hiểu. Hàng đầu tiên là trung bình trọng số tỷ suất sinh lợi kỳ vọng của mỗi chứng khoán. Các phần tử trong ngoặc đơn của hàng thứ hai là trung bình trọng số các beta của các chứng khoán. Số trung bình này được nhân với nhân tố F. Hàng thứ ba biểu hiện trung bình trọng số rủi ro phi hệ thống của các chứng khoán.

Các danh mục và sự phân tán rủi ro

Do các nhà đầu tư thường cầm giữ các danh mục phân tán hóa rủi ro nên phương trình (4) sẽ như thế nào trong trường hợp một danh mục lớn hay phân tán hóa rủi ro. Mặc dù chúng ta đang nói đến đầu tư chứng khoán không phải may rủi như trò chơi quay số nhưng một số nguyên lý chung vẫn được áp dụng. Mỗi chứng khoán có rủi ro phi hệ thống riêng trong đó sự đột biến không tương quan với sự đột biến của chứng khoán khác. Bằng cách đầu tư chia nhỏ trong cho mỗi chứng khoán, rủi ro phi hệ thống trung bình sẽ tiến đến không đổi với một danh mục lớn. Cho dù hàng thứ ba sẽ triệt tiêu hoàn toàn trong một danh mục lớn, không có gì bất thường đối với hàng thứ nhất và hàng thứ hai.

Hàng thứ nhất vẫn là trung bình trọng số tỷ suất sinh lợi kỳ vọng của các chứng khoán được chọn vào danh mục. Do không có sự đột biến nào ở hàng thứ hai nên chúng ta không thể phân tán hóa nhằm triệt tiêu hàng này. Các phần tử trong ngoặc đơn của hàng thứ hai vẫn là trung bình trọng số của các beta. Chúng vẫn không bị triệt tiêu khi chúng ta tăng số lượng các chứng khoán. Bởi vì nhân tố F không bị ảnh hưởng bởi sự gia tăng các chứng khoán trong danh mục nên hàng thứ hai không thể bị triệt tiêu.

Tại sao hàng thứ ba bị triệt tiêu trong khi hàng thứ hai thì không mặc dù cả hai hàng đều biểu hiện sự không chắc chắn? Điểm mấu chốt là có nhiều rủi ro phi hệ thống ở hàng thứ 3. Do bởi những rủi ro này độc lập với nhau nên tác động của phân tán hóa càng lớn khi chúng ta chọn thêm nhiều chứng khoán vào danh mục. Danh mục này càng ít rủi ro hơn và tỷ suất sinh lợi trở nên chắc chắn hơn. Tuy nhiên rủi ro hệ thống tác động đến mọi chứng khoán do nó nằm ngoài ngoặc đơn trong hàng thứ hai. Do nhà đầu tư không thể tránh được nhân tố này khi đầu tư vào nhiều chứng khoán nên sự phân tán hóa không thể diễn ra trong hàng này.

Cần lưu ý rằng rủi ro trong một danh mục lớn và phân tán hóa đúng mức là các rủi ro hệ thống bởi vì rủi ro phi hệ thống đã bị phân tán hóa hoàn toàn. Có một sự ngẫm nghĩ rằng khi một cổ đông sử dụng phân tán hóa đầy đủ quan tâm đến việc nắm giữ một cổ phiếu nào đó thì anh ta có thể bỏ qua rủi ro phi hệ thống của chứng khoán đó. Các cổ phiếu cũng như một danh mục không có rủi ro phi hệ thống. Cũng như chúng ta không nói rằng rủi ro phi hệ thống sẽ không tác động gì đến tỷ suất sinh lợi của chúng. Cổ phiếu luôn có rủi ro phi hệ thống và tỷ suất sinh lợi thực tế của nó phụ thuộc vào rủi ro phi hệ thống.

Tuy nhiên do rủi ro này triệt tiêu lẫn nhau trong một danh mục được phân tán đúng mức các cổ đông có thể bỏ qua rủi ro phi hệ thống này khi họ quan tâm đến việc có hay không chọn một cổ phiếu vào danh mục. Do đó nếu các cổ đông bỏ qua rủi ro phi hệ thống chỉ còn rủi ro hệ thống của một cổ phiếu được liên hệ với tỷ suất sinh lợi của nó.

Một danh mục lớn, phân tán không có rủi ro phi hệ thống bởi vì rủi ro phi hệ thống của mỗi chứng khoán đã được phân tán hoàn toàn. Giả định có đủ chứng khoán để danh mục thị trường được phân tán đúng mức và không có chứng khoán nào có tỷ lệ áp đảo trên thị trường, danh mục này được phân tán hoàn toàn và không có rủi ro phi hệ thống. Nói cách khác, danh mục thị trường có tương quan hoàn toàn với nhân tố đơn, nghĩa là danh mục thị trường là phiên bản to hoặc nhỏ hơn về quy mô của nhân tố. Sau khi mô phỏng với tỷ lệ thích hợp chúng ta có thể xem danh mục thị trường như là nhân tố.

Trong quản lý danh mục đầu tư Mô hình định giá chứng khoán vốn và lý thuyết kinh doanh chênh lệch giá CAPM và APT là hai mô hình có thể thay thế lẫn nhau của rủi ro và tỷ suất sinh lợi. Thật quan trọng nếu ta quan tâm đến sự khác nhau giữa hai mô hình cả về lý luận lẫn ứng dụng trong thực tế.

Các đặc tính của cổ phiếu ngoài việc được sử dụng làm nền tảng cho việc ước lượng tỷ suất sinh lợi kỳ vọng chúng còn được sử dụng rộng rãi như là một cách mô tả phong cách quản lý vốn đầu tư. Ví dụ một danh mục có tỷ số P/E vượt mức trung bình của thị trường có thể được mô tả như danh mục P/E cao hay danh mục cổ phiếu tăng trưởng.

Khác nhau về lý luận

Mô hình CAPM mang đến cho chúng ta lý thuyết về những tập hợp hiệu quả. Cách hành xử này bắt đầu từ trường hợp của hai chứng khoán rủi ro cho đến trường hợp nhiều chứng khoán và kết thúc khi một chứng khoán phi rủi ro được kết hợp với nhiều chứng khoán rủi ro có giá trị rất lớn về mặt trực giác. Cách trình bày này không dễ gì đạt được đối với APT.

Tuy nhiên, APT cũng có một lợi điểm đối trọng. Mô hình cộng thêm các yếu tố cho đến khi rủi ro phi hệ thống của bất kỳ một chứng khoán không tương quan với rủi ro phi hệ thống của mỗi chứng khoán còn lại. Với công thức này, nó dễ dàng được chỉ ra rằng (1) rủi ro phi hệ thống giảm đều (và cuối cùng triệt tiêu) khi số lượng các chứng khoán trong danh mục tăng nhưng (2) rủi ro hệ thống không tăng. Điều này cũng được chỉ ra trong CAPM mặc dù về mặt trực giác có mờ nhạt hơn do các rủi ro phi hệ thống có thể tương quan lẫn nhau giữa các chứng khoán.

Khác nhau trong ứng dụng

Một trong những lợi thế của APT là nó có thể xử lý đa nhân tố trong khi CAPM bỏ qua chúng. Mặc dù rất nhiều các trình bày của chúng tôi trong chương này tập trung vào mô hình một nhân tố nhưng mô hình đa nhân tố có lẽ phản ánh thực tế nhiều hơn. Có nghĩa rằng ta phải lấy ra từ các nhân tố của toàn thị trường và toàn ngành trước khi rủi ro phi hệ

thống của một chứng khoán tương quan với rủi ro phi hệ thống của các chứng khoán khác. Ở dạng đa nhân tố của APT, mỗi quan hệ giữa tỷ suất sinh lợi và rủi ro có thể được biểu hiện như sau:

$$R = RF + (R1 - RF) b1 + (R2 - RF) b2 + (R3 - RF) b3 + + (RK - RF) bK \quad (5)$$

Trong phương trình này $b1$ ký hiệu cho beta của chứng khoán ứng với nhân tố thứ nhất, $b2$ ký hiệu cho beta của chứng khoán ứng với nhân tố thứ hai và tiếp diễn như vậy. Ví dụ nếu nhân tố thứ nhất là GNP thì $b1$ là beta GNP của chứng khoán. Ký hiệu là tỷ suất sinh lợi kỳ vọng của chứng khoán (hay danh mục) mà có beta ứng với nhân tố thứ nhất là 1 và có beta ứng với các nhân tố khác bằng 0.

Do thị trường bù đắp cho rủi ro nên $(R1-RF)$ sẽ dương trong trường hợp bình thường. Phương trình này thể hiện tỷ suất sinh lợi kỳ vọng của chứng khoán liên quan đến beta của chứng khoán tương ứng với mỗi nhân tố. Ý nghĩa của phương trình (5) rất đơn giản. Mỗi nhân tố đại diện cho một rủi ro không thể phân tán hóa hoàn toàn. Beta của chứng khoán tương ứng với một nhân tố càng cao thì rủi ro của chứng khoán phải gánh chịu càng cao. Phương trình trên thể hiện tỷ suất sinh lợi là tổng của lãi suất phi rủi ro cộng với phần đền bù cho mỗi loại rủi ro mà chứng khoán phải gánh chịu.

Do rất nhiều nhân tố xuất hiện APT có khả năng tiềm ẩn đo lường tỷ suất sinh lợi kỳ vọng chính xác hơn CAPM. Tuy nhiên như chúng tôi đã đề cập ta không thể xác định dễ dàng đâu là nhân tố thích hợp. Các nhân tố của ví dụ trên được sử dụng vì cả hai lý do thuận tiện và dễ hiểu. Chúng không được suy ra từ lý thuyết.

Cách tiếp cận thực nghiệm đối với định giá chứng khoán

Các mô hình thực nghiệm CAPM và APT không làm giảm đi chút nào các mô hình và các phương pháp sử dụng trong thực tế để đo lường tỷ suất sinh lợi kỳ vọng của chứng khoán. Cả CAPM và APT là những mô hình dựa vào rủi ro. Mỗi mô hình đo lường rủi ro của chứng khoán bằng beta của nó tương ứng với một nhân tố hệ thống và luận giải rằng tỷ suất sinh lợi kỳ vọng phải tỷ lệ với beta. Mặc dù chúng ta nhận thấy điều này có một sức hút hiển nhiên và có nền tảng vững chắc về lý thuyết, nhưng vẫn còn những cách tiếp cận khác.

Hầu hết các cách tiếp cận đó có thể được gộp chung lại dưới một tên gọi chung là những phương pháp tham số hay thực nghiệm. Thuật ngữ thực nghiệm đề cập đến một thực tế rằng những cách tiếp cận này ít dựa vào các lý thuyết về sự vận động của thị trường tài chính mà chỉ đơn thuần dựa vào các trạng thái lặp lại và các liên hệ trong quá khứ của dữ liệu thị trường. Trong các cách tiếp cận này nhà nghiên cứu định rõ những tham số hay các đặc tính liên đới với các chứng khoán rồi khảo sát trực tiếp dữ liệu nhằm tìm mối liên hệ giữa những đặc tính này và tỷ suất sinh lợi kỳ vọng. Đơn cử như có rất nhiều các nghiên cứu đã được thực hiện về mối liên quan giữa tỷ suất sinh lợi kỳ vọng của công ty và quy mô của nó. Có đúng hay không những công ty nhỏ có tỷ suất lợi kỳ vọng cao hơn những công ty lớn? Những nhà nghiên cứu đã khảo sát các tỷ số tài chính khác nhau như tỷ số giữa giá cổ phần và thu nhập giữ lại, P/E, và tỷ số có quan hệ gần gũi là tỷ số giữa giá trị thị trường và của chứng khoán và giá trị sổ sách của công ty, M/B. Từ đây có thể có một tranh luận rằng những công ty với tỷ số P/E hoặc M/B thấp bị định giá thấp và có thể được kỳ vọng có tỷ suất sinh lợi cao hơn trong tương lai.

Nhằm sử dụng các tiếp cận thực nghiệm để xác định tỷ suất sinh lợi kỳ vọng, chúng ta phải ước lượng phương trình sau:

$$R_i = R_F + kP/E_i + kM/B(M/B)_i + ksize(size)_p$$

trong đó là tỷ suất sinh lợi kỳ vọng của công ty i , và các hệ số k là hệ số tương quan mà chúng ta đã ước lượng từ dữ liệu của thị trường. Chú ý rằng đây là một dạng tương tự phương trình trên trong đó các đặc tính của công ty đóng vai trò beta và hệ số k trong vai trò nhân tố chênh lệch tỷ suất sinh lợi của danh mục.

Khi chúng ta kiểm chứng số liệu, các phương thức tiếp cận tham số tỏ ra vận hành rất tốt. Thật vậy, khi so sánh giữa việc sử dụng các tham số và việc sử dụng beta để dự đoán tỷ suất sinh lợi kỳ vọng các tham số như P/E và M/B tỏ ra hữu hiệu hơn. Có nhiều giải thích khả dĩ cho các kết quả này, và vấn đề vẫn chưa được luận giải hoàn toàn. Những nhà phê bình về cách tiếp cận thực nghiệm rất thận trọng đối với cái mà họ gọi là sự đào bới dữ liệu.

Những tham số mà nhà nghiên cứu sử dụng thường được chọn bởi vì chúng đã được biết có liên quan đến tỷ suất sinh lợi. Chúng ta thấy rằng bất kỳ những mối liên hệ nào như vậy là do ngẫu nhiên nhưng nếu bạn tìm kiếm đủ lâu và có đủ các chọn lựa bạn có thể tìm thấy cái mà thậm chí như không phải như vậy. Nó cũng khá giống với việc nhìn lên các đám mây. Sau một lúc bạn sẽ thấy các đám mây trông giống bất kỳ thứ gì bạn muốn như anh hề, gấu, hay bất kỳ thứ gì, nhưng tất cả những gì bạn đang làm là gọi là đào bới dữ liệu. Không cần phải nói những nhà nghiên cứu các vấn đề trên bảo vệ công việc của họ bằng tranh luận rằng họ không hề đào bới dữ liệu và họ đã rất cẩn thận tránh những cạm bẫy qua việc chú ý vào dữ liệu để xem việc gì sẽ xảy ra.

Dĩ nhiên, như là một vấn đề về lý thuyết thuần túy, vì bất kỳ ai trên thị trường có thể dễ dàng truy tìm được tỷ số P/E của các công ty, anh ta chắc chắn sẽ không mong đợi những công ty với P/E thấp hoạt động tốt hơn những công ty có tỷ số này cao đơn giản chỉ vì các công ty này bị định giá thấp. Trong một thị trường hoàn hảo, những tính toán của công chúng về định giá thấp sẽ nhanh chóng bị phá vỡ và không trong mong có thể tồn tại.

Có lẽ giải pháp tốt hơn cho sự thành công của phương thức tiếp cận thực nghiệm nằm ở sự tổng hợp giữa các cách tiếp cận dựa vào rủi ro và bản thân phương thức thực nghiệm. Trong thị trường hoàn hảo, rủi ro và tỷ suất sinh lợi có liên hệ với nhau, do có thể các tham số hoặc những đặc tính thể hiện liên quan đến tỷ suất sinh lợi cũng đồng thời là công cụ đo lường rủi ro tốt hơn. Ví dụ, nếu giả sử chúng ta tìm thấy rằng các công ty với P/E thấp lại hoạt động tốt hơn các công ty có P/E cao và điều này thậm chí đúng cho các công ty có cùng beta, thì chúng ta có thể có ít nhất hai cách giải thích. Một là, chúng ta có thể đơn thuần vứt bỏ các lý thuyết dựa trên rủi ro vì chúng không đúng. Hơn nữa chúng ta có thể tranh luận rằng các thị trường không hoàn hảo và mua cổ phiếu của công ty có P/E thấp cho chúng ta cơ hội kiếm lời nhiều hơn tỷ suất sinh lợi dự kiến. Hai là, ta có thể tranh luận rằng cả hai cách nhìn đều đúng và P/E thật sự chỉ là cách tốt hơn để đo lường rủi ro hệ thống hơn là ước lượng beta trực tiếp từ dữ liệu.

Các kiểu danh mục

Các đặc tính của cổ phiếu ngoài việc được sử dụng làm nền tảng cho việc ước lượng tỷ suất sinh lợi kỳ vọng chúng còn được sử dụng rộng rãi như là một cách mô tả phong cách quản lý vốn đầu tư. Ví dụ một danh mục có tỷ số P/E vượt mức trung bình của thị trường có thể được mô tả như danh mục P/E cao hay danh mục cổ phiếu tăng trưởng. Tương tự, một danh mục được hình thành với P/E trung bình thấp hơn nhiều so với P/E của một chỉ số thị trường có thể được coi là danh mục P/E thấp hay danh mục có giá.

Để đánh giá một nhà quản lý danh mục làm việc tốt ra sao, thường hiệu quả của anh ta được so sánh với kết quả của vài chỉ số cơ bản. Ví dụ tỷ suất sinh lợi danh mục của một nhà quản lý mua cổ phiếu mệnh giá lớn của các công ty Mỹ có thể được so sánh với chỉ số S&P 500. Trong trường hợp này chỉ số S&P 500 được xem là cột mốc so sánh với những hiệu quả đã được tính toán. Tương tự như vậy hiệu quả của một nhà quản lý quốc tế có thể được so sánh với chỉ số của các cổ phiếu quốc tế. Trong việc chọn lựa mốc so sánh thích hợp cần thận trọng xác định cột mốc so sánh chỉ chứa đựng những loại cổ phiếu mà nhà quản lý hướng đến như là đại diện cho phong cách của anh ta và có sẵn để mua. Một nhà quản lý đã được bảo rằng không mua bất kỳ chứng khoán nào có trong chỉ số S&P 500 thì không có lý do gì bị so sánh với chỉ số này.

Hơn nữa các nhà quản lý không chỉ bị so sánh với chỉ số mà còn với những nhóm các nhà quản lý tương đương. Hiệu quả của một quỹ đầu tư như đã quảng cáo là một quỹ tăng trưởng có thể được so sánh với hiệu quả của một mẫu lớn các quỹ tương tự. Đơn cử như hiệu quả trong một giai đoạn thường được phân chia thành bốn nhóm. Các quỹ thuộc nhóm 25% trên cùng ở trong phần tư thứ nhất, 25% kế tiếp nằm ở phần tư thứ hai, 25% kế đến nằm ở phần tư thứ ba, và nhóm các quỹ có hiệu quả kém nhất nằm ở phần tư cuối cùng. Nếu một quỹ được xem xét có hiệu quả nằm trong nhóm phần tư thứ hai thì ta gọi nhà quản lý đó là nhà quản lý cấp phần tư thứ hai. Cũng giống như vậy, chúng ta gọi một quỹ mua cổ phiếu có M/B thấp là quỹ có giá và sẽ so sánh hiệu quả của nó với mẫu các quỹ có giá tương đương. Các cách tiếp cận này về việc đo lường hiệu quả là tương đối mới, và chúng là một phần của những cố gắng tích cực và thú vị nhằm tinh lọc khả năng xác định và sử dụng các kỹ năng đầu tư của chúng ta.

Xác định giá trị cổ phiếu bằng chiết khấu dòng cổ tức

Xác định giá trị nội tại cổ phiếu là một vấn đề rất phức tạp và phải mất nhiều thời gian nghiên cứu để có thể hiểu đúng và áp dụng một cách hiệu quả trong đầu tư.

Trong bài viết này tác giả muốn giới thiệu những vấn đề căn bản của phương pháp xác định giá trị nội tại (Intinsic value) cổ phiếu theo chiết khấu dòng cổ tức (Dividend Discount Model-DDM), một phương pháp phổ biến trên thế giới trong việc xác định giá trị cổ phiếu. Trước tiên chúng ta sẽ thảo luận một số khái niệm cơ bản liên quan.

1. Lãi và rủi ro

Để tối đa hóa giá cổ phiếu, các giám đốc tài chính cũng như nhà đầu tư cần hiểu và xác định được hai yếu tố cơ bản: lãi (return) và rủi ro (risk).

Lãi của một khoản đầu tư trong một khoảng thời gian được tính bởi tổng số tiền được phân phối trong kỳ cộng với các khoản tăng giá trị trong kỳ, tất cả chia cho giá trị đầu tư đầu kỳ. Ví dụ: Công ty Hoana muốn xác định lãi của cổ phiếu REE mà Công ty mua 1 năm trước với giá 38.000 đồng và giá hiện tại là 82.000 đồng. Trong kỳ, Công ty nhận được cổ tức (sau thuế) là 1.400 đồng. Tỷ lệ lãi đầu tư cổ phiếu REE trong năm là bao nhiêu?

$$K = (1.400 \text{ đ} + (82.000 - 38.000))/38.000 = 119\%$$

Rủi ro là khả năng xảy ra việc lỗ tài chính hay chính thống hơn là sự biến động của các khoản lãi lỗ gắn liền với một tài sản. Ví dụ, một trái phiếu chính phủ 1 triệu đồng, đảm bảo cho người sở hữu nó một khoản lãi 80.000 đồng sau 1 năm mà coi như không có rủi ro, vì không có sự biến động của khoản lãi. Một khoản đầu tư cổ phiếu thường 1 triệu đồng, trong cùng khoảng thời gian như trên có thể kiếm được khoản lãi biến động từ 0 đến 200.000 đồng, nó rất rủi ro, vì sự biến động lớn của lãi của cổ phiếu. Một khoản lãi từ tài sản gần chắc chắn hơn, ít có sự biến động hơn và do vậy rủi ro ít hơn.

Đo lường rủi ro: Độ lệch chuẩn (Standard deviation) là chỉ số thống kê phổ biến để chỉ mức rủi ro của một tài sản; nó đo lường sự phân tán xung quanh giá trị mong muốn (expected value), giá trị lãi của tài sản mà nó có khả năng xảy ra lớn nhất.

2. Phương pháp định giá tài sản vốn theo lãi và rủi ro/The Capital Asset Pricing Model (CAPM)

Cơ bản của thuyết này là mối liên hệ giữa rủi ro và lãi cho tất cả các tài sản. Phương trình cơ bản của CAPM là:

$$K_s = R_f + [b_s \times (K_m - R_f)]$$

Trong đó:

- + K_s = Tỷ lệ lãi yêu cầu trên tài sản s ;
- + R_f = Tỷ lệ lãi không có rủi ro (risk-free of interest): thường được lấy bằng tỷ lệ lãi trái phiếu chính phủ ngắn hạn 3 tháng;
- + $R_f = K^* + IP$ = Tỷ lệ lãi suất thực + Tỷ lệ lạm phát ước tính;
Nếu tỷ lệ lạm phát ước tính năm 2006 của đồng Việt Nam là 6%, tỷ lệ lãi suất thực là 2% thì tỷ lệ lãi không có rủi ro là $R_f = 2\% + 6\% = 8\%$.
- + b_s = Hệ số rủi ro beta: Thước đo liên quan đến rủi ro mà không thể triệt tiêu từ việc đa dạng hóa đầu tư. Một chỉ số chỉ mức độ thay đổi lãi của một tài sản trước sự thay đổi lãi thị trường. Nếu lãi của một cổ phiếu bằng một nửa so với lãi thị trường, thì $b_s = 0,5$. Nó ước tính sẽ thay đổi bằng 0,5 % của 1% thay đổi trong lãi của danh mục thị trường. Nếu một cổ phiếu có 2 lần thay đổi so với thị trường ($b = 2$) sẽ mong đợi 2% thay đổi lãi của nó cho 1% thay đổi lãi của danh mục thị trường. Hệ số rủi ro beta của quá khứ cho các cổ

phiếu có thể tính được bằng khoa học thống kê. Ở các nước thường có các tài liệu công bố công khai về hệ số bs này. Lưu ý rằng, hệ số rủi ro quá khứ có thể không đúng cho tương lai.

+ K_m = Lãi thị trường (Market return) là lãi trên toàn bộ các chứng khoán được lưu hành;
+ $K_m - R_f$ = Tỷ lệ thưởng rủi ro (Risk Premium) là phần thưởng mà nhà đầu tư phải nhận được cho việc chấp nhận rủi ro bình quân liên quan đến các danh mục tài sản đầu tư của thị trường.

Theo Stocks, Bonds, Bills & Inflation, 2001 year book (Chicago: Ibbotson Associates Inc., 2001, lãi, độ lệch chuẩn và tỷ lệ thưởng rủi ro của các khoản đầu tư chứng khoán từ 1926-2000 trên TTCK New York như sau: (Xem bảng 1)

Ví dụ: Công ty X muốn xác định tỷ lệ lãi yêu cầu trên tài sản, cổ phiếu HAS mà chúng có hệ số beta, chỉ số rủi ro tài sản là $b_h = 1,2$. Tỷ lệ lãi không rủi ro là $R_f = 8\%$ ($= 2\% + 6\%$); Lãi của các cổ phiếu trên thị trường là $K_m = 15\%$. Thay vào công thức trên ta có:

$$K_h = R_f + [b_h \times (K_m - R_f)] = 8\% + [1,2 \times (15\% - 8\%)] = 8\% + 8,4\% = 16,4\%$$

Những thay đổi trong việc không muốn rủi ro (Risk aversion): nhà đầu tư không muốn rủi ro (kinh tế, chính trị, xã hội), họ yêu cầu tăng lãi khi các rủi ro tăng lên.

Những thay đổi trong dự đoán lạm phát: giả sử hiện nay do giá xăng dầu tăng mạnh, lạm phát tăng thêm 2% so với dự đoán ban đầu là 6%. Kết quả tất yếu là tất cả các tỷ lệ lãi cũng tăng tương ứng 2%. Trong trường hợp đó, $R_{f1} = 10\%$ (tăng từ 8% lên 10%), $K_{m1} = 17\%$ (tăng từ 15% lên 17%) Thay vào công thức trên ta có:

$$K_{h1} = 10\% + [1,2 \times (17\% - 10\%)] = 10\% + 8,4\% = 18,4\%$$

So sánh $K_h = 16,4\%$ và $K_{h1} = 18,4\%$, ta thấy sự thay đổi 2% trong lãi yêu cầu của tài sản K_h đúng bằng thay đổi trong tỷ lệ

3. Phương pháp chiết khấu dòng cổ tức (Dividend Discount Model)

Giá trị cổ phiếu thường là giá trị hiện tại (present value) của tất cả các dòng tiền cổ tức tương lai mà nó hy vọng được cung cấp trong toàn bộ thời gian tương lai vô hạn định của nó. Mặc dù nhà đầu tư có thể kiếm lãi bằng việc bán cổ phiếu với giá cao hơn giá mua ban đầu, nhà đầu tư đã thực sự bán cái gì? Đó là bán quyền đối với các khoản cổ tức trong tương lai. Với các cổ phiếu mà nó không hy vọng được trả cổ tức trong tương lai thấy trước được, những cổ phiếu này có giá trị đối với các cổ tức trong tương lai xa từ kết quả của việc bán công ty hay thanh lý các tài sản của nó. Do vậy từ góc độ xác định giá trị, chỉ có các khoản cổ tức là liên quan. Phương trình cơ bản để xác định giá trị cổ phiếu là: (Bảng 2)

Trong đó:

+ P: giá trị cổ phiếu thường;

+ Dt: cổ tức mỗi cổ phiếu hy vọng nhận được ở cuối năm t;

+ Ks: tỷ lệ lãi yêu cầu trên cổ phiếu thường (xem cách tính ở phần 2 - CAPM);
+ $D_n / (1+K_s)^n$ là giá trị hiện tại của cổ tức nhận được cuối năm thứ n. Ví dụ $D_1 / (1+K_s)$ là giá trị hiện tại của cổ tức sẽ nhận được cuối năm thứ 1 với tỷ lệ chiết khấu là $k_s\%$.

Tại sao phải chiết khấu giá trị tương lai về giá trị hiện tại? Bởi nguyên tắc giá trị thời gian của đồng tiền. Tiền đẻ ra tiền, một đồng tiền nhận được ngày hôm nay có giá trị hơn một đồng tiền nhận được ngày mai.

Theo phương pháp đánh giá này, yêu cầu dự đoán tất cả các khoản cổ tức trong tương lai. Có ba loại cơ bản tỷ lệ tăng trưởng cổ tức: không tăng, tăng cố định và tăng thay đổi. Để đơn giản, chúng ta xem mô hình cổ tức tăng cố định hàng năm.

Mô hình tăng cố định (Constant-Growth Model) còn thường được gọi là Gordon Model: (Xem bảng 3)

Trong đó:

- + D_1 là cổ tức trả vào cuối năm thứ 1. $D_1 = D_0 \times (1 + g)$;
- + Ks: tỷ lệ lãi yêu cầu trên cổ phiếu thường (xem cách tính ở phần 2 - CAPM);
- + g: tỷ lệ tăng trưởng cố định hàng năm của cổ tức mỗi cổ phiếu;

Việc xác định đúng tỷ lệ g là điều không đơn giản, vì đó là số ước tính cho tương lai. Rất nhiều công ty trả cổ tức hàng năm cố định bằng 12-18% mệnh giá, cho dù công ty có lãi lớn hơn rất nhiều lần cổ tức đó và sau khi lãi lưu giữ đủ lớn, công ty thưởng cổ phiếu. Trong những trường hợp như vậy tỷ lệ tăng trưởng cổ tức được tính như thế nào?

Để đơn giản, chúng ta giả thiết rằng, tỷ lệ cổ tức trên EPS (lãi trên mỗi cổ phiếu) hàng năm là không đổi, do vậy tỷ lệ tăng trưởng cổ tức bằng tỷ lệ tăng trưởng EPS. Nguyên tắc chung là các cổ phiếu thưởng bất cứ thời điểm nào trong năm hiện tại sẽ được coi như từ đầu năm đó và nó sẽ cộng điều chỉnh tăng cho các năm quá khứ để tính EPS và do vậy có thể so sánh EPS giữa các năm với nhau.

Ví dụ: Giả sử ta có các số liệu của cổ phiếu HAS như ở bảng dưới. Tháng 6/2006, Công ty đã phát hành cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 4 cổ phiếu hiện hữu được thưởng 1 cổ phiếu. Tỷ lệ tăng trưởng EPS của HAS là bao nhiêu? (Xem bảng 4)

Như vậy tỷ lệ tăng trưởng EPS bình quân trong 4 năm vừa qua của HAS là 13%/năm. Nếu ước tính tỷ lệ tăng trưởng cổ tức ổn định hàng năm của HAS bằng tỷ lệ tăng trưởng EPS là 13%/ năm trong các năm tiếp theo. Cổ tức năm vừa qua là 1.500 đ/CP, tỷ lệ lãi yêu cầu trên cổ phiếu HAS là 16,4%, do vậy giá trị nội tại của cổ phiếu HAS sẽ là:

$$Phas = D_1 / (K_e - g) = 1.500(1+0,13) / (0,164 - 0,13) = 49.852 \text{ đồng/CP}$$

Nếu tỷ lệ lãi trên vốn chủ sở hữu (ROE) tăng, EPS tăng, tỷ lệ g tăng, do vậy hiệu số $(k_e - g)$ giảm, làm cho giá trị cổ phiếu tăng. Ngược lại nếu hiệu số $(k_e - g)$ tăng, giá trị cổ phiếu giảm.

Dựa vào các số liệu từ các báo cáo tài chính của các công ty và nhận định về các yếu tố liên quan, tác giả đưa ra bảng tính giá trị nội tại của một số công ty lớn như sau: (Xem bảng 5)

Với cùng một công thức như trên, nhưng mỗi người sẽ có nhận định khác nhau về các con số D1, Ke và g và do vậy sẽ ra các kết quả tính giá trị nội tại cổ phiếu khác nhau. Người mua cho rằng, giá thị trường thấp hơn giá trị nội tại, họ mua vào. Ngược lại, người bán cho rằng, giá thị trường cao hơn giá trị nội tại cổ phiếu, do vậy họ bán ra. Mỗi khi có những thông tin mới, mà nó trực tiếp hay gián tiếp ảnh hưởng đến một trong ba yếu tố nói trên, thì giá trị nội tại của cổ phiếu cũng sẽ thay đổi. Giả sử các chỉ số khác không đổi, nếu tỷ lệ tăng trưởng g của STB từ 12,5% (như bảng trên) xuống còn 12%, 11% và 10%/năm thì giá trị nội tại của chúng chỉ còn tương ứng là 52.267 đồng; 38.850 đồng và 30.800 đồng/CP. Bạn sẽ thấy sự biến động khủng khiếp của (P) nếu tỷ lệ tăng trưởng (g) giảm. Thường thì tỷ lệ tăng trưởng cổ tức mỗi cổ phiếu khó có thể đạt được tỷ lệ 12-13%/năm cho suốt cả đời tồn tại của một công ty. Tuy nhiên, rất nhiều nhà phân tích thường dùng tỷ lệ tăng trưởng ước tính cho 5 năm tới.

Tiêu chuẩn mitcel trong đánh giá và phân tích

Hiện nay, việc sắp xếp lại hoặc cổ phần hoá các doanh nghiệp Nhà nước là một vấn đề hết sức quan trọng, nhằm phát huy được hết sức mạnh của nền kinh tế và xây dựng một cơ chế thị trường ngày một hoàn thiện hơn. Thị trường chứng khoán Việt Nam đã đi vào hoạt động, mọi người cùng cần có thông tin đánh giá một cách khách quan và chuyên nghiệp về tình hình sản xuất kinh doanh cũng như có một cái nhìn khái quát nhất về các tổ chức niêm yết trước khi họ có những quyết định đầu tư của mình. Chính vì thế cần có những phương pháp phân tích, đánh giá. Việc phân tích cũng yêu cầu nghiêm ngặt về tính công khai và trung thực trong thông tin và chuyên môn của nhà phân tích.

Tiêu chuẩn Mitcel được sử dụng để phân tích và đánh giá các doanh nghiệp đặc biệt khi doanh nghiệp tham gia kinh doanh hay niêm yết trên thị trường chứng khoán. Tiêu chuẩn này nhằm giúp cho người đầu tư dự đoán được mức thu lợi cũng như dự phòng được rủi ro. Nói một cách đơn giản nhất, ta có thể đưa ra 6 yếu tố ảnh hưởng chính là nội dung chủ yếu của tiêu chuẩn Mitcel và đánh giá theo thang điểm gồm bốn cấp: mạnh - trung bình - mạo hiểm - rủi ro cho từng yếu tố.

Tiêu chuẩn để đánh giá:

1. Công nghệ (Technology): đây là yếu tố quan trọng nhất. Bao gồm việc có áp dụng công nghệ tiên tiến hay không? Tình hình thay đổi công nghệ có nhanh chóng và kịp thời không? Có áp dụng một công nghệ thích hợp với tầm mức và vị thế của mình để đảm bảo hiệu quả và chất lượng cao?

2. Thị trường (Market): Tiềm năng và xu hướng phát triển của thị trường cũng như nhu cầu trong tương lai... ở đây bao gồm cả thị trường trong nước cũng như việc xuất khẩu và các cơ hội bán hàng tiềm năng khác. Phát triển được công nghệ dẫn đầu trong một thị trường tiềm năng và ổn định là một trong những yếu tố quyết định sự thắng lợi.

3. Đầu vào (Input): Bao gồm con người, nguyên vật liệu, vốn được quy định do quy mô và tầm quan trọng của công ty (phản ánh qua các báo cáo và tỷ số tài chính, tình trạng lao động...) đối với nền kinh tế quốc dân.

4. Lãnh đạo (Leader): Có tài và có đức, có mối quan hệ rộng... Vai trò của người lãnh đạo là rất quan trọng trong việc nhận biết các cơ hội kinh doanh cũng như các nguy cơ. ở đây chúng ta thấy mối quan hệ khăng khít giữa công nghệ - thị trường - lãnh đạo. Nhà lãnh đạo giỏi là người thấy được tiềm năng của thị trường và từ đó chọn một công nghệ phù hợp để phát triển một mặt hàng kinh doanh. Ngược lại, từ những công nghệ siêu hiện đại và những thị trường không lồ, những nhà kinh doanh lớn xuất hiện.

5. Cạnh tranh (Competitive): Mức độ cạnh tranh của các công ty khác (cả thị trường trong nước và quốc tế).

6. Môi trường kinh tế, chính trị xã hội (Environment of social, economy, political) và các luật lệ, chính sách quản lý vĩ mô có phù hợp với việc khai thác và phát triển sức mạnh của công ty hay không? Môi trường này cũng là cơ sở tạo ra các luật chơi, đạo đức cũng như triết lý kinh doanh có tính lâu dài, vững chắc hay thiên về tính cách cơ hội, chộp giật...

Thang điểm để đánh giá:

- Mạnh: Một yếu tố được đánh giá là mạnh khi nó có đủ lớn, phát triển ổn định và vững chắc kể cả khi gặp những biến động về điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội... Có sức cạnh tranh mạnh mẽ so với các đối thủ khác. Có khả năng bảo toàn vốn và có lợi nhuận rõ ràng, chắc chắn.

- Trung bình: đạt được những tiêu chuẩn thấp hơn và sức mạnh có thể bị yếu đi khi các điều kiện về kinh tế, chính trị - bị thay đổi. Có khả năng bảo toàn vốn và có lợi nhuận nhất định.

- Mạo hiểm: Có tiềm năng và cơ hội phát triển nhanh nhưng không chắc chắn. Khả năng bảo toàn vốn và thu được lợi nhuận trong một thời gian lâu dài là rất yếu.

- Rủi ro: các tiêu chuẩn rất yếu kém, có thể dẫn tới tình trạng phá sản hoặc gần phá sản.

Phương pháp đánh giá:

Tổ hợp 6 yếu tố theo thang điểm đánh giá ta sẽ khai quát được về tình hình và chiều hướng phát triển của sản xuất, kinh doanh của đối tượng mà ta nghiên cứu để từ đó rút ra các quyết định đúng đắn và sáng suốt. Một trong những ưu điểm nổi bật của phương pháp

này là nó có tính toàn diện và khái quát cao, đánh giá được doanh nghiệp trên cơ sở tiềm lực nội tại và độ thích nghi, thân thiện của doanh nghiệp đối với môi trường bên ngoài.

Việc sử dụng 4 cấp hệ số (mạnh - trung bình - mạo hiểm - rủi ro) làm cho việc tính toán được đơn giản hoá; kết hợp được các ưu điểm của phương pháp phân tích cơ bản (fundamental analysis) và phân tích kỹ thuật (technical analysis) làm cho việc phân tích nhanh chóng và tiện lợi, giàu tính thuyết phục hơn là sử dụng riêng rẽ từng phương pháp một.

KINH NGHIỆM CHƠI CHỨNG KHOÁN

Cẩm nang cho nhà đầu tư mới vào nghề

Trên thị trường chứng khoán (TTCK) có nhiều nhà đầu tư giao dịch cổ phiếu (CP) xuất phát từ những mẹo do bạn bè mách bảo, các cú điện thoại của nhà môi giới hay những đề xuất của một nhà phân tích nào đó. Họ thường mua CP khi thị trường đang trong giai đoạn nóng bỏng, đến lúc thị trường trở lạnh, họ rất dễ hoảng loạn, bán tháo số CP nắm giữ để rồi hứng chịu một khoản thua lỗ. Đó là câu chuyện rất điển hình về những nhà đầu tư mới vào nghề.

Đầu tư chứng khoán về cơ bản là một quá trình bao gồm 4 bước như sau:

Bước 1: Chọn lựa CP

Bước đầu tiên trong việc chọn lựa một CP là bắt đầu theo dõi diễn biến các CP. Đặt một CP vào danh sách theo dõi (Watch list) sẽ làm tăng sự chú ý của bạn đối với CP đó. Thật hiếm khi bạn tìm được một CP nào đó rồi mua ngay tức thì. Một danh sách quan sát là mấu chốt để lựa chọn CP thành công.

Nếu bạn theo trường phái phân tích kỹ thuật, thì khi đó diễn biến giá CP là lý do chính của việc lựa chọn một CP đó để theo dõi.

Còn nếu bạn theo trường phái phân tích cơ bản, thì tin tức về thu nhập hay bất kỳ một tin tức nào khác về công ty lại là lý do chính để bạn quan tâm đến CP này. Một khi CP đã nằm trong danh sách theo dõi, bạn có thể so sánh diễn tiến giá cả của CP đó với diễn tiến giá cả của các CP khác. Bạn cũng có thể tìm thấy các thông tin khác liên quan đến CP đó nhằm giúp bạn có cơ sở để ra quyết định.

Nhà đầu tư theo trường phái phân tích kỹ thuật có thể quan tâm đến việc tìm kiếm các thông tin có tính kỹ thuật về CP. Liệu CP có diễn biến giá cả giống như trong quá khứ không? Xu hướng giá CP trong 13 tuần, 26 tuần hay 52 tuần gần đây nhất là đi lên hay đi xuống? So với lúc bắt đầu được đưa vào danh sách, CP đó tăng hay giảm bao nhiêu phần trăm?

Nhà đầu tư theo trường phái phân tích cơ bản sẽ tìm kiếm tin tức, các bản báo cáo thu nhập, báo cáo ngành hay báo cáo của nhà phân tích nhằm tìm kiếm thông tin. Tuy nhiên, khi chọn lựa CP để theo dõi, cách tốt nhất là các nhà đầu tư nên kết hợp các thông tin về phân tích cơ bản lẫn phân tích kỹ thuật để xem liệu CP đó có đáng được theo dõi hay không.

May mắn lắm bạn cũng chỉ chọn được 2 đến 3 CP tốt trong số 10 lần chọn. Bởi vậy, bạn đừng ngạc nhiên khi thấy các CP giảm giá sẽ chiếm đa số trong danh sách theo dõi. Cần

lưu ý rằng, chỉ nên đưa những CP tốt nhất trong danh sách theo dõi vào danh mục đầu tư của bạn.

Bước 2: Chấp nhận vị thế

Chấp nhận vị thế là công việc khá đơn giản, bạn chỉ cần liên hệ với nhà môi giới và thực hiện giao dịch. Tuy nhiên cũng cần lưu ý một số điều. Trước tiên là loại giao dịch mà bạn thực hiện: đoản hay trường (short or long). Mặc dù xu hướng chung của giá CP là đi lên nhưng bất kỳ ai đã từng mắc phải một vị thế thua lỗ đều có thể hiểu rằng, trong ngắn hạn CP có nhiều khả năng đi xuống hơn là đi lên. Nhìn chung, bạn nên tránh những vị thế đoản (vị thế bán non). Chúng tốn rất nhiều thời gian và công sức nhưng cơ hội dành cho vị thế đoản lại rất hiếm hoi. Nếu bạn thực hiện vị thế đoản, bạn cần phải giám sát vị thế đó cẩn thận gấp đôi so với vị thế trường.

Kế đến là việc chọn lựa nhà môi giới. Nếu bạn là một nhà đầu tư tư nhân bạn có lẽ chỉ cần đến một nhà môi giới phần dịch vụ (discount broker). Đây là nhà môi giới cung cấp dịch vụ cơ bản nhất cho bạn, tức là chỉ thực hiện lệnh giúp bạn và ăn hoa hồng.

Bước 3: Giám sát vị thế

Giám sát các vị thế đã thực hiện là phần quan trọng nhất của quá trình đầu tư. Tất cả những thông tin và sự điều tra nghiên cứu đưa bạn đến chỗ ra quyết định giao dịch. Giám sát vị thế là lúc bạn theo dõi và đánh giá quyết định đầu tư của mình. Khi vị thế đó nằm ở vị trí bấp bênh giữa lỗ và lãi, bạn cần phải hết sức chú ý đến những vị thế này. Khi CP mà bạn chọn tăng giá đều đều và bạn có cơ sở để tin rằng, đó là CP tốt thì bạn nên tính đến chuyện mua thêm CP này. Nếu CP mà bạn chọn giảm giá liên tục bạn cũng nên cân nhắc bán đi CP đó nhằm hạn chế thua lỗ.

Bước 4: Kết thúc vị thế

Nhà đầu tư thường bán CP khi giá CP đạt đến mức giá mục tiêu (target price) hay CP không diễn biến theo như mong đợi của anh ta. Tuy nhiên, rất nhiều nhà đầu tư không biết bán khi nào và bán như thế nào để kết thúc một vị thế và mang lại kết quả tốt nhất. Thông thường, bạn nên bán CP khi những nhân tố cơ bản cho thấy sự sa sút đáng kể, chẳng hạn như, thu nhập và lợi nhuận công ty giảm sút trong nhiều năm liền, thị phần thu hẹp dần do cạnh tranh gay gắt hay nội bộ ban giám đốc luôn lục đục...

Nên quan tâm đến gì trước khi đầu tư?

Tôi đã đầu tư vào hàng nghìn công ty khác nhau trên thị trường chứng khoán. Thành công không bao giờ đến từ những điều thần kỳ hay sự nỗ lực ít ỏi. Luôn có một công thức hướng tới lợi nhuận. Điều quan trọng là bạn cần biết nhìn vào đâu trước mỗi quyết định

đầu tư”. Đó là nhận định của Doug Richard, một trong những nhà đầu tư chứng khoán hàng đầu trên thế giới.

Năm 2004, Doug Richard đã được tạp chí BBC bầu chọn là nhà đầu tư có cái nhìn sắc sảo nhất trong giới đầu tư chứng khoán Anh. Những khoản đầu tư cổ phiếu trái phiếu của Doug luôn có tỷ lệ sinh lời trên 20%. Mặc dù lựa chọn phương thức đầu tư mạo hiểm nhưng dường như chưa bao giờ Doug phải đương đầu với thua lỗ. Nhiều người băn khoăn tự hỏi: Đây là “người bảo vệ” cho những khoản đầu tư mạo hiểm của Doug Richard?

Sự thật rất đơn giản! Doug Richard dành khá nhiều thời gian phân tích kỹ lưỡng trong giai đoạn tiền đầu tư. Với Doug, luôn có 5 nhân tố then chốt cần phải quan tâm trước khi đầu tư tiền bạc vào một loại cổ phiếu nào đó:

1. Đảm bảo an toàn vốn

Để kế hoạch đầu tư không đương đầu với rủi ro lớn, điều đầu tiên mà các nhà đầu tư cần quan tâm là đảm bảo đồng vốn của mình được an toàn, không bị giảm sút. Các nhà đầu tư nên xây dựng danh mục đầu tư đa dạng. Đầu tư đôi khi cũng có nhầm lẫn, sự nhầm lẫn này có thể làm các nhà đầu tư phá sản. Vì vậy khi đầu tư chứng khoán nên tránh tập trung vào một loại chứng khoán mà cần chia ra nhiều loại chứng khoán khác nhau, tức là phân tán rủi ro. Mọi người biết rằng những công ty lớn nhất trên thị trường cũng có thể phá sản, vì vậy một danh mục đầu tư càng đa dạng bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu, những “cổ phiếu thắng cuộc” sẽ bù đắp cho những “cổ phiếu thua cuộc”. Nếu số tiền ít thì nên mua chứng khoán của công ty mà chúng ta đang làm việc, gia nhập các hội đầu tư hoặc là mua cổ phiếu của các Quỹ hỗ trợ.

Không chỉ có vậy, giá cổ phiếu tăng liên tục trong một thời gian nhất định sẽ mang lại cho các nhà đầu tư những khoản lời lớn hơn rất nhiều. Tuy nhiên, chính sự tăng giá này đã đẩy giá các loại cổ phiếu lên mức giá quá cao. Vậy nên mua vào hay bán ra cổ phiếu nào vào thời điểm này? “Không nên tham quá khi có nắm giữ cổ phiếu để chờ nó tăng giá cao hơn nữa. Cái quan trọng là phải biết khi nào nó chuẩn bị mất giá để kịp thời bán ra, chứ để khi giá đã xuống thấp thì cho dù có muốn bán cũng chẳng có ai mua”, Doug cho biết.

2. Sự đổi mới và cách tân

Sự đổi mới không chỉ đơn thuần là những phát minh sáng chế. Nó có thể là những cách thức mới để tiến hành các hoạt động kinh doanh cũ. Một công ty nhiệt huyết với sự đổi mới thì cổ phiếu của những công ty đó sẽ hứa hẹn tiềm năng tăng trưởng rất lớn. Trong khi, một công ty quá bảo thủ với những phương thức truyền thống thì cổ phiếu của công ty đó cũng trở nên trì trệ và kém năng động.

Điều quan trọng để chiến lược đầu tư được thành công là việc nắm bắt rõ tính năng động của cổ phiếu. Do đó, các nhà đầu tư nên tìm hiểu xem công ty mà mình dự định đầu tư có thực sự hướng đến những phương pháp kinh doanh mới khi gặp khó khăn hay không.

3. Tình hình nhân sự

“Hoạt động kinh doanh đều do con người thực hiện. Do vậy, việc nắm bắt tình hình nhân sự của công ty mà bạn dự định đầu tư là rất cần thiết”, Doug nói. Theo ông, việc tìm hiểu tình hình nhân sự không phải là công việc quá khó khăn. Không ai có tất cả những kỹ năng, kinh nghiệm và danh tiếng để điều hành các hoạt động kinh doanh, điều quan trọng chính là ở chỗ họ có nhiệt huyết với công việc hay không.

“Khi tôi nhìn vào tình hình nhân sự, tôi muốn thấy sự nỗ lực công việc của các nhân viên trong công ty mà tôi dự định đầu tư”, Dough nói, “Một công ty có tình hình nhân sự không ổn định, thường xuyên thay đổi nhân viên không phải là một công ty tốt để đầu tư”.

Hơn thế nữa, với Doug, tình hình nhân sự cũng là yếu tố quyết định để bán cổ phiếu. Nếu những nhà quản lý hàng đầu của công ty (những người chịu trách nhiệm về sự thành công của công ty) bắt đầu rời bỏ công ty thì có thể xem đó là dấu hiệu bất lợi cho tương lai của công ty. Khi đó cần phải theo dõi và phát hiện xem tại sao lại có những thay đổi như vậy. Đặc biệt, khi phát hiện ra những dấu hiệu cho thấy công ty đang trở nên suy yếu trong lĩnh vực kinh doanh chính thì tốt nhất nên bán cổ phiếu của công ty đó đi và thay vào đó là tìm mua cổ phiếu của công ty khác trong cùng lĩnh vực đó nhưng mạnh hơn và có Ban quản trị ổn định hơn.

4. Bản cáo bạch

Bản cáo bạch luôn được xem như một tài liệu then chốt. Đối các nhà đầu tư, Bản báo bạch là phương tiện giúp họ đánh giá mức độ sinh lời và triển vọng của công ty trước khi quyết định có đầu tư vào công ty hay không. Một quyết định thiếu thông tin có thể làm các nhà đầu tư phải trả giá đắt.

Bởi vậy, các nhà đầu tư nên đọc Bản cáo bạch một cách kỹ lưỡng và tìm hiểu rõ những may rủi thực sự của công ty trước khi ra quyết định đầu tư. Nên đánh giá cẩn thận những yếu tố cơ bản của công ty dự định đầu tư thông qua việc nghiên cứu các thông tin trong Bản cáo bạch. Mặc dù những đợt chào bán lần đầu ra công chúng dường như là cơ hội đầu tư tốt vì chúng thường mang lại lợi nhuận ban đầu cao, tức là tiền chênh lệch, do cổ phiếu tăng giá; nhưng rủi ro vẫn tồn tại và không có gì bảo đảm là sẽ thu được tiền chênh lệch hoặc tiền chênh lệch sẽ được như mức mà bạn trông đợi.

“Tôi luôn bắt đầu phân tích một công ty phát hành bằng Bản cáo bạch của công ty. Trong quá trình thực hiện, tôi tự đặt ra cho mình một số mục đích quan trọng như tìm hiểu xem việc kinh doanh của công ty có tiến triển hay không, lợi nhuận trung bình như thế nào, nợ nần ra sao,... Doanh thu tăng có nghĩa là lợi nhuận cũng tăng và dẫn tới giá cổ phiếu tăng. Nhưng các con số chưa phải là nói lên tất cả. Do vậy, sẽ rất cần thiết khi nghiên cứu Bản cáo bạch một cách kỹ lưỡng để tìm ra những dấu hiệu tăng trưởng của công ty”, Doug nói.

Các nhà đầu tư cũng nên tìm hiểu về các sản phẩm công ty kinh doanh, khách hàng của công ty, đặt ra câu hỏi liệu các sản phẩm này có tiếp tục bán được nữa không. Các thông tin chính về các vấn đề này nằm trong các phần khác nhau của Bản cáo bạch.

5. Kế hoạch kinh doanh

“Nếu công ty mà bạn dự định đầu tư không có những kế hoạch kinh doanh tốt thì triển vọng lợi nhuận của cổ phiếu gần như bằng không. Bạn đừng mắc phải sai lầm này, kinh doanh là một cuộc chiến. Để kiếm lời từ cổ phiếu bạn cần hiểu cổ phiếu đó đang làm những gì và có kế hoạch như thế nào”, Doug nói.

Tất cả các hoạt động kinh doanh đều có những kế hoạch và mục tiêu. Kế hoạch kinh doanh sẽ tạo ra những trọng điểm mà công ty cần tập trung vào. Các nhà đầu tư không thể bỏ qua việc nghiên cứu các kế hoạch kinh doanh nếu muốn có được những khoản đầu tư sinh lời.

Việc tìm hiểu kế hoạch kinh doanh của các công ty không quá dễ nhưng cũng không quá khó. Các nhà đầu tư có thể tìm hiểu từ chính những nhà đầu tư nắm giữ cổ phiếu của công ty đó. Họ là những người am hiểu về cổ phiếu này hơn ai hết.

Tạp chí BBC đã có một cuộc phỏng vấn ngắn với Doug Richard về công việc đầu tư chứng khoán của ông:

BBC: Giới đầu tư chứng khoán đồn rằng, khi bắt đầu, mới "chơi" cổ phiếu có hơn 5 tháng mà ông lãi cả triệu bảng Anh?

Doug Richard: Tôi không tranh cãi chuyện thiên hạ đồn đại về mình, bạn bè vẫn quen gọi tôi là "trùm cổ phiếu". Điều mà tôi cảm thấy yên tâm và hài lòng sau một thời gian tham gia đầu tư cổ phiếu là đã chọn đúng nhà môi giới. Tôi cho rằng, từ cơ sở hạ tầng đến đội ngũ nhân viên môi giới của Công ty môi giới Nicleway, nơi tôi đang mở tài khoản là đáng tin cậy.

BBC: Cơ sở nào tạo cho ông sự tin cậy này?

Doug Richard: Theo đánh giá của tôi, ở Nicleway khả năng của nhà môi giới là vượt trội. Điều này thể hiện qua cách trả lời chính xác, dễ hiểu, mức độ tinh thông nghiệp vụ, tính trung thực, tinh thần phục vụ và tính bảo mật khách hàng của đội ngũ nhân viên làm việc ở đây. Nhờ vậy, khả năng truyền thông giữa các nhân viên môi giới tại sàn của công ty chứng khoán và tại Sở Giao dịch chứng khoán thường rất nhanh chóng, chính xác. Ngoài ra, Nicleway còn có những dịch vụ hỗ trợ khác như có thể cho khách hàng thế chấp chứng khoán ở ngân hàng mẹ để vay tiền mua chứng khoán hoặc để làm việc khác...

BBC: Có phải ông gián tiếp cho rằng trong đầu tư chứng khoán thì điều đầu tiên cần quan tâm là việc chọn công ty chứng khoán?

Doug Richard: Điều này đã từng được các chuyên gia về chứng khoán khuyến cáo. Thực tế trong thời gian qua lời khuyên này là hoàn toàn chính xác. Có thể thấy, trong điều kiện đặt lệnh giao dịch qua nhân viên môi giới tại các công ty chứng khoán như hiện nay, khả năng xử lý lệnh nhanh nhạy của nhân viên môi giới là hết sức quan trọng, bởi vì nếu bạn đặt lệnh cùng với giá của người khác mà nhân viên môi giới lại nhập lệnh chậm hơn đối thủ cạnh tranh thì bạn đã mất quyền ưu tiên và khả năng lệnh của bạn được thực hiện rõ ràng nhỏ hơn người kia.

BBC: Việc chọn đúng nhà môi giới là một lợi thế nhưng để mua hoặc bán được cổ phiếu ở mức giá vừa ý lại do nhà đầu tư quyết định. Với kinh nghiệm của mình, ông có thể "bật mí" một vài bí quyết?

Doug Richard: Phương pháp mà tôi sử dụng để xây dựng "danh mục đầu tư" của mình là dựa vào những nhận định của bản thân. Nhận định này được tính theo mức lợi tức kỳ vọng cho mỗi giả định đầu tư của mình và so sánh chúng với nhau để tìm ra danh mục tối ưu về mặt số lượng và chủng loại chứng khoán (tức là danh mục có kỳ vọng cao nhất).

Tôi cho rằng, phương pháp tính lợi tức kỳ vọng này phụ thuộc chủ yếu vào đánh giá chủ quan của mỗi nhà đầu tư dựa trên các thông tin về hoạt động của doanh nghiệp hàng tháng, hàng tuần, thậm chí hàng ngày. Việc đánh giá xác suất và tỷ lệ lợi nhuận được chia tuy cùng dựa trên cơ sở thực tế là bản cáo bạch, báo cáo về việc phân chia cổ tức, thông tin đại chúng, thông tin không chính thức mà nhà kinh doanh thu thập được nhưng người nào có nhiều thông tin chính xác và có khả năng dự đoán tốt hơn sẽ có nhiều cơ hội thành công. Điều này đòi hỏi người tham gia hoạt động kinh doanh chứng khoán phải luôn động não, cần khả năng tư duy, thậm chí đòi hỏi họ cả ý chí và bản lĩnh.

BBC: Nhà đầu tư có nên một lúc đầu tư vào nhiều loại cổ phiếu?

Doug Richard: Có một nguyên tắc cơ bản trong kinh doanh chứng khoán là đừng bao giờ "bỏ tất cả trứng vào một giỏ". Tuy vậy, việc đầu tư dàn trải vào quá nhiều danh mục đầu tư cũng có thể không mang lại hiệu quả mong đợi. Người đầu tư vừa mất sức lực lại vừa không kiểm soát được đối tượng đầu tư của mình. Theo tôi, nhà đầu tư nên tìm hiểu nhiều loại chứng khoán nhưng chỉ nên đầu tư vào một số loại chứng khoán mà họ tin tưởng nhất.

BBC: Lời khuyên nào với các nhà đầu tư chứng khoán mới vào nghề?

Doug Richard: Trong mua bán chứng khoán, điều quan trọng là nhà đầu tư phải biết tự bảo vệ mình và đưa ra những phương pháp đầu tư phù hợp nhất với từng loại chứng khoán.. Một số biện pháp an toàn cơ bản mà các chuyên gia chứng khoán đã khuyến cáo có thể được tham khảo như hãy cảnh giác với những tin đồn, những người bán đang gây sức ép buộc mình phải hành động tức thời hoặc những sự bảo đảm hay lời hứa về lợi nhuận nhanh chóng; phải chắc chắn hiểu rõ về sự mạo hiểm, rủi ro phát sinh trong mua bán chứng khoán. Ngoài ra cũng cần hiểu bản chất của thị trường chứng khoán là luôn biến động, điều quan trọng mà các nhà đầu tư nên nhớ là thành công trước đây không phải là sự bảo đảm cho thành công trong tương lai đối với một phi vụ đầu tư.

BBC: Xin cảm ơn ông!

Được mệnh danh là một nhà đầu tư được coi là "có máu mặt" tại Anh, kinh nghiệm và những lời khuyên của Doug Richard chắc chắn sẽ rất hữu ích trong thời buổi thị trường có nhiều biến động như hiện nay, đặc biệt là đối với những nhà đầu tư mới vào nghề. Để rồi, “chính sự cẩn trọng và nhanh chóng nắm bắt kinh nghiệm đầu tư chứng khoán sẽ đưa đến bí quyết thành công trên thị trường chứng khoán”, Doug Richard nhận định.

Những nhân vật không thể thiếu trên thị trường chứng khoán

Trải qua hàng trăm năm lịch sử hình thành, thị trường chứng khoán đến nay vẫn không ngừng phát triển và ngày càng khẳng định là một kênh huy động vốn hữu hiệu của nền kinh tế. Cùng với những tiến bộ của khoa học kỹ thuật và yêu cầu về sự đa dạng trong các hoạt động đầu tư, đến nay nhiều loại thị trường đã ra đời với các hình thức tổ chức thị trường từ đơn giản (thị trường chứng khoán phi tập trung) đến hiện đại và hết sức chặt chẽ (thị trường chứng khoán tập trung).

Thị trường chứng khoán không thể thiếu những thành viên hoạt động của mình. Khi đề cập đến các hình thức tổ chức thị trường không thể không nhắc đến vai trò của các chuyên gia và các nhà tạo lập thị trường trong việc tạo lập sự công bằng, hiệu quả và trật tự trên mỗi thị trường này.

Vai trò của chuyên gia chứng khoán trên thị trường chứng khoán giao dịch tập trung.

Mục tiêu của các Sở giao dịch là tạo lập một môi trường giao dịch chứng khoán (chứng khoán) an toàn và hiệu quả, trong đó các nhà đầu tư phải được đối xử công bằng, được cung cấp thông tin tương xứng nhằm hỗ trợ kịp thời cho các quyết định đầu tư.

Trên thị trường chứng khoán giao dịch tập trung, chuyên gia chứng khoán là những người hoạt động chuyên môn nhằm duy trì sự công bằng, cạnh tranh và hiệu quả về một loại chứng khoán đã niêm yết. Ngoài ra, các chuyên gia còn là sự kết nối giữa các nhà môi giới với các lệnh đặt mua và bán trên thị trường chứng khoán, hỗ trợ cho các giao dịch được thực hiện an toàn và hiệu quả.

Một giao dịch được thực hiện khi giá cả đã hợp lý, để đạt được mức giá hợp lý thì các lệnh đều phải chuyển qua các chuyên gia phụ trách. Vai trò của các chuyên gia được thể hiện qua các hoạt động sau:

- Vai trò là đại lý của các nhà môi giới: Công việc của chuyên gia là thực hiện lệnh cho các nhà môi giới đối với loại chứng khoán mà họ phụ trách. Nếu một khách hàng tiến hành đặt lệnh thông qua nhà môi giới, trong trường hợp lệnh giới hạn không thể thực hiện được, nhà môi giới sẽ chuyển lệnh này sang các chuyên gia, các chuyên gia sẽ trở thành người đại diện cho nhà môi giới đối với lệnh đó tại sàn giao dịch.

- Vai trò là nhà đầu giá: Trong toàn bộ phiên giao dịch, các chuyên gia sẽ đưa ra một mức giá chào mua - chào bán tốt nhất, trên cơ sở đó đến đầu mỗi phiên giao dịch họ thiết lập một mức giá giao dịch hợp lý đối với từng loại chứng khoán trên cơ sở cung - cầu về loại chứng khoán đó. Hoạt động này nhằm bảo đảm trật tự thị trường đối với từng loại chứng khoán mà họ phụ trách, đồng thời hạn chế sự dao động về giá cả của chứng khoán đó.

- Vai trò là nhà kinh doanh: Các chuyên gia thực hiện giao dịch tại một mức giá nằm trong khoảng giá chào mua cao nhất và giá chào bán thấp nhất. Họ là người chịu trách nhiệm giảm thiểu sự chênh lệch giữa lệnh mua và lệnh bán. Việc mua và bán này được thực hiện theo hướng của thị trường cho đến khi sự chênh lệch được cân bằng trở lại. Trong trường hợp xảy ra biến cố về lệnh, về giá cả... tại thị trường giao dịch tập trung, vai trò của các chuyên gia trở nên rất quan trọng trong việc chủ động điều chỉnh các biến cố về trạng thái cân bằng và ổn định.

Vai trò của các nhà tạo lập thị trường trên thị trường phi tập trung.

Nhà tạo lập thị trường là người thực hiện chức năng duy trì thị trường cho một loại chứng khoán. Chẳng hạn, đối với chứng khoán A là chứng khoán không niêm yết và được mua bán trên thị trường phi tập trung (OTC). Nhà tạo lập thị trường là người đặt ra mức giá bán chứng khoán A cho bên mua với sự thách giá trên cơ sở tương ứng với mức giá mà bên bán (khách hàng của họ) yêu cầu.

Sau khi nhà đầu tư đặt lệnh mua bán chứng khoán A trên thị trường OTC, nhà môi giới sẽ chuyển lệnh này tới nhà kinh doanh (thuộc bộ phận kinh doanh của công ty môi giới). Nhà kinh doanh sẽ tìm kiếm người có thể bán số chứng khoán A (nhà môi giới bên bán). Lúc này, nhà môi giới bên bán đóng vai trò là người tạo lập thị trường cho chứng khoán A.

Thực tế là có nhiều nhà môi giới sẵn sàng bán chứng khoán A và như vậy sẽ có rất nhiều nhà tạo lập thị trường đối với chứng khoán A tương đương với các mức "thách giá" khác nhau. Nhà kinh doanh bắt đầu tiến hành thương lượng về giá cả của chứng khoán A với các nhà tạo lập thị trường để có thể đạt được mức giá tối ưu. Giao dịch sẽ được thực hiện khi nhà kinh doanh tìm được nhà tạo lập thị trường bán số chứng khoán A với mức giá thấp nhất.

Thông thường các nhà tạo lập thị trường là những nhà môi giới đã được đăng ký. Tuy nhiên, không phải tất cả các nhà môi giới đã đăng ký đều là những nhà tạo lập thị trường. Để có thể trở thành một nhà tạo lập thị trường thì người môi giới phải thực sự quan tâm đến việc tạo dựng thị trường cho một loại chứng khoán.

Vai trò của các nhà tạo lập thị trường được thể hiện thông qua các hoạt động sau:

- Duy trì tính linh hoạt của thị trường đối với một loại chứng khoán khi chứng khoán đó được phát hành ra thị trường.

- Tăng khả năng thực hiện giao dịch một loại chứng khoán có thể sinh lời do sự cạnh tranh về giá cả đặt ra giữa các nhà tạo lập thị trường khác nhau đối với cùng loại chứng khoán đó.
- Thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư tới một loại chứng khoán không niêm yết trên thị trường.
- Tăng tính linh hoạt của thị trường đối với một loại chứng khoán khi tăng số lượng các nhà tạo lập thị trường.

Các chuyên gia cũng có thể trở thành "nhà tạo lập thị trường" đối với một loại chứng khoán cụ thể trong điều kiện phải chịu sự kiểm soát chặt chẽ. Sự kiểm soát này sẽ hạn chế được các sai phạm nếu họ lạm dụng quyền hành độc quyền của mình tại Sở giao dịch.

Bên cạnh đó, các nhà tạo lập thị trường có xu hướng cạnh tranh với nhau do luôn có nhiều nhà tạo lập thị trường đối với một chứng khoán, do đó thị trường OTC được đánh giá là có khả năng tự điều chỉnh tốt hơn thị trường giao dịch chứng khoán tập trung.

Cả chuyên gia chứng khoán và nhà tạo lập thị trường đều được tiếp cận với các thông tin đặc biệt do họ thường xuyên tiếp cận trực tiếp với các thông tin trên sổ lệnh, vì vậy họ có nhiều khả năng bị "rò rỉ" thông tin khi có sự biến động thị trường. Nếu không bị cấm, các chuyên gia và các nhà tạo lập thị trường có thể sử dụng các thông tin này (bao gồm các thông tin nội bộ) để thực hiện kinh doanh cho chính họ nhằm thu lợi nhuận. Đó cũng chính là lý do tại sao những đối tượng này bị kiểm soát chặt chẽ. Một yêu cầu khác nữa là họ phải công bằng với tất cả các nhà đầu tư, không được phép thiên vị bất cứ bên nào.

Ngày nay, trên thế giới có nhiều loại thị trường mới ra đời như thị trường cổ phiếu, thị trường trái phiếu, thị trường tương lai, thị trường quyền chọn... cùng với sự hỗ trợ của các phương thức giao dịch đa dạng đã không ngừng thúc đẩy sự phát triển của hệ thống thị trường chứng khoán, góp phần vào sự công bằng, hiệu quả và trật tự đối với các giao dịch tại các thị trường này... Vì vậy vai trò của các chuyên gia và các nhà tạo lập thị trường là luôn được khẳng định.

Cần trọng khi giao dịch với các Công ty chứng khoán

Hiện tại, cách tiếp cận dễ nhất của nhà đầu tư với thị trường chứng khoán là qua các công ty chứng khoán. Tại các thị trường chứng khoán lớn trên thế giới, các hình thức đầu tư chứng khoán cũng đã "xâm nhập" vào tư duy của mọi người. Trên những thị trường này, có thể thấy lượng khách hàng đến các công ty chứng khoán mở tài khoản giao dịch nói riêng hay lượng người quan tâm đến chứng khoán nói chung ngày một tăng.

Các công ty chứng khoán được làm đại lý phát hành chứng khoán niêm yết hoặc không cho các tổ chức phát hành. Ngoài ra, những đơn vị này được thực hiện tư vấn cổ phần hóa, xác định giá trị doanh nghiệp và cung cấp các dịch vụ tài chính khác phù hợp.

Khi tiến hành tư vấn đầu tư chứng khoán trực tiếp cho khách hàng, các công ty này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình và bồi thường thiệt hại cho người sử dụng nếu vi phạm các cam kết. Trong trường hợp thực hiện tư vấn cho doanh nghiệp trong việc niêm yết chứng khoán, các công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về nội dung trong hồ sơ xin niêm yết. Tuy nhiên, vẫn có rất nhiều công ty chứng khoán lợi dụng những khe hở của pháp luật để tiến hành các hành vi tiêu cực mà nếu không cẩn thận các nhà đầu tư rất dễ gặp rủi ro.

1. Tư vấn vì lợi ích cá nhân của các công ty chứng khoán:

Do ý đồ cá nhân, công ty chứng khoán có thể sẽ tư vấn đầu tư không phù hợp với nhu cầu, khả năng tài chính và mục tiêu của khách hàng. Do đó, khách hàng cần nhận thức rằng, mình muốn được hướng dẫn đầu tư phù hợp với bản thân mình chứ không phải phù hợp với người môi giới. Mỗi khoản đầu tư được tư vấn đều cần có lời giải thích cặn kẽ, gồm cả việc khuyến cáo các rủi ro.

2. Vi phạm quy định giao dịch công bằng:

Các hoạt động sau đây của các công ty chứng khoán bị xem là vi phạm những quy định liên quan đến giao dịch công bằng:

- + Đề nghị thực hiện việc đầu cơ chứng khoán mà không xem xét tình hình tài chính của khách hàng và đảm bảo khách hàng không chịu rủi ro.
- + Mở tài khoản khống chế thực hiện việc kinh doanh chứng khoán trái phép.
- + Thực hiện các giao dịch ngoài thẩm quyền được giao.
- + Đề nghị mua chứng khoán không thích hợp với khả năng chi trả của khách hàng.
- + Các hoạt động lừa đảo (chẳng hạn như giải mạo và cung cấp không đầy đủ hoặc không cung cấp số liệu thực tế).

3. Giao dịch thái quá:

Hành vi giao dịch thái quá có nghĩa là giao dịch thường xuyên và với số lượng lớn trên tài khoản của khách hàng nhằm mục đích nhận hoa hồng mà không nhằm đạt được các mục tiêu khách hàng đã đề ra. Đây là hành vi lạm dụng trách nhiệm uỷ quyền của khách hàng.

Một trong những biện pháp để ngăn chặn hành vi lạm dụng này là nhà đầu tư cần phải yêu cầu rất cả tài khoản mà mình uỷ quyền cho công ty chứng khoán phải được giám sát viên của công ty chứng khoán xem xét thường xuyên.

4. Vay và cho vay tiền và chứng khoán:

- + Vay tiền và vay chứng khoán của khách hàng: Các công ty chứng khoán bị cấm vay tiền hay chứng khoán từ khách hàng trừ phi khách hàng là ngân hàng hay các tổ chức tài chính có chức năng thực hiện việc cho vay tiền và chứng khoán.

+ Cho khách hàng vay tiền và chứng khoán: Các công ty chứng khoán cũng bị cấm cho khách hàng vay tiền hay chứng khoán. Quy định này không áp dụng cho nghiệp vụ vay bảo chứng của các công ty chứng khoán hay việc các nhà môi giới chứng khoán cho vay theo nghiệp vụ thông thường.

5. Xuyên tạc:

Các công ty chứng khoán có thể xuyên tạc, nói không đúng về bản thân hay về các dịch vụ của công ty mình đối với khách hàng tiềm năng. Do đó, theo quy định, Công ty chứng khoán không được phép xuyên tạc về:

- Trình độ, kinh nghiệm và học vấn.
- Loại hình dịch vụ phục vụ khách hàng.
- Các loại phí.

Việc công bố không chính xác hay không công bố các sự kiện quan trọng liên quan đến những vấn đề trên cũng bị coi là xuyên tạc. Khách hàng sẽ phải khó khăn khi so sánh chất lượng dịch vụ giữa các công ty chứng khoán nếu khách hàng không được cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác liên quan đến vấn đề chuyên môn.

6. Sử dụng các báo cáo, công trình nghiên cứu của công ty hoặc cá nhân khách:

Công ty chứng khoán không được phép sử dụng các nghiên cứu phân tích hay đề nghị do cá nhân hay công ty khác tiến hành mà không công bố rằng, các báo cáo này không phải do chính họ thực hiện. Công ty chứng khoán có thể sử dụng các kết quả nghiên cứu trong các báo cáo hay phân tích của người khác nhưng không được tự nhận rằng, các báo cáo, nghiên cứu đó là của mình.

Có thể nói, nhà đầu tư đến bất kỳ Công ty chứng khoán nào cũng đều dễ dàng được tiếp cận với những thông tin thị trường, những lời khuyên của nhà môi giới, hoặc tư vấn của các chuyên gia... Đó là tại những thị trường lâu đời như phố Wall, Nhật Bản, Hồng Kông. Tuy nhiên, tại những thị trường chứng khoán còn rất mới và sơ khai như thị trường Việt Nam, các chủ thể hoạt động trên thị trường vẫn trong giai đoạn vừa làm vừa bổ sung và củng cố nên nhà đầu tư chưa thể có cơ sở để đặt niềm tin tuyệt đối vào bất kỳ một định chế tài chính nào.

Nhà đầu tư cần ý thức rằng dù có biết được một tin tức tốt lành đến đâu đi nữa thì quyết định mua hay bán vẫn cần cân nhắc kỹ bởi mua chứng khoán là mua bằng tiền của chính mình, được hay mất đều tác động trực tiếp đến ngân sách của nhà đầu tư. Đặc biệt cần thận trọng với trào lưu thị trường vì trong trào lưu thị trường hiện tại, nhà đầu tư bỏ tiền mua chứng khoán nhìn chung vẫn theo xu hướng kỳ vọng giá lên chứ không mấy ai có những phân tích sát thực tình hình hoạt động của công ty nhằm yết để tìm ra một mức giá hợp lý.

Nhiều chuyên gia chứng khoán cho rằng rất khó dự đoán xu thế biến chuyển của giá chứng khoán vì hai nguyên nhân:

Thứ nhất, các thông tin về công ty niêm yết chưa thực sự được công bố thường xuyên và đầy đủ.

Thứ hai, do hình thức đầu tư chứng khoán còn rất mới mẻ đối với công chúng nên việc quyết định mua, bán chứng khoán của nhiều nhà đầu tư vẫn mang tính tự phát theo trào lưu, chưa có sự phân tích đánh giá nên không ổn định trong tâm lý đầu tư.

Có một vài điều nhà đầu tư cần lưu ý khi giao dịch với các Công ty chứng khoán, cụ thể:

- Hãy yêu cầu Công ty chứng khoán cho bạn biết về tình hình thị trường hiện tại, bạn cũng có thể yêu cầu họ cung cấp các tài liệu về tình hình của các công ty niêm yết. Hãy quan tâm đến những quy định cơ bản về hoạt động của công ty và thị trường như giới hạn khoản tiền mở tài khoản, mức phí môi giới, biên độ dao động giá...

- Cần thận trọng đối với những nhà tư vấn đầu tư cung cấp thông tin không khớp với các thông tin trong tài liệu. Trong trường hợp có nhiều điểm không giống hãy xin tư vấn dưới dạng văn bản về những gợi ý đầu tư và lý do đầu tư. Điều này sẽ hỗ trợ bạn trong trường hợp phát sinh các vấn đề sau khi bạn được tư vấn.

- Các Công ty chứng khoán hứa hẹn lợi nhuận nhanh chóng và dễ dàng cũng là điều bạn cần cân nhắc. Hãy nhớ là điều gì quá tốt, quá thuận lợi đều cần phải xem lại. Nên cân nhắc kỹ càng, nếu bạn còn băn khoăn điều gì hãy tìm lời khuyên của người tư vấn khác.

- Đừng để bị thuyết phục dẫn đến những quyết định hấp tấp dựa trên các thông tin "nội gián", thông tin "tuyệt mật", "khả năng hợp nhất" hoặc "bị thầu tóm" hay những tin về "sản phẩm mới hấp dẫn"...

- Khi đầu tư vào chứng khoán, nên hiểu rằng các điều kiện cấp phép do Ủy ban Chứng khoán

Nhà nước đặt ra là nhằm bảo đảm cho các Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ cũng như các nhân viên được cấp phép có đủ khả năng hoạt động trong lĩnh vực được cấp phép. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là các loại giấy phép do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp sẽ đảm bảo tính trung thực đối với hành vi của người hoặc đơn vị được cấp phép hay chất lượng dịch vụ mà họ cung cấp.

Mua chứng khoán một cách khôn ngoan

Bắt đầu hoạt động đầu tư vào thị trường chứng khoán quả là không mấy dễ dàng. Mở tài khoản ở hãng tư vấn đầu tư sẽ rất tốn kém. Mua các loại chứng khoán khác nhau cũng đòi hỏi phải xây dựng một danh mục đầu tư đa dạng.

Cách tốt nhất để bắt đầu "buôn" chứng khoán là dùng chiến lược gọi là bình quân giá chi phí đôla (dollar-cost averaging). Đây là một thuật ngữ thường dùng để thực hiện các khoản đầu tư vào một chứng khoán thường xuyên và có hệ thống mà không tính đến yếu tố giá cả.

Các cuộc nghiên cứu đã cho thấy rằng các nhà đầu tư theo chiến lược đó thường có khuynh hướng phải trả mức giá thấp hơn những người mua chứng khoán theo số lượng lớn. Chiến lược này khá hữu hiệu, đặc biệt đối với ngành có độ giao động cao như ngành công nghệ. Sở dĩ như vậy là bởi vì cùng 100\$ một tháng có thể mua được nhiều chứng khoán hơn khi giá xuống và sẽ mua được ít chứng khoán hơn khi giá lên.

Có rất nhiều cách để thiết lập nên những khoản đầu tư chứng khoán theo hệ thống. Cách thứ nhất có thể là thực hiện việc mua vào chứng khoán liên tục thông qua một nhà môi giới giảm giá trên mạng. Hoặc là nhà đầu tư có thể sử dụng dịch vụ của các nhóm hỗ trợ nhà đầu tư về chứng khoán.

Nguyên tắc quan trọng nhất khi đầu tư chứng khoán là phải chấp hành nghiêm chỉnh những quy tắc đã đề ra và thiết lập những khoản đầu tư thường xuyên trong quỹ chứng khoán của bạn mỗi tháng, bất kể là khoản đầu tư ấy nhỏ đến mức nào. Và sau đó, bạn hãy bình tĩnh vượt qua những "thử thách cam go" của thị trường.

Định hướng tài sản trong đầu tư chứng khoán

Thế nào là tài sản thực và thế nào là tài sản tài chính? Nhà đầu tư nên đầu tư vào loại tài sản nào trên thị trường chứng khoán? Đó là câu hỏi mà các nhà đầu tư chứng khoán cần trả lời trước khi tiến hành các hoạt động đầu tư chứng khoán. Có một số nhà đầu tư đã nhầm lẫn khi trả lời câu hỏi trên. Kết quả là họ phải chịu những khoản thua lỗ không đáng có.

Tài sản thực là các loại tài sản trực tiếp tham gia quá trình sản xuất hàng hóa - dịch vụ của nền kinh tế như: đất đai, nhà xưởng, máy móc thiết bị, chất xám,...

Ngược lại, tài sản tài chính là các loại tài sản không tham gia trực tiếp quá trình sản xuất hàng hóa – dịch vụ, như tiền, chứng khoán và các loại giấy tờ có giá,... Các loại tài sản này chỉ là những chứng chỉ bằng giấy hoặc có thể chỉ là những dữ liệu trong máy tính, sổ sách.

Tài sản tài chính yêu cầu cao về lợi tức mà các tài sản thực tạo ra. Nói cách khác, tài sản thực tạo ra lợi tức thuần cho nền kinh tế, còn tài sản tài chính thì định ra sự phân phối lợi tức hoặc của cải giữa các nhà đầu tư.

Các nhà đầu tư đem của cải của mình đi mua các loại chứng khoán (tài sản tài chính). Những người phát hành chứng khoán (công ty, chính phủ,...) sử dụng số tiền huy động được từ việc phát hành chứng khoán để đầu tư mua tài sản thực như nhà xưởng, máy móc thiết bị, công nghệ, hàng hoá và thương quyền. Khi đó, thu nhập từ chứng khoán của các nhà đầu tư chủ yếu từ lợi tức do các tài sản thực tạo ra và các tài sản thực này thì được tài trợ chủ yếu bằng việc phát hành chứng khoán.

Hàng hóa giao dịch trên thị trường chứng khoán là các tài sản tài chính, không là tài sản thực. Tùy theo ý chí và mục đích đầu tư, các nhà đầu tư có thể lựa chọn đầu tư vào các loại chứng khoán sau:

Chứng khoán lợi tức cố định:

Chứng khoán này được trả lợi tức cố định hàng năm như trái phiếu chính phủ, trái phiếu công ty,... Thông thường, lợi tức thấp do rủi ro rất thấp nếu tình hình tài chính của công ty tốt và lành mạnh.

Chứng khoán vốn (cổ phiếu thường):

Cổ tức tùy thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của công ty hàng năm. Nếu công ty hoạt động hiệu quả, giá trị cổ phần vốn tăng, ngược lại nếu hiệu quả kém thì giá trị cổ phần vốn sẽ giảm. Do vậy, đầu tư vào loại chứng khoán này luôn gắn liền với hiệu quả kinh doanh và tài sản thực của công ty. Do đó, mức độ rủi ro khá cao. Tuy nhiên, nếu phân tích và dự đoán chính xác hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty thì mức lợi nhuận thu được từ cổ tức và giá trị cổ phần đầu tư có thể rất cao, đôi khi trong khoảng thời gian rất ngắn.

Chứng khoán có điều kiện:

Chứng khoán này là các hợp đồng quyền lựa chọn (option) và các hợp đồng tương lai (future), cung cấp những khoản thanh toán được xác định trước theo giá của các tài sản khác như giá trái phiếu, cổ phiếu hay hàng hoá. Loại chứng khoán này hiện nay rất thông dụng trên thị trường chứng khoán các nước do được sử dụng linh động và thuận tiện trong các giao dịch trên thị trường.

Đầu tư bất hợp pháp, biết để tránh!

Để đảm bảo một môi trường đầu tư lành mạnh, thị trường chứng khoán cần được xây dựng trên nền tảng thi hành trung thực và công bằng. Nhà đầu tư phải được bảo vệ tối đa. Sự an toàn chính là nhân tố thuyết phục cho thị trường tồn tại và được duy trì bởi: một hành lang pháp luật, một hệ thống quy chuẩn và nghiệp vụ được chuẩn hoá chi li và những điều cấm kỵ có tính nguyên tắc.

Trên thị trường có một số hoạt động bất hợp pháp mà điều này đôi khi ảnh hưởng đến quyền lợi của những nhà đầu tư. Những nhà đầu tư kinh nghiệm thường biết để hạn chế tối đa rủi ro cho mình. Tuy nhiên đối với những nhà đầu tư mới vào nghề thì vấn đề này vẫn còn rất mới mẻ. Và nếu không cẩn thận, nhà đầu tư sẽ “sập bẫy” trên thị trường chứng khoán

Giao dịch giả tạo

Tương tự như việc đưa ra chào mua, chào bán ảo, việc dựng lên các giao dịch nguy tạo có thể được một số người sử dụng nhằm tạo các đột biến thị trường cho một loại chứng khoán nào đó ngõ hầu phục vụ cho dụng ý cá nhân. Các động tác giả (artificial transactions) này dù được vận dụng dưới bất cứ hình thức nào đều bị nghiêm cấm.

Gài thế

Cũng nhằm nguy tạo cảm giác thị trường của một chứng khoán nào đó sôi động, cùng lúc có hai người đưa ra hai lệnh mua và bán giống hệt nhau thông qua cùng một công ty môi giới và được thực hiện. Kết quả mua bán được báo cáo trên các hệ thống thông tin nhưng kỳ thực đây chỉ là một mảnh khoé tạo xung động giá chứ không có mua bán theo cung cầu trung thực.

Các cá nhân cũng có thể tự thực hiện thủ thuật này hoặc do các nhóm cùng cánh làm ăn bất chính tạo ra. Các công ty chứng khoán buộc phải lưu ý và phát hiện các lệnh đối ứng kiểu này và không được thực hiện nghiệp vụ khi biết rằng đó là một hoạt động gài thế (matching). Ví dụ mua và bán cùng loại chứng khoán, cùng số lượng, gần như cùng giá tại cùng thời điểm,...

Mua bán đột biến

Mua bán đột biến tăng lên được xác định khi một thành viên có thể cấu kết với khách hàng - thực hiện các lượng mua bán một lượng chứng khoán vượt trội, tại một thời điểm nào đó, khác xa với diễn biến bình thường, hoặc vượt quá sự cân đối nguồn tài chính của mình một cách lộ liễu. Hoạt động này có thể bị kết tội hoặc bị truy cứu đã gây nhiễu loạn thị trường.

Dùng các phương tiện truyền thông để gây ảnh hưởng thị trường

Các công ty chứng khoán, hoặc các cá nhân, đơn vị liên quan, không được dùng tiền mua chuộc và tạo ra các bài viết, các nhận định thuận lợi theo ý mình hoặc các đề cập có dụng ý khác trên báo chí, các ấn phẩm tài chính,... Tất nhiên điều cấm kỵ này không bao gồm các quảng cáo bình thường trên các phương tiện truyền thông và được phân biệt rõ như vậy.

Phao tin thất thiệt hay gây lạc hướng

Các nhà kinh doanh giao dịch chứng khoán bị cấm sử dụng vị thế của mình để tạo ra các trung tâm ảnh hưởng và nơi đưa ra ý kiến nhằm lung lạc khách hàng bằng việc truyền bá hoặc cung cấp các thông tin sai lạc hoặc thất thiệt phục vụ cho mục tiêu lôi kéo quần chúng mua hay bán một loại cổ phiếu cụ thể nào đó.

Chạy trước

Hành động chạy trước liên quan tới những tình huống theo đó một nhà kinh doanh môi giới chứng khoán trong khi đang giữ một lệnh mua hay bán của khách hàng đặc biệt là các khối lượng lớn có chiều hướng làm biến đổi thị trường lại thực hiện mua hoặc bán cho mình cùng phía với lệnh của khách hàng, trước khi đưa lệnh đó ra thị trường.

Nếu là lệnh mua, nhà kinh doanh môi giới không được mua riêng cho mình với giá bằng hay thấp hơn giá sau đó sẽ thực hiện cho khách hàng.

Tương tự trường hợp khách hàng ra lệnh bán thì công ty đó không được bán chứng khoán cùng loại cho tài khoản công ty mình bằng hoặc cao hơn giá sau đó sẽ thực hiện cho khách hàng.

Ép giá, trợ giá, chốt giá

Bất cứ nỗ lực chủ quan nào nhằm để tạo một áp lực làm cho giá một chứng khoán nào đó bị hãm lại ở mức thấp, hoặc đẩy giá xuống thấp hơn, được xem là hành động ép giá. Điều này bị lên án và cấm kỵ trong thị trường chứng khoán.

Tương tự các tác động chủ ý nhằm để duy trì một giá cao giả tạo hoặc chốt giá ổn định một cách không bình thường đối với một chứng khoán đều là các hành vi sai phạm và bị cấm.

Bên cạnh các biện pháp giám sát và duy trì sự tuân thủ các điều cấm cụ thể trên đây, có thể nói, toàn bộ thị trường chứng khoán được vận hành dựa vào một hệ thống nghiệp vụ, kỹ thuật, quy phạm,... được chuẩn hoá cao độ. Các hoạt động trong thị trường chứng khoán hầu như tất cả đều dựa trên những 'đường ray' theo một trật tự ăn khớp nhau. Sự tinh tế và nhạy cảm phát đi từ hiệu lực của hệ thống. .. giúp cho người ta có thể đo được độ trung thực theo yêu cầu "fair play" cho cả những thương vụ cực kỳ ngắn dù phải tính bằng giây.

Tính kỷ luật trong thị trường chứng khoán do được thể hiện từ các chuẩn mực chuyên sâu và cương kỷ như vậy, người đầu tư khi giao dịch trong thị trường này cần thiết phải nhờ đến chuyên viên tư vấn hoặc các broker.

Có nên chuyển đổi mục tiêu đầu tư để tìm kiếm lợi nhuận khác?

Chuyển đổi mục tiêu đầu tư để tìm kiếm những khoản lợi nhuận khác lớn hơn luôn là lẽ thường trong hoạt động của các nhà đầu tư. Thị trường chứng khoán không phải lúc nào cũng dễ dàng như mong muốn: có những lúc thị trường chứng khoán lên giá khiến nhiều nhà đầu tư "mừng ra mặt", nhưng cũng có khi thị trường sụt giảm làm không ít nhà đầu tư "mất ăn mất ngủ". Nhiều người đã chuyển hướng đầu tư để tránh thua lỗ. Nhưng liệu những hành động như vậy có phải vào thời điểm nào cũng được coi là thích hợp?

Câu hỏi đặt ra với các nhà đầu tư chứng khoán là họ có nên rút tiền đầu tư để mua trái phiếu, vàng hoặc ngoại tệ mạnh trước việc giá cổ phiếu sụt giảm không? Câu trả lời không dễ dàng chút nào, bởi vì có một điều không thể phủ nhận đó là yếu tố bất ổn tâm lý luôn là kẻ thù của các nhà đầu tư.

Một quyết định mua hay bán ở thị trường chứng khoán có thể ảnh hưởng rất lớn đến toàn bộ quá trình đầu tư của bạn. Tại Mỹ và châu Âu, rất nhiều nhà đầu tư cá nhân đã tìm đến các chuyên gia tư vấn, những nhà môi giới chuyên nghiệp trước khi quyết định đầu tư. Điều này gần như đã trở thành đương nhiên, bởi nếu bạn có một quyết định đầu tư không sáng suốt thì việc khắc phục hậu quả sẽ làm bạn đau đầu hơn nhiều. Tất nhiên, khi bị thua lỗ thì nhiều nhà đầu tư tỏ ra chán nản với thị trường chứng khoán. Thực tế, nếu thị trường chứng khoán có thể đem lại lợi nhuận lớn trong một thời gian ngắn thì cũng có thể làm cho nhà đầu tư chứng khoán thua lỗ lớn cũng trong một thời gian như vậy. Do vậy, những nhà đầu tư tham gia vào thị trường cần phải chấp nhận luật chơi đó.

Patrick W Cabe, phó tổng giám đốc Citibank, ngân hàng lớn nhất nước Mỹ, khi nhận xét về sự tăng giảm giá các loại cổ phiếu trên thị trường chứng khoán đã cho biết: “Thị trường biến động quá nhanh và tính ổn định kém. Đây là những nhân tố ảnh hưởng đến khả năng huy động vốn thông qua thị trường chứng khoán của các công ty niêm yết. Một số nhà đầu tư đã rút tiền khỏi tài khoản để mua vàng khi giá vàng tăng khá mạnh trong thời gian gần đây. Tôi cho rằng, các nhà đầu tư này nếu bắt chước một số khách hàng của ngân hàng rút đô la Mỹ (USD) bán lấy đồng nội tệ rồi đi mua vàng, thì họ sẽ bị thua thiệt”.

Dự trữ vàng có điều bất lợi là không sinh lời như kiểu cho vay. Nó có điều lợi duy nhất là trong thời gian dài vừa qua giá vàng đã tăng lên đáng kể. Vậy đầu tư vào vàng nhiều hay ít là tùy thuộc vào sự tiên đoán về biến chuyển của giá vàng trên thị trường quốc tế. Biến động này thay đổi tùy theo ba thời kỳ như sau:

- Từ năm 1930-1968: giá vàng trên thị trường thế giới gần như ổn định ở mức 35 USD/Ounce = 35 USD / 31,103 gr. Bất cứ ai tích trữ vàng cũng đều mất một khoản tiền lời và những khoản lợi tức, trong khi họ có thể dùng vốn đầu tư vàng vào việc đầu tư thứ khác. Trong thời kỳ này đầu tư vàng bất lợi hơn so với đầu tư ngoại tệ.

- Từ 1968 - tháng 7 năm 1973: Giá vàng đã bắt đầu chuyển biến mạnh, nhất là từ ngày 15-08-1971 khi Mỹ quyết định thả nổi đồng USD, để cho giá vàng biến chuyển theo luật cung cầu trên thị trường. Vì vậy, giá vàng từ dưới 40 USD/ ounce lên tới 130 USD/ounce vào tháng 7 năm 1973, rồi cứ thế thăng trầm theo chiều hướng đi lên theo đà mất giá của đồng Mỹ kim, xuất phát từ tình trạng lạm phát và thâm thủng trong cán cân thanh toán của Mỹ. Tình trạng đó kéo dài tới 1980 với giá gần 700 USD/ounce.

- Từ năm 1988 cho tới nay dưới tác động của sự hoà dịu giữa Đông và Tây, giá vàng đã giảm mạnh, từ 460 USD (tháng 5 năm 1988) lại thăng trầm theo chiều hướng đi xuống tới mức chỉ còn 370 USD (tháng 5 năm 1989), tăng lên 400 USD vào cuối năm 1989 và đầu năm 1990 nhưng rồi dần dần giảm xuống mức 350 USD vào tháng 6 năm 1998, đến nay giá vàng đang trong xu hướng tăng trở lại. Giá vàng trong năm 2006 này có nhiều khả

năng sẽ phá vỡ các kỷ lục trước đó. Hiện nay mức cân kỹ thuật 575 USD/ounce đã bị phá vỡ và thị trường đang nhắm đến mức 600USD/ounce. Tuy nhiên, dự đoán trong tương lai giá vàng không thể lên cao được như trước đây mà sẽ có khuynh hướng ổn định lâu dài

Giá vàng tăng chỉ là nhất thời do yếu tố tâm lý, do vậy khi cú sốc tâm lý qua đi thì sẽ bình ổn trở lại và có thể giá vàng sẽ thấp hơn thời điểm hiện nay. Những người rút tiền đi mua vàng sẽ chịu thiệt bởi phải mua đắt bán rẻ và thiệt hại này sẽ lớn hơn bình thường khi họ mua đúng vào thời điểm vàng đang “sốt”.

Đối với việc đầu tư ngoại tệ, hình thức này có điểm lợi hơn so với đầu tư vàng là có thể dùng ngoại tệ để mua những trái phiếu ngắn hạn trên thị trường quốc tế. Số thặng dư ngoại tệ dùng vào mục đích sinh lợi nói trên bao gồm những ngoại tệ mạnh được tự do chuyển đổi. Căn cứ mọi diễn biến của thanh toán quốc tế, các nhà đầu tư sẽ phân tích, tính toán để có thể chuyển đổi từ một thứ ngoại tệ đang mất giá sang thứ ngoại tệ mạnh khác đang tăng giá. Không nên đầu tư vào những ngoại tệ không chuyển đổi tự do được.

Patrick khuyên rằng để hạn chế bớt rủi ro, những nhà đầu tư nhỏ cần quan tâm đến các loại trái phiếu vì trái phiếu có độ an toàn và tính ổn định cao hơn. Thuật ngữ “Corporate bond” đã không còn xa lạ với nhiều nhà đầu tư ngày nay, bởi đây là một trong những phương thức đầu tư an toàn và hiệu quả. Hiện nay, trái phiếu ngoại tệ mà các ngân hàng thương mại đang phát hành có thể coi là một cơ hội rất tốt cho những nhà đầu tư muốn tìm kiếm một công cụ đầu tư tài chính thích hợp.

Mặc dù vậy, theo Patrick thì mặc dù đầu tư vào trái phiếu không thể đem lại lợi nhuận như đầu tư cổ phiếu, nhưng các nhà đầu tư cần hiểu rằng, lợi nhuận lớn luôn đi kèm với mức độ rủi ro cao và trong một thị trường có tính ổn định kém thì rủi ro sẽ càng lớn, chẳng hạn như rủi ro về lãi suất thị trường, giá của một trái phiếu công ty sẽ thay đổi theo hướng ngược lại với lãi suất thị trường. Khi lãi suất thị trường tăng, giá trái phiếu sẽ giảm và ngược lại. Hay khi bán một trái phiếu trước ngày đáo hạn, thì khi lãi suất thị trường tăng, nhà đầu tư sẽ lỗ vốn, có nghĩa là bán trái phiếu thấp hơn giá mua vào. Trái phiếu còn vướng phải rủi ro về lạm phát. Rủi ro này xuất hiện khi trị giá lưu lượng tiền mặt của một trái phiếu thay đổi do lạm phát. Ví dụ, nếu nhà đầu tư mua một trái phiếu có lãi suất 8%/năm, nhưng tỷ lệ lạm phát là 9%/năm, thì thực tế, sức mua lưu lượng tiền mặt đã giảm. Ngoại trừ trái phiếu lãi suất thả nổi, còn đầu tư vào tất cả trái phiếu khác đều chịu rủi ro lạm phát, vì mức lãi suất được công ty phát hành cam kết sẽ cố định trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Có thể nói, không có hình thức đầu tư nào là an toàn và hiệu quả tuyệt đối cả. Trước đây, khi nói về kinh nghiệm đầu tư của mình, các nhà đầu tư thành đạt nhất trên thế giới như W.Buffet hay G.Soros... đều hay nhắc đến hai kẻ thù mà họ cho rằng không thể đội trời chung, đó là “lòng tham” và “nỗi sợ hãi”. Hai kẻ thù này nằm ngay trong con người các nhà đầu tư mà chính họ lại không biết, hay có biết thì cũng hết sức chủ quan không để ý cho đến khi thất bại xảy ra. Điều quan trọng nằm ở chính là sự bình tĩnh, biết kiềm chế để có những tính toán hợp lý của các nhà đầu tư.

Sẽ là quá muộn nếu các nhà đầu tư không nhận ra rằng thị trường chứng khoán không phải là nơi tiêu tiền nhanh và vô bổ nhất, cũng như không phải là nơi kiếm tiền dễ dàng và nhàn nhả nhất. Và chỉ có những nhà đầu tư biết có cái đầu lạnh và sáng suốt mới tránh được sự hối tiếc, nếu một ngày kia giá chứng khoán tăng trở lại.

Giá cả biến động – nguyên nhân từ đâu ?

Giá chứng khoán thay đổi hàng ngày bởi các lực lượng thị trường – tác động từ hai phía: cung và cầu. Nếu có nhiều người muốn mua (cầu) hơn muốn bán (cung), giá sẽ tăng. Ngược lại, nếu có nhiều người muốn bán hơn là muốn mua (cung lớn hơn cầu), giá chứng khoán sẽ giảm.

Hiểu được cung và cầu là điều không có gì là khó khăn. Điều khó khăn là nhận biết được cái gì là nguyên nhân khiến người ta thích một cổ phiếu đặc thù hoặc không thích một cổ phiếu khác. Kết quả là, khó khăn trên trở lại vấn đề: thông tin nào là tích cực, thông tin nào là tiêu cực với một công ty. Có rất nhiều câu trả lời cho vấn đề này và chỉ xoay quanh việc bất cứ nhà đầu tư nào bạn gặp cũng có quan điểm và chiến lược riêng.

Người ta nói rằng, nguyên tắc lý thuyết là vận động của giá cả một cổ phiếu cho thấy điều gì khiến nhà đầu tư cảm thấy công ty mình lựa chọn là hợp lý. Không nên cao bằng giá trị công ty với giá cổ phiếu. Giá trị công ty chính là giá trị thị trường (bằng giá cổ phiếu nhân với số cổ phiếu phát hành). Giá cổ phiếu không chỉ phản ánh giá trị hiện tại của công ty, mà còn phản ánh mức (tốc độ) tăng trưởng mà nhà đầu tư kì vọng trong tương lai.

Nhân tố quan trọng nhất phản ánh giá trị công ty là lợi nhuận thu được – trong dài hạn, không một công ty nào có thể tồn tại mà không cần tới nó. Các công ty cổ phần phải có trách nhiệm báo cáo thường kỳ tình hình lợi nhuận của mình. Từ đó, nếu kết quả đạt hay vượt kì vọng, giá cổ phiếu sẽ tăng, và ngược lại.

Tất nhiên, không phải chỉ có lợi nhuận mới có thể khiến dự cảm về một cổ phiếu thay đổi (nhân tố khiến giá cổ phiếu thay đổi). Chẳng hạn, có hàng tá công ty coi Internet là một thành tố quan trọng trong hoạt động kinh doanh (dot-com company) có thể gia tăng giá trị thị trường lên hàng tỉ USD mà thậm chí không kiếm được một đồng lợi nhuận nào.

Tất cả chúng ta đều biết rằng, những giá trị trên không thể kéo dài mãi, và hầu hết các công ty như vậy nhận thấy giá trị của họ giảm mạnh. Cho đến giờ, sự thật là giá cả không biến động phụ thuộc vào nhiều nhân tố chứ không chỉ có lợi nhuận hiện tại. Các nhà đầu tư đã hình thành hàng trăm biến số, tỉ lệ và chỉ số. Nhiều chỉ số bạn đã từng biết tới, như P/E, Chaikin Oscillator hoặc MACD.

Vậy thì tại sao giá cổ phiếu thay đổi ? Câu trả lời thoả đáng nhất là, không ai biết chắc chắn. Nhiều người tin rằng, không thể dự đoán giá cổ phiếu sẽ biến động ra sao, trong khi

những người khác cho rằng, bằng việc xây dựng các biểu đồ và nhìn vào xu hướng giá trong quá khứ, bạn có thể xác định khi nào thì nên mua, khi nào nên bán. Điều duy nhất chúng ta biết chắc chắn là giá cả thay đổi hết sức mau lẹ.

Có nhiều lý thuyết nhằm giải thích cách thức giá cổ phiếu biến động, nhưng chẳng có lý thuyết nào có thể giải thích tất cả.

Luật chơi” của các nhà tạo giá trên thị trường chứng khoán

Các nhà tạo giá khi đưa ra các báo giá cho một chứng khoán nào đó ngoài mục đích kinh doanh còn có yêu cầu giúp cho thị trường đạt được một giá giao dịch tốt nhất (giá thu vào cao nhất và giá bán ra thấp nhất). Tuy nhiên trong quá trình cạnh tranh và thực hiện ý chí chủ quan của mình, do say sưa muốn giành ảnh hưởng với các đối tác khác, họ có thể làm cho thị trường bị trở ngại kỹ thuật. Do đó một số luật lệ được đặt ra nhằm duy trì trật tự thị trường và loại bỏ các sự cố do nhầm lẫn.

Hai tình huống được nêu sau đây lưu ý các nhà tạo giá không được đưa giá cài khoá (gọi là locked market) và giá vượt chéo (crossed market) vào hệ thống.

Thế nào là thị trường bị cài khoá?

Ta biết rằng một báo giá của các nhà tạo giá đưa vào hệ thống gồm có giá thu vào (bid) và giá bán ra (offer). Giá sẽ bị cài khoá khi nào hai giá dùng để tham khảo (giá tốt nhất) không có khoản chênh lệch giá. Cụ thể, một nhà tạo giá đưa ra giá thu vào (bid) bằng đúng với giá bán ra (offer/ask) đã được một nhà tạo giá khác chào trước đó sẽ làm thị trường bị cài vào thể khoá lại.

Ví dụ, giả định lúc đầu chỉ có mỗi một nhà tạo giá ALFA đưa báo giá vào hệ thống báo giá cho chứng khoán TNA (một chứng khoán OTC giả định). Đến lượt công ty chứng khoán khác, công ty DELTA tham gia tạo giá cho chứng khoán TNA và đã khoanh thị trường lại đối với chứng khoán đang được tạo giá này.

Thị trường bị cài khoá hay bị khoanh lại chỉ để "hai ta" làm ăn với nhau thôi (có thể vô hình). Trường hợp trên đây giá bán ra của công ty CK ALFA và giá mua vào của công ty chứng khoán DELTA bằng nhau, là 20,5 USD. Do trong báo giá còn nêu cả số lượng sẵn sàng giao dịch, gọi là "firm bid" và "firm ask", (nếu không ghi thì mặc nhiên đó là 1 lô = 100 cổ phần), cho nên, theo nguyên lý hai công ty này sẽ giao dịch với nhau cho đến khi cạn hết lượng chào bán "cứng" đó. Kết quả cạn kiệt này rất cuộc có thể giải toả thị trường, nhưng lúc đó thị trường sẽ có một tình huống giá tệ hơn (khoảng chênh lệch lớn hơn).

Thế nào là một thị trường bị vượt chéo?

Một thị trường bị gọi là vượt chéo khi một nhà tạo giá đưa ra giá thu vào (bid) cho một chứng khoán ở mức cao hơn giá bán ra (offer/ask) do một nhà tạo giá khác đã nhập vào hệ thống (ví dụ hệ thống Nasdaq). Tương tự nếu có một giá bán ra (ask) thấp hơn giá thu vào (bid) trong hệ thống đối với chứng khoán cùng loại, thì thị trường này cũng bị "tréo ngoe". Tình huống này làm cho thị trường tắc tị, cho nên tất cả các hệ thống giao dịch thị trường OTC đều không cho phép các thành viên báo giá có thể gây vượt chéo cho thị trường.

Một thị trường giá vượt chéo cho hậu quả còn tệ hơn trường hợp nó bị cài khoá. Bắt đầu là chào giá của công ty ALFA. Sau đó, công ty chứng khoán DELTA tham gia đưa tiếp giá của mình vào hệ thống, mà không cần tham khảo chào giá của công ty ALFA, kết quả: Giá thu vào (bid) của DELTA lúc này là 21 USD đã vượt chéo so với giá bán ra (ask) của công ty ALFA đang là 20.5 USD. Hậu quả của việc đưa giá tùy tiện này làm cho giá thị trường đang bình thường vọt lên một giá mới khá cao. Trong ví dụ trên đây, với giá rao mua (bid) của DELTA (21 USD) sẽ kích bán, và theo nguyên lý, giá đó cùng với giá ask 20.5 USD của ALFA, sẽ nhanh chóng biến mất, khoét rộng khoảng cách giữa giá thu vào và bán ra sẽ được hệ thống ghi nhận tiếp sau đó là "bid 20 - ask 22". Khoản lệch giá lúc này là 2 USD, còn xấu hơn khoản lệch giá trong trường hợp thị trường bị cài khoá như đã khảo sát ở trên. Trong thị trường chứng khoán, đặc biệt là thị trường giao dịch OTC, khi giá chứng khoán bị kích lên hoặc chìm xuống, mà không xuất phát từ vận động cung cầu hợp lý của thị trường, thì các nhà tạo giá có thể bị quy trách nhiệm đã dùng thủ thuật vận hành giá (manipulation).

Tóm lại, để tránh tình trạng thị trường bị cài khoá hoặc bị vượt chéo, luật lệ giao dịch OTC cấm các nhà tạo giá không được đưa vào hệ thống:

- Giá thu vào (bid) bằng hoặc lớn hơn giá bán ra (ask) của một nhà tạo giá khác đã nhập vào cho cùng một chứng khoán.
- Giá bán ra (ask) bằng hoặc nhỏ hơn giá thu vào (bid) của một nhà tạo giá khác đã nhập sẵn vào, đối với cùng một chứng khoán.

Các nhà tạo giá cũng được lưu ý rằng, các chứng khoán được báo giá và đưa vào hệ thống phải là loại hợp lệ và đưa vào đầu tư cần tham khảo thông tin về chủ thể phát hành loại chứng khoán đó họ sẽ thực hiện dễ dàng.

Những lưu ý đặc biệt khác về báo giá trên OTC:

Các báo giá phải đảm bảo thoả mãn cung cầu một lượng chứng khoán ít nhất bằng một lô tròn (100 cổ phần). Đây là một chào giá có cam kết chắc chắn (firm).

Một báo giá thông thường được yêu cầu phải kèm theo số lượng. Tất cả các chào giá được xem là có cam kết cứng ngoại trừ có chỉ định khác rõ ràng kèm theo. Các chỉ định không chắc chắn đó như: "vào khoảng" (around), "còn tùy thuộc" (subject), "theo tính toán" (work out), ... sẽ phải được ghi trước hay sau một báo giá.

Vì những lý do nghiệp vụ và kỹ thuật, hệ thống báo giá và xác nhận phải được thực hiện bằng mạng truyền in được và hiển thị lên màn ảnh, chứ không thể làm việc này chỉ bằng điện thoại.

Thời điểm nên bán ra cổ phiếu đối với các nhà đầu tư?

Trong đầu tư chứng khoán, nhiều nhà đầu tư thường mất hết vốn liếng khi giá cổ phiếu sụt giá mà không thể nào bán đi được. Lúc đó, nhưng cổ phiếu này chỉ là những tờ giấy “bỏ đi” mà thôi. Điều quan trọng nhất đối với bất cứ ai muốn kinh doanh chứng thành công là nhận biết được thời điểm nên bán cổ phiếu.

Việc xác định thời điểm tốt nhất để bán ra cổ phiếu (cổ phiếu) được xem là khá khó khăn đối với các nhà đầu tư. Sau đây là một số dấu hiệu giúp nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán có thể nhận biết được thời điểm nào nên bán ra cổ phiếu.

Có sự thay đổi lớn trong Ban quản trị công ty

Nếu những nhà quản lý hàng đầu của công ty (những người chịu trách nhiệm về sự thành công của công ty) bắt đầu rời bỏ công ty thì có thể xem đó là dấu hiệu bất lợi cho tương lai của công ty. Khi đó cần phải theo dõi và phát hiện xem tại sao lại có những thay đổi như vậy. Đặc biệt, khi phát hiện ra những dấu hiệu cho thấy công ty đang trở nên suy yếu trong lĩnh vực kinh doanh chính thì tốt nhất nên bán cổ phiếu của công ty đó đi và thay vào đó là tìm mua cổ phiếu của công ty khác trong cùng lĩnh vực đó nhưng mạnh hơn và có Ban quản trị ổn định hơn.

Khi yếu tố khiến quyết định mua cổ phiếu không còn nữa

Chẳng hạn như khi quyết định đầu tư vào cổ phiếu của các công ty dược phẩm bởi vì trong lĩnh vực dược phẩm vừa phát minh ra loại thuốc mới đem lại những đóng góp lớn lao cho sức khỏe nhân loại. Đột nhiên, một thời gian sau người ta phát hiện ra loại thuốc đó có những tác dụng phụ không tốt cho sức khỏe, điều này khiến cho thị phần của công ty bị sụt giảm và trong tương lai lợi nhuận của công ty cũng sẽ giảm. Khi đó nên bán cổ phiếu đó đi vì cổ phiếu này không tính còn hấp dẫn nữa.

Công ty đột nhiên cắt giảm cổ tức hoặc bị sụt giảm về thu nhập

Trường hợp này nên điều tra cẩn thận trước khi quyết định có nên bán cổ phiếu hay không. Nếu là do Ban quản trị công ty quyết định không chia cổ tức để tập trung vốn cho việc phát triển và mở rộng quy mô công ty thì đó lại là điều tốt. Tuy nhiên, thường thì sự sụt giảm về lợi nhuận là dấu hiệu cho thấy tương lai của công ty gặp nhiều khó khăn và trong trường hợp này thì đa số nhà môi giới đều khuyên khách hàng bán cổ phiếu đi.

Khi cảm thấy thị giá cổ phiếu đã vượt qua giá trị nội tại

Có một số nhà đầu tư dù biết rằng cổ phiếu của mình đã vượt quá giá trị nội tại nhưng họ vẫn chưa bán đi vì muốn trì hoãn việc chịu thuế thu nhập. Tuy nhiên, nếu cảm thấy thị giá đã vượt qua giá trị nội tại của cổ phiếu thì nên bán cổ phiếu đi vì giữ lại cổ phiếu này sẽ phải chịu rủi ro rất cao và chỉ có thể trì hoãn việc chịu thuế chứ không thể không chịu thuế. Ngoài ra, khi bán ra cổ phiếu này thì sẽ có cơ hội đầu tư vào cổ phiếu khác để đa dạng hóa danh mục và giảm thiểu rủi ro đầu tư của mình.

Khi không hài lòng về danh mục đầu tư hiện tại

Có thể trong danh mục đầu tư sẽ có các cổ phiếu không phù hợp với các mục tiêu tài chính đặt ra trước đó (như là xây nhà mới, chuẩn bị cho kế hoạch nghỉ hưu...), khi đó tốt nhất nên bán các cổ phiếu này đi và tổ chức lại danh mục đầu tư mới phù hợp hơn với mong muốn của mình.

Giảm thiểu thua lỗ trong đầu tư chứng khoán

Khi bạn đồng thời đầu tư vào nhiều loại chứng khoán khác nhau, sự thua lỗ của một loại chứng khoán chỉ có tác động nhỏ đến toàn bộ danh mục đầu tư, thậm chí nhiều khi bạn có thể bù lỗ bằng lợi nhuận thu được từ các chứng khoán khác trong cùng một danh mục đó.

Hiểu một cách khái quát nhất thì danh mục đầu tư là một tập hợp gồm ít nhất hai loại chứng khoán trở lên. Mục đích cơ bản nhất của việc xây dựng và quản lý một danh mục đầu tư là đa dạng hoá nhằm tránh các khoản thua lỗ quá lớn.

Tuy nhiên, việc hạn chế thua lỗ bằng cách đa dạng hoá danh mục đầu tư cũng có một cái giá của nó: bạn cũng không thể thu được các khoản lợi nhuận lớn. Rất ít người đầu tư có thể thu được khoản lợi nhuận cao từ việc đầu tư tất cả số tiền của họ vào một loại chứng khoán tốt nhất hiện có trên thị trường. Do đó, đại đa số công chúng đầu tư chọn hình thức đầu tư thứ hai là giảm thiểu hoá thua lỗ bằng cách đa dạng hoá đầu tư. Và suy cho cùng thì việc từ bỏ những món hời lớn, bằng lòng với những khoản thu nhập vừa phải để tránh thua lỗ quá mức là một cái giá vừa phải và hoàn toàn hợp lý.

Bài viết này sẽ hướng dẫn bạn từng bước trong việc xây dựng một danh mục đầu tư phù hợp với cá tính cũng như mục đích mà bạn đã chọn.

Bước 1: Xác định bạn là người đầu tư tích cực hay thụ động?

Khi bắt tay vào xây dựng danh mục đầu tư, điều quan trọng trước tiên mà bạn phải xác định là xem mình thuộc dạng nào: tích cực hay thụ động? Đây là một việc làm hết sức cần thiết, vì nó sẽ quyết định đến toàn bộ cách thức đầu tư của bạn sau này. Người đầu tư tích cực là người luôn sẵn sàng bỏ ra rất nhiều thời gian và công sức để quản lý danh mục đầu tư của mình. Còn người đầu tư thụ động thì chỉ muốn bỏ ra một khoảng thời gian tối thiểu

cần thiết để theo dõi các khoản đầu tư và bằng lòng với các khoản lãi khiêm tốn có được. Cần lưu ý rằng quy mô đầu tư là không quan trọng mà điều cốt yếu là bạn tiêu tốn bao nhiêu thời gian và công sức cho danh mục đầu tư của mình. Chúng ta có thể thấy rằng đa số các nhà đầu tư đều thuộc dạng thụ động, bởi vì họ là những người không chuyên nghiệp, thiếu kỹ năng chuyên sâu cũng như đã bị các công việc hàng ngày chiếm mất quỹ thời gian.

Bước 2: Quyết định cơ cấu của danh mục đầu tư.

Điều thứ hai cần tính đến là tỷ trọng cổ phiếu và trái phiếu trong danh mục đó. Đây là một quyết định mang tính chất cá nhân và tùy theo quan điểm mỗi người. Một số người không thích đầu tư quá nhiều vào cổ phiếu, còn một số khác lại không thích sở hữu quá nhiều trái phiếu. Cho đến nay vẫn chưa có tiêu chuẩn cụ thể về tỷ lệ này. Hiện nay, đa số ý kiến nghiêng về tỷ lệ 50/50, tức là 50% số tiền của danh mục được sử dụng để đầu tư vào cổ phiếu, phần còn lại sẽ được sử dụng để mua trái phiếu. Nhiều nhà tư vấn đề nghị tăng tỷ lệ trái phiếu trong danh mục khi chủ sở hữu sắp đến tuổi về hưu. Tuy nhiên, một số cá nhân khác lại có quan điểm cho rằng, trước sức ép của lạm phát cũng như khả năng kiếm tiền sẽ suy giảm khi về già, chủ sở hữu danh mục nên tăng dần tỷ lệ cổ phiếu theo thời gian. Họ lập luận là không nên giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu trong danh mục đầu tư vì lương hưu và bảo hiểm xã hội sẽ không thể tăng như lạm phát. Chính vì vậy mà cổ phiếu là một trong những lựa chọn được ưu tiên hàng đầu để chống lại ảnh hưởng của lạm phát. Tuy nhiên, cũng có khi thu nhập do cổ phiếu đem lại không theo kịp với tỷ suất lợi nhuận của trái phiếu chất lượng cao. Trong trường hợp này, đầu tư vào các trái phiếu chất lượng cao và để dành một khoản tiết kiệm để đối phó với lạm phát được xem là một biện pháp khả thi.

Ngoài ra còn một trường hợp khác mà chúng ta cũng cần đề cập tới, đó là tỷ trọng của danh mục đầu tư có cần phải điều chỉnh theo sự biến động của thị trường không? Giả sử rằng bạn đang có trong tay một danh mục đầu tư với tỷ lệ 50/50. Nếu thị trường cổ phiếu tăng giá và làm cho danh mục của bạn có tỷ lệ 65% cổ phiếu và 35% trái phiếu thì bạn có nên bán bớt một số cổ phiếu để đưa danh mục trở về tỷ lệ 50/50 hay không? Xung quanh vấn đề này vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau nhưng nhìn chung đa số các nhà đầu tư sẽ không bán đi cổ phiếu để đề phòng trường hợp khi cổ phiếu giảm giá thì danh mục sẽ trở về mức cân bằng 50/50.

Bước 3: Đa dạng hoá danh mục đầu tư.

1. Đa dạng hóa tổ chức phát hành. Nếu danh mục đầu tư của bạn chỉ bao gồm toàn bộ các trái phiếu Chính phủ thì bạn không cần phải đa dạng hoá chủng loại các chủ thể phát hành, bởi vì trái phiếu Chính phủ hoàn toàn không có rủi ro. Tuy nhiên, nếu bạn mua trái phiếu công ty, trái phiếu địa phương hoặc cổ phiếu thì việc đa dạng hoá chủ thể phát hành là một vấn đề cần được cân nhắc, bởi vì các loại chứng khoán này luôn tiềm tàng một số rủi ro nhất định. Vấn đề đặt ra là nên đa dạng hóa đến mức độ nào? Điều này còn tùy thuộc vào quan điểm của mỗi cá nhân. Chẳng hạn như nếu bạn mua cổ phiếu của 20 nhà phát hành khác nhau và khi một nhà phát hành chẳng may bị phá sản thì danh mục đầu tư của bạn chỉ bị suy giảm 5%. Mỗi nhà đầu tư sẽ tự đưa ra quyết định cho danh mục đầu

tư của mình dựa vào cá tính bản thân, tiềm lực tài chính cũng như mức độ rủi ro mà họ có thể chịu đựng.

2. Bên cạnh việc đa dạng hoá các tổ chức phát hành, bạn cũng cần đa dạng hoá các lĩnh vực kinh doanh, đa dạng hóa các nguồn thu hoặc có thể đa dạng hoá theo vị trí địa lý. Bạn cần chú ý rằng, càng đa dạng hoá thì sẽ càng hạn chế được rủi ro, tuy nhiên đừng nên đa dạng hoá quá nhiều vì như vậy sẽ tốn rất nhiều công sức quản lý và đến một lúc nào đó thì danh mục sẽ vượt quá tầm kiểm soát của bạn.

Comex và bài học từ việc thông tin thiếu trung thực

Trên thị trường chứng khoán, diễn biến giao dịch chứng khoán luôn cho thấy một minh chứng cụ thể về ảnh hưởng của thông tin thị trường tới giá chứng khoán. Các loại chứng khoán quan trọng nếu có biến đổi về giá sẽ luôn gây tác động không nhỏ đến thị trường chứng khoán, đôi khi làm hại tới nhiều nhà đầu tư.

Sự biến động của chứng khoán Comex (cổ phiếu của hãng Comextic Lance), một loại chứng khoán quan trọng trên thị trường chứng khoán Hồng Kông là một ví dụ cho thấy sự tác động trên.

Lần đầu tiên thứ nhất là khi Sở giao dịch chứng khoán Hồng Kông công bố thông tin về việc Tập đoàn điện tử Comextic Lance đăng ký bán hơn 1,8 triệu cổ phiếu ngân quỹ, tương đương với giá trị thị trường khoảng 4 tỷ USD Hồng Kông. Với thông tin này, tình thế giao dịch đã trở nên khác hẳn mặc dù mới trước đó, trên thị trường đang diễn ra một cuộc dượt đuổi giữa người mua và người bán, người mua thì cố mua cho được, còn người bán thì thấy rằng hàng của mình vẫn rất "có giá" nên "không ngu gì mà bán ra". Và kết quả giao dịch vào ngày hôm đó chỉ có 5000 cổ phiếu Comex được chuyển nhượng so với 726.600 cổ phiếu Comex đặt mua.

Khi nhận được thông tin các nhà đầu tư đã hồi hã thực hiện bán cổ phiếu đang nắm giữ và làm cho giá cổ phiếu của Comex lập tức sụt xuống giá sàn. Tiếp theo sự kiện này, các cổ đông của Comex đã ào ạt bán ra trong 12 phiên giao dịch liên tục làm cho giá bị rút tới mức cực điểm (mỗi phiên giảm 5%) chỉ còn 14USD/cổ phiếu. Cùng với những diễn biến này thì việc bán cổ phiếu ngân quỹ của Comex vẫn mới chỉ là động thái "rung cây" làm hoảng các nhà đầu tư non gan chứ bản thân tập đoàn Comextic Lance chưa thực hiện bán ra một đồng cổ phiếu ngân quỹ nào.

Trong khi, Sở giao dịch chứng khoán Hồng Kông vẫn đang loay hoay tìm biện pháp giải quyết vướng mắc của Comex vì các quy định hiện hành đang thực sự bó chân cả Comex lẫn Sở giao dịch thì Comex thực sự chưa có "thị trường" nghiêm túc thực hiện việc bán cổ phiếu ngân quỹ vì diễn biến thị trường vẫn có thể để Comex bán được cổ phiếu dù ít hay nhiều. Trước thái độ của Comex, Sở giao dịch chứng khoán Hồng Kông đã có yêu cầu Comex phải thực hiện việc bán cổ phiếu ngân quỹ theo đúng như đã đăng ký. Thị trường

chứng khoán Hồng Kông một lần nữa bị xáo động bởi thông tin này và làm cho cổ phiếu Comex rớt giá. Sau nhiều phiên liên tục tăng giá từ 14 USD/cổ phiếu lên tới mức 40 USD/cổ phiếu, thì bây giờ giá của Comex tiếp tục rớt xuống giá sàn và chỉ còn 13 USD/cổ phiếu.

Chỉ trong thời gian ngắn, giá chứng khoán Comex đã biến động 2 lần. Hoàn toàn trong thời gian này không có bất kỳ một thông tin nào của Comex được công bố liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh để có thể đủ sức làm thay đổi chiều hướng giao dịch, ngoại trừ thông tin liên quan đến việc bán cổ phiếu ngân quỹ của Comex.

Giới chuyên môn tại Hồng Kông tỏ ra thực sự lo lắng trước những biến động đang diễn ra trên thị trường chứng khoán. Việc nghiêm khắc nhìn nhận lại để rút kinh nghiệm và tìm ra định hướng đúng cho thị trường thực sự rất cần thiết trong lúc này.

Thứ nhất, Sở giao dịch chứng khoán Hồng Kông cần phải có phương án cụ thể khi duyệt cho Comex bán cổ phiếu ngân quỹ. Giao dịch cổ phiếu ngân quỹ sẽ có tác dụng và ảnh hưởng rất lớn đến giá chứng khoán đặc biệt là trong tình trạng khi giá chứng khoán đã lên cao.

Việc Comex thực hiện bán cổ phiếu ngân quỹ là huy động vốn thêm và nếu tính giá trị thị trường ở thời điểm đăng ký thì số cổ phiếu ngân quỹ sẽ có giá trị khoảng 4 tỷ USD Hồng Kông, bằng 1/2 vốn của Comex. Với một số tiền lớn như vậy thì việc huy động vốn thêm này nhằm mục đích gì? Đại hội đồng cổ đông của Comex cho phép Comex mở rộng thêm sản xuất nhưng thời điểm triển khai còn khá xa và hơn nữa nếu nhìn vào cơ cấu tài chính của Comex thấy ngay rằng Công ty còn dư thừa vốn và việc đầu tư tài chính của Comex không cần thiết. Vậy thì tại sao không thực hiện hoán đổi các khoản đầu tư này mà lại muốn bán cổ phiếu ngân quỹ? Hơn nữa việc bán cổ phiếu ngân quỹ sẽ làm tăng số lượng cổ phiếu lưu hành của Comex và làm ảnh hưởng không nhỏ đến các chỉ số P/E và EPS sẽ làm ảnh hưởng đến cán cân cung cầu.

Diễn biến thị trường cho thấy: sau hơn 20 ngày công bố Comex vẫn chưa bán cổ phiếu ngân quỹ ra. Chính vì vậy, việc duyệt cho Comex bán cổ phiếu cũng còn phải cân nhắc đến khối lượng bán tối đa và tối thiểu của mỗi phiên giao dịch có ảnh hưởng như thế nào đến thị trường cũng như phương thức để thực hiện giao dịch nếu khối lượng bán lớn hơn 10.000 cổ phiếu tránh tình trạng khi thông báo rồi mới tìm phương thức thực hiện.

Thứ hai, thông tin thị trường cần phải được công bố một cách kịp thời tránh việc lợi dụng thông tin để thu lợi, yêu cầu của Sở giao dịch chứng khoán Hồng Kông gửi Công ty Comex yêu cầu bán cổ phiếu ngân quỹ phải sau đó gần nửa tháng mới được công bố công khai cho công chúng. Sau thông tin này, giá của Comex bị rớt và câu hỏi đặt ra là trong các phiên giao dịch trước đó có hay không việc lợi dụng thông tin để nhanh tay bán trước khi giá rớt.

Sở giao dịch chứng khoán Hồng Kông đã gửi yêu cầu nhưng liệu Comex có thực hiện theo yêu cầu hay không vẫn là một câu hỏi. Trong những trường hợp xấu, Sở giao dịch

chứng khoán Hồng Kông hoàn toàn có thể sử dụng quyền của mình để thực thi các biện pháp quản lý để tạo ra một sân chơi lành mạnh, công bằng và bình đẳng.

Bí quyết lựa chọn chứng khoán cho danh mục đầu tư của bạn.

Mới đây, Lane Jack và Peter Huge là hai người bạn lâu năm, họ cùng góp khoản tiền để dành khoảng hơn 200.000 USD để đầu tư vào thị trường chứng khoán nhằm tìm kiếm lợi nhuận. Theo một số nhà môi giới chứng khoán, họ đã đầu tư vào cổ phiếu của hãng Chamber Lych, một công ty công nghệ đang nổi tại miền trung nước Mỹ mà không đầu tư vào một công ty lâu năm cũng trong lĩnh vực công nghệ là TechTech vì cho rằng công ty đang thất thế.

Trong hai tháng đầu tiên đầu tư, cổ phiếu của Lych liên tục tăng giá và cổ phiếu của TechTech thì hạ giá dần. Nhưng chỉ sau thời gian đó, đột nhiên cổ phiếu của TechTech lại tăng giá rất cao, trong khi cổ phiếu của Chamber lại đứng yên thậm chí có tin đồn là sẽ xuống giá nên không ai dám mua nữa. Kết quả, số tiền của hai người bạn Lane Jack và Peter Huge đã không phát sinh lợi nhuận, thậm chí có nguy cơ mất sạch. Cả Lane Jack và Peter Huge đều tiếc nuối vì đã không đầu tư vào cổ phiếu của TechTech.

Trong đầu tư chứng khoán việc lựa chọn cổ phiếu sẽ là rất quan trọng. Nó sẽ quyết định việc thành bại của cả quá trình đầu tư. Nhiều khi nhà đầu tư không nên nghe theo những gì nhà môi giới chứng khoán nói mà hãy dựa vào chính sự phân tích và suy xét của mình.

Mua loại cổ phiếu nào

Khi đã quyết định đầu tư vào cổ phiếu thường phải nghiên cứu xem loại cổ phiếu nào là hiệu quả nhất. Đây chính là lúc cần những thông tin về phân tích chứng khoán và tình hình công ty vì ít có cách nào mất tiền nhanh hơn là mua phải chứng khoán không tốt.

Một số tiêu thức để so sánh và lựa chọn:

- Chọn ngành cổ phiếu: ngành công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, tài chính hay dịch vụ công cộng... Có thể đi vào nhiều ngành chỉ tiết hơn, ví dụ trong công nghiệp có thể là công nghiệp khai thác, công nghiệp chế biến hoặc công nghiệp sản xuất. Phân tích từng ngành kinh tế về tính chất, thị trường, khả năng phát triển, tăng trưởng bình quân, khả năng cạnh tranh, ảnh hưởng có tính chất chu kỳ;

- Chọn bất cứ công ty nào trong ngành nào thì cũng nên phân tích tình hình công ty đó trên các mặt: tình hình tài chính, lợi nhuận, lợi tức cổ phần, nhu cầu vốn, tình hình huy động vốn và những loại chứng khoán chủ yếu của công ty, đánh giá tình hình cổ phiếu của công ty về mặt tài chính, vị trí của công ty trong ngành, trình độ ban quản trị, ban điều hành và chính sách quản trị của công ty, địa điểm, vận tải, lao động, nguyên liệu, bằng sáng chế phát minh, v.v...

Muốn phân tích thấu đáo giá trị cổ phiếu của một công ty thì phải xem xét những nhân tố kể trên, đồng thời phải tham khảo sự đánh giá của các Trung tâm phân tích chứng khoán, các tổ chức xếp loại doanh nghiệp. Ngoài ra, cần chú ý đến việc đa dạng hóa cổ phiếu đầu tư để tránh được sự vận động của chu kỳ kinh doanh, sự thay đổi vị trí của một doanh nghiệp... Có thể đa dạng hóa theo nhiều cách như: mua cổ phiếu của nhiều ngành khác nhau; mua cổ phiếu của các công ty khác nhau; mua cổ phiếu của nhiều khu vực khác nhau; mua cổ phiếu của các công ty có những thành phẩm khác nhau; mua ở những thời điểm khác nhau... Tuy nhiên, nếu đa dạng hóa đầu tư quá mức cũng sẽ có những nhược điểm như: làm cho việc quản lý khó khăn, tốn nhiều công sức điều tra và phân tích, làm tăng chi phí mua bán, làm giảm bớt cơ hội đạt lợi nhuận cao.

Khi nào mua?

Một câu trả lời rất đơn giản là “khi nào cần thấy được thì mua”. Bởi vì một số không ít những nhà kinh doanh chứng khoán cho rằng họ thường sai lầm trong việc đánh giá về thị trường nói chung và một số cổ phiếu nói riêng. Nói theo một nghĩa nào đó thì những người kinh doanh chứng khoán là những người đầu tư giá trị, do vậy có những người khi thấy công ty trong giai đoạn hưng thịnh thì mua cổ phiếu và thậm chí có nhiều người thích mua cổ phiếu của những công ty đang ở giai đoạn thất thế.

Từ đầu thế kỷ XVIII ở thị trường chứng khoán Tây Âu và thị trường chứng khoán Mỹ sau này đã đưa ra học thuyết “Đầu tư ngược dòng”. Thuyết này đã đưa ra lời khuyên rằng “vẫn có thể lội ngược dòng sông”. Thực tế cho thấy, đầu tư ngược dòng có khả năng rủi ro rất cao nhưng cũng có cơ may đưa đến lợi nhuận khổng lồ bởi vì rất có thể thời gian thất thế của một công ty sẽ được khôi phục trong tương lai. Có nhiều người có cùng dự đoán lạc quan đó nên số người đầu tư ngược dòng tăng lên. Chính hành động có nhiều người có cùng nhận định, cùng mua cổ phiếu đã làm cho giá trị cổ phiếu được phục hồi uy tín ngay khi công ty này còn thất thế. Do vậy, không nhất thiết cứ phải mua cổ phiếu khi công ty đang có uy tín tốt mà vẫn có thể mua cổ phiếu khi công ty đang thất thế.

Các phương pháp phân tích giúp bạn đầu tư có hiệu quả!

Đã bao giờ bạn nghe một ai đó nói rằng 75% sự dao động của giá cổ phiếu là do những thay đổi chính ngay từ bên trong ngành kinh doanh đó? Tuy khó có thể đưa ra con số dự đoán chính xác nhưng một điều chắc chắn rằng những xu hướng trong một ngành có ảnh hưởng rất lớn đến những lợi nhuận và giá cổ phiếu của mỗi công ty trong chính ngành đó. Chính vì vậy, chúng ta cũng nên nghiên cứu và tìm hiểu không chỉ riêng cổ phiếu mà còn cả những xu hướng trong các ngành kinh doanh đó.

Các nhà đầu tư thường dồn tiền đầu tư vào những khu vực có ưu thế hơn của thị trường, được gọi là chuyển đổi đầu tư ngành. Sự chuyển đổi đầu tư này thường xuyên bị tác động bởi những sự kiện mà có thể ảnh hưởng không chỉ đến một công ty mà đến toàn bộ ngành

đó. Ví dụ, khi giá dầu tăng, các nhà đầu tư sẽ không đầu tư tiền để mua cổ phiếu của ngành hàng không và vận tải mà đầu tư vào các công ty khai thác dầu hay các công ty dầu lớn. Khi đó, giá của các hàng hoá và sản phẩm của nhiều ngành có liên quan cũng thay đổi theo.

Đôi khi, tiền còn được đầu tư vào nhiều khu vực khác nhau trên thị trường là do những biến động trong nền kinh tế. Chẳng hạn như, những thay đổi trong tỷ lệ lãi suất có thể dẫn việc chuyển đổi đầu tư vào một số khu vực nhạy cảm về lãi suất trên thị trường như ngân hàng và môi giới chứng khoán, nhưng đôi khi cũng có thể là không. Do đó, việc chuyển đổi đầu tư ngành trở thành vấn đề đặc biệt quan trọng trong suốt quá trình thay đổi của nền kinh tế.

Chính vì vậy, để quyết định xem nên tiếp tục đầu tư vào ngành nào, các nhà đầu tư có thể sử dụng các phương pháp phân tích khác nhau để nghiên cứu từng yếu tố mà có thể ảnh hưởng đến mỗi ngành. Sau đây là một vài nét cơ bản về ba phương pháp phân tích vẫn hay được sử dụng:

1) Phương pháp phân tích trực quan

Trong phương pháp này, việc phân tích sẽ tập trung nhiều hơn vào từng ngành và lợi nhuận thu được của chính ngành đó. Từ đó, có thể xác định được cổ phiếu ngành nào là cổ phiếu có tiềm năng nhất. Ví dụ, các cuộc bạo lực diễn ra ở Trung Đông là lý do chính khiến giá dầu tăng, lúc đó các nhà đầu tư sẽ chú ý đến ngành năng lượng để tìm cơ hội vì giá cổ phiếu của ngành này tăng cao và khi đó dĩ nhiên giá cổ phiếu ngành hàng không sẽ giảm. Nhiều công ty môi giới chứng khoán đã đưa ra các bản báo cáo thường xuyên về các ngành, và sau đó áp dụng các phương pháp phân tích này để đưa ra những đánh giá.

2) Phương pháp phân tích kỹ thuật

Phương pháp này được coi như là một cách tiếp cận khác đối với việc chuyển đổi đầu tư ngành. Đó là cách chung nhất được sử dụng để lập và nghiên cứu những biểu đồ của các chỉ số ngành khác nhau. Chẳng hạn như chúng ta có thể dùng phương pháp này để lập biểu đồ về chứng khoán và từ đó xác định các dấu hiệu giao dịch. Về cơ bản, việc phân tích này thường sử dụng các chỉ số ngành khác nhau để thấy những thay đổi đang diễn ra trên thị trường. Sau đó, việc lựa chọn chứng khoán và các nhóm ngành để đầu tư sẽ được dựa trên những nghiên cứu đó.

Phương pháp này đã được tập đoàn Chartcraft ở New York sử dụng trong nhiều năm qua để xác định phần trăm cổ phiếu đang có dấu hiệu được mua vào so với phần trăm cổ phiếu được bán ra và từ đó tìm các nhóm ngành có tiềm năng nhất cũng như ít có tiềm năng nhất.

3) Phương pháp phân tích định lượng

Đây là phương pháp ít được sử dụng nhất. Một số công ty sử dụng các mô hình để xếp hạng các nhóm ngành dựa vào lợi nhuận thu được, tỷ lệ lãi suất, thay đổi về giá v.v. Các

con số này được đưa vào một công thức và sau đó các ngành được xếp hạng dựa vào các kết quả vừa thu được. Có lẽ công cụ phổ biến nhất là hệ thống xếp hạng Value Line Investment Survey. Hệ thống này được áp dụng cho cả chứng khoán và nhiều nhóm ngành khác.

Nhìn chung, nhiều nhà kinh doanh thường kết hợp ba phương pháp trên để nghiên cứu các ngành hoặc nhóm ngành cụ thể. Nhưng điều quan trọng là tìm ra các khu vực thị trường có tiềm năng nhất hoặc khu vực ít có tiềm năng nhất để có các chính sách đầu tư một cách hiệu quả. Việc sử dụng kết hợp này sẽ giúp bạn một cách đáng kể trong việc lựa chọn cổ phiếu vì lịch sử từ trước tới nay cho thấy việc giá cổ phiếu cá nhân dao động thường là do những thay đổi không chỉ trong công ty mà còn do cả các nhóm ngành khác có liên quan.

Ba lỗi thường gặp khi đầu tư

Ở vào thời điểm nền kinh tế đang phát triển rất nhanh chóng như ngày nay, ngày càng có nhiều người có mức thu nhập cao hơn. Hầu hết mọi người đều muốn số tiền của mình sinh lời với mức rủi ro thấp. Cách tốt nhất để có được lợi nhuận như vậy là đầu tư, nhưng bạn phải biết cách đầu tư sao cho có hiệu quả nhất.

Mặc dù mọi người đều biết cách đầu tư sao cho có hiệu quả nhưng vẫn có rất nhiều người không biết cách để giảm tối thiểu những rủi ro khi tiến hành đầu tư. Đa dạng hoá danh mục vốn đầu tư sẽ giúp công việc đầu tư ít rủi ro hơn.

Có rất nhiều người đầu tư tiền của mình một cách mù quáng. Tuy bạn luôn luôn học được từ những người thành công trong việc đầu tư nhưng bạn chưa bao giờ nghe thấy hàng trăm vụ đầu tư đã làm mất các khoản tiền tiết kiệm lớn và thậm chí là cả căn nhà vì họ không đưa ra được kế hoạch trước khi đầu tư.

Hãy bảo vệ số tiền của mình bằng cách tránh những lỗi thường gặp mà các nhà đầu tư hay mắc phải:

1. Chỉ nhìn giá cổ phiếu một cách phiến diện

Nhiều người tin vào sự may mắn trong cuộc sống. Khi họ thấy giá cổ phiếu đang từ 0.75 USD lên 40 USD qua một đêm, ngay lập tức họ sẽ đầu tư các khoản tiền tiết kiệm để mong có cơ hội giàu lên một cách nhanh chóng. Khi bạn hỏi họ về công ty mà họ đang đầu tư, họ chỉ biết là mua cổ phiếu chứ không biết một chút gì về lĩnh vực mà công ty đang đảm nhiệm. Kiểu đầu tư này không khác gì là chơi trò đánh bạc. Trên thực tế, bạn đóng vai trò như là người làm cái trong một trò chơi ở sòng bạc. Hãy tưởng tượng xem, bạn sẽ cảm thấy như thế nào nếu giá cổ phiếu của công ty này giảm 0,15 USD/cổ phiếu. Nếu bạn muốn có cơ hội với việc mua bán cổ phiếu thì ít nhất bạn cũng phải tìm hiểu và sau đó đưa ra những kết luận chính xác.

- Công ty này có thuộc ngành đang phát triển không?
- Công ty này có gặp vấn đề gì rắc rối trước đây không?
- Công ty này làm ăn có lợi nhuận cao không?
- Công ty này có vốn đầu tư thấp hay cao và có kế hoạch để phát triển thêm hay không?
- Công ty này có tỷ lệ P/E cao hay không?
- Những lĩnh vực hoạt động hay kinh doanh chính của công ty này là gì?

Đây chỉ là những câu hỏi rất cần thiết mà bạn nên tự đặt ra cho mình trước khi muốn đầu tư số tiền của mình vào bất cứ một ngành nghề hay lĩnh vực nào. Nếu một người đưa cho bạn những cổ phiếu có giá cao mà không có những câu trả lời thoả đáng cho những câu hỏi trên thì bạn cũng đừng nên đầu tư tiền quá nhiều để mua cổ phiếu của công ty này.

2. Không biết được những tình huống xấu nhất

Đầu tư trong trường hợp này có bảo đảm không? Bạn sẽ phải đóng những loại thuế và phí gì nếu bạn rút tiền? Phải luôn đảm bảo rằng bạn thấy được những tiềm năng trước khi muốn đầu tư vào bất cứ lĩnh vực hay ngành nghề gì?

3. Không đa dạng hoá ngành nghề đầu tư

Không nên chỉ tập trung vào một kiểu đầu tư? Hãy đầu tư số tiền mình có vào công trái hay một số cổ phiếu thì an toàn hơn là đầu tư vào một ngành hay một công ty. Khi đầu tư như vậy sẽ giảm mức độ rủi ro cho bạn vì có thể một vài ngành tăng trong khi một vài ngành khác lại giảm.

Nhìn chung, bạn không thể mua một chiếc ô tô mà không kiểm tra kỹ trước khi mang nó về nhà. Đầu tư cũng vậy, bạn cũng phải xem xét và phân tích kỹ trước khi bỏ tiền ra đầu tư vào bất cứ lĩnh vực hay ngành nghề nào.

Kinh nghiệm đầu tư từ một cây đại thụ

“Tôi không bao giờ mua cổ phiếu đơn lẻ mà sẽ mua toàn bộ công ty. Có thể bạn sẽ ngạc nhiên nhưng đó là công thức đầu tư của tôi”, Warren Buffet, một trong những nhà đầu tư tài chính thành công nhất thế giới đã nói như vậy khi nhận định về các cuộc đầu tư của mình. Nhiều người tự hỏi không biết những chiến thuật đầu tư như vậy của Warren Buffet có hiệu quả hay không?

Trong suốt sự nghiệp đầu tư của mình, Warren Buffet thường quan tâm nhiều tới các thông số cơ bản một của công ty như tốc độ tăng trưởng doanh số và lợi nhuận, từ đó rút

ra những kết luận về giá trị thực tế của cổ phiếu cũng như của cả công ty. Sau đó, bằng cách so sánh thị giá cổ phiếu với giá trị thực tế, ông quyết định có nên mua công ty hay không. Và thay vì mua cổ phiếu, Warren Buffet đã chuyển qua mua các công ty (thường là của nền kinh tế cũ và đa dạng hoá tư nhân) được bán với giá rẻ trong thời kỳ bùng nổ công nghệ. Vài trong số này thuộc các loại hình hoạt động bảo hiểm, những công ty khác thuộc các ngành khác nhau như hãng sơn Benjamin More, hãng kinh doanh thảm Shaw, hãng dịch vụ công cộng MidAmerican Energy và gần đây nhất là hãng Pampered Chef, một hãng tư nhân chuyên tiếp thị trực tiếp đồ dùng bếp núc. Kết quả là những cổ đông nổi tiếng khó tính của Berkshire đã phần nào được giảm nhẹ áp lực với danh mục đầu tư gần đây đạt khoảng 26 triệu USD.

Thông qua những vụ mua lại như vậy (khoảng 20 công ty trong vòng 5 năm), đội ngũ nhân viên của Berkshire đã tăng lên mạnh mẽ. Ngày nay, 145.000 người dân nước Mỹ có thể tự hào đứng lên mà khoe rằng “tôi làm việc cho Warren Buffet”. Đây cũng là công ty tư nhân lớn thứ 25 nước Mỹ, với thu nhập bình quân trên đầu người cao hơn cả PepsiCo và Marriott.

Vậy bằng cách nào mà Warren Buffet tìm và mua được các công ty mới để khuếch trương thêm sự lớn mạnh của Berkshire? Một cách điển hình, chúng ta đến với ông. Ông nói “Ngày nay, người bán xuất hiện trong hai trường hợp. Một là bạn liên hệ được với nơi người ta cần bạn (tức họ muốn công ty họ thành một phần của Berkshire). Hai là, bạn nhận được những cuộc gọi từ những nơi người ta cần tiền mặt và cần tiền mặt nhanh. Berkshire Hathaway tự hào là những người mua có thể cung cấp tiền mặt trong vòng một tuần.

Tập trung vào các kế hoạch đầu tư của đứa con cưng

Trung tâm cuộc đời Warren Buffet không phải là thị trường chứng khoán rộng lớn mà là Berkshire Hathaway, công ty “con cưng” của ông. Cũng dễ hiểu được rằng hoạt động của Berkshire chính là chìa khoá dẫn đến những bí quyết đầu tư tài chính của Warren Buffet. Theo cộng sự Charlie Munger (cũng là hội viên chơi golf cùng với Tom Murphy, cựu giám đốc CapCities và Don Graham, CEO của Washington Post Co) thì: “Berkshire được vận hành cực đoan đến mức rất nhiều người không hiểu đầy đủ về công ty này. Chúng tôi có tổng phí thấp hơn và ra quyết định đầu tư vào thị trường chứng khoán nhanh hơn bất kỳ công ty nào có tầm cỡ như chúng tôi trên thế giới”.

Thực khó mà nói quá rằng Berkshire khác những công ty khác như thế nào. Đây là một tổng công ty với những hoạt động tầm cỡ trong lĩnh vực bảo hiểm, đóng nhiều vốn trong những công ty khổng lồ của Mỹ như Coke, Gillette và American Express. Berkshire cũng thống lĩnh ngành kinh doanh ông dẫn ga và các dịch vụ công cộng quan trọng, ngoài ra hãng còn sở hữu nhiều đến kỳ lạ các loại hình hoạt động bình thường như đại lý bán lẻ đồ đặc, hiệu trang sức, nhà máy giấy... Berkshire đã phát triển không với một kế hoạch quy mô hay bản đồ chỉ dẫn chiến lược nào nhưng cấu trúc hữu hình của nó có thể mang tới cho các nhà đầu tư một góc nhìn tốt vào tư tưởng Warren Buffet. Chẳng hạn: Nhiều năm nay, Berkshire được biết tiếng nhất như một công ty bảo hiểm với những giá trị cổ đông lớn kể trên.

Pampered Chef - vụ đầu tư thực hiện trong vòng vài phút

Pampered Chef, vụ mua lại gần đây nhất của Warren Buffet có thể đem lại cho mọi người nhiều điều về nhân quan đầu tư của ông. Nếu là nam giới hoặc không thích nấu ăn, có thể bạn chưa bao giờ nghe nói đến công ty này. Nếu không, rất có thể bạn đã biết đến tiếng từ các “chuyên gia” Pampered Chef chuyên bán đồ gia dụng bếp núc tại các bữa tiệc trong nhà họ.

20 năm trước, sáng lập viên Doris Christopher đã vay 3000 USD từ một hợp đồng bảo hiểm sinh mạng để khởi sự công ty này, nhờ thế bà có thể linh động thời gian dành cho hai đứa con gái nhỏ. Ngày nay, công ty này đã có trên 700 triệu USD doanh thu đến từ 70.000 nhà marketing trực tiếp, những người tổ chức trên 19000 cuộc biểu diễn trong nhà mỗi tuần. Có thể nói, khả năng sinh lợi của Pampered Chef rất cao với những lợi nhuận mà người khác phải mơ ước.

Nhưng ngay cả khi thịnh vượng như vậy, Christopher biết rằng bà cần có một kế hoạch để nhờ may bà có qua đời hay vì tuổi cao mà rút khỏi kinh doanh. Bà đã biết tiếng Warren Buffet từ lâu và tự trong lòng bà cũng thấy trở thành một phần công ty của Warren Buffet là một điều rất tuyệt vời. Warren Buffet đã chấp nhận mua lại Pampered Chef gần như chỉ sau mấy phút đầu nói chuyện. Dù chỉ hai tháng trước đó, Warren Buffet chưa hề biết đến họ, ông có thể nhận thấy Doris và Sheila (CEO của Pampered) rất yêu thích kinh doanh. Hơn nữa, câu chuyện của họ có tất cả những dòng cần thiết của một cốt truyện có hậu: Pampered là một công ty đặc quyền lợi nhuận cao đang phát triển, một công ty có thể nói là tầm cỡ để bắt đầu. Và tầm cỡ là một vấn đề đối với Warren Buffet. Đó là bởi Berkshire thực tế đang phát triển rất nhanh và hiển nhiên là đã lớn hơn rất nhiều so với nó 10 năm về trước. Doanh thu hàng năm đã tăng từ 3 tỷ USD lên gần 38 tỷ USD trong thời gian đó - với đa số tăng trưởng đến từ các vụ đầu tư mua lại có hiệu quả như Gen Re và Shaw trước đây. Berkshire đủ sức mua lại Pampered Chef.

Để không thua lỗ khi “đi chợ” chứng khoán

Việc kinh doanh chứng khoán và những khoản lợi nhuận lớn của nó luôn hấp dẫn bạn đầu tư vào chứng khoán. Thị trường là nơi trung gian để “người bán” là các công ty, doanh nghiệp bán chứng khoán nhằm có vốn dài hạn, đồng thời giúp người mua là các nhà đầu tư có nơi để giúp những đồng tiền dành dụm của mình sinh sôi nảy nở theo thời gian cho một mục đích đã định. Khi mua chứng khoán nhà đầu tư sẽ có ba cái lợi: một là được công ty chia lợi nhuận gọi là cổ tức, hai là được hưởng lãi vốn khi chứng khoán lên giá và lúc nào cần tiền thì có thể bán chúng đi với tính thanh khoản cao. Đây là một quá trình đòi hỏi sự phân tích và tính toán. Với những dự tính mua chứng khoán của mình, các nhà đầu tư cần có những hiểu biết nhất định về “cái chợ” phức tạp này.

Tìm hiểu về chợ chứng khoán

Thị trường chứng khoán là cái chợ nhưng chúng ta sẽ ít đi vào. Nếu vào và được vào thì chỉ để xem thông tin ghi trên một cái bảng điện rộng vài mét vuông mà thôi, hơn thế nữa, nhưng thông tin ấy cũng sẽ được in lại trên các phương tiện thông tin đại chúng hàng ngày. Ta cũng sẽ chỉ liên lạc với một người môi giới của một công ty chứng khoán nào để mua hay bán chứng khoán.

Nếu ai đã từng đi chợ trong đời sống hàng ngày thì cái rủi ro mà bạn dễ gặp phải là “tiền thật mua phải hàng giả”. Nhưng ở “cái chợ chứng khoán” thì hàng bạn mua là thật nhưng vẫn có thể bị mất tiền vì tính chất lên xuống của giá trị cổ phiếu mà bạn đã biết. Bởi vậy, sự hoạt động và điều hành của “cái chợ” không phải là điều ta quan tâm mà cái sẽ phải quan tâm là giá trị lên xuống của các hàng hoá mà mình nắm giữ. Nguyên do chính làm cho giá lên hay xuống là hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty phát hành chứng khoán; tức là công việc làm ăn của họ thể hiện qua những thông tin hay những sự phân tích khác nhau và là tâm lý trên thị trường. Bởi vậy, bốn thứ thực sự liên quan mật thiết với bạn khi đi chợ mua chứng khoán là: sự thu hồi đồng vốn đã bỏ ra và lợi nhuận phát sinh, một tờ báo cho biết tình hình giá cả chứng khoán, những thông tin về hoạt động của công ty mà mình nắm chứng khoán và một người môi giới.

Một chiến lược đầu tư hợp lý cùng danh mục đầu tư cân đối sẽ tối ưu hoá hoạt động đầu tư của bạn. Khi chưa là chuyên gia, bạn cũng nên nghe lời khuyên của những nhà đầu tư đi trước, bởi có học hỏi và biết tiếp thu bạn mới có thể trở thành một nhà đầu tư lão luyện. Sau đây là một số lời khuyên của John Neff, một trong những nhà đầu tư thành đạt nhất phố Wall, đối với các hoạt động đầu tư của bạn trên thị trường.

Hạn chế rủi ro

Để tránh những hạn chế rủi ro khi đi chợ mua hàng, bạn nên đa dạng hoá, chia phần tài sản của bạn ra, điều này có nghĩa là phân chia số tiền của bạn trong nhiều kiểu đầu tư với những tỷ lệ khác nhau. Thực sự nguyên tắc này không sai, nhưng bạn nên đi ngược lại những kiến thức thông thường này, ngay cả khi nó có thể gây ra cho bạn đôi chút lo lắng ban đầu. Copy những gì tất cả mọi người đang nghĩ và làm trên thị trường có lẽ sẽ cho bạn cảm giác yên tâm, nhưng thực sự nó không phải điều đáng làm nhất.

Đa dạng quá nhiều sẽ dẫn bạn tới sự thiếu hụt về kiến thức cũng như trọng tâm về việc đầu tư của bạn. Nếu một người khuyên bạn nên đầu tư 45% vào cổ phiếu, 80% vào trái phiếu, 10% vào chứng khoán nước ngoài, 10% vào quỹ thị trường tiền tệ Money Market Fund, một dạng quỹ hỗ tương đầu tư mở rộng đầu tư vào thị trường huy động vốn ngắn hạn, 5% vào vàng, điều này có thể khiến bạn an tâm hơn nhưng đồng thời việc đầu tư rải rác này sẽ làm loãng đi lợi nhuận của bạn. Có lẽ bạn không nên đầu tư vào vàng, chứng khoán nước ngoài, trái phiếu vì nó sẽ làm sụt giảm lợi nhuận chung. Đồng thời bạn cũng không thể bỏ tất cả số tiền kiếm được vào một công ty nào đó, cho dù công ty ấy có là Microsoft chẳng nữa. Sự sụp đổ của Enron vào cuối năm 2001 cho thấy ngay cả những công ty khổng lồ vẫn có thể phá sản như thường. Và bạn hoàn toàn có thể gặp trường hợp thiếu may mắn như thế. Tốt nhất bạn nên bỏ hết tiền bạc định đầu tư vào vài công ty hàng đầu trong những lĩnh vực khác nhau. Điều này có vẻ như là một sự đa dạng hoá hợp lý hơn.

Người đầu tư được bảo vệ

Vì những rủi ro tiềm tàng của mình, “cái chợ” này luôn mang trong nó một chức năng quan trọng. Ngoài chuyện sắp xếp và thực hiện các giao dịch, nó tìm cách bảo vệ nhà đầu tư bằng cách đặt ra những quy định đòi các công ty phát hành phải niêm yết chứng khoán tại thị trường, phải công bố thông tin hàng năm về bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, thuyết minh báo cáo tài chính,... Chẳng những thế công ty còn phải công bố thông tin tức thời trong một số trường hợp như khi làm ăn gặp khó khăn, tài khoản ở ngân hàng bị đình chỉ, phong tỏa, hoạt động kinh doanh bị ngừng quá ba tháng, sản phẩm chính bị đình chỉ tiêu thụ, hoặc ngay cả khi thay đổi tổng giám đốc và cơ cấu cổ đông chính.

Nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán luôn được bảo vệ khỏi bất kỳ sự thua lỗ phi thị trường nào, kể cả thua lỗ tiềm năng do phá sản, do hành động không trong sạch của các nhà môi giới, do giả mạo chữ ký, do mọi hình thức biển thủ, kể cả bằng vi tính. Bản thân chợ chứng khoán cũng đứng ra công bố một số thông tin về giao dịch trên thị trường qua các phương tiện của mình như trên báo chí, tivi... giúp nhà đầu tư cảnh giác với việc đầu tư của mình.

Tìm chọn người môi giới

Khi “đi chợ” chứng khoán, bạn phải có một người đi mua dùm bạn. Nhưng xin nhớ cho là khi bạn đi mua chứng khoán thì món hàng mà bạn cầm trong tay lúc đầu không phải là tờ chứng khoán của công ty đã thực sự nhận tiền của bạn giao cho (trừ khi bạn là nhân viên làm việc trong công ty ấy) mà tờ giấy làm bằng lại do công ty chứng khoán cấp gọi là giấy xác nhận. Trong thị trường hàng hoá bạn chỉ mua chứ ít khi bán, nên bạn là “thượng đế một chiều”, còn trong thị trường chứng khoán, có khi bạn mua, có khi bạn bán nên bạn sẽ là “thượng đế hai chiều”. Bởi thế, phải chọn một công ty chứng khoán tin cậy để hoạt động “hai chiều” và đỡ bất an. Khi đã chọn một công ty, họ sẽ giới thiệu với bạn một người môi giới và bạn sẽ liên lạc với bạn người này mãi mãi. Có một người môi giới, bạn phải ký hợp đồng mở tài khoản với công ty chứng khoán và bỏ tiền vào trong đó.

Chọn hàng để mua

Khi một công ty được phát hành chứng khoán, có khi họ bán thẳng cho nhân viên của họ, nhưng bình thường họ nhờ một công ty khác có chức năng bảo lãnh phát hành tung ra thị trường. Công ty sau ứng tiền cho công ty trước, nhiều hay ít tùy thuộc hai bên thoả thuận. Giai đoạn này gọi là thị trường sơ cấp.

Công ty bảo lãnh nhận chứng chỉ cổ phiếu hay chứng khoán đã phát hành và tìm cách bán đi. Giai đoạn này gọi là thị trường chứng khoán thứ cấp. Họ có thể bán thẳng cho bạn, nếu họ đồng thời cũng là công ty chứng khoán hoặc họ bán cho công ty chứng khoán khác để công ty chứng khoán này tích trữ sẵn rồi bán cho bạn. Trong quá trình lòng vòng đó chứng khoán của công ty phát hành sẽ nằm trong thị trường chứng khoán qua thủ tục lưu ký. Chứng khoán bạn mua từ một công ty chứng khoán thường đã nằm trong công ty

ấy hay trong Phòng lưu ký. Khi mua bạn sẽ nhận được Giấy xác nhận từ công ty chứng khoán, công ty này là thành viên của thị trường chứng khoán nên “hai là một” và chứng khoán của họ cũng là một. Do vậy, đã đặt mua chứng khoán của một công ty bạn chọn mà do một công ty chứng khoán bán thì bạn có thể chắc đó là chứng khoán thật của công ty mình muốn.

Mua hàng tại chợ

Trong chợ chứng khoán có rất nhiều hàng hoá cho bạn lựa chọn, trong thời gian đầu bạn chỉ được mua một hàng hoá nghĩa là chỉ được đặt một lệnh, gọi là lệnh giới hạn, tức là khi ra lệnh đó bạn sẽ nói luôn giá mình mua. Cách thức giao dịch với người môi ra sao sẽ tùy thuộc từng “chợ” và cá nhân giữa hai bên, chưa kể đến tính cạnh tranh của mỗi công ty chứng khoán. Tuy nhiên, lệnh bạn đưa ra cho người môi giới sẽ có ít ra bốn chi tiết mà luật đã quy định: chứng khoán muốn mua, số lượng, giá mua và thời gian hiệu lực của lệnh. Như là một điều tự nhiên, trước khi mua hàng bạn phải hỏi xem giá hiện thời trên chợ của hàng đó là bao nhiêu và có số lượng lớn hay không, mấy lô. Lệnh mua hàng tại “chợ chứng khoán” của bạn có thể như sau: “Mua cho tôi một lô chứng khoán của công ty IBM, giá 49 USD, đến 2 giờ chiều thì bỏ”. Khi đã gọi xong, về nguyên tắc, bạn phải điền vào Phiếu lệnh và gửi cho “chợ”. Trên thực tế, chắc bạn phải chờ cho đến khi mua được hàng, tức là lệnh được thực hiện. Khi ấy, người môi giới sẽ báo cho bạn biết để xác nhận giá cả, số lượng, loại chứng khoán. Bạn sẽ kiểm soát để còn quy trách nhiệm nếu người môi giới làm không đúng lệnh. Nếu sau khi đã đặt lệnh mà bạn muốn đổi, ví dụ muốn bán với giá cao hơn, hay mua rẻ hơn nhờ nghe ngóng đầu đó, bạn có thể đặt lệnh lại với điều kiện là lệnh ban đầu chưa xảy ra, nếu đã xảy ra rồi thì bạn phải giữ lệnh cũ và thanh toán tiền bạc theo lệnh đó. Nếu đến cuối ngày không được người môi giới báo là lệnh đã được thực hiện thì có nghĩa là việc mua của bạn vào ngày đó không xong, hai ngày sau phải làm lại.

Về phía công ty chứng khoán, trước khi nhập lệnh vào hệ thống giao dịch, họ phải kiểm tra tài khoản của bạn và yêu cầu bạn điền vào Phiếu lệnh ngày giao dịch và sẽ gửi cho bạn một Giấy xác nhận kết quả ngay trong ngày đó. Trong vòng 5 ngày đầu của mỗi tháng, công ty chứng khoán sẽ gửi cho bạn bản sao kê tài khoản. Việc mua hàng tại chợ của bạn đến đây là hết. Bạn giữ giấy xác nhận của công ty chứng khoán làm bằng và chờ cho khi chứng khoán lên hay xuống. Khi nó lên bạn cứ giữ nó mãi, vì càng ngày nó càng lên giá. Bạn có thể bán đi để lấy lời. Nếu bạn bán ngay đi thì bạn nằm trong thành phần “chơi chứng khoán” hay “người mạo hiểm”. Nếu giữ lại lâu, bạn là người đầu tư cẩn thận hay bảo thủ. Ngoài ra hàng năm bạn còn được công ty chia lời gọi là cổ tức và được công ty mời họp đại hội đồng cổ đông. Bạn sẽ có rất nhiều lợi ích lớn khi “đi chợ” chứng khoán.

Đầu tư thế nào là hợp lý?

Goerge Soros, một trong những nhà đầu tư lớn nhất tại phố Wall, đã từng nói rằng “Không có lĩnh vực nào đem lại lợi nhuận nhanh và lớn bằng đầu tư chứng khoán”. Quả

thật, Soros không hề sai khi trên thị trường chứng khoán đã có nhà đầu tư kiếm được cả chục triệu USD chỉ vòng một đêm với một kế hoạch đầu tư hợp lý.

Thị trường chứng khoán đang ngày càng phát triển mạnh mẽ hơn với những khoản đầu tư không lồ. Không ít người xem việc đầu tư chứng khoán như tham gia vào một cuộc chơi ngẫu hứng với hy vọng việc mua chứng khoán sẽ kiếm được nhiều tiền nhanh chóng. Tuy nhiên, lĩnh vực đầu tư đầy hấp dẫn này dường như không có chỗ cho những quyết định theo cảm tính. Muốn thành công bạn phải có kỹ năng phán đoán, xem xét và phân tích vấn đề. Điều quan trọng hơn cả là phải hoạch định được một kế hoạch đầu tư thích hợp. Bạn phải tìm hiểu quá trình hoạt động của công ty cũng như ngành nghề kinh doanh liên quan đến loại cổ phiếu đó. Đồng thời cũng cần theo dõi và tìm hiểu trào lưu giá cả lên xuống trên thị trường, để quyết định lúc nào nên mua, lúc nào nên bán. Để cho vấn đề trở nên dễ hiểu, bạn có thể quan tâm tới một số vấn đề cơ bản dưới đây:

Bắt đầu sớm.

Với hoạt động đầu tư, bạn càng dành thời gian cho nó nhiều bao nhiêu thì bạn sẽ càng thu được nhiều lợi nhuận bấy nhiêu. Sau đây là một ví dụ: Một người đầu tư 100 USD/tháng bắt đầu ở tuổi 25 trong vòng 15 năm và sau đó dừng thêm tiền vào cổ phiếu của mình. Một người khác cũng đầu tư 100 USD/tháng trong vòng 25 năm nhưng bắt đầu ở tuổi 40. Vậy ai sẽ về hưu với số lượng lợi nhuận nhiều hơn ở tuổi 65? Đương nhiên là người đầu tư sớm hơn.

Xác định rõ mục đích đầu tư.

Cũng như các lĩnh vực đầu tư khác, đầu tư chứng khoán luôn tồn tại mối quan hệ tỷ lệ thuận giữa mức thu nhập với mức rủi ro. Thu nhập càng cao thì mức độ rủi ro tiềm ẩn càng lớn. Khi đầu tư vào cổ phiếu, bạn thường kỳ vọng vào hai loại thu nhập, đó là thu nhập từ cổ tức và từ mức tăng thị giá cổ phiếu. Thu nhập từ cổ tức thường không được đảm bảo vì còn tùy thuộc vào tình hình kinh doanh của công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Thu nhập từ mức tăng thị giá cổ phiếu là biểu hiện của mối quan hệ trực tiếp giữa triển vọng kinh doanh của công ty với nhu cầu mua cổ phiếu trên thị trường. Một khi công ty có những biểu hiện cho thấy triển vọng sẽ phát triển tốt thì các nhà đầu tư sẽ mua cổ phiếu với hy vọng giá cổ phiếu sẽ tăng trong tương lai. Ngoài ra, đầu tư vào cổ phiếu chứa đựng nhiều loại rủi ro (bao gồm rủi ro về lãi suất, rủi ro về tính thanh khoản, rủi ro kinh doanh, rủi ro lạm phát...) trong khi thu nhập chỉ có hai hình thức như đã nói ở trên. Do vậy bạn cần phải xác định mục đích đầu tư một cách rõ ràng. Đây là một yếu tố quan trọng và là cơ sở để đánh giá kết quả đầu tư.

Mục đích đầu tư còn phản ánh lối sống và mong muốn của bạn. Nếu bạn theo đuổi mục tiêu thu nhập từ cổ tức thì nên đầu tư vào cổ phiếu của các công ty kinh doanh dịch vụ công cộng như điện, điện thoại... hoặc các cổ phiếu thượng hạng. Bạn cũng có thể các cổ phiếu mà thị giá có xu hướng tăng về lâu dài để tạo thu nhập ở tuổi già. Cũng có khi bạn chọn cổ phiếu với mục tiêu có tính chất đầu cơ thông qua việc mua bán các cổ phiếu mà giá cả biến động mạnh trong thời gian ngắn. Đây là loại đầu tư có mức độ rủi ro cao nhất. Tuy vậy, nếu bạn là mới bắt đầu bước vào thị trường chứng khoán và mong muốn hoạt động đầu tư đơn giản và dễ hiểu thì nên đầu tư hơn là đầu cơ.

Lựa chọn công ty tốt.

Công ty tốt thường là công ty ít nợ trong thời gian đã qua (thời gian càng dài càng tốt), và có lợi nhuận cao, hiện tại có lãi và triển vọng tương lai sáng sủa.

Lựa chọn thời điểm mua cổ phiếu.

Giá cổ phiếu thường không đứng yên, mà lúc lên lúc xuống. Vậy nếu ta chịu khó theo dõi trào lưu, mua vào khi giá ở mức thấp nhất và bắt đầu đi lên, và bán ra lúc thị trường ở mức cao nhất và bắt đầu đi xuống thì sẽ có lời cao. Đây cũng là nguyên tắc thông thường trong kinh doanh.

Giá một loại cổ phiếu luôn luôn chịu ảnh hưởng của những trào lưu lên xuống giá của TTCK. Trong thời kỳ lên giá, thị trường thường kéo theo 70-80% loại cổ phiếu cũng lên. Khi xuống giá cũng tương tự. Bởi vì cũng giống như thị trường hàng hoá, khi có nhiều người cùng mua một món hàng nào đó thì giá hàng đó sẽ lên, kéo theo các hàng hóa khác cũng lên. Giá một loại chứng khoán sẽ lên khi có nhiều người cùng mua, và giá sẽ tụt xuống khi có nhiều người cùng bán.

Xây dựng một danh mục đầu tư tốt nhất.

Bạn hãy làm điều này một cách đơn giản, khởi đầu nếu bạn muốn đầu tư 100.000 USD vào năm loại cổ phiếu, mỗi loại sẽ được đầu tư 20.000 USD. Bạn không cố gắng mua một số lượng cổ phiếu nào đó, bạn chỉ đầu tư một số tiền đã định cho mỗi loại cổ phiếu. Nhưng đừng bao giờ quá hồ hởi trong việc mua cổ phiếu, đừng mua cả năm loại cổ phiếu một lần. Hãy thi hành từng bước một, hãy để cổ phiếu của bạn tự chứng minh chúng bằng cách chỉ ra một sự phát triển nào đó trước khi bạn đầu tư 100% số tiền.

Tránh những loại cổ phiếu phức tạp.

Khi bạn mới khởi sự đầu tư, bạn sẽ được nghe rất nhiều về những cơ hội đầy kích thích có thể tìm kiếm những lợi nhuận khổng lồ. Danh sách những cạm bẫy dành cho những con người đang hồ hởi và cả tin bước chân vào thị trường bao gồm chứng khoán nước ngoài, các quỹ đầu tư cố định, hợp đồng quyền chọn, hàng giao theo hẹn, trái phiếu khả hoán (convertible bonds), trái phiếu cấp thấp về giá trị (junk bond), những loại chứng khoán miễn thuế và các công ty bất động sản.

Những loại chứng khoán trên tuy lợi nhuận cao nhưng rất phức tạp. Nếu bạn không có kinh nghiệm bạn rất dễ gặp phải rủi ro. Những rủi ro khá lớn là lý do chính để những nhà đầu tư mới hoặc những nhà đầu tư chưa có kinh nghiệm nên tránh đầu tư vào những thứ đã kể trên.

Không mua những loại cổ phiếu giá thấp.

Những loại cổ phiếu giá thấp thông thường hấp dẫn mọi người với một lý do duy nhất: rẻ. Nhưng trong khi nó đang quyền rũ mọi người mua chúng với giá rẻ thì hoạt động tài chính của chúng lại rất kém và chậm chạp so với những loại cổ phiếu khác trong ngành.

Đầu tư theo lý tính chứ không phải theo cảm tính.

Trong đầu tư chứng khoán, một sai lầm thường gặp của các nhà đầu tư là họ thường hy vọng khi nên lo ngại và ngược lại. Khi cổ phiếu đã rớt giá 8% dưới giá mua ban đầu và bị thua lỗ, các nhà đầu tư thường hay hy vọng chúng tăng giá trở lại trong khi thực sự họ nên lo ngại rằng có thể sẽ mất thêm một số tiền nữa và nên phản ứng bằng cách bán cổ phiếu đi và chấp nhận thua lỗ thay vì cứ để mọi thứ y nguyên. Khi cổ phiếu tăng giá và tìm được lợi nhuận, họ lại sợ rằng có thể đánh mất lợi nhuận ấy và bán chúng quá sớm. Nhưng sự thật cổ phiếu đang tăng giá là một dấu hiệu cho thấy chúng thực sự mạnh và có lẽ quyết định mua ban đầu của họ là hoàn toàn chính xác. William J.O'neil, một chuyên gia chứng khoán nổi tiếng trên thị trường phố Wall, chia sẻ những quan điểm: “Theo kinh nghiệm của tôi, cách tốt nhất là thành lập những quy luật mua và bán từ những nghiên cứu về lịch sử thị trường - những quy luật dựa trên nền tảng câu hỏi thực sự thị trường đang hoạt động như thế nào, và trong quá khứ mỗi khi thị trường gặp hoàn cảnh ấy thì diễn biến như thế nào, những quy luật dựa trên sự thống kê khoa học chứ không phải dựa trên những ý kiến hay thành kiến cá nhân”.

Tái đầu tư.

Nếu bạn kiếm được 6% lợi nhuận trên 1000 USD trái phiếu và để dành hết số lời này trong năm. Sau 20 năm bạn sẽ nhận được 1200 USD. Nhưng nếu bạn tái đầu tư hết số lợi nhuận này, bạn sẽ có được 2662 USD trong cùng thời gian. Đó là sức mạnh của tái đầu tư - lợi nhuận mẹ sẽ tạo ra lợi nhuận con.

Cần trọng khi thị trường liên tục xuống dốc.

Khi mà thị trường chứng khoán có những biến động dữ dội, người ta bắt đầu đặt câu hỏi: liệu bạn có nên tiếp tục mua cổ phiếu khi giá rớt? Các chuyên gia cũng khuyến cáo rằng, đó là một hành động mang tính rủi ro cực kỳ cao.

Suốt thập kỷ 90, chiến thuật tactic - chiến thuật mua cổ phiếu khi giá rớt, đã tỏ ra hiệu quả. Trong thời gian đó, bất kỳ khi nào, một cổ phiếu nào rơi hoặc thị trường nói chung giảm giá thì các nhà đầu tư lại móc hầu bao ra để mua cổ phiếu vào. Và họ đã kiếm được tiền từ chiến thuật đầu tư này. Thế nhưng, giờ đây khi mà giá cổ phiếu giảm mạnh trong một thời gian dài thì không phải bất cứ một cổ phiếu nào cũng có thể tăng giá trở lại được. Song, cũng có thể có những viên ngọc bị che khuất trong số những cổ phiếu bị rớt giá. Nghiên cứu của cho thấy, nhiều cổ phiếu sau khi bị cú sốc rớt giá lại tiếp tục trượt dốc dài. Cũng có một số cổ phiếu sau cú sốc đó lại cho mức lãi trung bình d-ương trong một số khoảng thời gian quan sát. Điều này chứng tỏ rằng nếu biết lựa chọn danh mục đầu tư một cách khôn ngoan thì thậm chí ngay cả việc đầu tư vào các cổ phiếu bị cú sốc rớt giá cũng sẽ mang lại lợi nhuận. Một số chuyên gia chứng khoán gợi ý các nhà đầu tư nên đ-a vào danh mục đầu tư của mình từ các công ty bán lẻ; các công ty truyền thông quảng cáo và các công ty dịch vụ cho đến các công ty tài chính lớn. Ngược lại, nên tránh đầu tư vào cổ phiếu của các công ty công nghệ cao, công ty hàng không, dầu mỏ,...

Sau cùng, xây dựng được một kế hoạch đầu tư thích hợp thật không dễ dàng đối với những nhà đầu tư mới bước chân vào thị trường chứng khoán. Bạn cần biết rõ bản thân mình và thử phân tích theo các vấn đề nêu trên trước khi đưa ra quyết định đầu tư. Tuy

nhiên, bạn cũng không nên áp dụng một cách cứng nhắc mà cần có sự điều chỉnh mục tiêu, chiến lược một cách linh động cho phù hợp với những biến động của thị trường.

Nhà đầu tư nghiệp dư cần phải quan tâm điều gì?

Bạn có đôi chút kiến thức về tài chính, nhưng liệu bạn đã đủ “dũng khí” để tham gia thị trường đầu tư? Bạn biết việc đầu tư sẽ có thể đem lại lợi nhuận không nhỏ, nhưng liệu bạn có chắc chắn rằng mình sẽ không gặp chút “vận đen” nào? Những lời khuyên mà bạn nhận được đã đủ đảm bảo để bạn trở thành nhà đầu tư thành công? Bạn có biết cần phải chú ý đến những yếu tố nào trong thế giới đầu tư không?

Nếu bạn cảm thấy còn đôi chút băn khoăn hay lúng túng, các chuyên gia đầu tư tài chính của CNN/Money sẽ giúp bạn.

Phần 1: Sáng suốt và cẩn trọng

1. Đôi khi nhà đầu tư nghiệp dư lại có lợi thế hơn nhà đầu tư chuyên nghiệp. Nhà đầu tư chuyên nghiệp luôn bị ám ảnh bởi những dự đoán rằng liệu họ có đánh bại thị trường hay không. Họ có thể cảm thấy căng thẳng khi nắm giữ hay mua vào tại thời điểm cổ phiếu đang tràn ngập thị trường. Còn các nhà đầu tư nghiệp dư sẽ không xem xét cẩn thận và nghiên cứu kỹ lưỡng đến như vậy trong các hoạt động đầu tư của mình. Khi thị trường bắt đầu nao động, khó kiểm soát, họ chỉ cần ngồi yên tại chỗ, bình tĩnh tập trung vào những mục tiêu dài hạn.

2. Đầu tư tiền bạc hợp lý là hành động quan trọng hơn rất nhiều so với việc cố gắng tìm kiếm những Microsoft tiếp theo. Về dài hạn, lợi nhuận mà bạn có được từ việc đầu tư cổ phiếu và trái phiếu sẽ có xu hướng tương thích với mức biến động trung bình trên thị trường. Vì vậy, bạn nên phân bổ tài chính hợp lý để quyết định đầu tư bao nhiêu phần vào cổ phiếu và bao nhiêu vào trái phiếu.

3. Bạn có thể chia tay với hoạt động đầu tư với khoản tiền lớn và tâm trạng thoải mái mà không cần biết đến việc học thế nào để kiếm được cổ phiếu sinh lợi. Hãy đặt 60% tổng số tiền của bạn vào thị trường cổ phiếu và 40% còn lại vào thị trường trái phiếu. Chỉ trong vòng 10 năm hay lâu hơn một chút, bạn sẽ đạt kết quả tốt hơn phần lớn các nhà đầu tư khác trên thị trường, cả chuyên nghiệp lẫn nghiệp dư.

4. Tất cả các hoạt động đầu tư đều liên quan đến rủi ro.

5. Đa dạng hoá đầu tư là một loại thuốc trợ tim tuyệt vời đối với các nhà đầu tư. Việc trải rộng dòng vốn của mình ra các loại cổ phiếu và trái phiếu khác nhau là quyết định khôn ngoan. Việc này sẽ giảm thiểu tỷ lệ rủi ro và tăng cơ hội thu thêm lợi nhuận.

6. Các nhà đầu tư lão luyện đều có chung một kết luận là về dài hạn, cổ phiếu sẽ sinh lợi nhiều hơn trái phiếu và trái phiếu hiệu quả hơn tiền mặt. Tuy nhiên, bạn cần cảnh giác, không phải lúc nào nhận định này cũng đúng.

7. Hãy chú ý tới sự thoái trào: Các vận động viên thể thao gọi đó là sự xuống phong độ. Đây là thời kỳ mà các vận động viên rơi vào khủng hoảng sau thời kỳ đỉnh cao. Trên thị trường chứng khoán, những điều tương tự thường xảy ra với các công ty tăng trưởng quá nóng. Các nhà đầu tư thường có xu hướng vui mừng lao vào những công ty tăng trưởng nhanh, tuy nhiên không ai có thể đi theo cuộc chơi này mãi mãi, bởi vì thậm chí những công ty tăng trưởng nhanh nhất cũng có thể rơi vào suy thoái bất cứ lúc nào. Bạn hãy dành nhiều thời gian hơn để suy nghĩ và phân tích về những hiện tượng này, từ đó quyết định xem lúc nào nên lao vào và lúc nào không nên.

8. Đừng dùng tiền của mình đầu tư vào thị trường với những mục tiêu đại loại như cố gắng mua được những cổ phiếu với mức giá cao nhất hay thấp nhất. Các nhà nghiên cứu hiện vẫn còn đang tìm kiếm một cách thức để xác định chính xác lúc nào thị trường ở mức trần và lúc nào ở mức sàn, nhưng điều này có thể không bao giờ biết được.

9. Tỷ lệ trung bình đồng vốn đầu tư: Đầu tư với lượng tiền nhất định hàng tháng hay hàng quý trong năm là cách tốt nhất và duy nhất để có thể giữ bạn trên con đường mà mình đã lựa chọn.

10. Tái cân bằng. Bạn nên dành 60% tiền bạc của mình đầu tư vào cổ phiếu và 40% vào trái phiếu. Nếu cổ phiếu gặp khủng hoảng và chiếm tới 75% tổng vốn đầu tư của bạn, bạn nên bán bớt chúng đi để tái cân bằng ở mức 60-40. Với cách này, bạn sẽ có thể loại bỏ những cổ phiếu đang trở nên đắt tiền hơn và mua vào loại rẻ tiền hơn. Đó là cách mua rẻ bán đắt.

11. Lợi nhuận cao bao giờ cũng gắn liền với rủi ro lớn, tuy nhiên không phải bất cứ rủi ro nào cũng tất yếu dẫn tới lợi nhuận cao. Trước sức hấp dẫn của các khoản lợi nhuận khổng lồ, một nhà đầu tư thông minh sẽ không dấn thân một cách mạo hiểm vào những vụ đầu tư nếu anh ta không nhìn thấy sự an toàn tối đa. Trong quãng thời gian “chú bò” thì trường chứng khoán được nuôi lớn thái quá, bạn có thể mất tiền từ niềm đam mê cổ phiếu của mình, hay đơn giản là công ty mà bạn cho rằng sẽ thành công có thể nổ tung bất cứ lúc nào.

12. Bạn có thể không biết mình phải đối mặt với những rủi ro nào, cho đến khi bạn hứng chịu những mất mát thực sự. Cũng giống như các trường hợp ngộ độc thực phẩm, rủi ro là một cái gì đó rất khó để hiểu về mặt lý thuyết. Một sự thật khó nghe đó là Nasdaq đã “chôn vùi” không biết bao nhiêu nhà đầu tư công nghệ, những người nghĩ rằng mình không thể bị tổn thương.

13. Quy tắc 72. Một mảnh khóc để tính toán xem bạn sẽ cần bao nhiêu thời gian để nhân đôi số tiền của mình. Ví dụ bạn phải mất bao nhiêu năm để khoản tiền 1000 đồng chuyển thành 2000 đồng ở mức lợi nhuận 8%? Hãy lấy 72 chia cho 8, bạn có 9 năm. Từ ví dụ này, bạn có thể tính toán cho mình khoảng thời gian sinh lợi nhuận.

14. Tái đầu tư. Nếu bạn kiếm được 6% lợi nhuận trên 1000 đồng trái phiếu và để dành hết số tiền lời này, thì sau 20 năm, bạn sẽ có 1200 đồng. Nhưng nếu bạn tái đầu tư hết số lợi nhuận thu được, bạn sẽ có 2662 đồng cũng sau 20 năm. Đó là sức mạnh của tái đầu tư - lợi nhuận mẹ sẽ sinh ra lợi nhuận con.

15. Bắt đầu sớm. Đối với hoạt động đầu tư, bạn càng dành thời gian cho nó nhiều bao nhiêu, bạn sẽ càng thu được nhiều lợi nhuận bấy nhiêu.

16. Dành dụm nhiều hơn: Một cách khác để tăng thêm lợi nhuận đó là dành dụm thêm một khoản tiền nhỏ nhất định mỗi tháng để đầu tư. Cùng với thời gian, những đồng tiền đó sẽ sinh sôi thành hàng nghìn đồng khác.

17. Khi bạn đặt kế hoạch cho những mục tiêu dài hạn, bạn hãy đảm bảo rằng toàn bộ số vốn đầu tư của bạn sẽ sinh lời 5% đến 6%/năm.

18. Khi bạn mua một cổ phiếu, bạn nghĩ nó sẽ đem lại lợi nhuận cho bạn, nhưng bạn cần nhớ rằng bạn đã mua những cổ phiếu này từ một người nào đó cũng đang cảm thấy mất ngủ khi bán được chúng.

19. Đừng dựa vào các cơ quan quản lý. Các nhà đầu tư cần có cái nhìn tỉnh táo và thực tế về những gì chính phủ có thể làm và những gì không thể. Các cơ quan quản lý chắc chắn sẽ đẩy mạnh việc tìm ra các gian lận và buộc các công ty phải phơi bày thông tin nhiều hơn và minh bạch hơn. Nhưng các nhà đầu tư thường sử dụng một cách không hiệu quả những thông tin mà họ có được từ sự công khai đó. Bao nhiêu nhà đầu tư đã từng thực sự đọc và phân tích những tường trình trong bản cáo bạch IPO thường niên trước khi ra quyết định đầu tư? Không có quy định nào buộc các nhà đầu tư phải quyết định thận trọng hay giữ thị trường khỏi suy thoái.

20. Đừng để những mối quan tâm về thuế ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của bạn.

21. Bạn muốn tăng lợi nhuận kiếm được? Nếu bạn xem TV vào buổi trưa, tốt hơn hết bạn đừng nên xem những thông tin về tài chính kinh doanh. Bạn thực sự không cần biết những gì xảy ra với cổ phiếu của các công ty, thay vào đó hãy xem chương trình mà bạn yêu thích. Đơn giản là vì lúc này bạn không cần những cái nhìn và phân tích bên trong nhằm tránh cho bạn những cảm dỗ lôi kéo mình vào những vụ đầu tư mới với rủi ro cao hơn nhiều.

PHẦN 2: HÀNG HÓA TRÊN THỊ TRƯỜNG

22. Ở đây có sự khác biệt giữa đầu tư và đầu cơ: các nhà đầu tư thường thích mua cổ phiếu như một thương vụ kinh doanh và sẽ nắm giữ trong thời gian dài, còn các nhà đầu cơ nhìn cổ phiếu như những tờ giấy và họ mua chúng với hy vọng một ai đó sẽ trả giá cao hơn.

23. Tình hình tăng trưởng của công ty sẽ điều khiển giá cổ phiếu. Có thể có sự khác biệt khá lớn về giá cổ phiếu từ năm này qua năm khác, nhưng về lâu dài, giá cổ phiếu sẽ biến động dựa trên doanh thu và lợi nhuận của công ty - nếu lợi nhuận ngày một thu hẹp thì giá cổ phiếu sẽ giảm, còn nếu lợi nhuận càng lúc càng lớn hơn thì đương nhiên giá cổ phiếu cũng sẽ tăng cao.

24. Trước khi quyết định mua một cổ phiếu nào đó, bạn hãy chuẩn bị “bài diễn văn tóm tắt” để thuyết phục chính bản thân bạn, cô vợ đa nghi, con chó của bạn, hay bất kỳ ai và giải thích tại sao bạn muốn mua cổ phiếu. Đó có phải là một cổ phiếu tăng trưởng nhanh, ổn định và sẽ tạo nên một kỳ tích về doanh thu? Liệu chiến lược đầu tư bạn đưa ra có hợp lý? Liệu bản cân đối tài chính của công ty đó đã đủ lành mạnh? Liệu công ty này có thắng thế trước các đối thủ cạnh tranh? Đơn giản khi bạn nói ra những điều này, bạn sẽ phải tập trung hơn vào những gì bạn nghĩ và những gì bạn đã nghiên cứu, phân tích. Cuối cùng, việc này có thể giúp bạn tránh những rủi ro thua lỗ.

25. Khi bạn đã dành vài phút để suy nghĩ, bạn hãy dành tiếp mấy phút nữa để tự hỏi tại sao bạn không nên mua cổ phiếu đó. Liệu công ty có chìm sâu trong nợ nần? Liệu vị CEO có đáng tin cậy không hay sẽ “lẩn như trạch” khi có rắc rối? Liệu giá cổ phiếu có quá đắt để mua? Việc nắm bắt những thông tin đó không những sẽ giúp bạn hiểu hơn về công ty, mà còn giúp bạn tính toán được thời điểm nên bán cổ phiếu đi.

26. Những công ty lớn không nhất thiết sẽ tạo ra những cổ phiếu đáng để mua. Đơn giản là vì nếu bạn chỉ đầu tư vào những công ty đang dẫn đầu thị trường, thì thu nhập của bạn có thể sẽ rất cao, tuy nhiên, một khi những công ty lớn rơi vào khủng hoảng, thì thu nhập của bạn có thể bị khủng hoảng nặng nề hơn nhiều.

27. Cổ phiếu 20 đồng có thể quá đắt - Cổ phiếu 100 đồng lại có thể quá rẻ. Bạn hãy tính toán, nhưng không chỉ là giá mỗi cổ phiếu, mà là lượng tiền bạn thu được từ mỗi đồng tiền trong doanh thu, lợi nhuận, tài sản và tiền mặt lưu thông của công ty mà bạn đầu tư vào. Điều này bạn có thể biết được từ các tỷ lệ đánh giá cổ phiếu sau đây.

28-31. Bốn cách để đánh giá một cổ phiếu

- Tỷ lệ giá/lợi nhuận (P/E): Cho đến nay, đây vẫn là tỷ lệ đánh giá cổ phiếu được sử dụng phổ biến nhất, bởi vì nó cho biết bạn sẵn sàng trả bao nhiêu cho mỗi đồng lợi nhuận của công ty.

- Tỷ lệ giá/doanh thu (P/S): Chỉ số này có thể được sử dụng để nhận ra những công ty có mạng lưới kinh doanh ổn định, nhưng lợi nhuận có thể giảm sút sau quá trình tăng trưởng quá nóng.

- Tỷ lệ giá/lưu lượng tiền mặt (P/C). Con số doanh thu và lợi nhuận mà công ty báo cáo là sản phẩm của những quy tắc tính toán phức tạp, do đó số liệu có thể bị sai lệch. Lưu lượng tiền mặt từ các hoạt động kinh doanh có thể vẽ nên bức tranh chân thực hơn.

- Tỷ lệ giá/giá trị sổ sách (P/B): Tỷ lệ này được dùng để đánh giá toàn bộ máy móc, thiết bị và các tài sản khác, thường được sử dụng khi nhà đầu tư tìm kiếm các mục tiêu tiếp quản.

32. Sự khác biệt giữa chỉ số Forward P/E và Trailing P/E. Chỉ số Trailing P/E được dựa trên doanh thu trong năm hiện tại hay bốn quý gần nhất của công ty. Còn chỉ số Forward P/E là ước đoán dựa trên doanh thu mong đợi của công ty trong năm tiếp theo hay bốn quý sắp tới.

33. Sự khác biệt giữa cổ phiếu tăng trưởng và cổ phiếu giá trị. Một cổ phiếu tăng trưởng sẽ hứa hẹn một lợi nhuận lớn hơn trong tương lai, trong khi đó một cổ phiếu giá trị có tính thanh khoản cao, bạn có thể bán bất cứ lúc nào với mức giá cao hơn hay thấp hơn giá trị thực của chúng. Cổ phiếu tăng trưởng thường là cổ phiếu của các hãng dầu mỏ còn cổ phiếu giá trị là cổ phiếu của các hãng tiêu dùng luôn có doanh thu và lợi nhuận ổn định, mức độ tin cậy cao. Về dài hạn, cổ phiếu giá trị có mức tăng trưởng chậm hơn, một phần vì chúng có chiều hướng được mua để đầu cơ trên thị trường.

34. Cách tốt nhất để tìm kiếm cổ phiếu tăng trưởng giá rẻ. Để trả lời câu hỏi liệu một cổ phiếu tăng trưởng hiện có được rao bán ở mức giá hợp lý hay không, bạn hãy xem tỷ lệ PEG. Để tính toán tỷ lệ PEG của một công ty, bạn hãy chia tỷ lệ P/E với tỷ lệ tăng trưởng doanh thu dự đoán. Nếu tỷ lệ PEG thấp hơn 1,2 nghĩa là cổ phiếu đó là cơ hội tốt để đầu tư.

35. Bạn có thể bắt đầu xây dựng danh mục đầu tư các cổ phiếu dài hạn chỉ với 9 công ty. Khi xây dựng một danh mục đầu tư cơ bản, bạn hãy bắt đầu với những công ty lớn có mặt trong 5 lĩnh vực công nghiệp tăng trưởng năng động nhanh nhất. Ví dụ, bạn có thể lựa chọn A trong lĩnh vực công nghệ, B trong lĩnh vực dược phẩm, C trong lĩnh vực dịch vụ tài chính...

36. Đừng đặt quá 10% vốn đầu tư bạn có vào cổ phiếu của chính công ty bạn. Nếu bạn buộc phải nắm giữ một số lượng lớn hơn 10% - có thể do những quy định của công ty - bạn hãy cố phân tán rủi ro bằng cách đầu tư vào những lĩnh vực khác ổn định hơn lĩnh vực của bạn. Ví dụ, nếu bạn làm việc cho một công ty công nghệ cao, hãy kiếm cho mình những cổ phiếu của các công ty công nghiệp trả cổ tức cố định.

37. Đừng đặt quá 10% vốn đầu tư cổ phiếu của bạn vào một công ty. Những bài học lớn như Enron và WorldCom là minh chứng rõ nét cho nhận định rằng: một danh mục đầu tư quá tập trung sẽ gia tăng sự mất ổn định và tăng rủi ro thua lỗ.

38. Sự phân tán cổ phiếu cũng không làm bạn trở nên giàu có. Việc chia tách cổ phiếu để đầu tư là cần thiết, nhưng việc phân tán quá rộng lại rất có thể phản tác dụng. Khi bạn chia tách cổ phiếu để đầu tư, bạn cũng sẽ không giàu hơn hay nghèo hơn chính bạn trước đây. Ví dụ, sau khi phân tán cổ phiếu, bạn kết thúc năm tài chính với số lượng cổ phiếu nhiều gấp đôi, nhưng chúng được giao dịch với giá chỉ bằng một nửa. Tuy nhiên, một vài nhà đầu tư nhìn nhận việc phân tán là dấu hiệu của việc đa dạng hoá đầu tư tới nhiều công ty hấp dẫn hơn. Nhưng rồi, các nghiên cứu cho thấy rằng cổ phiếu được phân tán thường

ít đem lại lợi nhuận hơn so với việc không phân tán, nếu thời gian đầu tư của bạn chỉ từ một đến hai năm.

39. Tìm kiếm thông tin để tìm hiểu về công ty bằng cách đọc các báo cáo tài chính hàng quý hay hàng năm. Bạn cũng có thể tìm kiếm các thông tin về các công ty trên Internet hay trang web của cơ quan quản lý thị trường chứng khoán.

40. Theo sát chỉ số thị trường chứng khoán. Đây là chiến lược để mua lại những cổ phiếu có giá trị sinh lời cao nhất vào mỗi tháng 1 đầu năm. Bạn giữ chúng trong một năm, sau đó bán đi những cổ phiếu sa sút nhất trong bản danh sách và mua một cổ phiếu khác thay thế.

41. IPO sẽ không như mong đợi. Trong thời kỳ hoàng kim của các công ty Internet, mọi người đều muốn lao vào các đợt phát hành chứng khoán ra công chúng (IPO). Tuy nhiên, IPO không đem lại kết quả về lâu dài. Những cổ phiếu này thường đem lại phần lớn lợi nhuận trong những những ngày giao dịch đầu tiên, sau đó, các đợt phát hành mới sẽ chỉ “ì ạch” trên thị trường trong những năm tiếp theo.

42-45. Bốn lý do đúng đắn để bán cổ phiếu. Bạn đừng bán cổ phiếu chỉ vì chúng sụt giá hay vì thị trường có dấu hiệu đi xuống. Những lý do để bán cổ phiếu đi là:

- Thứ nhất, một vài yếu tố quan trọng về hoạt động kinh doanh hay triển vọng lợi nhuận của công ty đã thay đổi so với thời điểm bạn mua chúng.
- Thứ hai, bạn nhận ra rằng những nhận định, đánh giá trước đây của bạn về hoạt động kinh doanh và triển vọng lợi nhuận của công ty là sai lầm.
- Thứ ba, công ty bạn đầu tư đang cho thấy họ hoạt động quá tốt so với mong đợi – giá cổ phiếu tăng trên mức mà bạn tin rằng phản ánh giá trị thực của công ty.
- Thứ tư, cổ phiếu nào đó hiện đang chiếm một phần quá lớn trong danh mục đầu tư của bạn khiến rủi ro tăng cao.

PHẦN 3: GIAO DỊCH

46. Bạn giao dịch càng nhiều, lợi nhuận bạn thu được dường như sẽ càng ít đi. Bạn mua và bán càng nhiều, danh mục đầu tư của bạn sẽ phải chịu chi phí giao dịch càng cao hơn. Thử nghĩ xem liệu bạn có đánh bại thị trường bằng những ý tưởng thông minh không? Một nghiên cứu cho thấy các nhà quản lý quỹ thường không tăng lợi nhuận bằng các giao dịch trên thị trường chứng khoán. Nếu các giao dịch thường xuyên gây thiệt hại cho các nhà đầu tư chuyên nghiệp, thì nó cũng có thể ảnh hưởng xấu đến bạn.

47. Đầu tư quá giới hạn cho phép. Bạn vay tiền từ những nhà môi giới và trả lãi suất để mua thêm cổ phiếu. Điều này dường như sẽ mang lại lợi nhuận nhiều hơn, nhưng đồng thời thua lỗ cũng có thể lớn hơn. Nếu cổ phiếu bạn nắm giữ xuống thấp dưới mức nào đó, nhà môi giới của bạn sẽ yêu cầu bạn hoàn trả lại một phần hay toàn bộ khoản nợ ngay lập tức. Do đó, mua ngoài giới hạn của bản thân là một rủi ro mà các nhà đầu tư nghiệp dư nên tránh xa.

48. Thế nào là đầu tư short-selling?. Nhà đầu tư “short-seller” sẽ mượn cổ phiếu từ một nhà môi giới để bán với hy vọng cổ phiếu này sẽ xuống giá và anh ta có thể mua lại với giá thấp hơn. Tuy nhiên, chi phí cao, tiềm năng thua lỗ lớn và thậm chí giá cổ phiếu tăng sau một thời kỳ dài đóng băng sẽ khiến mong muốn thu lại cổ phiếu của những nhà đầu tư “short-seller” trở nên viên vông. Đây là một điều mà bạn nên tránh.

49. Sự khác biệt giữa lệnh thị trường và lệnh giới hạn. Khi bạn ra một lệnh trên thị trường chứng khoán với nhà môi giới của bạn, bạn đang yêu cầu bán hay mua cổ phiếu ở một mức giá khớp lệnh. Còn lệnh giới hạn hướng nhà môi giới mua và bán cổ phiếu ở mức giá cụ thể nào đó, thì mức giá này được sử dụng như một biện pháp hữu hiệu để bảo vệ bạn trong một thị trường thường xuyên biến động. Nếu cổ phiếu không đạt tới giá đó, sẽ không có giao dịch nào được thực hiện.

PHẦN 4: TRÁI PHIẾU

50. Những quy tắc cơ bản của đầu tư trái phiếu. Giá trái phiếu sẽ giảm khi tỷ lệ lãi suất tăng và ngược lại. Tại sao? Nếu bạn sở hữu trái phiếu có mức trả lãi 6% và tỷ lệ lãi suất tăng, lúc này, trái phiếu sẽ có mức trả lãi 7% , do vậy trái phiếu 6% của bạn sẽ mất giá.

51. Nếu bạn đầu tư trái phiếu và giữ chúng cho đến đúng kỳ hạn thanh toán, bạn sẽ không bao giờ mất tiền. Trái phiếu chính phủ, ngân phiếu không bao giờ vỡ nợ. Trái phiếu đô thị và trái phiếu công ty cũng hiếm khi vỡ nợ (tỷ lệ vỡ nợ dài hạn chỉ khoảng trên dưới 1% đến 2%).

52. Bán cổ phiếu trước khi đến hạn thanh toán có thể là một sai lầm. Cổ phiếu không như trái phiếu – chúng không được giao dịch mọi ngày và cũng sẽ không có nhiều người sẵn sàng mua trái phiếu khi bạn muốn bán chúng đi. Vì vậy, nếu bạn buộc phải bán trái phiếu, bạn có thể phải chấp nhận chịu thiệt một số tiền nhất định.

53. Làm thế nào để vừa có tiền vừa không thua lỗ? Trong danh mục đầu tư trái phiếu, bạn nên nắm giữ nhiều cổ phiếu với các kỳ hạn thanh toán khác nhau để bạn có thể có tiền vào bất cứ năm nào. Điều này cho phép bạn tận dụng lợi ích từ tỷ lệ lãi suất cao để mua trái phiếu khác, đồng thời giảm thiểu rủi ro.

54. Bạn có thể mất tiền nếu đầu tư vào các Quỹ đầu tư trái phiếu. Hàng ngày, giá trị của các cổ phiếu trong danh mục đầu tư trái phiếu luôn biến động, phụ thuộc vào sự dao động của tỷ lệ lãi suất và các yếu tố khác. Do đó, giá trị tài sản toàn Quỹ đầu tư trái phiếu cũng thay đổi theo. Vì vậy, khi bạn bán cổ phiếu của Quỹ đầu tư trái phiếu, giá cổ phiếu sẽ có thể thấp hơn – hay cao hơn – so với thời điểm bạn mua chúng.

55. Thế nào là trái phiếu Zero-coupon. Trái phiếu Zero-coupon (cuống phiếu bằng không) sẽ không có lãi suất, thay vào đó, bạn mua trái phiếu với mức giá thấp hơn giá danh nghĩa. Khi cổ phiếu đến hạn, bạn sẽ nhận lại khoản tiền đó bao gồm khoản tiền đầu tư ban đầu cộng thêm số tiền chênh ra từ giá gốc cổ phiếu so với giá mua. Ví dụ, bạn có thể phải

trả 6659 đồng và nhận 10 ngàn đồng trái phiếu zero-coupon có lợi tức 4,15% và hạn thanh toán trong 10 năm.

56. Cuống phiếu (Coupon). Đây là mức lãi suất cố định mà bạn có thể nhận được mỗi năm từ số cổ phiếu nắm giữ.

57. Giá trị trung bình (Par value). Mức giá này được hiểu như giá trị danh nghĩa của trái phiếu, đó là lượng tiền mà một nhà phát hành trái phiếu đồng ý trả khi đến hạn thanh toán. Thông thường, trái phiếu được giao dịch ở mức cao hơn hay thấp hơn giá trị trung bình.

PHẦN 5: QUỸ ĐẦU TƯ

58. Tại sao các Quỹ hỗ tương luôn thành công? Câu trả lời là do không có nơi nào khác đề xuất những phương án đầu tư đa dạng và tiện lợi như vậy. Các Quỹ này cung cấp một hướng đầu tư chi phí thấp cho các nhà đầu tư cá nhân mới vào nghề, giúp họ làm quen với thị trường, tạo đà cho họ trở thành những nhà đầu tư chuyên nghiệp sau này. Với các Quỹ hỗ tương, bạn có thể tiến hành các vụ đầu tư mà không cần bỏ chi phí hoa hồng môi giới, việc mà bạn không thể làm khi trực tiếp đầu tư vào cổ phiếu.

59. Với thời gian, các Quỹ đầu tư nóng có thể sẽ nguội lạnh dần, nhưng chi phí đầu tư bao giờ cũng được giữ ở mức thấp. Thông thường, bạn chỉ phải mất chi phí khoảng 2% đến 2,5% mỗi năm.

60. Làm thế nào để lựa chọn một Quỹ đầu tư? Việc bạn vội vã bắt tay một Quỹ đầu tư chỉ vì biểu đồ tăng trưởng mạnh trong vài tháng gần đây dường như là cách để bạn tự “đốt” những đồng tiền của mình. Thay vào đó, bạn hãy tập trung nhiều hơn vào các Quỹ đầu tư có thể dự đoán được xu hướng phát triển trong tương lai. Tuy nhiên, trước khi lựa chọn một Quỹ đầu tư nào đó, bạn nên dành chút ít thời gian nghiên cứu về nó, tìm hiểu hoạt động và cơ cấu tổ chức, các cổ phiếu mà Quỹ sở hữu... Và chắc bạn sẽ không muốn một Quỹ đầu tư mà cứ một vài năm lại thay một nhà quản lý mới.

61. Khi bạn đầu tư vào các Quỹ hỗ tương, sẽ có một khoản bạn phải chịu là phí bán (sales charges). Nếu bạn mua cổ phiếu của quỹ đầu tư thông qua một nhà môi giới hay do một chuyên gia nào đó khuyên bạn nên làm như vậy, bạn sẽ phải trả chi phí được gọi là phí bán, đây là mức hoa hồng dành cho họ vì những lợi nhuận bạn có được.

62. “Phí bán” hoạt động như thế nào? Quỹ đầu tư chung chào bán theo giá trị ròng hoặc giá trị ròng cộng với một khoản phí bán, mà trong ngành thường gọi là load (gánh nặng). Vì vậy mà những quỹ này được gọi là quỹ có tính phí bán (load-fund). Những cổ phần nào chào bán theo giá trị ròng (không cộng thêm phí bán) thì người phân phối của quỹ đầu tư trực tiếp đảm nhận việc thực hiện. Cũng có thể việc này được một nhóm người hăng hái trong ban giám đốc làm. Những người này không có một lực lượng bán hàng ăn hoa hồng và họ sẽ đầu tư toàn bộ số tiền nhà đầu tư ký gửi. Vì vậy mà những quỹ này

được gọi là quỹ không tính phí bán (no load-funds), phát triển rất nhanh về số lượng cũng như giá trị tài sản được quản lý.

63. Cách tốt nhất để sử dụng Quỹ đầu tư theo khu vực chuyên ngành (Sector funds): Nếu bạn có một danh mục đầu tư đa dạng, có nghĩa là bạn đang sở hữu cổ phiếu công nghệ, cổ phiếu công ty chăm sóc sức khỏe và cổ phiếu tài chính,... Nếu đơn thuần tham gia vào những Quỹ đầu tư theo khu vực chuyên ngành, bạn sẽ làm mất cân bằng cán cân đầu tư của mình. Thay vào đó, bạn hãy dành một lượng nhỏ vốn đầu tư, từ 5% đến 10% chẳng hạn, cho các quỹ như Quỹ đầu tư bất động sản.

64. Sở hữu trong tay cổ phiếu của 10 Quỹ hỗ tương không đồng nghĩa với việc bạn đang đa dạng hoá danh mục đầu tư của mình. Đa dạng hoá có nghĩa là nhiều cổ phiếu trong các lĩnh vực khác nhau.

PHẦN 6: KINH TẾ

65. Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) làm gì? FED luôn cố gắng đảm bảo và duy trì sự lành mạnh của hệ thống ngân hàng, giá cả ổn định và tỷ lệ thất nghiệp thấp. Một trong những công cụ quan trọng nhất của FED là điều chỉnh lãi suất cho vay giữa các ngân hàng và tăng hay giảm nguồn cung tiền quốc gia.

66. Tại sao những gì FED làm lại rất quan trọng? FED có ảnh hưởng lớn đến định hướng kinh tế và tỷ lệ lãi suất. Tỷ lệ lãi suất thấp hay giảm sẽ làm tăng giá trị cổ phiếu. Nhưng nếu các nhà đầu tư nghĩ rằng FED có kế hoạch tăng lãi suất, họ sẽ bán cổ phiếu vì mức lãi suất dẫn đến xu hướng lượng tiền gửi ngân hàng tăng, nền kinh tế tăng trưởng chậm và ảnh hưởng đến lợi nhuận của họ. Khi FED tăng tỷ lệ lãi suất, ngay lập tức giá cổ phiếu tại phố Wall đã sụt giảm, do tỷ lệ lãi suất cao sẽ hạn chế việc các công ty vay tiền để đầu tư cho những dự án kinh doanh mới. Và khi đó, trái phiếu sẽ được quan tâm hơn.

PHẦN 7: LỜI KHUYÊN

67. Bạn sẽ mất những khoản tiền nào? Khi đầu tư, bạn phải trả một khoản tiền nhất định cho các sự trợ giúp. Khoản tiền này là hoa hồng môi giới, phí bán của quỹ đầu tư hay chi phí tư vấn... Trên thị trường chứng khoán có nhiều chuyên gia sẵn sàng giúp bạn lập kế hoạch đầu tư, danh mục đầu tư, những chuyên gia này sẽ lấy đi của bạn khoảng 1% đến 2% tổng số tiền trong danh mục đầu tư.

68. Phàn nàn và khiếu nại như thế nào? Nếu nhà môi giới hay nhà kinh doanh chứng khoán làm việc cho một công ty nào đó, đầu tiên bạn hãy khiếu nại bằng văn bản tới công ty của anh ta. Nếu bạn nghi ngờ việc vi phạm một quy định pháp luật về chứng khoán, bạn hãy liên hệ trực tiếp với Ủy ban chứng khoán nhà nước. Bạn có thể vào trang nasaa.org để tìm những hướng dẫn khiếu nại bằng văn bản cùng những tài liệu cần thiết cho việc chứng minh.

PHẦN 8: NGUỒN THÔNG TIN

69. Những trang web hữu ích. Nơi tốt nhất để khởi đầu cho việc tìm kiếm và phân tích thông tin là trang www.money.com. Sau đó, để đáp ứng những nhu cầu đầu tư khác của bạn, bạn có thể vào từng trang tài chính riêng lẻ có nội dung mà bạn quan tâm. Tại các địa chỉ như CNN/Money (money.cnn.com), MSN Money (moneycentral.com) hay Yahoo Finance (finance.yahoo.com) sẽ có những thông tin tài chính được cập nhập liên tục. Mỗi trang sẽ cung cấp những thông tin khác nhau về thị trường tài chính, nguồn và các công cụ thực thi như: tìm kiếm danh mục đầu tư, chào giá, tin tức về các công ty, phân tích thị trường, biểu đồ, giá cổ phiếu, dự đoán doanh thu, thông báo kinh doanh nội bộ và dữ liệu IPO...

Bên cạnh đó, nhiều nhà đầu tư cũng rất thích trang ww.financenter.com vì những công cụ tính toán và phân tích ấn tượng của nó. Một trang web lớn để các nhà đầu tư làm quen với các quy định và thuật ngữ đầu tư là trang www.investorwords.com, nơi mà có hẳn một từ điển tài chính với trên 6000 định nghĩa và nhiều mục từ tham khảo khác.

Kinh doanh chứng khoán trên mạng - được và mất

Đầu tư chứng khoán là nghề có thể mang lại cho bạn nhiều lợi nhuận, song, đó cũng là nghề khiến bạn có thể trở nên khánh gia bại sản trong một thời gian nhanh nhất. Hẳn bạn còn nhớ vụ một tên sát nhân tại Mỹ đã giết hại 12 người và sau đó tự sát chỉ vì thua lỗ trong đầu tư chứng khoán trên mạng Internet? Đầu tư chứng khoán là một cuộc chơi không dễ dàng, nếu không muốn nói là khắc nghiệt. Tuy nhiên, đó cũng là nghề hấp dẫn những ai có bản lĩnh, có đầu óc phân tích tốt và biết chấp nhận rủi ro, còn mất...

Giới kinh doanh nói chung và các nhà đầu tư chứng khoán nói riêng không xa lạ gì về mối tương quan tỷ lệ thuận giữa mức độ rủi ro và lợi nhuận. Thế nhưng, không phải cứ liều lĩnh là được. Với lịch sử phát triển hàng trăm năm, thị trường chứng khoán toàn cầu luôn không ngừng thay đổi. Chúng ta đã biết đến nhiều loại thị trường chứng khoán khác nhau như thị trường quyền chọn, thị trường tương lai, thị trường công cụ nợ... Tuy nhiên, để đầu tư thế nào cho hiệu quả – đó là câu hỏi khiến người chơi chứng khoán đau đầu.

Và rồi, khi thị trường phát triển cùng với một loạt các quy định mới và đặc biệt là sự ra đời của Internet, câu trả lời đã xuất hiện. Ngày nay, mọi người có thể tự do đầu tư chứng khoán mà không cần có mặt cũng như không phải trực tiếp liên lạc với các nhân viên môi giới đầu tư. Sự tiện lợi này đang ngày càng thu hút nhiều nhà đầu tư hơn vào thị trường chứng khoán, từ những cụ già đã về hưu với đồng lương ít ỏi đến một doanh nhân thành đạt nhưng vẫn muốn làm giàu thêm nữa, một sinh viên mới tốt nghiệp đại học cho đến một công nhân sửa ống nước muốn có thêm tiền lo gia cho gia đình. Bất kể ai có quan tâm đến vấn đề này đều có thể trở thành nhà đầu tư chứng khoán trên mạng, miễn là họ có một số vốn tối thiểu. Thường thì họ tham gia vào việc kinh doanh cổ phiếu qua Internet theo kiểu “mua đứt bán đoạn” ngay trong một phiên giao dịch của thị trường chứng khoán. Thông thường, hoạt động này của họ được qua một công ty cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán trên mạng Internet.

Đầu tư chứng khoán trên mạng luôn là một hình thức đầu tư khá tiện lợi. Thông tin về nhiều công ty, các nhà môi giới chứng khoán, bản tin thị trường cùng lời khuyên của các chuyên gia thường được cung cấp hoàn toàn miễn phí. Chỉ cần một máy vi tính với kết nối Internet, ngồi bất kể tại đâu trên thế giới, bạn cũng có thể làm một cuộc kinh doanh cổ phiếu trên mạng. Còn đối với những ai muốn kiếm nhiều tiền hơn thì có thể bỏ công việc hiện tại của mình để trở thành một nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Những hoạt động đầu tư chứng khoán qua Internet đang ngày một phát triển tại hầu hết các thị trường chứng khoán trên thế giới.

Đầu tư chứng khoán trên mạng luôn là một hình thức đầu tư khá tiện lợi. Thông tin về nhiều công ty, các nhà môi giới chứng khoán, bản tin thị trường cùng lời khuyên của các chuyên gia thường được cung cấp hoàn toàn miễn phí. Chỉ cần một máy vi tính với kết nối Internet, ngồi bất kể tại đâu trên thế giới, bạn cũng có thể làm một cuộc kinh doanh cổ phiếu trên mạng. Còn đối với những ai muốn kiếm nhiều tiền hơn thì có thể bỏ công việc hiện tại của mình để trở thành một nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Những hoạt động đầu tư chứng khoán qua Internet đang ngày một phát triển tại hầu hết các thị trường chứng khoán trên thế giới.

Công cụ đầu tư của những nhà đầu tư chứng khoán tự do qua Internet không khác mấy so với các nhân viên môi giới và kinh doanh chứng khoán chuyên nghiệp, bao gồm máy điện thoại, màn hình máy vi tính với đầy đủ các thông tin về giá cả, các bản tin thị trường, bản tin tài chính,... Với các công cụ này, mọi người có thể thực hiện hàng trăm cuộc mua bán chứng khoán chỉ trong vòng một ngày. Dù bạn có ngồi ở nhà hay ở văn phòng làm việc thì bạn vẫn có thể tham gia giao dịch chứng khoán trong ngày bằng việc truy cập vào Internet.

Công cụ đầu tư của những nhà đầu tư chứng khoán tự do qua Internet không khác mấy so với các nhân viên môi giới và kinh doanh chứng khoán chuyên nghiệp, bao gồm máy điện thoại, màn hình máy vi tính với đầy đủ các thông tin về giá cả, các bản tin thị trường, bản tin tài chính,... Với các công cụ này, mọi người có thể thực hiện hàng trăm cuộc mua bán chứng khoán chỉ trong vòng một ngày. Dù bạn có ngồi ở nhà hay ở văn phòng làm việc thì bạn vẫn có thể tham gia giao dịch chứng khoán trong ngày bằng việc truy cập vào Internet.

Tuy nhiên, sau một số thành công nhất định trên Internet, bạn tự hào rằng mình là nhà đầu tư có năng lực, hiểu biết về chứng khoán. Sự thật có đúng như vậy không? Bạn hãy nên cẩn thận bởi chứng khoán là một trong những công cụ tài chính phức tạp và khó kiểm soát nhất. Những công thức tính toán phức tạp trong đầu tư chứng khoán vẫn có thể làm những nhà đầu tư lão luyện mắc sai lầm.

Phương thức đầu tư chứng khoán trên Internet theo nhiều chuyên gia đánh giá là sẽ rất dễ làm bạn “nghèo đi nhanh chóng”, đôi khi lợi nhuận sau một ngày mua bán trên thị trường chỉ đủ để trả tiền hoa hồng cho công ty Internet mà bạn mở tài khoản. Ngoài ra, do phương thức này chủ yếu giao dịch theo ngày nên bạn thường không có đủ sự gan lì,

nhANH NHEN, sự suy đoán thần tốc và tính kiên nhẫn để kịp thời quyết định bán lúc nào, mua lúc nào, Vì thế nhiều khi bạn mất khá nhiều tiền trong một ngày. Có thể nói, nếu không đủ tỉnh táo thì không ít trường hợp bạn sẽ sạt nghiệp hay mắc nợ lớn chỉ sau vài giây với phương thức đầu tư tiện dụng và đầy ma lực hấp dẫn này.

“Khi đầu tư vào một công việc có quá nhiều rủi ro, bạn dễ có khuynh hướng hành động theo cảm tính”, một nhà kinh doanh chứng khoán chuyên nghiệp tại phố Wall đã nhìn nhận như vậy về các nhà đầu tư “tự do tác chiến” không thông qua sự trợ giúp, chỉ dẫn của các chuyên gia môi giới chứng khoán. Một nhà tâm lý học chứng khoán tại Mỹ cho biết: “Cũng giống như trò đổ đen, thường khi thua thiệt trong đầu tư cổ phiếu, người ta lại càng cố dấn lên hòng gỡ gạc lại những gì đã mất, tuy nhiên, nhiều khi, nếu không tỉnh táo, bạn sẽ trở thành con nợ của chính mình. Một lúc nào đó, bạn sẽ mất hết cả chì lẫn chài, tài sản, tiền tiết kiệm, ... và rơi vào cảm giác thất bại, vô dụng... Bị kịch của những tay chơi ‘bán trời không văn tự’ thường diễn ra như vậy”.

“Khi đầu tư vào một công việc có quá nhiều rủi ro, bạn dễ có khuynh hướng hành động theo cảm tính”, một nhà kinh doanh chứng khoán chuyên nghiệp tại phố Wall đã nhìn nhận như vậy về các nhà đầu tư “tự do tác chiến” không thông qua sự trợ giúp, chỉ dẫn của các chuyên gia môi giới chứng khoán. Một nhà tâm lý học chứng khoán tại Mỹ cho biết: “Cũng giống như trò đổ đen, thường khi thua thiệt trong đầu tư cổ phiếu, người ta lại càng cố dấn lên hòng gỡ gạc lại những gì đã mất, tuy nhiên, nhiều khi, nếu không tỉnh táo, bạn sẽ trở thành con nợ của chính mình. Một lúc nào đó, bạn sẽ mất hết cả chì lẫn chài, tài sản, tiền tiết kiệm, ... và rơi vào cảm giác thất bại, vô dụng... Bị kịch của những tay chơi ‘bán trời không văn tự’ thường diễn ra như vậy”.

Lo ngại trước sự bùng nổ không thể kiểm soát được đối với hoạt động đầu tư “mua đứt bán đoạn” qua Internet của các nhà đầu tư độc lập thuộc mọi thành phần, Hiệp hội quốc gia các nhà mua bán chứng khoán Mỹ (NASD) đã yêu cầu các công ty cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán trên Internet cho các nhà đầu tư độc lập phải công bố rõ về mọi rủi ro của việc tự đầu tư này để mọi người được biết. Ngoài ra, nhiều nhà quản lý chứng khoán tại Ủy ban hối đoái và chứng khoán Mỹ (SEC) cũng đề nghị các công ty cung cấp dịch vụ này phải xem xét kỹ các điều kiện tâm lý, tài chính của khách hàng trước khi cho phép họ mở tài khoản để gia nhập hàng ngũ các nhà đầu tư tự do trên mạng.

Lo ngại trước sự bùng nổ không thể kiểm soát được đối với hoạt động đầu tư “mua đứt bán đoạn” qua Internet của các nhà đầu tư độc lập thuộc mọi thành phần, Hiệp hội quốc gia các nhà mua bán chứng khoán Mỹ (NASD) đã yêu cầu các công ty cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán trên Internet cho các nhà đầu tư độc lập phải công bố rõ về mọi rủi ro của việc tự đầu tư này để mọi người được biết. Ngoài ra, nhiều nhà quản lý chứng khoán tại Ủy ban hối đoái và chứng khoán Mỹ (SEC) cũng đề nghị các công ty cung cấp dịch vụ này phải xem xét kỹ các điều kiện tâm lý, tài chính của khách hàng trước khi cho phép họ mở tài khoản để gia nhập hàng ngũ các nhà đầu tư tự do trên mạng.

Còn về phía các nhà đầu tư tự do trên Internet, ngoài việc xác định được công ty tiềm năng, sự kiên trì cũng là một yếu tố quyết định hiệu quả của công việc đầu tư-. Khi đầu tư qua Internet, các nhà đầu tư cũng cần tập trung đầu tư vào cổ phiếu của các công ty có

tình hình tài chính minh bạch, có lợi nhuận cao đồng thời kiên trì nắm giữ dài hạn, chứ đừng theo xu hướng chung là “mua đứt bán đoạn”. Một công ty tốt sẽ tiếp tục tăng trưởng ngay cả khi thị trường chứng khoán có hoảng loạn. Các nhà đầu tư chứng khoán không nên quá để ý đến biến động giá hàng ngày trên thị trường cũng như những đặc điểm của việc đầu tư qua Internet mà nên tập trung tìm hiểu về các công ty tiềm năng để xác định được đâu là công ty tốt và đáng để nắm giữ lâu dài.

Còn về phía các nhà đầu tư tự do trên Internet, ngoài việc xác định được công ty tiềm năng, sự kiên trì cũng là một yếu tố quyết định hiệu quả của công việc đầu tư-. Khi đầu tư qua Internet, các nhà đầu tư cũng cần tập trung đầu tư vào cổ phiếu của các công ty có tình hình tài chính minh bạch, có lợi nhuận cao đồng thời kiên trì nắm giữ dài hạn, chứ đừng theo xu hướng chung là “mua đứt bán đoạn”. Một công ty tốt sẽ tiếp tục tăng trưởng ngay cả khi thị trường chứng khoán có hoảng loạn. Các nhà đầu tư chứng khoán không nên quá để ý đến biến động giá hàng ngày trên thị trường cũng như những đặc điểm của việc đầu tư qua Internet mà nên tập trung tìm hiểu về các công ty tiềm năng để xác định được đâu là công ty tốt và đáng để nắm giữ lâu dài.

Bên cạnh đó, khi giao dịch chứng khoán trên mạng Internet, các nhà đầu tư nên theo dõi tình hình tài khoản giao dịch mỗi ngày chứ không phải là mỗi phút, bởi như thế nhà đầu tư sẽ tránh được tác động từ những biến động liên tục trên thị trường đem lại. Nhiều trang web và công ty môi giới chứng khoán trên mạng Internet cho phép nhà đầu tư theo dõi tình hình giao dịch của mình. Thậm chí một số công ty còn gửi e-mail hàng đêm thông báo cho nhà đầu tư kết quả giao dịch chứng khoán trong ngày. Cần phải nhớ rằng cảm nang này chỉ thực sự có hiệu quả khi bạn nắm rõ các cổ phiếu mình đầu tư cũng như chiến thuật đầu tư định sử dụng. Muốn thành công các nhà đầu tư phải liên tục thực hành đầu tư thử một số loại cổ phiếu để rèn luyện các kỹ năng đầu tư và sự tự tin trước khi thực sự đầu tư vào thị trường chứng khoán qua mạng Internet.

Bên cạnh đó, khi giao dịch chứng khoán trên mạng Internet, các nhà đầu tư nên theo dõi tình hình tài khoản giao dịch mỗi ngày chứ không phải là mỗi phút, bởi như thế nhà đầu tư sẽ tránh được tác động từ những biến động liên tục trên thị trường đem lại. Nhiều trang web và công ty môi giới chứng khoán trên mạng Internet cho phép nhà đầu tư theo dõi tình hình giao dịch của mình. Thậm chí một số công ty còn gửi e-mail hàng đêm thông báo cho nhà đầu tư kết quả giao dịch chứng khoán trong ngày. Cần phải nhớ rằng cảm nang này chỉ thực sự có hiệu quả khi bạn nắm rõ các cổ phiếu mình đầu tư cũng như chiến thuật đầu tư định sử dụng. Muốn thành công các nhà đầu tư phải liên tục thực hành đầu tư thử một số loại cổ phiếu để rèn luyện các kỹ năng đầu tư và sự tự tin trước khi thực sự đầu tư vào thị trường chứng khoán qua mạng Internet.

Trường hợp bạn lựa chọn đầu tư vào quyền lựa chọn cổ phiếu (options) thì một trang chủ về định giá, biến động của các options là không thể bỏ qua được. Một trang web khá nổi tiếng đó là www.optionetics.com. Trang này cung cấp cho bạn các phân tích thị trường trong ngày cũng như phân tích toàn bộ thị trường vào cuối ngày, cập nhật các bài báo mỗi ngày về giao dịch, đầu tư cổ phiếu và hợp đồng lựa chọn. Trang web này còn có những dữ liệu thị trường được cập nhật liên tục và danh sách liệt kê những người thành công, thất bại trong đầu tư chứng khoán trên mạng cũng như giá cao nhất, thấp nhất trong ngày.

Trường hợp bạn lựa chọn đầu tư vào quyền lựa chọn cổ phiếu (options) thì một trang chủ về định giá, biến động của các options là không thể bỏ qua được. Một trang web khá nổi tiếng đó là www.optionetics.com. Trang này cung cấp cho bạn các phân tích thị trường trong ngày cũng như phân tích toàn bộ thị trường vào cuối ngày, cập nhật các bài báo mỗi ngày về giao dịch, đầu tư cổ phiếu và hợp đồng lựa chọn. Trang web này còn có những dữ liệu thị trường được cập nhật liên tục và danh sách liệt kê những người thành công, thất bại trong đầu tư chứng khoán trên mạng cũng như giá cao nhất, thấp nhất trong ngày.

Mặc dù vậy, hoàn toàn không sai khi các chuyên gia phân tích chứng khoán nhận định rằng sẽ rất nguy hại nếu các nhà đầu tư tự do trên Internet quên rằng thị trường chứng khoán không phải là nơi tiêu tiền nhanh và vô bổ nhất cũng như không phải là nơi kiếm tiền dễ dàng và nhàn nhã nhất, cho dù đó có là phương thức đầu tư tiện dụng qua Internet. Và chỉ có những nhà đầu tư tinh táo và biết kiểm chế mới tránh được sự hối tiếc nếu một ngày kia giá cổ phiếu tăng trở lại.

, hoàn toàn không sai khi các chuyên gia phân tích chứng khoán nhận định rằng sẽ rất nguy hại nếu các nhà đầu tư tự do trên Internet quên rằng thị trường chứng khoán không phải là nơi tiêu tiền nhanh và vô bổ nhất cũng như không phải là nơi kiếm tiền dễ dàng và nhàn nhã nhất, cho dù đó có là phương thức đầu tư tiện dụng qua Internet. Và chỉ có những nhà đầu tư tinh táo và biết kiểm chế mới tránh được sự hối tiếc nếu một ngày kia giá cổ phiếu tăng trở lại.

Trái phiếu công ty, phức tạp nhưng hiệu quả!

Thuật ngữ “Corporate bond” đã không còn xa lạ với nhiều doanh nghiệp, bởi đây là một trong những phương thức huy động vốn hữu hiệu khi doanh nghiệp thiếu vốn. Thông qua phát hành trái phiếu, doanh nghiệp có thể vay được từ thị trường một khoản vốn khá lớn với lãi suất thấp hơn lãi suất ngân hàng. Nhờ đó tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sẽ cải thiện đáng kể, doanh nghiệp sẽ có thêm tiền để đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tuy nhiên, trái phiếu không hề đơn giản, bởi nó có rất nhiều loại, tùy từng trường hợp, tùy từng hoàn cảnh sẽ có nhiều loại trái phiếu khác nhau. Một vài công ty phát hành trái phiếu có quyền rút trước hạn (redemption privilege) với thời biểu là bội số của một năm, 6 tháng hay 2 năm...

Bài viết này sẽ trình bày một số loại trái phiếu chính để từ đó các doanh nghiệp có thể biết được những ưu nhược điểm cũng như những đặc trưng của các trái phiếu.

Trái phiếu kèm quyền đòi nợ trước hạn (option bonds or put bonds): là những trái phiếu dài hạn cho phép người sở hữu thanh toán trái phiếu trước hạn theo mệnh giá của trái phiếu vào thời điểm tròn một năm sau ngày phát hành hay vào đúng ngày này vào mỗi năm tiếp theo. Thời biểu thanh toán trước hạn có thể rất khác nhau.

Trái phiếu đăng ký vốn gốc (registered as to principal only): Trái phiếu đăng ký vốn là trái phiếu lãi suất có phần vốn được đăng ký theo tên của người sở hữu trái phiếu còn phần phiếu lãi suất đính kèm dưới dạng vô danh (bearer form). Bất kỳ ai cầm phiếu lãi suất này đều có thể bán lại hay được hưởng lãi suất ghi trên phiếu (the coupon is negotiable and payable to the bearer) còn phần vốn đã đăng ký thì chỉ có thể do chính người đăng ký trái phiếu chuyển nhượng (registered portion is transferable only by the holder of record). Trái phiếu đăng ký vốn gốc và lãi suất (registered as to principal and interest): là trái phiếu không có phần phiếu lãi suất đính kèm (with no coupon attached). Cả vốn và lãi chỉ trả cho người sở hữu trái phiếu theo một thời hạn nhất định (payable to the bondholder at specified dates). Do khả năng chuyển nhượng (transferable aspect) hạn chế nên giá thị trường của trái phiếu đăng ký thấp hơn trái phiếu đính kèm lãi suất tương ứng.

Trái phiếu kèm phiếu lãi suất (coupon bonds): là những công cụ trái phiếu vô danh tương đương một đơn vị tiền tệ (bearer instruments similar to a monetary unit). Quyền hưởng lãi suất thuộc về bất kỳ người nào cầm phiếu lãi suất và việc trả lãi được thực hiện khi xuất trình phiếu lãi suất này (the interest is payable upon presentation of the coupon). Các quyền lợi của trái phiếu kèm phiếu lãi suất được chuyển nhượng thông qua việc giao trái phiếu cho người mua. Phiếu lãi suất đi kèm trái phiếu ghi rõ những chi tiết như: tên người phát hành (name of the issuer), số trái phiếu (bond number), số seri (serial number).

Trái phiếu chuyển đổi (convertible bonds): là trái phiếu mà người sở hữu có thể đem đổi thành loại chứng khoán khác do cùng một công ty phát hành. Các trái phiếu này thường được đổi thành các cổ phần thường (common shares) hoặc đôi khi thành các cổ phần ưu đãi (preferred stock) của công ty phát hành trái phiếu.

Trái phiếu chuyển đổi có thể được công ty thu hồi trước hạn (the bond may be called). Lãi suất giảm có thể dẫn đến việc trái phiếu được thu hồi trước hạn do công ty phát hành muốn thay khoản nợ của mình bằng một khoản vay khác với lãi suất thấp hơn. Trái phiếu chuyển đổi có các loại như sau:

- Trái phiếu chuyển đổi có thể thu hồi trước hạn (callable convertible bonds);
- Trái phiếu chuyển đổi theo điều khoản của quỹ thanh toán nợ (convertible bonds with a sinking fund provision). Điều khoản này cho phép công ty phát hành trái phiếu thu hồi trước hạn một số trái phiếu nhất định mỗi năm;
- Trái phiếu chuyển đổi có tỷ lệ chuyển đổi khác nhau (convertible bonds with a variable conversion ratio). Đối với trái phiếu này số cổ phần thường mà trái phiếu có thể đổi được khác nhau theo từng thời điểm trong thời hạn trái phiếu.
- Trái phiếu chuyển đổi có lãi suất liên quan với lợi tức cổ phần thường (convertible bonds with an interest rate linked to the dividend rate on the common). Khi lãi suất được điều chỉnh, lãi suất trái phiếu tính trung bình hàng năm sẽ luôn cao hơn lợi tức cổ phần thường.

Trái phiếu bất động sản (real estate bonds): Trái phiếu bất động sản có lãi suất bình thường cộng với một tỷ lệ tăng giá trị bất động sản nhất định.

Trái phiếu ổn định (stabilized bonds): là một loại trái phiếu có phương thức thanh toán nợ dựa trên sức mua của đồng USD. Khi phát hành trái phiếu, công ty cam kết sẽ trả hết bằng một khoản tiền tương đương với sức mua của đồng USD vào thời điểm trái phiếu

đến hạn nợ. Mục đích của trái phiếu này nhằm ổn định giá trị của khoản nợ bằng cách tính toán tất cả các yếu tố kinh tế sao cho giá trị của khoản nợ tính theo sức mua của đồng USD tại thời điểm trái phiếu đến hạn ngang bằng với thời điểm phát hành. Do việc áp dụng một trái phiếu với tính chất như vậy rất khó thể hiện nên trái phiếu ổn định không phổ biến lắm trên thị trường.

Trái phiếu vàng (gold bonds): Trái phiếu vàng là một loại trái phiếu thanh toán bằng tiền vàng (payment is made in gold coins). Trước năm 1993, hầu hết các trái phiếu đều có khả năng thanh toán bằng vàng như là một loại tiền hợp pháp (lawful money) của nước Mỹ. Sau đó quốc hội Mỹ đã huỷ bỏ loại trái phiếu này khi đưa ra các trái phiếu "tiền tệ" khác (currency bonds). Hiện nay, mọi trái phiếu ở Mỹ đều được thanh toán bằng đồng tiền pháp định của nước này .

Trái phiếu vĩnh viễn (perpetual bonds): Đây là trái phiếu không có ngày đáo hạn. Loại trái phiếu này thường được thực hiện trả nợ tùy theo lựa chọn của công ty phát hành. Loại trái phiếu này không phổ biến ở Mỹ, nhưng cũng phổ biến ở một số nước như Anh Quốc (công trái hợp nhất - Consols), ở Pháp (Công trái thực lợi - Rentes).

Trái phiếu uỷ thác thế chấp (collateral trust bonds): Trái phiếu uỷ thác thế chấp là trái phiếu được đảm bảo bằng quyền giữ tài sản thế chấp của một loạt các chứng khoán nợ khác do người nhận tín thác (trustee) hay một công ty tín thác (trust company) nắm giữ. Loại trái phiếu này thường do một công ty mẹ (holding company) phát hành trên cơ sở thế chấp các chứng khoán của một công ty con (subsidiary company).

Chứng chỉ người tiếp quản (receivers certificates): Chứng chỉ này do người tiếp quản (receiver) một công ty đang trong tình trạng phá sản phát hành nhằm cấp vốn cho hoạt động (provide funds for operation) bảo vệ tài sản còn lại của công ty. Đây là các giấy nhận nợ ngắn hạn (short term notes) được tòa án chấp thuận (authorized by the Court). Những trái phiếu này rất dễ gặp rủi ro và phụ thuộc vào uy tín chung của công ty.

Trái phiếu mua bất động sản (purchase money bonds): Trái phiếu này chủ yếu sử dụng để mua bất động sản (used for real estate purposes) mặc dù người ta cũng có thể sử dụng chúng trong việc huy động vốn. Một tài sản được sử dụng như tiền mặt do bên mua (purchaser of real estate) thế chấp cho bên bán (seller of real estate) nhằm mục đích đảm bảo đối ứng (consideration) với giá trị bất động sản đã bán trên sổ sách kế toán. Trái phiếu phát hành được đảm bảo bằng tài sản thế chấp nói trên (the bond secured by the mortgage). Số tiền thu được từ việc bán trái phiếu được sử dụng để thanh toán tiền mua bất động sản. Trong trường hợp huy động vốn thì trái phiếu loại này thường được phát hành bởi công ty đang trong tình trạng sắp bị công ty khác "thôn tính". Trái phiếu này sẽ được bảo đảm bằng số cổ phần đang bị công ty thôn tính tiến hành.

Trái phiếu chuyển tiếp (interim bonds) : Trái phiếu chuyển tiếp là các chứng chỉ trái phiếu tạm thời (tempoary bond certificates) và có thể được chuyển đổi thành trái phiếu có kỳ hạn xác định (exchangeable into definitive ones). Trong thời gian bảo lãnh phát hành (time of underwriting), nếu không có sẵn các trái phiếu dài hạn (permanent bond certificates) thì công ty thường phát hành trái phiếu tạm thời.

Trái phiếu gia hạn (extended bonds): Trong trường hợp không có đủ nguồn tài chính cần thiết (necessay funds) để thu hồi (to redeem) trái phiếu khi đến hạn công ty có thể lựa chọn hình thức trì hoãn thời hạn thanh toán (postpone the maturity of the bonds) mà không cần phải thay đổi chứng khoán hay các điều khoản khác của hợp đồng trái phiếu

bằng cách sử dụng trái phiếu gia hạn (using extended bonds). Trái phiếu loại này có ghi rõ quyền kéo dài thời hạn thanh toán trái phiếu của công ty.

Trái phiếu chi nhánh (divisional bonds): Trái phiếu chi nhánh rất phổ biến trong ngành công nghiệp đường sắt, ở đây nghĩa vụ trả nợ của trái phiếu thuộc về các chi nhánh hay các đơn vị trực thuộc hệ thống đường sắt. Ban đầu trái phiếu này có thể là trái phiếu của một công ty mà sau đó bị một công ty khác thôn tính. Sau khi chiếm hữu được công ty con, công ty mẹ (parent company) không can thiệp vào số trái phiếu này và gọi chúng là trái phiếu chi nhánh (divisional bonds) hay trái phiếu công ty con (sectional bonds).

Trái phiếu dự tính (assumed bonds): Khi thôn tính công ty khác bằng hình thức trao đổi cổ phiếu, một công ty thường dự tính (assumed) trước các khoản nợ và tài sản nợ (obligations and liabilities) của công ty đang bị chiếm hữu. Sau đó công ty mẹ (tức là công ty thôn tính) sẽ phát hành các trái phiếu theo dự tính nói trên. Bởi vậy trái phiếu này được gọi là trái phiếu dự tính.

Trái phiếu liên kết (joint bonds): Trái phiếu liên kết do hai công ty hay nhiều hơn cùng chịu trách nhiệm thanh toán (joint bonds are the joint obligations of two or more companies). Các trái phiếu này thông thường được bảo đảm bằng các tài sản khác nhau (secured by different assets) của những công ty liên kết nói trên. Trái phiếu này rất phổ biến trong lĩnh vực đường sắt khi một vài công ty muốn huy động vốn bằng hình thức phát hành trái phiếu để tài trợ cho những thiết bị chung như cầu cống, các sân ga.

Trái phiếu được bảo đảm hay trái phiếu ký hậu (guaranteed bonds or indorsed bonds): Đây là trái phiếu mà việc thanh toán cả vốn và lãi (payment of principal and interest) được bảo đảm bởi một công ty khác (guaranteed by another company) chứ không phải là người phát hành. Loại trái phiếu này thường được sử dụng phổ biến trong ngành công nghiệp nói chung cũng như ngành đường sắt nói riêng khi một công ty được hưởng lợi từ công ty phát hành trái phiếu đứng ra đảm bảo việc thanh toán trái phiếu cho công ty này.

Trái phiếu dự phần (participating bonds): Trái phiếu dự phần là trái phiếu cho phép người sở hữu cơ hội được hưởng một phần lợi nhuận từ công việc kinh doanh của công ty phát hành.

Trái phiếu tổng hợp (consolidated bonds): Trái phiếu tổng hợp là trái phiếu được bảo đảm bằng việc thế chấp tổng hợp một nhóm các tài sản (secured by a combined mortgage of a group of properties), trong trường hợp này gọi là trái phiếu thế chấp tổng hợp (consolidated mortgage bonds). Trái phiếu tổng hợp còn là tên gọi của một trái phiếu được tạo ra bằng cách tổng hợp một nhóm các trái phiếu khác của một công ty.

Trái phiếu mệnh giá Đôla (Dollar-denominated foreign bonds) được phát hành tại Mỹ bởi những công ty nước ngoài. Thông lệ giao dịch (trading practice) đối với loại trái phiếu này cũng giống như đối với các trái phiếu công ty Mỹ. Trái phiếu đảm bảo bằng hàng hóa (Commodity-backed bonds) là những trái phiếu công ty được phát hành với mệnh giá gắn với giá của một số hàng hóa nhất định.

Trái phiếu lãi suất thả nổi hoặc điều chỉnh (Floating rate or variable rate bonds) là loại trái phiếu với lãi suất được điều chỉnh theo từng thời.

Đừng quên tiếp cận thông tin trong đầu tư chứng khoán

Rất nhiều nhà đầu tư khi đã quyết định mua cổ phiếu của một công ty cổ phần rồi, vẫn còn chưa biết rõ về công ty đó. Một số còn tệ hơn nữa là chỉ mới nghe nói tới là công ty đó nghe đồn là tốt, mà không có một nỗ lực nào để tìm hiểu cho biết đích xác. Có nhiều nhà đầu tư còn nói là không có cách nào để tiếp cận lấy được thông tin của công ty đó, và có mà không hiểu gì cả.

Nhà đầu tư nào cũng mong muốn kế hoạch đầu tư của mình được thành công, đem lại lợi nhuận cao. Để thực hiện điều đó đòi hỏi các nhà đầu tư khả năng đánh giá và phân tích.

Rất nhiều nhà đầu tư khi đã quyết định mua cổ phiếu của một công ty cổ phần rồi, vẫn còn chưa biết rõ về công ty đó. Một số còn tệ hơn nữa là chỉ mới nghe nói tới là công ty đó nghe đồn là tốt, mà không có một nỗ lực nào để tìm hiểu cho biết đích xác. Có nhiều nhà đầu tư còn nói là không có cách nào để tiếp cận lấy được thông tin của công ty đó, và có mà không hiểu gì cả. Nếu vậy chỉ có một lời khuyên duy nhất là bạn nên nhờ một công ty tư vấn nào có uy tín để giúp nhà đầu tư và giải thích cận kề cho họ về công ty bạn dự định đầu tư. Còn nếu nhà đầu tư là người muốn tìm hiểu kỹ về một công ty cổ phần trước khi đầu tư thì cần phải tìm hiểu công ty đó qua các lĩnh vực sau đây:

1. Doanh thu của công ty có tăng không?

Nếu tăng thì tăng theo mức độ nào. Doanh số này sẽ căn cứ vào hoạt động chính của công ty, chứ không thể căn cứ vào các hoạt động phụ như đầu tư tài chính hay địa ốc của công ty.

2. Lợi nhuận trước thuế và sau thuế:

Lợi nhuận này bắt buộc tăng theo doanh số của công ty. Nếu doanh số tăng mà lợi nhuận không tăng! Hãy coi chừng vì chi phí của công ty quá nhiều, nên lợi nhuận không thể tăng được. Đây là dấu hiệu xấu cho công ty cổ phần. Như vậy bạn cần phải xét tới lợi nhuận biên (profit margin) của chính công ty đó, trước khi có quyết định đầu tư.

3. Sản phẩm và thị phần của công ty đó:

Đầu tư vào một công ty có nghĩa là đóng góp tiền vào một công ty đó để sản xuất hay cung cấp dịch vụ, bạn cần phải hiểu rõ về sản phẩm này hiện nay có phải thế mạnh của công ty không? Và sản phẩm này đã chiếm được bao nhiêu thị phần trên thị trường. Thông thường bạn nên chọn những công ty hàng đầu của một lĩnh vực sản xuất nào đó. Bởi vì công ty hàng đầu có lợi thế về kinh doanh hơn nhiều so với các công ty đứng hàng thứ hai thứ ba... Như vậy yếu tố thị phần cần được chú ý.

4. Chiến lược kinh doanh của công ty: trong hiện tại và tương lai.

Theo mức đánh giá của bạn thì chiến lược này có khả thi không? Một khi chiến lược công ty sai sẽ làm cho công ty bị thua lỗ, và bạn sẽ là nạn nhân của công ty khi giá cổ phiếu đi xuống.

5. Thành phần Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc công ty có thực sự giỏi hay không? Nếu không thì bạn đã đưa tiền để đầu tư nhầm công ty rồi đó!

6. P/E:

Tỷ lệ giá thị trường/tiền lời công ty có quá cao không? Nếu tỷ lệ này cao thì rủi ro cho bạn càng nhiều. Cần phải chú ý, tỷ lệ thấp thì tốt hơn

7. Mức trả cổ tức của công ty như thế nào?

Bạn cần hoạch định lại chiến lược của bạn, mua cổ phiếu để nhận cổ tức hay mua cổ phiếu để kiếm chênh lệch giá?

8. Các công ty đối thủ đối với công ty bạn định đầu tư như thế nào? Mạnh hơn? Yếu hơn? Giỏi hơn? Sản phẩm tốt hơn và giá bán rẻ hơn? Bạn cần phải áp dụng đúng câu nói trong binh pháp Tôn Tử “Biết người biết ta, trăm trận trăm thắng”.

9. Số lượng cổ phiếu của công ty bạn đầu tư nhiều hay ít? Nếu ít sẽ lợi và hại về điểm nào? Nếu công ty có nhiều cổ phiếu thì lợi và hại ở điểm nào?

10. Cuối cùng là thành phần cổ đông của công ty mà bạn muốn đầu tư là ai? Các nhà đầu tư tài chính? Các nhà đầu tư có tổ chức? Các nhà đầu tư nhỏ? Công ty giữ một số lớn cổ phiếu.

Những yếu tố này rất quan trọng cho giá thị trường của cổ phiếu. Một nguyên tắc là nếu cổ đông là pháp nhân giàu có đầu tư vào công ty đó thì sẽ ảnh hưởng rất mạnh tới giá cổ phiếu, hơn là những nhà đầu tư lẻ tẻ, ít tiền.

** Thị trường chứng khoán: Giá trị của thông tin*

Thị trường chứng khoán sôi động là nhờ có thông tin. Nhưng cũng nên xem lại có những loại thông tin nào và đã được sử dụng như thế nào?

Chỉ trong vòng chưa đầy một năm, số tài khoản đăng ký tại các công ty chứng khoán đã tăng gấp đôi, từ khoảng 30.000 lên 60.000 tài khoản với hơn 13 triệu cổ phiếu các loại. Ước tính có hơn 90% số tài khoản là của các cá nhân. Thị trường rất sôi động.

Ai có đủ thông tin?

Nhà vật lý lượng tử nổi tiếng người Đan Mạch, Niels Bohr, đã đóng góp một luận điểm lý thú về thị trường chứng khoán:

Trong số những người chơi chứng khoán, nhóm thứ nhất là những người hoàn toàn không có thông tin, chỉ “nhắm mắt” mua bán. Theo lý thuyết xác suất ngẫu nhiên, bình quân lâu hoặc lâu của nhóm này đúng bằng của bình quân thị trường.

Nhóm thứ hai là những người có thông tin riêng từ bên trong (còn gọi là thông tin nội gián), họ sẽ thu được siêu lợi nhuận. Nhưng nếu nhóm thứ nhất lãi hoặc lỗ theo bình quân thị trường, thì khoản siêu lợi nhuận này có từ đâu?

Đó chính là khoản lỗ của nhóm thứ ba, những người có thông tin nhưng không đầy đủ.

Kết luận của Niels Bohr là: khi không chắc mình thuộc nhóm thứ hai thì thà ở nhóm thứ nhất còn hơn. Nhưng trên thực tế, ít ai chịu chấp nhận điều đó.

Có lẽ trên thị trường Việt Nam khá nhiều người thuộc nhóm thứ ba mà vẫn đinh ninh tin là mình đang ở nhóm thứ hai. Còn những người thực sự thuộc nhóm thứ hai? Ít người biết đến họ. Không lớn tiếng bình luận, họ lặng lẽ thu lợi từ những biến động mà họ đã biết trước, thậm chí do chính họ tạo ra.

Mỗi người xử lý thông tin theo cách riêng

Có thể tạm phân loại các nhà đầu tư (hay người chơi) theo các thể loại như sau:

Thứ nhất, đó là những nhà đầu tư phân tích rất kỹ mọi thông tin về công ty phát hành cổ phiếu, về công nghệ, về thị trường đầu vào và đầu ra, về các đối thủ cạnh tranh. Họ quyết định đầu tư theo thực chất của công ty. Đây là những nhà đầu tư biết bỏ tiền vào những công ty có triển vọng tốt, vì vậy họ giúp cho nền kinh tế phát triển tốt hơn.

Loại thứ hai, nghiên cứu rất kỹ thông tin của chứng khoán để thấy giá bình quân trong một thời gian dài. Khi giá tăng lên trên bình quân, họ tin là giá sẽ xuống, nên họ bán ra. Nhờ có nhiều người bán ra nên giá xuống. Ngược lại, khi giá xuống dưới mức bình quân, họ tin là giá sẽ lên, vậy là họ đi mua vào. Nhờ hành động mua vào mà giá lên. Như vậy, nhóm này góp phần làm ổn định thị trường.

Loại thứ ba lại có tâm lý ngược lại. Khi thấy giá một cổ phiếu lên, họ giả định là ngày mai sẽ lên nữa. Họ đổ xô đi mua. Vì họ đi mua mà giá càng lên. Một khi giá xuống, họ lại giả định ngày mai sẽ xuống nữa, vậy là vội vàng đi bán. Vì nhiều người bán mà giá đã xuống lại càng xuống. Nhóm thứ ba này thúc đẩy sự bất ổn định của thị trường.

Loại thứ tư là những người đầu tư theo bình quân thị trường. Họ mua một tập hợp rất nhiều loại chứng khoán khác nhau, tin là có thứ này xuống thì có thứ khác lên. Vị thế của họ tùy thuộc vào biến động của chung thị trường mà ít phụ thuộc vào một vài cổ phiếu cụ thể nào.

Loại thứ năm là những nhà đầu tư tập trung mua cổ phiếu của một công ty nhằm đến khi có thể đạt một phần kiểm soát công ty đó. Họ gần như “chung thủy” dài hạn với công ty đó và ít quan tâm đến những biến động nhất thời theo tâm lý thị trường.

Loại thứ sáu là những nhà đầu cơ rất ngắn hạn. Họ mua vào bán ra liên tục hàng ngày theo tin đồn nhanh, có khi sáng mua trưa bán. Thị trường gọi nhóm này là “gây nhiễu”.

Tất nhiên không phải ai cũng kiên định theo một cách hành xử đã chọn. Và ranh giới giữa các loại trên không phải bao giờ cũng rõ ràng. Nhưng nếu quan sát thị trường thời gian qua, có thể thấy không ít người thuộc loại thứ ba và loại thứ sáu.

Có nhiều loại thông tin

Có những lời tư vấn của những tổ chức chuyên môn, họ kinh doanh bằng cách đưa ra những lời tư vấn. Tuy nhiên, họ lại rất dè dặt trong những tình huống nhạy cảm. Thông thường họ không đưa ra những khẳng định chắc chắn vì phải lo cho uy tín của mình.

Có những thông tin của các công ty phát hành ra chứng khoán. Theo luật, những thông tin này phải được qua kiểm toán nên độ tin cậy khá tốt. Tuy nhiên, khi mà thị trường đang sốt thì ít ai để ý nhiều đến những thông tin này. Mà khả năng hiểu hết được những thông tin này không phải ai cũng có.

Có những thông tin của những cơ quan quản lý có nhiệm vụ chăm lo sự phát triển ổn định của thị trường. Ngày 31/3 và 3/4/2006, Ủy ban Chứng khoán đã có hai văn bản, gửi các trung tâm giao dịch chứng khoán và gửi Ngân hàng Nhà nước. Cả hai đều nhắc nhở về những rủi ro tiềm ẩn của thị trường và khuyến nghị các nhà đầu tư thận trọng.

Có những tin đồn trên thị trường mà chẳng biết từ đâu ra. Tất nhiên, những người tung ra tin này chẳng phải chịu trách nhiệm. Cũng chẳng loại trừ những tin đồn đưa ra với chủ đích đẩy giá lên hay kéo giá xuống.

Cuối cùng là những thông tin từ báo chí. Đó là những thông tin có địa chỉ xác thực của những người phải chịu trách nhiệm trước luật pháp về nội dung đăng tải. Hoặc báo chí đưa ra những thông tin có nguồn gốc rõ ràng. Hoặc báo chí đưa ra những lời cảnh báo cho những người chơi mà không biết thông tin.